

CÔNG TY TNHH PHÚ QUANG

-----o0o-----

**BÁO CÁO ĐỀ XUẤT
CẤP GIẤY PHÉP MÔI TRƯỜNG
CỦA CƠ SỞ
NHÀ MÁY SẢN XUẤT MÚT XỐP CÁC LOẠI**

**Địa chỉ: Lô số 100 và 101, khu chế xuất và công nghiệp Linh Trung III,
phường An Tịnh, Thị xã Trảng Bàng, tỉnh Tây Ninh, Việt Nam**

*(Báo cáo đã được chỉnh sửa, bổ sung theo công văn số 1175/STNMT-PBVM
ngày 26/02/2025 của Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Tây Ninh)*

Thị xã Trảng Bàng, Tháng 04 Năm 2025

CÔNG TY TNHH PHÚ QUANG



**BÁO CÁO ĐỀ XUẤT
CẤP GIẤY PHÉP MÔI TRƯỜNG
của cơ sở**

**NHÀ MÁY SẢN XUẤT MÚT XÓP
CÁC LOẠI**

**Địa chỉ: Lô số 100 và 101, khu chế xuất và công nghiệp Linh Trung III,
phường An Tịnh, Thị xã Trảng Bàng, tỉnh Tây Ninh, Việt Nam**

**CHỦ CƠ SỞ
CÔNG TY TNHH PHÚ QUANG**



Park Chung Up

Thị xã Trảng Bàng, tháng 11 năm 2024

MỤC LỤC

MỤC LỤC	i
DANH MỤC CÁC TỪ VÀ CÁC KÝ HIỆU VIẾT TẮT	iv
DANH MỤC CÁC BẢNG	v
DANH MỤC CÁC HÌNH.....	vi
Chương I	7
THÔNG TIN CHUNG VỀ CƠ SỞ.....	7
1.1 Tên chủ cơ sở:	7
1.2 Tên cơ sở:.....	7
1.3 Công suất, công nghệ, sản phẩm sản xuất của cơ sở.....	8
1.3.1 Công suất hoạt động của cơ sở:.....	8
1.3.2 Công nghệ sản xuất của cơ sở:.....	9
1.3.3 Sản phẩm của cơ sở:	14
1.4 Nguyên liệu, nhiên liệu, vật liệu, phế liệu, điện năng, hóa chất sử dụng, nguồn cung cấp điện, nước của cơ sở:	14
1.4.1 Nguyên vật liệu:	14
1.4.2 Nguồn cung cấp nước của cơ sở:.....	15
1.4.3 Nguồn cung cấp điện của cơ sở:	16
1.5 Các thông tin khác liên quan đến cơ sở (nếu có):	16
1.5.1. Vị trí địa lý của cơ sở.....	16
1.5.2. Các hạng mục công trình của cơ sở	18
1.5.3. Nhu cầu máy móc thiết bị	19
1.5.4. Nhu cầu sử dụng lao động	20
Chương II	21
SỰ PHÙ HỢP CỦA CƠ SỞ VỚI QUY HOẠCH, KHẢ NĂNG CHỊU TẢI CỦA MÔI TRƯỜNG.....	21
2.1 Sự phù hợp của cơ sở với quy hoạch bảo vệ môi trường quốc gia, quy hoạch tỉnh, phân vùng môi trường (nếu có):	21
2.2. Sự phù hợp của dự án đầu tư đối với khả năng chịu tải của môi trường.....	23
Chương III.....	25
KẾT QUẢ HOÀN THÀNH CÁC CÔNG TRÌNH, BIỆN PHÁP BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG CỦA CƠ SỞ.....	25
3.1 Công trình, biện pháp thoát nước mưa, thu gom và xử lý nước thải	25
3.1.1 Thu gom, thoát nước mưa:	25
3.1.2 Thu gom, thoát nước thải	26
3.1.3 Xử lý nước thải	28

3.2 Công trình, biện pháp xử lý khí thải.....	29
3.2.1 Nguồn phát sinh khí thải	29
3.2.2 Công trình, biện pháp thu gom bụi, khí thải	29
3.2.2.1. Hơi dung môi phát sinh từ quá trình dán keo, ép nóng trong sản xuất nút xốp	29
3.2.2.2. Bụi tại kho nguyên liệu và kho thành phẩm	32
3.2.2.3. Bụi, khí thải từ hoạt động của các phương tiện vận chuyển.....	32
3.3 Công trình lưu giữ, xử lý chất thải rắn thông thường	33
3.3.1 Đối với chất thải rắn sinh hoạt	33
3.3.2 Đối với chất thải rắn công nghiệp thông thường	34
3.4 Công trình, biện pháp lưu giữ, xử lý chất thải nguy hại	35
3.5 Công trình, biện pháp giảm thiểu tiếng ồn và độ rung	36
3.6 Phương án phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường	37
3.6.1 Sự cố cháy nổ	37
3.6.2. Biện pháp phòng ngừa sự cố hệ thống xử lý khí thải.....	38
3.6.3. Biện pháp phòng ngừa, ứng phó sự cố tràn đổ, rò rỉ hóa chất	39
3.6.4. Biện pháp phòng ngừa, ứng phó sự cố đối với chất thải.....	41
3.7 Các công trình, biện pháp bảo vệ môi trường khác.....	42
3.8. Các nội dung thay đổi so với quyết định phê duyệt kết quả thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường (nếu có):.....	44
3.9. Các nội dung thay đổi so với giấy phép môi trường đã được cấp (khi đề nghị cấp lại giấy phép môi trường quy định tại Nghị định này)	44
3.10. Kế hoạch, tiến độ, kết quả thực hiện phương án cải tạo, phục hồi môi trường, phương án bồi hoàn đa dạng sinh học (nếu có):	44
Chương IV	45
NỘI DUNG ĐỀ NGHỊ CẤP GIẤY PHÉP MÔI TRƯỜNG.....	45
4.1 Nội dung đề nghị cấp phép đối với nước thải:	45
4.2 Nội dung đề nghị cấp phép đối với khí thải:	45
4.3 Nội dung đề nghị cấp phép đối với tiếng ồn, độ rung:.....	46
Chương V	47
KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG VÀ TÌNH HÌNH THỰC HIỆN CÔNG TÁC BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG CỦA CƠ SỞ.....	47
5.1. Thông tin chung về tình hình thực hiện công tác bảo vệ môi trường:.....	47
5.2. Kết quả hoạt động của công trình xử lý nước thải:.....	48
5.3. Kết quả hoạt động của công trình xử lý bụi, khí thải:	50
5.4. Kết quả thu gom, xử lý chất thải (đối với cơ sở thực hiện dịch vụ xử lý chất thải)	53

5.5. Kết quả nhập khẩu và sử dụng phế liệu nhập khẩu làm nguyên liệu sản xuất (đối với cơ sở sử dụng phế liệu nhập khẩu làm nguyên liệu sản xuất):	53
5.6. Tình hình phát sinh, xử lý chất thải:	53
5.7. Kết quả kiểm tra, thanh tra về bảo vệ môi trường đối với cơ sở:	53
Chương VI	54
KẾ HOẠCH VẬN HÀNH THỬ NGHIỆM VÀ CHƯƠNG TRÌNH QUAN TRẮC MÔI TRƯỜNG CỦA CƠ SỞ.....	54
6.1 Kế hoạch vận hành thử nghiệm công trình xử lý chất thải	54
6.2 Chương trình quan trắc chất thải (tự động, liên tục và định kỳ) theo quy định của pháp luật 55	
6.2.1 Chương trình quan trắc môi trường định kỳ	55
6.2.2 Chương trình quan trắc tự động, liên tục chất thải:	56
6.2.3 Hoạt động quan trắc môi trường định kỳ, quan trắc môi trường tự động, liên tục khác theo quy định của pháp luật có liên quan hoặc theo đề xuất của chủ cơ sở.	56
6.3 Kinh phí thực hiện quan trắc môi trường hằng năm.....	56
Chương VII	57
CAM KẾT CỦA CHỦ CƠ SỞ	57
PHỤ LỤC BÁO CÁO.....	59

DANH MỤC CÁC TỪ VÀ CÁC KÝ HIỆU VIẾT TẮT

BOD	: Nhu cầu oxy sinh học
BQL	: Ban quản lý
BTCT	: Bê tông cốt thép
BTNMT	: Bộ Tài nguyên và Môi trường
CB-CNV	: Cán bộ công nhân viên
COD	: Nhu cầu oxy hóa học
CTCN	: Chất thải công nghiệp
CTNH	: Chất thải nguy hại
CTR	: Chất thải rắn
HTXL	: Hệ thống xử lý
HTXLNT	: Hệ thống xử lý nước thải
KCN	: Khu công nghiệp
NĐ - CP	: Nghị định - Chính phủ
PCCC	: Phòng cháy chữa cháy
QCVN	: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia
QĐ	: Quyết định
TNHH	: Trách nhiệm hữu hạn
TSS	: Chất rắn lơ lửng
UBND	: Ủy ban nhân dân

DANH MỤC CÁC BẢNG

Bảng 1 Các pháp lý đã được cấp của cơ sở	8
Bảng 2 Công suất sản xuất của cơ sở.....	8
Bảng 3 Nguyên vật liệu sử dụng của cơ sở.....	14
Bảng 4 Lượng nước sử dụng hiện tại của cơ sở	15
Bảng 5 Tổng hợp nhu cầu sử dụng nước hiện tại khi chưa nâng công suất	15
Bảng 6 Lượng điện sử dụng hiện tại của cơ sở.....	16
Bảng 7 Tọa độ địa lý giới hạn của cơ sở.....	17
Bảng 8 Danh mục các hạng mục công trình chính của cơ sở	18
Bảng 9 Danh sách máy móc phục vụ hoạt động sản xuất	19
Bảng 10 Thống kê các loại chất thải nguy hại xin cấp phép	35
Bảng 11 Biện pháp phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường khác.....	43
Bảng 12 Chất lượng khí thải trước khi xả vào môi trường.....	45
Bảng 13 QCVN về tiếng ồn áp dụng trong giai đoạn hoạt động	46
Bảng 14 QCVN về độ rung áp dụng trong giai đoạn hoạt động.....	46
Bảng 15 Tổng lưu lượng nước thải của cơ sở.....	48
Bảng 16 Kết quả nước thải tại hồ ga cuối năm 2022.....	49
Bảng 17 Kết quả nước thải tại hồ ga cuối năm 2023	49
Bảng 18 Kết quả đo đặc chất lượng không khí tại khu vực nhà xưởng năm 2022.....	50
Bảng 19 Kết quả đo đặc yếu tố môi trường tại khu vực nhà xưởng năm 2022	50
Bảng 20 Kết quả đo đặc chất lượng không khí tại khu vực cổng bảo vệ năm 2022	51
Bảng 21 Kết quả đo đặc chất lượng không khí tại khu vực nhà xưởng năm 2023.....	51
Bảng 22 Kết quả đo đặc yếu tố môi trường tại khu vực nhà xưởng năm 2023	51
Bảng 23 Kết quả đo đặc chất lượng không khí tại khu vực cổng bảo vệ năm 2023	52
Bảng 24 Thống kê khối lượng từng loại chất thải phát sinh.....	53
Bảng 25 Kinh phí thực hiện quan trắc môi trường hằng năm	56

DANH MỤC CÁC HÌNH

Hình 1 Quy trình công nghệ sản xuất Mút xốp (PE Foam)	9
Hình 2 Quy trình sản xuất bao bì plastic	12
Hình 3 Vị trí tọa độ của cơ sở	17
Hình 4 Sơ đồ thoát nước mưa của cơ sở	25
Hình 5 Hình ảnh hệ thống thoát nước mưa.....	26
Hình 6 Sơ đồ quy trình thu gom nước thải	27
Hình 7 Sơ đồ bể tự hoại 3 ngăn	28
Hình 8 Hình ảnh hố ga thu gom nước thải sau xử lý	29
Hình 9 Hệ thống xử lý khí thải	30
Hình 10 Bố trí thiết bị thực tế bên trong xưởng.....	30
Hình 11 Hình ảnh ống khói và sàn thao tác lấy mẫu	32
Hình 12 Sơ đồ quản lý chất thải công nghiệp thông thường	35
Hình 13 Hình ảnh khu vực PCCC.....	38
Hình 14 Khu vực chứa hóa chất	41

Chương I

THÔNG TIN CHUNG VỀ CƠ SỞ

1.1 Tên chủ cơ sở:

CÔNG TY TNHH PHÚ QUANG

- Địa chỉ trụ sở chính: Lô số 100 và 101, Khu chế xuất và công nghiệp Linh Trung III, phường An Tịnh, Thị xã Trảng Bàng, tỉnh Tây Ninh, Việt Nam.

- Người đại diện theo pháp luật: Park Chungup

- Chức vụ: Tổng giám đốc

- Điện thoại: 0663899435

Email: -chungup-@hanmail.net

- Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 3900745635 do Phòng đăng ký kinh doanh – Sở kế hoạch và đầu tư Tỉnh Tây Ninh cấp đăng ký lần đầu ngày 24 tháng 09 năm 2007, đăng ký thay đổi lần thứ 3 ngày 14 tháng 05 năm 2020.

- Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư mã số 4346805878 do Ban quản lý khu kinh tế tỉnh Tây Ninh cấp chứng nhận lần đầu ngày 24 tháng 9 năm 2007, chứng nhận điều chỉnh lần thứ 6 ngày 24 tháng 8 năm 2023.

1.2 Tên cơ sở:

NHÀ MÁY SẢN XUẤT NÚT XÓP CÁC LOẠI

- Địa điểm cơ sở: Lô số 100 và 101, Khu chế xuất và công nghiệp Linh Trung III, phường An Tịnh, Thị xã Trảng Bàng, tỉnh Tây Ninh, Việt Nam.

- Quy mô của cơ sở (phân loại theo tiêu chí quy định của pháp luật về đầu tư công): Tổng vốn đầu tư của cơ sở là 25.840.000.000 đồng. Cơ sở **thuộc nhóm C** theo tiêu chí quy định tại khoản 2, điều 10 của Luật Đầu tư công số 39/2019/QH14 ngày 13/06/2019 (Cơ sở có tổng mức đầu tư dưới 80 tỷ đồng).

- Yếu tố nhạy cảm về môi trường: Cơ sở không có yếu tố nhạy cảm về môi trường.

- Loại hình sản xuất, kinh doanh, dịch vụ: sản xuất, gia công nút xốp các loại và sản xuất bao bì từ plastic.

- Phân nhóm dự án đầu tư: Cơ sở đang hoạt động có tiêu chí về môi trường tương đương với dự án đầu tư **thuộc nhóm III** - nhóm các dự án ít có nguy cơ tác động xấu đến môi trường quy định tại khoản 5 điều 28 Luật Bảo vệ môi trường. Cơ sở thuộc mục I.3 Phụ lục IV Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định 05/2025/NĐ-CP ngày 06/01/2025 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của chính phủ quy định chi tiết một số điều của luật bảo vệ môi trường. Nội dung báo cáo được thực hiện theo biểu mẫu quy định tại Phụ lục X (*Mẫu báo cáo đề xuất cấp, cấp lại giấy phép môi trường của cơ sở đang hoạt động*) Phụ lục kèm theo Nghị định số 05/2025/NĐ-CP.

- Quyết định phê duyệt kết quả thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường; các giấy phép môi trường, giấy phép môi trường thành phần:

+ Quyết định số 163/QĐ-UBND ngày 17 tháng 01 năm 2019 do Ủy ban nhân dân tỉnh Tây Ninh phê duyệt báo cáo đánh giá tác động môi trường Dự án nâng công suất Nhà máy sản xuất Phú Quang của Công ty TNHH Phú Quang.

- Văn bản thẩm định thiết kế xây dựng, các loại giấy phép có liên quan đến môi trường, phê duyệt dự án:

Bảng 1 Các pháp lý đã được cấp của cơ sở

TT	Pháp lý	Số Quyết định/ Công văn	Ngày cấp	Nơi cấp
I	Pháp lý về xây dựng			
1	Giấy phép xây dựng	14.015/GPXD	06/6/2014	Ban quản lý khu kinh tế tỉnh Tây Ninh
2	Giấy phép xây dựng	14.022/GPXD	10/9/2014	Ban quản lý khu kinh tế tỉnh Tây Ninh
II	Pháp lý về PCCC			
1	Giấy chứng nhận thẩm duyệt về PCCC	19/TD-PCCC	25/03/2014	Công an tỉnh Tây Ninh
2	Giấy chứng nhận thẩm duyệt về PCCC	79/TDPCCC-CNCH	06/8/2014	Phòng CS.PCCC&CNCH tỉnh Tây Ninh
3	Giấy chứng nhận thẩm duyệt về PCCC	109/TDPCCC	16/11/2014	Phòng CS.PCCC&CNCH tỉnh Tây Ninh
III	Pháp lý về đất đai			
1	Giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất	GCN: CS03131	25/09/2020	Sở TNMT tỉnh Tây Ninh

(Nguồn: Công ty TNHH Phú Quang)

1.3 Công suất, công nghệ, sản phẩm sản xuất của cơ sở

1.3.1 Công suất hoạt động của cơ sở:

Theo chứng nhận đăng ký đầu tư cho “Nhà máy sản xuất Phú Quang” mã số 4346805878 ngày 24/8/2023 do Ban quản lý khu kinh tế tỉnh Tây Ninh cấp với công suất “Sản xuất và gia công nút xốp các loại quy mô 200 triệu cái/năm (tương đương 1.000 tấn/năm) và sản xuất bao bì từ plastic quy mô 1,36 tấn/năm”.

Theo Quyết định phê duyệt đánh giá tác động môi trường số 163/QĐ-UBND ngày 17/01/2019 do Ủy ban nhân dân tỉnh Tây Ninh cấp với công suất “Sản xuất, gia công nút xốp các loại quy mô 1.000 tấn/năm và sản xuất bao bì plastic quy mô 1,36 tấn/năm”.

Cụ thể công suất sản xuất được phê duyệt và công suất xin cấp phép như sau:

Bảng 2 Công suất sản xuất của cơ sở

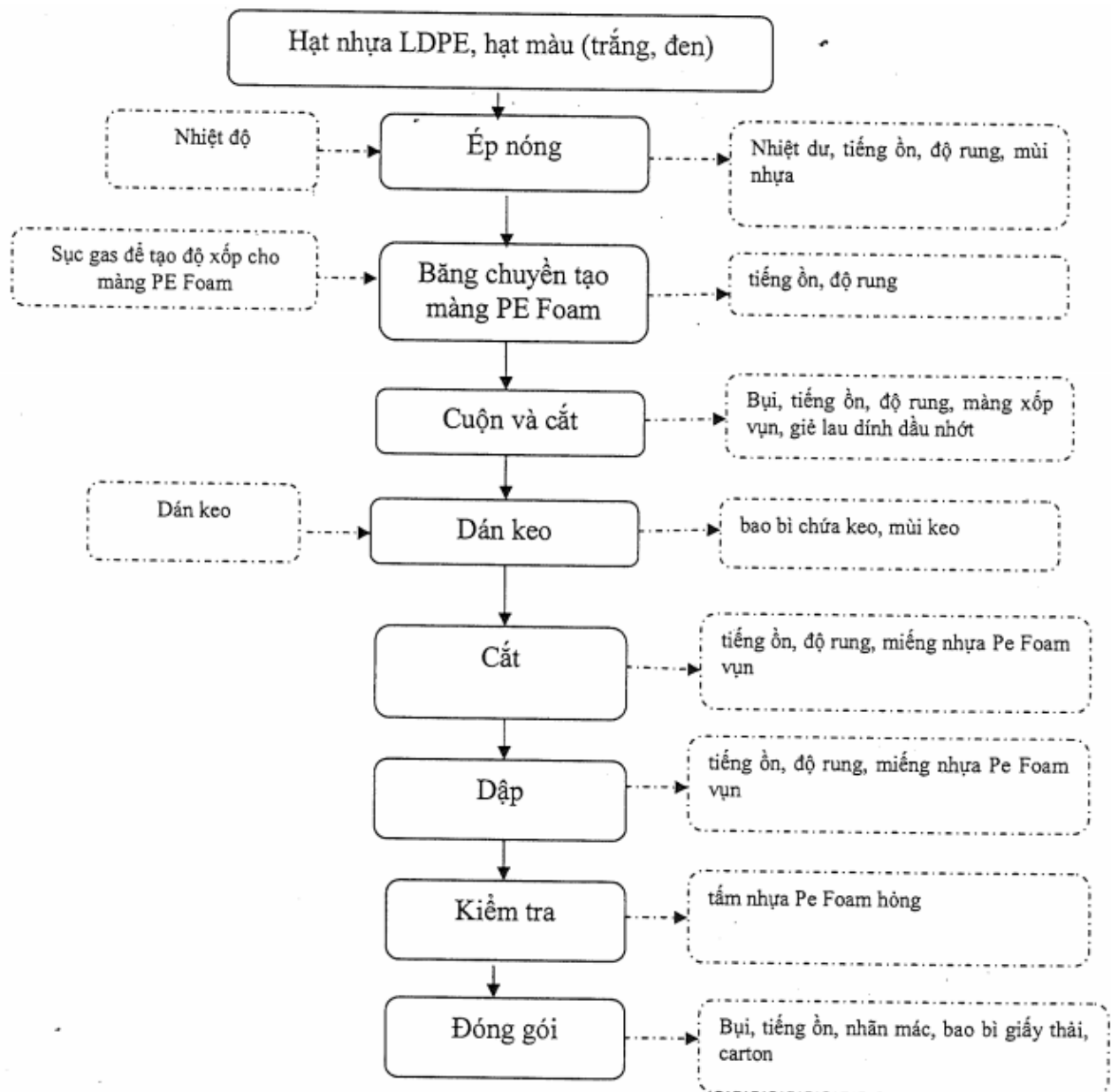
TT	Tên sản phẩm	Công suất được phê duyệt	
----	--------------	--------------------------	--

		Theo CNĐT	Theo HSMT	Công suất xin cấp phép
1	Mút xốp các loại	200 triệu cái/năm $\approx$ 1.000 tấn/năm	1.000 tấn/năm	1.000 tấn/năm
2	Bao bì từ plastic	1,36 tấn/năm	1,36 tấn/năm	1,36 tấn/năm

(Nguồn: Công ty TNHH Phú Quang)

1.3.2 Công nghệ sản xuất của cơ sở:

- Quy trình công nghệ sản xuất Mút xốp (PE Foam)



Hình 1 Quy trình công nghệ sản xuất Mút xốp (PE Foam)

Thuyết minh quy trình sản xuất:

Công đoạn nung nóng

- Nguyên liệu sẽ được bơm trực tiếp vào máy ép nóng. Hỗn hợp nguyên liệu dưới tác dụng của điện năng được làm nóng cho đến khi nóng chảy. chất thải phát sinh từ công đoạn này chủ yếu từ nhiệt dư, tiếng ồn, độ rung, mùi nhựa.

Băng chuyền tạo màng

- Hỗn hợp nguyên liệu sau khi đã nung nóng ở trạng thái chảy nhớt được đưa vào băng chuyền tạo màng để thổi tạo màng. Tại đây hỗn hợp nhựa lỏng sẽ được thổi tạo màng xốp.

- Ở công đoạn này gas sẽ được sục vào ống thổi màng xốp trên băng chuyền tạo màng để tạo độ mềm và xốp cho màng xốp. Khí gas được cấp bồn chứa gas vào ống thổi màng thông qua đường ống cấp gas để hòa tan và trộn đều với hỗn hợp nhựa nóng chảy. Tiếp theo dưới tác động nhiệt Gas sẽ giãn nở hòa trộn đều và tạo ra nhiều bọt khí nhỏ hay những khoang trống bên trong lòng của màng xốp. Màng xốp sau khi tạo thành sẽ được để nguội tự nhiên trước khi chuyển qua công đoạn cuộn và cắt. Chất thải phát sinh từ công đoạn này chủ yếu là tiếng ồn, độ rung.

Công đoạn cuộn và cắt

- Màng xốp được tạo thành từ băng chuyền tạo màng được đưa thẳng vào máy cuộn để cuộn màng theo đúng quy cách đã định sẵn. Màng xốp sau khi cuộn theo đúng quy cách sẽ được công nhân dùng dao cắt để cắt thủ công.

- Màng xốp sau khi cuộn và cắt đúng quy cách, nếu khách hàng yêu cầu điều chỉnh tăng độ dày thì các cuộn màng xốp đã cắt sẽ được chuyển qua máy dán keo tự động để dán các cuộn màng xốp lại theo đúng độ dày yêu cầu. Nếu khách hàng không yêu cầu tăng độ dày thì các cuộn màng xốp sau khi cắt sẽ được chuyển qua công đoạn cắt tấm.

- Chất thải phát sinh từ công đoạn này chủ yếu là bụi, tiếng ồn, độ rung, mút xốp vụn (khoảng 25 kg/tháng), giẻ lau dính dầu nhớt.

Dán keo

- Cuộn màng xốp được tạo thành từ công đoạn cuộn và cắt, nếu khách hàng yêu cầu điều chỉnh tăng độ dày thì các cuộn màng xốp sẽ được cho chạy qua băng chuyền đến máy dán keo tự động dùng keo dán để dán các cuộn màng xốp với nhau để tăng độ dày(0,5 mm, 1mm, 10mm,...) tùy theo yêu cầu.

- Chất thải phát sinh từ công đoạn này chủ yếu là bao bì chứa keo (khoảng 11,66 kg/tháng), VOC.

Công đoạn cắt tấm

- Tiếp theo các cuộn màng xốp từ công đoạn cuộn và cắt (nếu không dán keo) hoặc các cuộn màng xốp từ sau khi dán keo sẽ được chuyển sang công đoạn cắt tấm để cắt các cuộn màng xốp thành tấm theo các kích thước yêu cầu tại các vị trí đã lấy dấu.

- Chất thải phát sinh từ công đoạn này chủ yếu là tiếng ồn, độ rung, miếng mút xốp vụn (khoảng 24,83 kg/ngày).

Công đoạn dập

- Bán thành phẩm sau khi đã cắt được chuyển qua công đoạn dập bằng máy dập khuôn mẫu theo mẫu định sẵn.

- Chất thải phát sinh từ công đoạn này chủ yếu là tiếng ồn, độ rung, miếng nút xốp vụn.

Công đoạn kiểm tra

- Kiểm tra nút xốp sau khi sản xuất trước khi được đóng gói. Sản phẩm lỗi, kém chất lượng bị loại bỏ (khoảng 30 kg/tháng). Nút xốp sau khi kiểm tra sẽ được chuyển qua công đoạn đóng gói.

- Chất thải phát sinh từ công đoạn này chủ yếu là nút xốp hỏng.

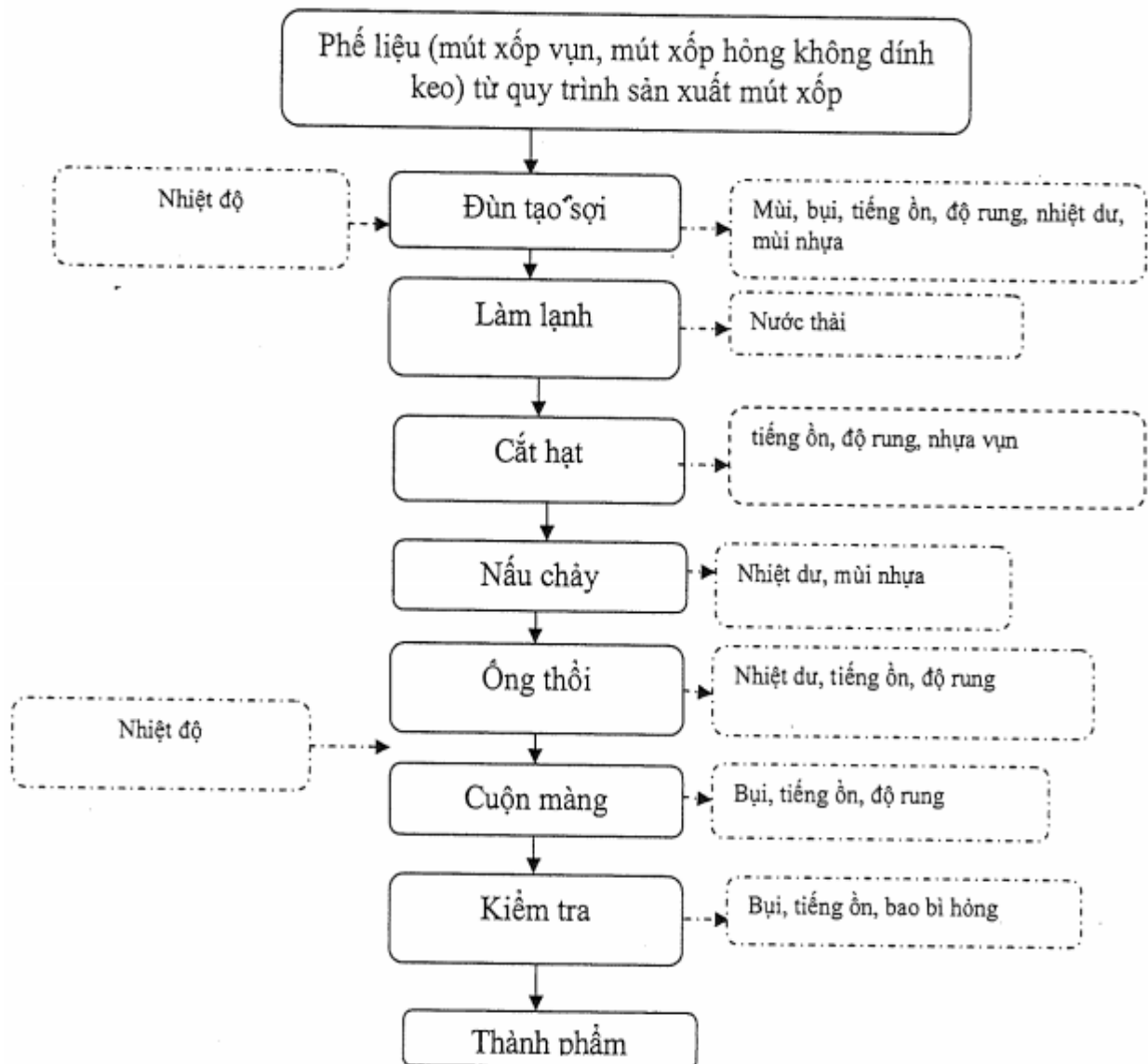
- Đối với nút xốp là sản phẩm lỗi sẽ được chuyển đến cho công nhân chỉnh sửa và khắc phục lại sản phẩm lỗi để hoàn chỉnh sản phẩm trước khi chuyển qua khâu đóng gói.

Công đoạn đóng gói

- Nút xốp sau khi đã được kiểm tra chất lượng được đóng gói và đưa vào lưu chứa trước khi bán ra thị trường tiêu thụ.

- Chất thải phát sinh từ công đoạn này chủ yếu là bụi, tiếng ồn, nhãn mác, bao bì giấy thải, carton.

- Quy trình sản xuất bao bì plastic như sau:



Hình 2 Quy trình sản xuất bao bì plastic

Thuyết minh quy trình:

Nguyên liệu đầu vào là: phế liệu (mút xốp vụn, nút xốp hỏng không dính keo) trong quá trình sản xuất nút xốp của nhà máy.

Công đoạn đùn tạo sợi

- Nguyên liệu là phế liệu (mút xốp vụn, nút xốp hỏng không dính keo) sẽ được đưa vào máy ép kín ở nhiệt độ cao để làm tan chảy phế liệu (mút xốp vụn, nút xốp hỏng không dính keo) sau đó hỗn hợp nóng chảy sẽ được chảy vào khuôn tạo sợi nhựa dài trên băng chuyền.

- Đầu tiên, hỗn hợp nguyên liệu được đưa vào phần trên của máy ép nóng. Lúc này, tại phần nửa dưới của máy ép đùn được gia nhiệt trước nhờ các vòng cấp nhiệt. Các vòng cấp nhiệt giữ cho nhiệt độ của phần nửa trên máy ép đùn chứa hỗn hợp nguyên liệu. Trên máy ép nóng, các vòng gia nhiệt được cài đặt với nhiệt độ khác nhau để tạo các vùng nhiệt độ phù

hợp. Hỗn hợp nguyên liệu di chuyển xuống dưới để tiến hành làm nóng hỗn hợp nguyên liệu, lúc này hỗn hợp nguyên liệu được nóng chảy, nhiệt độ tiếp tục được tri để hỗn hợp nóng chảy và dưới tác dụng của áp suất sẽ tạo áp lực để đẩy hỗn hợp nóng chảy và điền đầy lòng khuôn để khuôn định hình tại đây máy ép nóng sẽ được chảy vào khuôn tạo sợi nhựa dài trên băng chuyền có kích thước theo yêu cầu của nhà máy.

- Chất thải phát sinh từ công đoạn này chủ yếu là nhiệt dư, mùi nhựa, bụi, tiếng ồn, độ rung, nhiệt dư.

Công đoạn làm lạnh

Bán thành phẩm là sợi nhựa sau khi được thành từ máy ép nóng sẽ được làm lạnh bằng nước tạo thành các sợi nhựa dài ở dạng rắn. Chất thải phát sinh từ công đoạn này chủ yếu là nước thải.

Công đoạn cắt hạt

Bán thành phẩm là sợi nhựa dài sau khi được làm lạnh sẽ được đưa vào máy cắt để cắt theo kích thước hạt nhựa đã được định sẵn. Chất thải phát sinh từ công đoạn này chủ yếu là tiếng ồn, độ rung, nhựa vụn.

Công đoạn nấu chảy

- Hạt nhựa sau khi cắt sẽ được bơm trực tiếp vào máy ép nóng kín. Đầu tiên, hỗn hợp nguyên liệu được đưa vào phần trên của máy ép nóng. Lúc này tại phần nửa dưới của máy ép đùn được gia nhiệt nhờ các vòng cấp nhiệt. Các vòng cấp nhiệt giữ cho nhiệt độ của phần nửa trên máy ép đùn chứa hỗn hợp nguyên liệu. Trên máy ép nóng, các vòng gia nhiệt được cài đặt với nhiệt độ khác nhau để tạo ra các vùng nhiệt độ phù hợp. Hỗn hợp nguyên liệu di chuyển xuống dưới để tiến hành làm nóng hỗn hợp nguyên liệu, lúc này hỗn hợp nguyên liệu di chuyển xuống dưới để tiến hành làm nóng hỗn hợp nguyên liệu, lúc này hỗn hợp nguyên liệu được nóng chảy, nhiệt độ tiếp tục được duy trì để hỗn hợp nóng chảy (khoảng 380°F)

- Chất thải phát sinh từ công đoạn này chủ yếu là nhiệt dư, mùi.

Công đoạn ống thổi

- Hỗn hợp nhựa lỏng sau khi nấu chảy được đưa vào máy thổi dạng ống. Khi ở nhiệt độ cao, một đầu ra của ống được cố định lại, thổi không khí vào thành dạng bong bóng và được kéo dài đến kích thước và độ dày mong muốn.

- Chất thải phát sinh từ công đoạn này là bụi, tiếng ồn, độ rung.

Công đoạn cuộn màng

- Khi màng nguội tạo thành dạng phẳng hai lớp đi qua khe trục gồm hai con lăn và được cuộn lại.

- Chất thải phát sinh từ công đoạn này chủ yếu là bụi, tiếng ồn, độ rung, giẻ lau dính dầu nhớt, nhựa vụn (khoảng 0,5 kg).

Công đoạn kiểm tra

- Bao bì sau khi sản xuất được kiểm tra trước khi được nhập kho. Sản phẩm lỗi, kém chất lượng bị loại bỏ. chất thải phát sinh từ công đoạn này chủ yếu là bụi, tiếng ồn, độ rung, sản phẩm hỏng.

- Bao bì sau khi đã được kiểm tra chất lượng được đưa vào kho lưu chứa để sử dụng nội bộ nhà máy (dùng để đóng gói mút xốp).

1.3.3 Sản phẩm của cơ sở:

- Sản xuất và gia công mút xốp các loại;

- Sản xuất sản phẩm bao bì từ plastic.

1.4 Nguyên liệu, nhiên liệu, vật liệu, phế liệu, điện năng, hóa chất sử dụng, nguồn cung cấp điện, nước của cơ sở:

1.4.1 Nguyên vật liệu:

Nhu cầu sử dụng nguyên vật liệu của cơ sở được trình bày trong bảng sau:

Bảng 3 Nguyên vật liệu sử dụng của cơ sở

TT	Nguyên vật liệu	Khối lượng	Đơn vị	Nguồn gốc
I	Nguyên liệu dùng cho sản xuất mút xốp			
1	Hạt nhựa LDPE	1.045	Tấn/năm	Trong nước
2	Hạt màu (trắng)	4,2	Tấn/năm	Trong nước
3	Hạt màu (đen)	2,52	Tấn/năm	Trong nước
4	Keo Bugjo No.825	2,76	Tấn/năm	Trong nước
5	Keo Bugjo No.822	4,2	Tấn/năm	Trong nước
Tổng		1.058,68	Tấn/năm	
II	Nguyên liệu dùng cho sản xuất bao bì plastic			
6	Phế phẩm từ quá trình sản xuất mút xốp	1,46	Tấn/năm	Phế phẩm sản xuất
Tổng		1,46	Tấn/năm	

(Nguồn: Công ty TNHH Phú Quang)

Cân bằng vật chất:

- Đối với quy trình sản xuất mút xốp (PE Foam):

Tổng khối lượng nguyên liệu sử dụng cho sản xuất bao gồm hạt nhựa LDPE, hạt màu, keo là 1.058,68 tấn/năm.

Theo cân bằng vật chất: Tổng nguyên liệu đầu vào = sản phẩm + chất thải

→ Tổng nguyên liệu đầu vào (1.058,68 tấn/năm) = sản lượng mút xốp sản xuất 1.000 tấn/năm + bao bì chứa keo (0,14 tấn/năm) + mút xốp không đạt yêu cầu (58,54 tấn/năm)

- Đối với quy trình sản xuất bao bì plastic:

Tổng khối lượng nguyên liệu sử dụng cho sản xuất bao bì plastic là 1,46 tấn/năm.

Theo cân bằng vật chất: Tổng nguyên liệu đầu vào = sản phẩm + chất thải

→ Tổng nguyên liệu đầu vào (1,46 tấn/năm) = bao bì plastic (1,36 tấn/năm) + chất thải (0,1 tấn/năm)

1.4.2 Nguồn cung cấp nước của cơ sở:

- Nguồn cung cấp: Chi nhánh Công ty TNHH Sepzone – Linh Trung (Việt Nam) – Khu chế xuất và công nghiệp Linh Trung III.

- Lượng nước sử dụng trung bình khoảng 297.5 m³/tháng tương đương 11,4 m³/ngày (*Hóa đơn sử dụng nước kèm theo phụ lục*).

Bảng 4 Lượng nước sử dụng hiện tại của cơ sở

Tháng	Tổng lưu lượng nước cấp thủy cục		Nguồn cung cấp
	m ³ /tháng	m ³ /ngày	
Tháng 03/2024	286	11.0	Chi nhánh Công ty TNHH Sepzone – Linh Trung (Việt Nam) – Khu chế xuất và công nghiệp Linh Trung III
Tháng 04/2024	323	12.4	
Tháng 05/2024	294	11.3	
Tháng 06/2024	307	11.8	
Tháng 07/2024	246	9.5	
Tháng 08/2024	329	12.7	
Trung bình	297.5	11.4	

(Nguồn: Công ty TNHH Phú Quang)

❖ Nước cấp cho sinh hoạt

- Nước sinh hoạt của nhân viên: Theo QCVN 01:2021/BXD: Quy chuẩn Quốc gia về quy hoạch xây dựng thì nhu cầu sử dụng nước của mỗi công nhân khoảng 35 - 45 lít nước/ngày (số giờ làm việc: 8h/ngày).

- Hiện tại, số lượng nhân viên làm việc tại cơ sở là 100 người, thì tổng lượng nước cấp mỗi ngày là: $Q_{sh} = 45 \text{ lít/ngày} \times 100 \text{ người} = 4,5 \text{ m}^3/\text{ngày}$

Tại nhà máy có tổ chức nấu ăn cho nhân viên, do đó nước sử dụng cho quá trình nấu nướng là: $Q_{nn} = 100 \text{ người} \times 25 \text{ lít/người/1 suất} = 2,5 \text{ m}^3/\text{ngày}$

- Tại công đoạn làm lạnh của quy trình sản xuất bao bì plastic có sử dụng nước cung cấp nước trên bằng chuyền để làm lạnh sợi nhựa, lượng nước này ước tính là 4 m³/ngày. Nước làm lạnh được tuần hoàn tái sử dụng. Mỗi ngày bổ sung khoảng 0,5 m³ lượng nước do bay hơi và hao hụt.

❖ Tổng hợp các nhu cầu sử dụng nước của cơ sở như bảng sau:

Bảng 5 Tổng hợp nhu cầu sử dụng nước hiện tại khi chưa nâng công suất

STT	Mục đích sử dụng	Nhu cầu cấp nước trung bình (m ³ /ngày)
1	Nước cấp cho sinh hoạt (100 người)	7
-	Nước sinh hoạt của nhân viên	4,5
-	Nước nấu ăn cho nhân viên	2,5
2	Nước tưới cây, tưới đường	4
3	Nước cấp cho sản xuất	4
	Tổng cộng	15

(Nguồn: Công ty TNHH Phú Quang)

1.4.3 Nguồn cung cấp điện của cơ sở:

- Nguồn cung cấp: Chi nhánh Công ty TNHH Sepzone – Linh Trung (Việt Nam) – Khu chế xuất và công nghiệp Linh Trung III.
- Điện năng phục vụ cho: vận hành máy móc, chiếu sáng
- Lượng điện sử dụng hiện tại của cơ sở: trung bình khoảng 52.327 kWh/tháng (*Hóa đơn sử dụng điện kèm theo phụ lục*).

Bảng 6 Lượng điện sử dụng hiện tại của cơ sở

Tháng	Số lượng	Đơn vị	Nguồn cung cấp
Tháng 03/2024	61.255	kWh/tháng	Chi nhánh Công ty TNHH Sepzone – Linh Trung (Việt Nam) – Khu chế xuất và công nghiệp Linh Trung III
Tháng 04/2024	48.638	kWh/tháng	
Tháng 05/2024	48.073	kWh/tháng	
Tháng 06/2024	57.131	kWh/tháng	
Tháng 07/2024	49.755	kWh/tháng	
Tháng 08/2024	49.110	kWh/tháng	
Trung bình	52.327	kWh/tháng	

(Nguồn: Công ty TNHH Phú Quang)

1.5 Các thông tin khác liên quan đến cơ sở (nếu có):

1.5.1. Vị trí địa lý của cơ sở

Cơ sở được thực hiện tại Lô 100 và 101, khu chế xuất và công nghiệp Linh Trung III, xã An Tịnh, huyện Trảng Bàng, tỉnh Tây Ninh với tổng diện tích sau khi nâng công suất là 18.359,9 m².

❖ **Vị trí tiếp giáp của cơ sở như sau:**

- + Phía Tây: giáp với Công ty TNHH Chang Jiang Printing (Việt Nam).
- + Hướng Bắc: giáp với đường 4
- + Phía Đông: giáp Công ty TNHH Dệt may Toptide HuaBang (Việt Nam).
- + Phía Nam: giáp với Công ty TNHH Vật liệu Mỹ Thuật Phụng Hoàng Việt Nam.



Hình 3 Vị trí tọa độ của cơ sở

❖ **Tọa độ địa lý của dự án – Hệ tọa độ VN – 2000:**

Bảng 7 Tọa độ địa lý giới hạn của cơ sở

Điểm	X (m)	Y (m)
Lô số 100		
1	1 217 421	598 009
2	1 217 441	598 078
3	1 217 318	598 114
4	1 217 298	598 044
Lô số 101		
5	1 217 441	598 078
6	1 217 461	598 147
7	1 217 338	598 183

8	1 217 318	598 114
---	-----------	---------

(Nguồn: Công ty TNHH Phú Quang)

1.5.2. Các hạng mục công trình của cơ sở

Công ty đã đầu tư xây dựng các hạng mục công trình chính như: các hạng mục về kết cấu hạ tầng; các hạng mục phục vụ sản xuất, kinh doanh, dịch vụ và các hạng mục bảo vệ môi trường. Hiện nay, tất cả các hạng mục công trình này tại Công ty đã được đầu tư xây dựng hoàn chỉnh, thông thoáng, đầy đủ cơ sở vật chất đảm bảo cho hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty. Chi tiết được trình bày tại bảng như sau:

Bảng 8 Danh mục các hạng mục công trình chính của cơ sở

TT	Các hạng mục công trình	Diện tích (m ²)	Tỷ lệ (%)
A.	Các hạng mục công trình chính	10.752	58,56
1	Nhà xưởng 1	2.940	16,01
2	Nhà xưởng 2	4.872	26,54
3	Nhà xưởng 3	2.940	16,01
B.	Các hạng mục công trình phụ	710	3,88
1	Hồ nước 120 m ³	120	0,65
2	Nhà chứa gaz	45	0,25
3	Nhà văn phòng	150	0,82
4	Nhà nghỉ giữa ca cho công nhân	130	0,71
5	Hồ chứa nước hiện hữu	90	0,49
6	Nhà xe nhân viên	60	0,33
7	Nhà xe công nhân	75	0,41
8	Căn tin	20	0,11
9	Nhà bảo vệ	20	0,11
C	Các hạng mục công trình xử lý chất thải	55	0,254
1	Kho chứa CTNH	25	0,14
2	Kho chứa CTRSH	10	0,054
3	Kho chứa CTRCN	20	0,1
D	Các hạng mục công trình phụ trợ	6.942,9	37,26

1	Trạm điện 40 KVA	20	0,11
2	Cây xanh	3.556,5	20,46
3	Đất trống, đường nội bộ	3.266,4	16,69
Tổng diện tích xây dựng		18.359,9	100

(Nguồn: Công ty TNHH Phú Quang)

1.5.3. Nhu cầu máy móc thiết bị

Công ty thường xuyên duy tu, bảo dưỡng máy móc thiết bị, đồng thời thay đổi và bổ sung các máy móc thiết bị mới để phục vụ cho quá trình sản xuất cũng như để dự phòng thay thế. Tuy nhiên các trang thiết bị máy móc mới tại nhà máy đầu tư không thay đổi nhiều và vẫn đảm bảo quá trình sản xuất không vượt công suất đã được phê duyệt. Máy móc được sử dụng để phục vụ hoạt động sản xuất của cơ sở được liệt kê như bảng sau:

Bảng 9 Danh sách máy móc phục vụ hoạt động sản xuất

STT	TÊN MÁY MÓC, THIẾT BỊ	NƠI SẢN XUẤT	NĂM SẢN XUẤT	SỐ LƯỢNG	HIỆN TRẠNG
<i>Danh sách máy móc thiết bị cho dây chuyền sản xuất mút xốp</i>					
1	Máy sản xuất PE Foam	Hàn Quốc	2018	2	Tốt
2	Máy dán	Trung Quốc, Hàn Quốc	2018	6	Tốt
3	Máy tái chế	Hàn Quốc	2018	3	Tốt
4	Máy bơm hơi	Hàn Quốc	2018	1	Tốt
5	Máy đập thủy lực	Hàn Quốc	2018	22	Tốt
6	Máy ép nóng	Việt Nam	2018	2	Tốt
7	Máy cắt	Trung Quốc, Hàn Quốc	2018	5	Tốt
8	Máy lạng	Trung Quốc	2018	21	Tốt
9	Máy đục lỗ	Hàn Quốc	2018		Tốt
<i>Danh sách máy móc thiết bị dây chuyền sản xuất bao bì plastic</i>					
10	Máy tái chế	Hàn Quốc	2018	3	Tốt
11	Máy ép nóng	Việt Nam	2018	3	Tốt
12	Máy cắt	Trung Quốc, Hàn Quốc	2018	1	Tốt
13	Máy nước lạnh	Hàn Quốc	2018	1	Tốt

14	Máy đúc thổi màng	Hàn Quốc	2018	1	Tốt
----	-------------------	----------	------	---	-----

(Nguồn: Công ty TNHH Phú Quang)

Nhận xét về máy móc thiết bị:

Trong quá trình hoạt động, Cơ sở thường xuyên duy tu, bảo dưỡng nên đến hiện tại các máy móc thiết bị vẫn hoạt động tốt. Bên cạnh đó, tùy từng thời điểm số lượng máy móc thiết bị có thể thay đổi tùy thuộc vào điều kiện sản xuất thực tế của nhà máy, cũng như thay thế các máy móc thiết bị cũ bị hư hỏng.

1.5.4. Nhu cầu sử dụng lao động

- Tổng số lao động trực tiếp là 100 người
- Chế độ làm việc: 26 ngày/tháng, 8h/ngày

Chương II

SỰ PHÙ HỢP CỦA CƠ SỞ VỚI QUY HOẠCH, KHẢ NĂNG CHỊU TẢI CỦA MÔI TRƯỜNG

2.1 Sự phù hợp của cơ sở với quy hoạch bảo vệ môi trường quốc gia, quy hoạch tỉnh, phân vùng môi trường (nếu có):

- Theo Quyết định số 611/QĐ-TTg ngày 08/7/2024 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Quy hoạch bảo vệ môi trường quốc gia thời kỳ 2021 – 2030, tầm nhìn đến năm 2050, Cơ sở phù hợp với mục tiêu của quy hoạch: chủ động phòng ngừa, kiểm soát ô nhiễm, phát triển theo hướng kinh tế tuần hoàn. Cơ sở phù hợp với nhiệm vụ về bảo vệ môi trường: cải tạo công nghệ xử lý chất thải theo phân vùng môi trường, tổ chức phân loại chất thải rắn tại nguồn, thực hiện biện pháp giảm thiểu phát sinh chất thải.

- Căn cứ theo Quyết định số 450/QĐ-TTg ngày 13/4/2022 của Thủ tướng Chính phủ Phê duyệt Chiến lược bảo vệ môi trường quốc gia đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2050 có thể hiện mục tiêu tổng quát là: “Ngăn chặn xu hướng gia tăng ô nhiễm, suy thoái môi trường; giải quyết vấn đề môi trường cấp bách; từng bước cải thiện, phục hồi chất lượng môi trường; ngăn chặn sự suy giảm đa dạng sinh học; góp phần nâng cao năng lực chủ động ứng phó biến đổi khí hậu; bảo đảm an ninh môi trường, xây dựng và phát triển các mô hình kinh tế tuần hoàn, kinh tế xanh, cacbon thấp, phấn đấu đạt được các mục tiêu phát triển bền vững 2030 của đất nước” và nhiệm vụ của chiến lược bảo vệ môi trường quốc gia có nêu: “Tăng cường quản lý tổng hợp tài nguyên nước theo lưu vực sông gắn với bảo tồn đa dạng sinh học, hệ sinh thái thủy sinh, bảo vệ, khai thác và sử dụng nguồn nước. Thúc đẩy mạnh mẽ sử dụng tiết kiệm, hiệu quả tài nguyên nước trong sản xuất, sinh hoạt”.

Hiện nay, tỉnh Tây Ninh vẫn chưa ban hành quy hoạch tỉnh và phân vùng bảo vệ môi trường.

Các thủ tục pháp lý và môi trường đã được Chi nhánh Công ty TNHH SEPZONE – Linh Trung (Việt Nam) – Khu chế xuất và Công nghiệp Linh Trung III lập như sau:

+ Khu chế xuất linh Trung III là một trong 3 khu chế xuất thuộc Khu Chế Xuất Linh Trung. Đây là dự án liên doanh giữa Việt Nam và Trung Quốc; bên Việt Nam là Công ty Phát triển khu công nghiệp Sài Gòn (SAIGON IPD), bên Trung Quốc là China United Electric Import and Export Co., LTD.

+ Ngày 27 tháng 12 năm 2002, Bộ Kế Hoạch và Đầu Tư đã cấp giấy phép đầu tư điều chỉnh số 412/GPĐC6, cho phép Công ty Liên Doanh Sepzone - Linh Trung thành lập Khu Chế Xuất và Công Nghiệp Linh Trung III tại xã An Tịnh, huyện Trảng Bàng, tỉnh Tây Ninh, với tổng diện tích đất 203,8 hecta, trong đó 193,8 hecta đất công nghiệp và 10 hecta đất nhà ở của công nhân và chuyên gia. Vốn đầu tư đăng ký của Công ty Liên Doanh Sepzone - Linh Trung là 55,5 triệu Đô La Mỹ, trong đó vốn pháp định là 17 triệu Đô La Mỹ, mỗi bên trong liên doanh góp 50% vốn pháp định.

+ Ngày 30 tháng 6 năm 2011, Ban Quản Lý Các Khu Chế Xuất và Công Nghiệp Thành Phố Hồ Chí Minh đã cấp Giấy Chứng Nhận Đầu Tư số 412022000362 và ngày 20 tháng 4 năm 2012, Ban Quản Lý Khu Kinh Tế Tỉnh Tây Ninh đã cấp Giấy Chứng Nhận Đầu Tư số 45222000168, về việc đăng ký lại doanh nghiệp và dự án đầu tư, đổi tên Công ty Liên Doanh Khai Thác và Kinh Doanh Khu Chế Xuất Sài Gòn - Linh Trung thành Công ty Trách Nhiệm Hữu Hạn Sepzone - Linh Trung (Việt Nam), viết tắt là Sepzone - Linh Trung, với ngành nghề đăng ký kinh doanh là xây dựng và kinh doanh cơ sở hạ tầng Khu Chế Xuất Sài Gòn - Linh Trung và Khu Chế Xuất Linh Trung II tại quận Thủ Đức, thành phố Hồ Chí Minh, Khu Chế Xuất và Công Nghiệp Linh Trung III tại huyện Trảng Bàng, tỉnh Tây Ninh.

+ Khu chế xuất Linh Trung III được xây dựng từ năm 2004 do Công ty TNHH Sepzone - Linh Trung làm chủ đầu tư hạ tầng với (diện tích 202,67ha) tại địa bàn huyện Trảng Bàng, tỉnh Tây Ninh.

+ Điểm nhấn đạt được của KCX&CN Linh Trung III là trong năm 2008 KCX&CN Linh Trung III đã được công nhận và áp dụng hệ thống quản lý chất lượng theo tiêu chuẩn ISO 9001:2008 cùng với hệ thống quản lý môi trường theo tiêu chuẩn ISO 14001:2004 - Vấn đề bảo vệ môi trường sinh thái trong hoạt động công nghiệp là một trong những tiêu chí được khu chế xuất và KCX&CN Linh Trung III quan tâm ưu tiên hàng đầu.

+ KCX&CN Linh Trung III chọn lọc, ưu tiên và khuyến khích các doanh nghiệp có hàm lượng máy móc kỹ thuật công nghệ cao, hạn chế thu hút các doanh nghiệp có máy móc kỹ thuật lạc hậu, có nguy cơ gây ô nhiễm môi trường và thâm dụng lao động.

+ Một số nhà đầu tư nước ngoài lớn tại KCX&CN Linh Trung III đang hoạt động rất thành công như HAN VIET RUBBER ROLL, HANSAETN, TAMI (Korean) THAIKK (Thái Lan), PLAYLOUD (Malaysia) VISOPACIFICJIN XING, CHEN CHIA SHENG (Trung Quốc), DOU POWER (Canada).

❖ *Sự phù hợp với điều kiện môi trường tự nhiên, kinh tế - xã hội*

Nhà máy hiện hữu được quy hoạch trong KCX&CN Linh Trung III. KCX&CN Linh Trung III với cơ sở hạ tầng được trang bị đầy đủ và thuận lợi cho các nhà đầu tư. Cơ sở hạ tầng cần thiết phục vụ cho nhu cầu hoạt động của doanh nghiệp như đường giao thông, hệ thống cấp nước, hệ thống thu gom nước mưa, nước thải, chất thải rắn....đã được trang bị sẵn.

Khoảng cách từ Cơ sở đến các KCN khác trên địa bàn tỉnh, trung tâm đô thị và bến cảng sân bay như sau:

- Cách Thành phố Tây Ninh và Thành phố Hồ Chí Minh khoảng 50km
- Cách sân bay Tân Sơn Nhất khoảng 44km
- Cách ga Sài Gòn khoảng 50km
- Cách cảng Thanh Phước 10,5km
- Kết nối với cửa khẩu Mộc Bài thông qua Quốc lộ 22.

Nhìn chung vị trí này rất thuận tiện cho việc chuyên chở nguyên vật liệu phục vụ cho hoạt động sản xuất và phân phối sản phẩm của dự án.

Hoạt động của dự án sẽ thu hút nguồn lao động tại địa phương, giải quyết vấn đề việc làm, góp phần tăng ngân sách nhà nước, thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội địa phương. Như vậy, hoạt động của dự án là phù hợp với điều kiện kinh tế - xã hội...

❖ ***Sự phù hợp về địa điểm***

Dự án “Nhà máy sản xuất nút xốp các loại” được xây dựng tại Lô số 100 và 101, khu chế xuất và công nghiệp Linh Trung III, phường An Tịnh, Thị xã Trảng Bàng, tỉnh Tây Ninh với tổng diện tích đất sử dụng là 18.359,9m².

Khu Chế xuất và Công nghiệp Linh Trung III đã được Bộ Tài nguyên và Môi trường cấp Quyết định số 2107/QĐ-BTNMT ngày 30/12/2003 về việc phê duyệt báo cáo đánh giá tác động môi trường dự án “Xây dựng cơ sở hạ tầng Khu chế xuất và công nghiệp Linh Trung III” và Quyết định số 2677/QĐ-BTNMT ngày 27/08/2018 phê duyệt Đề án bảo vệ môi trường chi tiết về việc bổ sung ngành nghề thu hút đầu tư của Khu chế xuất và công nghiệp Linh Trung III.

Các ngành nghề thu hút đầu tư vào Khu chế xuất và Công nghiệp Linh Trung III như: cơ khí, công nghiệp điện tử và thiết bị thông tin, dược phẩm, chế biến gỗ, may mặc thêu đan, chế biến nhựa, cao su, da lông động vật, công nghiệp hóa chất, sản xuất bao bì giấy, sản xuất tinh bột và các sản phẩm từ tinh bột, sản xuất thức ăn gia súc, gia cầm và thủy sản, sản xuất cáp và vật liệu viễn thông ...

Vì vậy hoạt động của nhà máy là hoàn toàn phù hợp với quy hoạch phát triển ngành của Khu chế xuất và công nghiệp Linh Trung III.

2.2. Sự phù hợp của dự án đầu tư đối với khả năng chịu tải của môi trường

❖ ***Khả năng tiếp nhận nước thải của KCX & CN Linh Trung III***

Đánh giá khả năng tiếp nhận nguồn nước thải của Khu chế xuất và công nghiệp Linh Trung III đối với hoạt động của cơ sở:

Tổng lượng nước thải dự kiến phát sinh tối đa từ hoạt động của nhà máy hiện hữu khoảng 5,04 m³/ngày.đêm, sau khi nâng công suất khoảng 7,8 m³/ngày đêm. Nước thải được xử lý đạt giới hạn tiếp nhận của Khu chế xuất và công nghiệp Linh Trung III trước khi đầu nối.

Khu Chế xuất và Công nghiệp Linh Trung III đã xây dựng và đưa vào hoạt động hệ thống xử lý nước thải công suất 10.000 m³/ngày đêm (Trong đó, giai đoạn 1 là 5.000 m³/ngày đêm, giai đoạn 2 là 5.000 m³/ngày đêm). Trạm xử lý nước thải tập trung của KCX và CN Linh Trung III xử lý đạt quy chuẩn QCVN 40:2011/BTNMT Cột A, K_q=K_f=0,9 sau đó thải vào kênh T38.

Căn cứ kết quả quan trắc tự động, liên tục Khu chế xuất và Công nghiệp Linh Trung III tháng 7 năm 2024: Tổng lưu lượng nước thải phát sinh trong toàn KCX&CN trung bình là 3.523 m³/ngày.

Khi dự án đi vào hoạt động ổn định, lưu lượng nước thải phát sinh tối đa tại dự án là 15 m³/ngày, được xử lý đạt tiêu chuẩn tiếp nhận nước thải của KCX&CN Linh Trung III sau đó đầu nối về hệ thống xử lý nước thải tập trung của KCX&CN. Với công suất thiết kế xử lý của hệ thống là 10.000 m³/ngày thì hệ thống hoàn toàn đảm bảo được khả năng tiếp nhận và xử lý nước thải từ Công ty TNHH Phú Quang.

❖ Công trình thu gom chất thải rắn của KCX&KCN Linh Trung III

Đối với chất thải rắn sinh hoạt, chất thải rắn công nghiệp thông thường và chất thải nguy hại, các doanh nghiệp hoạt động trong khu tự ký hợp đồng thu gom với các đơn vị có chức năng để thu gom và xử lý đúng quy định.

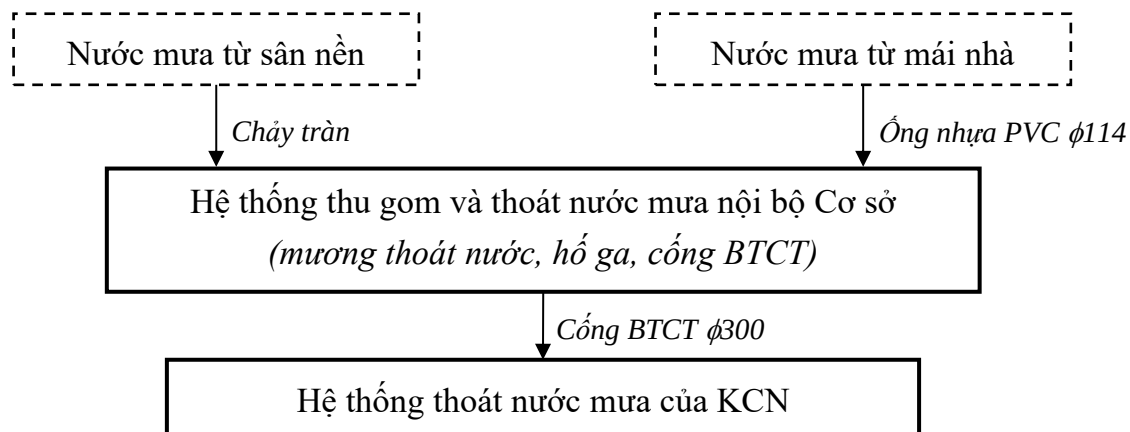
Chương III

KẾT QUẢ HOÀN THÀNH CÁC CÔNG TRÌNH, BIỆN PHÁP BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG CỦA CƠ SỞ

3.1 Công trình, biện pháp thoát nước mưa, thu gom và xử lý nước thải

3.1.1 Thu gom, thoát nước mưa:

Sơ đồ thoát nước mưa tại cơ sở được thể hiện theo sơ đồ như sau:



Hình 4 Sơ đồ thoát nước mưa của cơ sở

- Nước mưa phát sinh trong khu vực nhà máy được thu gom bằng cống BTCT để đầu nổi thẳng ra cống thoát nước mưa của KCN, cụ thể như sau:

+ Nước mưa trên mái nhà xưởng, văn phòng,... sẽ theo độ dốc chảy về các máng thu nước mưa và thoát xuống mương thoát nước mưa của cơ sở. Nước mưa phát sinh trên bề mặt khuôn viên công ty (đường nội bộ, sân bãi,...) được tập trung vào các hố ga có trang bị song chắn rác. Nước mưa sau khi qua song chắn rác để tách các loại rác có kích thước lớn, sau đó nước mưa theo hệ thống thoát nước của cơ sở đầu nổi vào hệ thống thoát nước mưa của KCN.

+ Hệ thống thoát nước mưa bao gồm các mương, rãnh thoát nước xây dựng xung quanh các khu nhà xưởng, văn phòng, tập trung nước mưa từ trên mái đổ xuống và dẫn đến hệ thống cống thoát nước mưa đặt dọc theo các con đường nội bộ. Đường thoát nước mưa sẽ có bộ phận chắn rác trước khi đầu nổi vào hệ thống thoát nước mưa của KCN.

- Để giảm thiểu tác động do nước mưa chảy tràn trong quá trình hoạt động, chủ cơ sở áp dụng các biện pháp sau:

- + Tách riêng hệ thống thoát nước mưa và hệ thống thu gom nước thải.
- + Quản lý nguyên vật liệu, khu lưu trữ chất thải không để rơi vãi ra môi trường, tiếp xúc nước mưa và đi vào môi trường nước.
- + Quét dọn thường xuyên các khu vực có nguy cơ nhiễm bẩn.



Hình 5 Hình ảnh hệ thống thoát nước mưa

3.1.2 Thu gom, thoát nước thải

a. Nguồn phát sinh

- Nước thải phát sinh trong quá trình hoạt động của cơ sở là nước thải sinh hoạt, không phát sinh nước thải sản xuất. Nước thải sinh hoạt chứa nhiều chất hữu cơ dễ bị phân hủy sinh học, ngoài ra còn có cả thành phần vô cơ, vi sinh vật và vi trùng gây bệnh. Chất hữu cơ có trong nước thải sinh hoạt bao gồm các hợp chất như protein (40 – 50 %); hydrat cacbon (40 – 50 %) gồm tinh bột, đường và xenlulo, và các chất béo (5-10%). Chỉ tiêu: (N, P): Có trong các thành phần Protein (thực phẩm), amoni (nước tiểu), Phốt pho (phân)...chất hoạt động bề mặt (dầu mỡ khoáng).

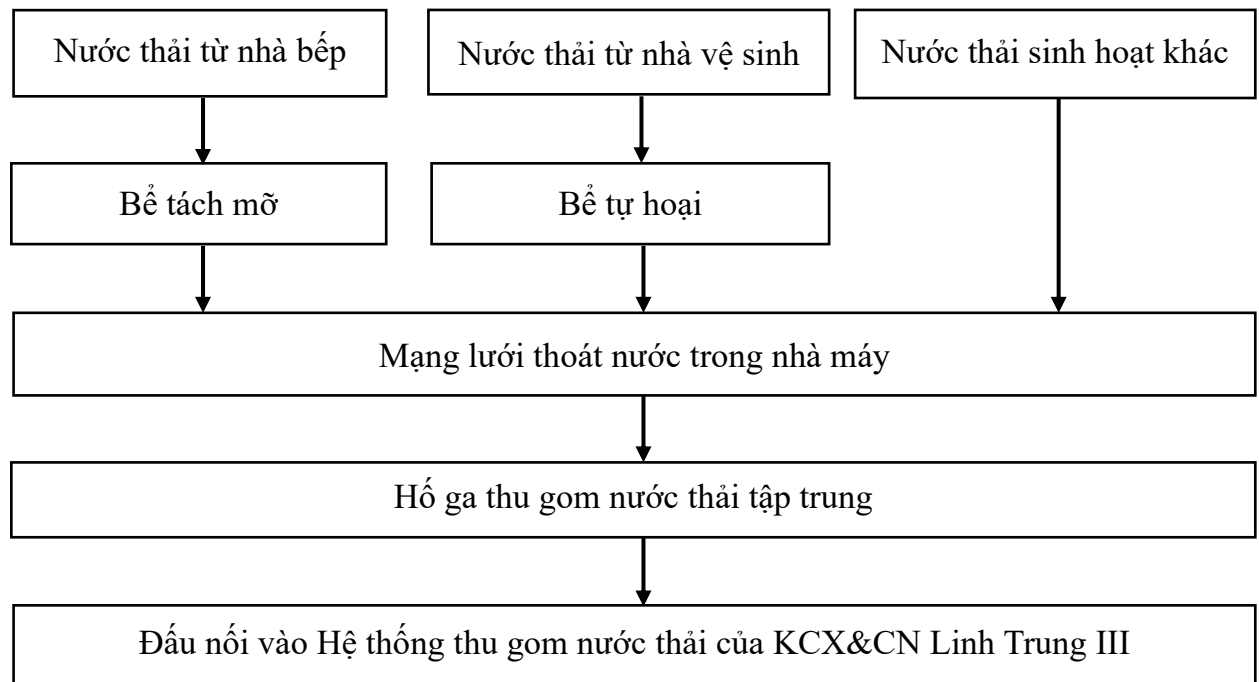
- Nước thải trong quá trình hoạt động tại Cơ sở gồm 02 nguồn:

- + Nguồn số 1: Nước thải phát sinh từ quá trình sinh hoạt của cán bộ công nhân viên;
- + Nguồn số 2: Nước thải phát sinh từ nhà bếp.

b. Công trình thu gom và thoát nước thải

- Công ty đã đầu tư hoàn chỉnh hệ thống thu gom, xử lý và thoát nước thải. Hệ thống thoát nước mưa và hệ thống nước thải được thiết kế và xây dựng tách biệt. Toàn bộ lượng nước thải phát sinh từ các nguồn được thu gom xử lý sơ bộ sau đó dẫn vào hệ thống xử lý nước thải tập trung của Khu chế xuất và công nghiệp Linh Trung III để xử lý.

- Sơ đồ thu gom và thoát nước thải của Công ty như sau:



Hình 6 Sơ đồ quy trình thu gom nước thải

- Mạng lưới thu gom nước thải của cơ sở được thực hiện như sau:

+ ***Nguồn số 01: Nước thải sinh hoạt từ nhà vệ sinh***

Nước thải đen từ bồn cầu, bồn tiểu được dẫn vào ngăn thứ nhất của bể tự hoại để xử lý sơ bộ sau đó được dẫn về hố ga thu gom tập trung của cơ sở bằng đường ống nhựa PVC đường kính 114 mm chiều dài khoảng 170 m trước khi đầu nối vào hệ thống xử lý nước thải của KCX&CN Linh Trung III.

Nước thải xám từ bồn rửa tay và nước rửa sàn nhà vệ sinh; nước vệ sinh thùng rác được dẫn về hố ga thu gom tập trung của cơ sở bằng đường ống nhựa PVC đường kính 114 mm chiều dài khoảng 170 m trước khi đầu nối vào hệ thống xử lý nước thải của KCX&CN Linh Trung III.

+ ***Nguồn số 2: Nước thải phát sinh từ nhà bếp.***

Nước thải từ hoạt động nấu ăn được dẫn về bể tách mỡ để xử lý sơ bộ sau đó được dẫn về hố ga thu gom tập trung của cơ sở bằng đường ống nhựa PVC đường kính 114 mm chiều dài khoảng 90m trước khi đầu nối vào hệ thống xử lý nước thải của KCX&CN Linh Trung III.

→ Toàn bộ nước thải từ các nguồn sau khi xử lý sơ bộ được dẫn về hố ga thu gom tập trung và đầu nối vào công thu gom nước thải chung của KCX&CN để dẫn về hệ thống xử lý nước thải tập trung của KCX&CN Linh Trung III để xử lý đạt chuẩn cho phép trước khi xả thải.

- Lưu lượng xả thải: 15 m³/ngày

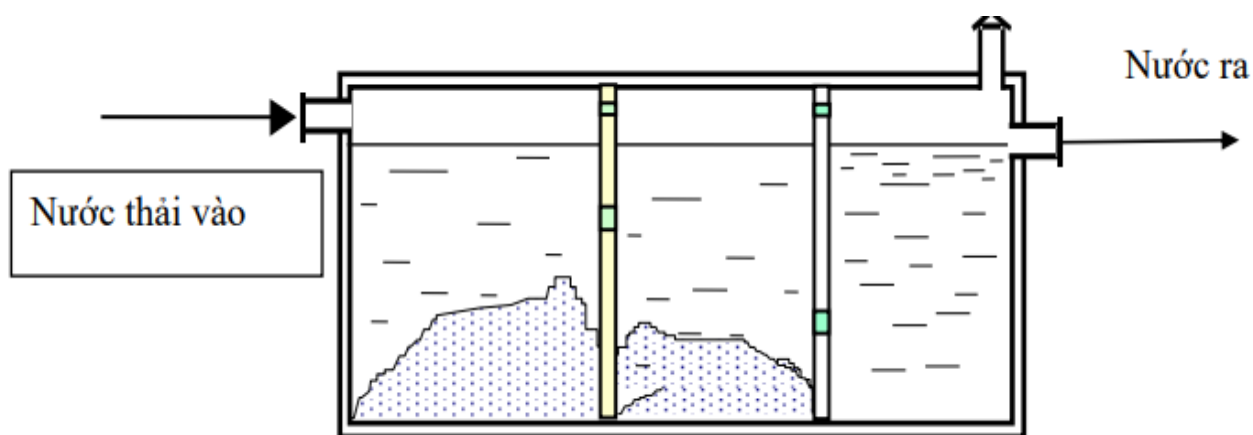
- Vị trí đầu nối nước thải: Hố ga đầu nối nước thải nằm ngoài hàng rào của nhà máy trên đường số 4 của KCX&CN Linh Trung III.

- Vị trí tọa độ hồ ga đầu nổi: Tọa độ X = 1 217 423; X= 598 014 (Theo hệ tọa độ VN 2000, kinh tuyến trực $105^{\circ}45'$, múi chiếu 3°);

- Nhà máy đã ký hợp đồng với Chi nhánh Công ty TNHH Sepzone – Linh Trung (Việt Nam) – Khu chế xuất và Công nghiệp Linh Trung III theo hợp đồng số 276.110/HĐLT.2022 ngày 01/11/2022 về việc thoát nước và xử lý nước thải.

3.1.3 Xử lý nước thải

- Nhà máy có 05 bể tự hoại 3 ngăn gồm 04 bể 12 m^3 và 01 bể 8 m^3 , với tổng thể tích các bể tự hoại là 56 m^3 để xử lý sơ bộ lượng nước thải phát sinh từ nhà vệ sinh. Bể tự hoại có cấu tạo 3 ngăn, thành hầm xây bằng gạch ống dày 200mm, vữa xi măng mác 100 dày 20mm; nắp thăm BTCT dày 50mm. Ống thông hơi của bể có kết cấu bằng PVC đường kính $\varnothing 60$, nguyên lý hoạt động của bể được trình bày cụ thể như sau:



Hình 7 Sơ đồ bể tự hoại 3 ngăn

- Nguyên tắc hoạt động của bể tự hoại:

+ Bể tự hoại 3 ngăn có dạng hình chữ nhật, được xây bằng BTCT, đáy bằng tấm đan. Nguyên tắc hoạt động của bể là lắng cặn và phân hủy kỵ khí cặn lắng, cặn lắng được giữ lại trong bể từ 6 - 12 tháng, dưới ảnh hưởng của các vi sinh vật, các chất hữu cơ bị phân giải, một phần tạo thành các chất khí và một phần tạo thành các chất vô cơ hòa tan. Hiệu quả xử lý của bể này theo chất lơ lửng đạt 40 - 60% và BOD_5 là 30 - 40%.

+ Ngăn đầu tiên của bể tự hoại có chức năng tách cặn ra khỏi nước thải. Cặn lắng ở dưới đáy bể bị phân hủy yếm khí khi đầy bể, khoảng 06 tháng sử dụng, cặn này được hút ra theo hợp đồng với đơn vị có chức năng để đưa đi xử lý.

+ Nước thải và cặn lơ lửng theo dòng chảy sang ngăn thứ hai. Ở ngăn này, cặn tiếp tục lắng xuống đáy, nước được vi sinh yếm khí phân hủy làm sạch các chất hữu cơ trong nước. Sau đó, nước chảy sang ngăn thứ ba và thoát ra ngoài.

- Bùn phát sinh từ bể tự hoại được định kỳ hợp đồng với đơn vị có chức năng vào hút hầm và đưa đi xử lý theo đúng quy định, tần suất khoảng 6 tháng/lần.



Hình 8 Hình ảnh hố ga thu gom nước thải sau xử lý

3.2 Công trình, biện pháp xử lý khí thải

3.2.1 Nguồn phát sinh khí thải

Khí thải tại cơ sở chỉ phát sinh 01 nguồn:

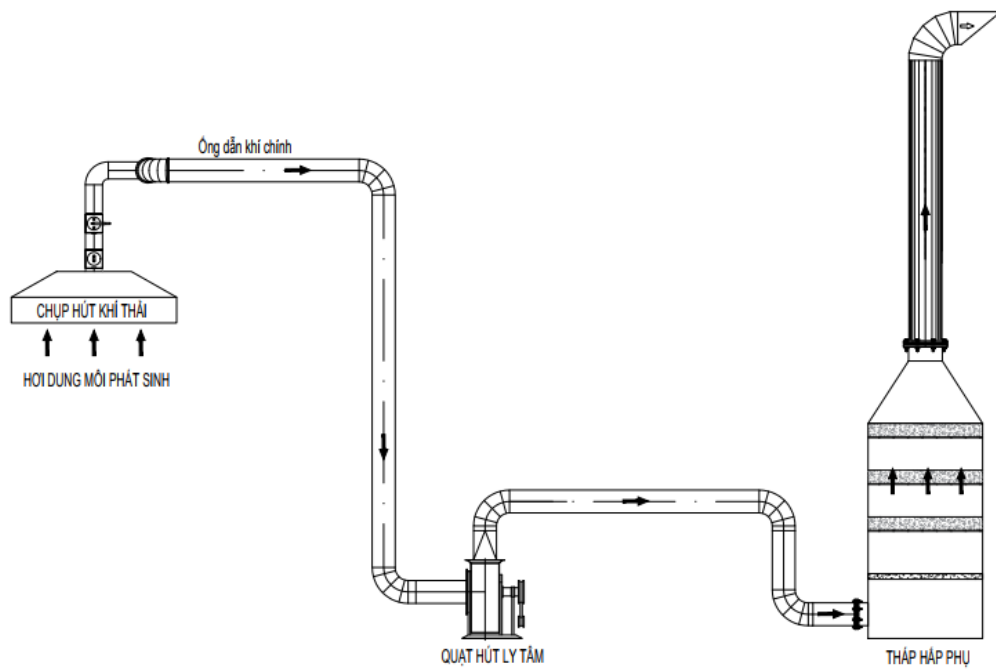
+ Nguồn số 01: Hơi dung môi phát sinh từ quá trình dán keo, ép nóng trong sản xuất nút xốp

3.2.2 Công trình, biện pháp thu gom bụi, khí thải

3.2.2.1. Hơi dung môi phát sinh từ quá trình dán keo, ép nóng trong sản xuất nút xốp

Cơ sở sử dụng 03 máy dán keo, ép nóng trong quá trình sản xuất nút xốp. Công đoạn này sẽ phát sinh hơi dung môi, để không chế nhà máy đã lắp đặt hệ thống xử lý hơi dung môi bằng thiết bị hấp phụ than hoạt tính.

Quy trình công nghệ của hệ thống xử lý: Hơi dung môi phát sinh → Chụp hút khí thải → Ống dẫn khí → Quạt hút → Tháp hấp phụ (than hoạt tính) → Ống thải (cao 3m) → Khí sạch. Khí thải sau xử lý đạt QCVN 19:2009/BTNMT cột B (với $K_p = 0,9$ và $K_v = 1$) và đạt QCVN 20:2009/BTNMT.



Hình 9 Hệ thống xử lý khí thải

- **Thuyết minh quy trình:** Hơi dung môi phát sinh ở quá trình ép nóng, dán keo của quy trình sản xuất nút xốp sẽ được thu gom bằng chụp hút đặt ở tháp hấp phụ bằng than hoạt tính. Tại tháp hấp phụ, nhờ lực hút rất mạnh của quạt hút tổng mà hơi dung môi sẽ lần lượt dẫn qua 3 lớp than hoạt tính trong tháp. Sau khi qua các lớp vật liệu này, các thành phần hữu cơ bay hơi trong hỗn hợp khí sẽ bị giữ lại bởi lớp than hoạt tính và khí thải sau xử lý được dẫn thoát ra môi trường bằng ống khói. Khí thải sau xử lý đảm bảo đạt quy chuẩn môi trường cho phép trước khi thải ra ngoài ống thải cao 3m.



Hình 10 Bố trí thiết bị thực tế bên trong xưởng

Than hoạt tính sau một thời gian sử dụng sẽ bị giảm hoạt tính hấp phụ và sẽ được thay thế định kỳ 6-12 tháng/lần. Than hoạt tính thải bỏ sẽ được thu gom và xử lý theo quy định.

Thông số kỹ thuật hệ thống xử lý khí thải:

STT	Nội dung	Thông số kỹ thuật	Đơn vị	Số lượng
1.	Hệ thống thu khí			
1.1	Chụp hút	- Kích thước: 2500x1000mm - Vật liệu: Tole mạ kẽm	Bộ	3
1.2	Quạt hút đồng trục	- Kiểu: đồng trục - Lưu lượng: 2.000-3.000 m ³ /h - Điện áp: 220V/380V/50Hz - Công suất: 0,37 kW	Bộ	1
1.3	Đường ống thu gom khí thải	- Vật liệu: tôn mạ kẽm dày 0,75mm - Dạng ống tròn - Đường kính: 300mm	Hệ	1
1.4	Phụ kiện kết nối	- Mặt bích, ty ren, cùm treo, khung đỡ - Vật liệu: Thép mạ kẽm - Support đỡ đường ống, thiết kế: thép tráng kẽm	Hệ	1
2.	Thiết bị xử lý			
2.1	Quạt hút ly tâm	- Lưu lượng: 4.000 – 6.000 m ³ /h - Điện áp: 220V/380V/50Hz - Công suất: 7,5 HP	Bộ	1
2.2	Tháp hấp phụ	- Kích thước: DxH = 1,2x2m, dày 3mm - Vật liệu: thép CT3, sơn epoxy chống rỉ - Bao gồm than hoạt tính xử lý khí thải	Bộ	1
2.3	Sàn thao tác lấy mẫu	- Vật liệu: thép CT3, sơn epoxy chống rỉ - Vị trí lấy mẫu: ống D90mm	Bộ	1
2.4	Ống thải	- Đường kính: 350mm - Chiều cao: 3m - Vật liệu: Ống tôn mạ kẽm	Hệ	1

(Nguồn: Công ty TNHH Phú Quang)



Hình 11 Hình ảnh ống khói và sàn thao tác lấy mẫu

3.2.2.2. Bụi tại kho nguyên liệu và kho thành phẩm

Để giảm ô nhiễm không khí trong khu vực chứa và vận chuyển nguyên liệu, sản phẩm, Công ty đã áp dụng các biện pháp sau:

- Kho bãi được làm nền bằng bê tông có mái che tránh nước mưa và tường bao quanh để tránh bụi phát tán vào môi trường xung quanh. Áp dụng chế độ quản lý, sử dụng kho bãi khoa học sao cho ít gây ô nhiễm nhất đến các khu vực xung quanh.

- Thường xuyên quét dọn, phun nước rửa đường xung quanh nhà xưởng, đường giao thông để giảm lượng bụi đất phát tán vào không khí.

Mỗi lần nhập nguyên liệu đều cho quét dọn sạch sẽ.

3.2.2.3. Bụi, khí thải từ hoạt động của các phương tiện vận chuyển

Trong quá trình hoạt động, hàng ngày tại khu vực nhà máy có các hoạt động giao thông vận tải chuyên chở nguyên nhiên liệu và hàng hóa ra vào cơ sở. Tải lượng các chất ô nhiễm chứa trong khí thải giao thông vận tải phụ thuộc vào số lượng xe lưu thông, chất lượng nhiên liệu sử dụng, tình trạng kỹ thuật của phương tiện giao thông vận tải và chất lượng đường giao thông. Hơn nữa, đây là các nguồn phân tán, không thể tập trung để thu gom xử lý nên phần này chỉ đề xuất biện pháp chung góp phần tạo môi trường không khí trong khu vực cơ sở trong lành hơn. Các giải pháp khống chế ô nhiễm được áp dụng như sau:

- + Ưu tiên sử dụng nhiên liệu sạch, có chứa hàm lượng lưu huỳnh thấp, thường xuyên kiểm tra và bảo trì, đảm bảo tình trạng kỹ thuật xe tốt.

- + Thường xuyên bảo trì các phương tiện vận chuyển nhằm hạn chế khói thải.

- + Toàn bộ các tuyến đường giao thông nội bộ được bê tông hóa nên giảm thiểu phát sinh bụi.

- + Vào những ngày hanh khô, nhiều gió, tiến hành phun nước trên các tuyến đường để hạn chế cuốn bụi theo các phương tiện vận chuyển, thời gian phun sẽ tập trung vào trước các giờ cao điểm.

3.3 Công trình lưu giữ, xử lý chất thải rắn thông thường

Cơ sở không có công trình xử lý chất thải rắn thông thường mà chỉ có công trình thu gom và lưu giữ chất thải sau đó hợp đồng với đơn vị có chức năng để chuyển giao, vận chuyển và xử lý theo đúng quy định hiện hành.

3.3.1 Đối với chất thải rắn sinh hoạt

- Nguồn phát sinh: Chất thải phát sinh từ hoạt động sinh hoạt của công nhân viên làm việc tại cơ sở. Thành phần chất thải rắn sinh hoạt chủ yếu là giấy các loại, bao nylon, lon nước giải khát, hộp giấy, hộp nhựa, chai nhựa, giấy ăn đã sử dụng, bông tẩy trang, khẩu trang, bã kẹo cao su, đầu lọc thuốc lá, thức ăn thừa, thực phẩm hết hạn sử dụng và các loại rau, củ, quả, trái cây,....

- Phân loại, thu gom, quản lý chất thải sinh hoạt:

- + Nhằm tuân thủ Luật Bảo vệ Môi trường số 72/2020/QH14, Nghị định 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 và Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022, trong thời gian tới, cơ sở sẽ tiến hành phân loại rác tại nguồn, trang bị 3 thùng rác tương ứng với 3 loại chất thải: “CHẤT THẢI CÓ KHẢ NĂNG TÁI SỬ DỤNG, TÁI CHẾ”, “CHẤT THẢI HỮU CƠ”, “CHẤT THẢI RẮN SINH HOẠT KHÁC”, lộ trình thực hiện chậm nhất đến ngày 31/12/2023.

- Chất thải thực phẩm: Thức ăn thừa, các loại thực phẩm hết hạn sử dụng; Bã trà, bã cà phê; Các loại vỏ, hạt trái cây...;

- Chất thải có khả năng tái sử dụng, tái chế: Tạp chí, giấy báo; Vỏ hộp sữa, hộp giấy carton; Đồ nhựa các loại (xô, chai nhựa,...); Đồ nhôm (lon bia, nồi, ấm...); Đồ thủy tinh (chai, lọ,...); Đồ kim loại (sắt, thép,...);

- Chất thải rắn sinh hoạt khác: giấy vệ sinh; đồ sành, sứ, gốm, thủy tinh vỡ,...
- Ước tính hệ số rác thải phát sinh tại cơ sở là 0,5 kg/người/ngày (*Nguồn: Phân loại rác tại nguồn, Trung tâm Công nghệ và Quản lý Môi trường, 2008*).
- Lượng rác thải được tính theo công thức sau: $Q = m \times D$ (kg/ngày)
 - + Trong đó:
 - Q: Lượng rác thải trong ngày (kg/ngày)
 - m: Số người phát thải (người)
 - D: Định mức phát thải của một người (kg/người/ngày). $D = 0,5$ (kg/người/ngày).
 - + Vậy tổng lượng rác phát sinh trong ngày:
$$Q = 100 \times 0,5 = 50 \text{ kg/ngày}$$
 - + Vậy tổng khối lượng rác thải sinh hoạt tại dự án là 50 kg/ngày.
- Chất thải rắn sinh hoạt phát sinh trong quá trình hoạt động là 50 kg/ngày, với khối lượng riêng của rác thải sinh hoạt khoảng 300 kg/m^3 , hệ số đầy của thùng là 0,85; như vậy tổng thể tích thùng chứa rác trong một ngày là:

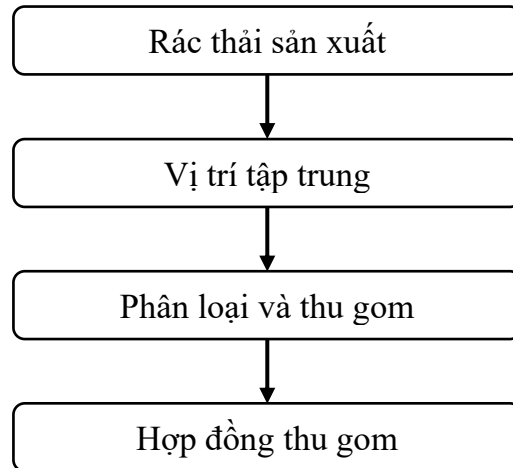
$$\frac{50}{0,85 \times 300 \text{ kg/m}^3} = 0,2 \text{ m}^3 = 200 \text{ lít}$$

- Hình thức lưu trữ: Dọc đường giao thông, xung quanh khu vực các xưởng có bố trí các thùng 120 lít. Vào cuối ngày công nhân vệ sinh sẽ thu gom chất thải sinh hoạt phát sinh để vận chuyển đến khu vực lưu giữ chất thải rắn sinh hoạt của nhà máy. Lượng rác thải sinh hoạt sẽ được thu gom và chứa trong 02 thùng bằng nhựa 240 lít có nắp đậy sau đó sẽ được tập trung tại khu vực chứa rác tại sân trống phía sau nhà xưởng, khu vực chứa rác có diện tích 10 m^2 .
- Tần suất thu gom: 1 lần/ngày
- Biện pháp xử lý: Công ty ký hợp đồng thu gom rác thải với đơn vị có chức năng thu gom và xử lý rác thải của địa phương.
- Công ty đã ký hợp đồng với Công ty TNHH Môi trường Trời Xanh theo hợp đồng số 28/HĐTX.2024 ngày 26/12/2023 (*hợp đồng được đính kèm phụ lục*) để thu gom, vận chuyển và chuyển giao xử lý rác theo đúng quy định.

3.3.2 Đối với chất thải rắn công nghiệp thông thường

- Chất thải rắn công nghiệp thông thường bao gồm: thùng carton, bao bì nylon, giấy vụn, phòng thải, pallet gỗ, màng xốp vụn, màng xốp hỏng, nút xốp,... Ước tính khối lượng chất thải CNTT phát sinh tại cơ sở là 4.878,3 kg/tháng.
- Hình thức lưu giữ: lưu giữ gọn vào bao tại kho chứa chất thải rắn công nghiệp thông thường của nhà máy diện tích 20 m^2 .
- Tần suất thu gom: 2 lần/năm

- Biện pháp xử lý: rác thải công nghiệp thông thường được công nhân thu gom vào bao và chứa trong nhà kho. Công ty sẽ ký hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom và xử lý để chuyển giao toàn bộ lượng chất thải công nghiệp tại nhà máy xử lý theo đúng quy định.
- Nhà máy sẽ bố trí khu vực chứa chất thải để đáp ứng các yêu cầu về môi trường như:
 - + Xây dựng mái che cho toàn bộ khu vực lưu giữ chất thải
 - + Các khu vực lưu giữ được bố trí riêng biệt
 - + Có cao độ nền đảm bảo nước mưa không chảy tràn vào khu vực chứa rác
 - + Ký hợp đồng với đơn vị chức năng để thực hiện thu gom theo đúng quy định.



Hình 12 Sơ đồ quản lý chất thải công nghiệp thông thường

3.4 Công trình, biện pháp lưu giữ, xử lý chất thải nguy hại

- Khối lượng CTNH mà Nhà máy phát sinh khoảng 202 kg/tháng tương đương 2.424 kg/năm.
- Diện tích khu vực lưu chứa chất thải nguy hại: 25 m²
- Tần suất vận chuyển: 1 lần/năm
- Chất thải nguy hại được bố trí khu vực lưu chứa riêng, có dán bảng tên và các thùng chứa được dán nhãn cùng các dấu hiệu cảnh báo đi kèm theo quy định.
- Chất thải nguy hại phát sinh tại nhà máy được thu gom và giao cho đơn vị thu gom có chức năng để xử lý theo đúng quy định.

Bảng 10 Thống kê các loại chất thải nguy hại xin cấp phép

STT	Loại chất thải	Tính chất nguy hại chính	Trạng thái tồn tại thông thường	Số lượng (kg/năm)	Mã CTNH
01	Bóng đèn huỳnh quang và các loại thủy tinh hoạt tính thải	Đ, ĐS	Rắn	30	16 01 06
02	Chất hấp thụ, vật liệu lọc (bao gồm cả vật liệu lọc dầu chưa nêu tại các mã khác), giẻ lau, vải bảo	Đ, ĐS	Rắn	300	18 02 01

	vệ thải bị nhiễm các thành phần nguy hại				
03	Dầu động cơ, hộp số và bôi trơn tổng hợp thải	Đ, ĐS, C	Lỏng	720	17 02 03
04	Hộp chứa mực in (loại có các thành phần nguy hại trong nguyên liệu sản xuất mực) thải	Đ, ĐS	Rắn	18	08 02 04
05	Bao bì nhựa cứng (đã chứa chất khi thải ra là CTNH) thải	Đ, ĐS	Rắn	144	18 01 03
06	Pin, ắc quy chì thải	Đ, ĐS, AM	Rắn	12	16 01 12
07	Than hoạt tính (trong buồng hấp phụ) đã qua sử dụng từ quá trình xử lý khí thải	Đ, ĐS	Rắn	1.200	12 01 04
	Tổng cộng			2.424	

(Nguồn: Công ty TNHH Phú Quang)

Ghi chú: Đ: Có độc tính; ĐS: Có độc tính sinh thái; AM: Ăn mòn.

– Chất thải nguy hại phát sinh được thu gom, quản lý theo Luật BVMT số 72/2020/QH14, Nghị định 08/2022/NĐ-CP và Thông tư 02/2022/BTNMT quy định về quản lý chất thải nguy hại, cụ thể:

+ Chất thải nguy hại phát sinh sẽ được phân loại ngay từ đầu và có nhân viên phụ trách thu gom, trực tiếp đem xuống lưu trữ tại khu vực dành cho chất thải nguy hại.

+ Trang bị các thùng chứa có nắp đậy, dán mã CTNH, để thu gom, phân biệt, bảo quản từng loại chất thải rắn nguy hại.

3.5 Công trình, biện pháp giảm thiểu tiếng ồn và độ rung

3.5.1. Nguồn phát sinh tiếng ồn và độ rung

- Nguồn số 01: Tiếng ồn, độ rung phát sinh từ máy móc thiết bị trong quá trình hoạt động sản xuất;

- Nguồn số 02: Tiếng ồn, độ rung phát sinh từ phương tiện giao thông ra vào cơ sở (xe ô tô, xe gắn máy,...).

3.5.2. Biện pháp giảm thiểu tiếng ồn và độ rung

Tiếng ồn trong khu vực sản xuất của cơ sở ở một số công đoạn là khó tránh khỏi. Tuy nhiên công ty nằm trong KCN nên tiếng ồn không gây ảnh hưởng đáng kể đến khu dân cư xung quanh. Để giảm thiểu tiếng ồn nhằm đảm bảo sức khỏe cho công nhân lao động và tránh làm tăng mức độ ồn trong khu vực, tiếng ồn trong nhà máy được khống chế bằng các phương pháp sau:

- Kiểm tra độ cân bằng của thiết bị, máy móc trong quá trình lắp đặt và hiệu chỉnh nếu cần thiết. Bảo dưỡng máy móc, thiết bị theo định kỳ và sửa chữa khi cần thiết (châm dầu bôi trơn, sửa chữa mối hở của thiết bị hoặc thay mới thiết bị hỏng...).
- Tiếng ồn, độ rung từ xe vận chuyển được kiểm soát bằng việc không chở quá tải và hạn chế bóp còi trong khu vực Công ty.
- Tắt máy các phương tiện vận chuyển trong thời gian chờ bốc dỡ hàng hóa.
- Công nhân làm việc tại các nơi gây ồn nhiều sẽ được trang bị bảo hộ lao động đầy đủ và bố trí ca, kíp luân phiên hợp lý bảo đảm điều kiện làm việc tốt.
- Phân lập các khu vực gây ồn cao bằng các phương pháp cách ly, cách âm, không vận hành quá tải máy móc và thiết bị, luôn bảo dưỡng và thay thế định kỳ, đảm bảo tốt các điều kiện kỹ thuật làm việc của máy móc thiết bị.
- Lắp đặt đệm cao su và lò xo chống rung đối với các thiết bị có công suất lớn.
- Lắp đặt thiết bị có chất lượng tốt đảm bảo tiêu chuẩn kỹ thuật;
- Có chế độ làm việc hợp lý đối với lao động làm việc tại các khu vực phát sinh tiếng ồn lớn.
- Cây xanh, thảm cỏ được trồng xung quanh nhà máy, xây tường bao quanh nhà máy để giảm tiếng ồn phát tán ra xung quanh.

3.6 Phương án phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường

3.6.1 Sự cố cháy nổ

- Các nguyên liệu và sản phẩm là vật liệu dễ cháy được bố trí cách ly với khu vực có khả năng phát sinh tia lửa.
- Thường xuyên kiểm tra hệ thống điện để tránh hiện tượng chập điện xảy ra.
- Hệ thống đường xá trong cơ sở đảm bảo xe cứu hỏa ra vào thuận tiện.
- Các thiết bị điện được tính toán dây dẫn có tiết diện hợp lý với cường độ dòng, có thiết bị bảo vệ quá tải. Những khu vực nhiệt độ cao dây dẫn điện được đi ngầm hoặc được bảo vệ kỹ.
- Các Moteur điện đều có hộp che chắn và bảo vệ.
- Lắp đặt hệ thống an toàn chống cháy và chống sét.
- Thường xuyên kiểm tra hệ thống đường dây điện trong nhà xưởng sản xuất và khu văn phòng toàn cơ sở.
- Hệ thống điện được bố trí và lắp đặt theo tiêu chuẩn an toàn về điện.
- Định kỳ kiểm định các thiết bị hoạt động có áp suất như nồi hơi, máy nén khí, bình chịu áp lực,... theo quy định.
- Dán các bảng hướng dẫn PCCC, an toàn lao động, quy trình sử dụng máy móc tại các vị trí cần thiết.
- Tổ chức các buổi hướng dẫn PCCC, an toàn khi sử dụng điện/gas, tiết kiệm khi sử dụng điện/ nước,...



Hình 13 Hình ảnh khu vực PCCC

3.6.2. Biện pháp phòng ngừa sự cố hệ thống xử lý khí thải

Để giảm thiểu những sự cố trong quá trình vận hành, cần thực hiện các biện pháp sau:

- Xây dựng nội quy và quy trình vận hành an toàn.
- Lập bảng tóm tắt quy trình vận hành và xử lý sự cố niêm yết tại khu vực hệ thống xử lý.
- Người vận hành phải nắm vững quy phạm và tiêu chuẩn liên quan, nội quy, quy trình vận hành.
- Trang bị đồng hồ, phương tiện thông tin để người vận hành kịp thời thông báo khi có sự cố xảy ra.
- Trường hợp không khắc phục được sẽ ngưng hoạt động để tìm hướng xử lý, khắc phục.
- Tuân thủ các yêu cầu về thiết kế và quy trình kỹ thuật vận hành hệ thống xử lý khí thải
- Tuân thủ nghiêm ngặt các yêu cầu vận hành, bảo trì và bảo dưỡng hệ thống
- Có kế hoạch xử lý kịp thời khi xảy ra sự cố đối với hệ thống

Trường hợp xảy ra sự cố:

- Ngừng hoạt động tại khu vực phát sinh sự cố
- Phối hợp với các cơ quan quản lý môi trường để khắc phục sự cố
- Yêu cầu đối với cán bộ vận hành:
 - + Phải lập tức báo cáo với bộ phận quản lý khi có sự cố xảy ra
 - + Tiến hành giải quyết các sự cố theo thứ tự ưu tiên:
 - Bảo đảm an toàn về người
 - An toàn về tài sản

- An toàn về công việc
- + Nếu sự cố không tự khắc phục được, phải hợp tác với các đơn vị chức năng
- + Lập hồ sơ ghi chép sự cố

3.6.3. Biện pháp phòng ngừa, ứng phó sự cố tràn đổ, rò rỉ hóa chất

Trong quá trình hoạt động, chủ đầu tư sẽ lập biện pháp phòng ngừa, ứng phó sự cố hóa chất, phù hợp với hoạt động của nhà máy, các biện pháp bao gồm:

3.6.3.1 Đối với hóa chất lưu trữ trong kho

Sắp xếp các bao bì, thùng chứa ngay ngắn, phân loại từng hóa chất theo từng khu vực riêng, không xếp chồng lên quá cao có thể gây nghiêng ngã.

Hóa chất trong kho được để trên bục hoặc giá đỡ, xếp cách tường 0,5m, lối đi chính trong kho rộng tối thiểu 1,5m.

Không để bao bì, vật liệu dễ cháy: giẻ lau, giấy lau dính dầu mỡ,... trong kho.

Trong quá trình nhập kho, được công nhân kiểm tra xem Nhãn của hóa chất đảm bảo rõ, dễ đọc và không bị rách. Đồng thời có sổ theo dõi xuất nhập tồn kho hàng ngày.

Thông gió kho chứa hóa chất, tránh nhiệt độ bảo quản hóa chất quá nóng. Công ty có lắp đặt thiết bị theo dõi thường xuyên nhiệt độ và độ ẩm.

Ngắt các thiết bị điện khi không còn sử dụng.

Các thiết bị dùng điện được không chế chung bằng thiết bị đóng ngắt, đặt bên ngoài nhà trên mặt tường bằng vật liệu không cháy hoặc trụ riêng biệt. Thiết bị điện trong kho hóa chất là loại chống nổ.

Khi cần thiết sửa chữa cơ khí, hàn điện hay hàn hơi phải có quy trình làm việc an toàn phòng chống cháy nổ, có xác nhận đảm bảo của cán bộ an toàn lao động.

Trang bị các thiết bị PCCC: bình chữa cháy, hệ thống báo cháy tự động, hộp nước chữa cháy vách tường, bình cầu chữa cháy tự động.

Các phương tiện, vật dụng cần thiết như thùng xốp, vải, thùng cát được bố trí sẵn để đảm bảo ứng phó trong trường hợp có xảy ra sự cố.

Bảng dữ liệu an toàn hóa chất (MSDS) cho mỗi loại hóa chất được đặt ngay tại khu vực lưu trữ sẵn sàng cho việc sử dụng.

Trang bị đồ bảo hộ cá nhân đầy đủ cho người lao động làm việc tại kho chứa: khẩu trang, găng tay ủng cao su, bôn rửa mắt.

3.6.3.2 Đối với hóa chất tại phòng pha dung môi

Hóa chất dùng để pha chế chỉ được để một lượng vừa đủ để sử dụng trong ngày, không để tồn chứa nhiều hóa chất.

Hóa chất trước và sau pha chế phải được đặt trong máng bảo hộ và pallet.

Các thiết bị điện trong phòng pha keo là loại phòng nổ.

Trang bị đầy đủ các thiết bị PCCC: bình chữa cháy, hệ thống báo cháy tự động, hộp nước chữa cháy vách tường, bình cầu chữa cháy tự động.

Các phương tiện, vật dụng cần thiết như thùng xốp, vải, thùng cát được bố trí sẵn để đảm bảo ứng phó trong trường hợp có xảy ra sự cố.

Công nhân pha chế được huấn luyện về an toàn hóa chất và được trang bị đầy đủ phương tiện bảo hộ lao động: khẩu trang, găng tay ủng cao su, bồn rửa mắt.

Quy trình pha chế hóa chất an toàn được niêm yết tại khu vực pha chế.

3.6.3.3 Đối với hóa chất sử dụng tại dây chuyền sản xuất

Hóa chất được sang chiết sang các chai, lọ nhỏ hơn tùy theo nhu cầu sử dụng và được phân loại, ghi nhãn theo Thông tư số 04/2012/TT-BCT.

Hóa chất được đặt ở khu vực quy định và được đặt trong máng bảo hộ để tránh tràn đổ.

Công nhân thao tác với hóa chất được trang bị bảo hộ lao động đầy đủ theo yêu cầu của MSDS đi kèm.

Lượng hóa chất sử dụng trong dây chuyền sản xuất chỉ đáp ứng tối đa 1 ngày sản xuất. Khi hết, cán bộ quản lý sẽ cử đại diện xuống kho hóa chất hoặc phòng pha keo nhận thêm.

Cán bộ quản lý, công nhân tiếp xúc với hóa chất nguy hiểm đều được công ty tổ chức huấn luyện, tuyên truyền về an toàn trong tiếp xúc, sử dụng hóa chất. Hạn chế tối đa rủi ro xảy ra.

Bên cạnh các biện pháp hạn chế sự cố tại từng khu vực, nhà máy còn áp dụng các biện pháp sau:

Lắp đặt các hệ thống báo cháy chữa cháy tự động và cung cấp các số điện thoại khẩn cấp niêm yết tại các khu vực có nguy cơ.

Quản lý và công nhân viên làm việc tại những khu vực này được đào tạo về xử lý sự cố, tham gia diễn tập ứng phó sự cố tràn đổ hóa chất 1 năm/lần.

3.6.3.4 Ứng phó sự cố rò rỉ, rơi vãi hóa chất:

Khi phát hiện sự cố tràn đổ, người phát hiện nhanh chóng dựng thùng hóa chất bị đổ (nếu có), dùng vải, nút xốp, cát,...ngăn chặn đầu nguồn tràn, đồng thời báo cho quản lý biết, nếu cần nhân viên quản lý báo cho phòng An toàn và môi trường để hỗ trợ xử lý.

Quản lý báo động sơ tán những người không phận sự ra khỏi khu vực sự cố, nếu có người bị nạn thì phải di chuyển ngay lập tức nạn nhân ra khỏi khu vực nguy hiểm, tiến hành sơ cấp cứu rồi chuyển xuống phòng y tế.

Công nhân viên được trang bị bảo hộ lao động đầy đủ mới tham gia xử lý sự cố.

Dùng những thiết bị thích hợp như bơm tay, bơm máy, dụng cụ khác... để thu hóa chất vào trong thùng chứa.

Cố gắng ngăn không cho hóa chất không tương thích tác động lên nhau.

Dùng dây bao quanh khu vực sự cố, hạn chế người không phận sự.

Trường hợp có xảy ra tai nạn lao động, quản lý phải thực hiện sơ cấp cứu tại chỗ và thông báo cho phòng y tế trong thời gian sớm nhất.



Hình 14 Khu vực chứa hóa chất

3.6.4. Biện pháp phòng ngừa, ứng phó sự cố đối với chất thải

- Đảm bảo 100% chất thải rắn phát sinh tại cơ sở được thu gom, lưu chứa và xử lý đúng quy định.
- Đảm bảo kho lưu chứa chất thải đủ sức chứa, được bố trí, vệ sinh sạch sẽ.
- Chất thải rắn được lưu chứa, bao gói cẩn thận tránh rò rỉ nước thải ra môi trường.
- Bố trí nhân sự phụ trách giám sát, theo dõi việc thu gom, lưu chứa chất thải và liên hệ các đơn vị chức năng thu gom, xử lý kịp thời, tránh tình trạng chất thải bị ứ lại nhiều ngày đặc biệt là chất thải sinh hoạt làm phát sinh mùi hôi, ảnh hưởng đến mỹ quan nhà máy và sức khỏe người lao động.
- Lưu chứa chất thải vào thùng chứa có nắp đậy
- Sử dụng dụng cụ chống tràn đổ dành chất thải nguy hại dạng lỏng.
- Thường xuyên kiểm tra tình trạng khu vực lưu trữ
- Chất thải sinh hoạt được thu gom vào bao bì chứa

- Thường xuyên kiểm tra khu vực lưu trữ chất thải để đảm bảo việc phân loại, lưu trữ thực hiện theo đúng quy định

- Hợp đồng với đơn vị thu gom xử lý có chức năng theo quy định của pháp luật.

3.6.5. Biện pháp giảm thiểu và ứng phó sự cố đối với bể tự hoại

Công ty thường xuyên theo dõi hoạt động của bể tự hoại, bảo trì, bảo dưỡng định kỳ, tránh các sự cố có thể xảy ra như:

- Tắc nghẽn bồn cầu hoặc tắc nghẽn đường ống dẫn đến phân, nước tiêu không tiêu thoát được.

- Tắc đường ống thoát khí bể tự hoại gây mùi hôi thối trong nhà vệ sinh hoặc có thể gây nổ hầm cầu. Trường hợp này phải thông ống dẫn khí để hạn chế mùi hôi cũng như đảm bảo an toàn cho nhà vệ sinh.

Hợp đồng với đơn vị có chức năng tiến hành thu gom, hút hầm cầu định kỳ và mang đi xử lý đúng quy định.

3.7 Các công trình, biện pháp bảo vệ môi trường khác

Để đảm bảo an toàn lao động trong nhà xưởng, các biện pháp phòng ngừa, ứng phó sau đây sẽ được thực hiện:

Phòng ngừa tai nạn lao động:

Các biện pháp để bảo vệ an toàn lao động cho người công nhân là không thể thiếu. Vì vậy nhà máy phải quan tâm đến các yếu tố vi khí hậu nhằm đảm bảo môi trường lao động an toàn và hợp vệ sinh cho công nhân như sau:

- Từng máy móc thiết bị có nội quy vận hành sử dụng an toàn lập thành bảng gắn tại vị trí hoạt động và thường xuyên huấn luyện cho công nhân thực thi đầy đủ và kiểm tra để không xảy ra tai nạn lao động do không thực hiện đúng nội quy vận hành sử dụng an toàn thiết bị.

- Toàn bộ máy móc thiết bị sẽ được kiểm tra và bảo dưỡng định kỳ theo kế hoạch để bảo đảm luôn ở tình trạng tốt.

- Về an toàn kỹ thuật điện: nhà xưởng sẽ chú trọng công tác thực hiện các biện pháp an toàn kỹ thuật tại các bộ phận. Tất cả các bộ phận đều có bảng nội quy an toàn kỹ thuật điện tại nơi làm việc, đảm bảo công nhân phải tuân thủ đúng nội quy.

- Điều kiện về ánh sáng và tiếng ồn cũng cần được tuân thủ chặt chẽ.

- Trong những trường hợp sự cố, công nhân vận hành phải được hướng dẫn và thực tập xử lý theo đúng quy tắc an toàn. Các dụng cụ và thiết bị cũng như những địa chỉ cần thiết liên hệ khi xảy ra sự cố cần được chỉ thị rõ ràng: địa chỉ liên hệ trong trường hợp khẩn cấp: bệnh viện, cứu hỏa...

Ứng phó tai nạn lao động:

- Trang bị các dụng cụ và thiết bị cần thiết cho việc sơ cấp cứu người bị tai nạn lao động;

- Ghi rõ các địa chỉ liên hệ cần thiết như người liên hệ trong trường hợp khẩn cấp, trạm xá,

bệnh viện,... tại vị trí dễ thấy để liên hệ;

- Tiến hành sơ cấp cứu cho người bị tai nạn hoặc chuyển người bị nạn đến trạm xá, bệnh viện gần nhất hoặc gọi cấp cứu để kịp thời cứu chữa người bị nạn.

Bảng 11 Biện pháp phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường khác

Sự cố môi trường	Biện pháp phòng ngừa sự cố môi trường
Sự cố bụi nhựa phát sinh từ công đoạn cắt vượt quy chuẩn cho phép	- Xây dựng kế hoạch bảo trì máy hút bụi công nghiệp - Thường xuyên kiểm tra, bảo trì máy móc, thiết bị theo kế hoạch - Đưa ra các phương án cải tiến máy móc để giảm thiểu bụi phát tán - Trang bị khẩu trang y tế kháng bụi cho nhân viên làm việc.
Sự cố tràn đổ hoá chất tại phòng bảo trì và khu vực sử dụng hoá chất	- Xây dựng kế hoạch kiểm tra tủ chứa hoá chất, dụng cụ ứng phó sự cố tràn đổ hoá chất, đảm bảo dụng cụ luôn trong tình trạng đầy đủ, sẵn sàng - Thường xuyên cập nhật hoá chất sử dụng, MSDS, dán nhãn - Hướng dẫn, đào tạo cho nhân viên sử dụng hoá chất nắm rõ MSDS và tuân thủ các quy định về an toàn trong vận chuyển, bố dỡ hoá chất, bảo quản, lưu trữ, sử dụng và thải bỏ hoá chất. - Diễn tập ứng phó sự cố tràn đổ hoá chất (tần suất 1 lần/năm).
Khu vực lưu chứa chất thải nguy hại	- Lưu chứa chất thải vào thùng chứa có nắp đậy - Sử dụng dụng cụ chống tràn đổ dành chất thải nguy hại dạng lỏng. - Thường xuyên kiểm tra tình trạng khu vực lưu trữ - Chất thải sinh hoạt được thu gom vào bao bì chứa - Thường xuyên kiểm tra khu vực lưu trữ chất thải để đảm bảo việc phân loại, lưu trữ thực hiện theo đúng quy định - Hợp đồng với đơn vị thu gom xử lý có chức năng theo quy định của pháp luật.
Sự cố rò rỉ rác và phát tán chất thải tại khu vực lưu chứa chất thải sinh hoạt	
Sự cố tiếng ồn, độ rung tại các khu vực phát sinh tiếng ồn vượt mức quy định	- Xây dựng kế hoạch bảo trì máy móc, thiết bị sử dụng trong quá trình sản xuất - Thường xuyên kiểm tra, bảo trì máy móc, thiết bị theo kế hoạch - Xây dựng kế hoạch giám sát môi trường về tiếng ồn, độ rung theo quy định pháp luật - Đưa ra các phương án cải tiến máy móc để giảm thiểu tiếng ồn, độ rung phát tán

	- Trang bị bảo hộ lao động cho nhân viên tại khu vực làm việc - Tổ chức khám sức khỏe định kỳ cho nhân viên theo quy định
--	---

3.8. Các nội dung thay đổi so với quyết định phê duyệt kết quả thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường (nếu có):

STT	Hạng mục	Theo báo cáo ĐTM	Theo thực tế vận hành	Giải trình
1	Hệ thống xử lý hơi dung môi	- Ống thải cao: 10m - Đường kính ống thải: 2500 mm - Vật liệu ống thải: SUS 304 chống ăn mòn	- Ống thải cao: 3m - Đường kính ống thải: 350 mm - Vật liệu ống thải: Ống tôn mạ kẽm	Khi tiến hành lắp đặt hệ thống xử lý khí thải, đơn vị thiết kế đã tính toán lại đường kính ống khói và chiều cao ống khói cho phù hợp với nhà xưởng

3.9. Các nội dung thay đổi so với giấy phép môi trường đã được cấp (khi đề nghị cấp lại giấy phép môi trường quy định tại Nghị định này)

Không có

3.10. Kế hoạch, tiến độ, kết quả thực hiện phương án cải tạo, phục hồi môi trường, phương án bồi hoàn đa dạng sinh học (nếu có):

Cơ sở không thuộc đối tượng

Chương IV

NỘI DUNG ĐỀ NGHỊ CẤP GIẤY PHÉP MÔI TRƯỜNG

4.1 Nội dung đề nghị cấp phép đối với nước thải:

- Nguồn phát sinh nước thải:
 - + Nguồn số 1: Nước thải phát sinh từ quá trình sinh hoạt của cán bộ công nhân viên;
 - + Nguồn số 2: Nước thải phát sinh từ nhà ăn.
- Lưu lượng xả nước thải tối đa: 15 m³/ngày
- Dòng nước thải: Tất cả nước thải phát sinh từ cơ sở được xử lý sơ bộ trước khi đầu nối vào hệ thống cống thoát nước chung của KCN và dẫn về hệ thống xử lý nước thải tập trung của KCN Linh Trung III.

➔ Không thuộc đối tượng phải cấp giấy phép môi trường đối với nước thải theo quy định tại khoản 1 Điều 39 Luật Bảo vệ môi trường (do nước thải sau xử lý được đầu nối vào hệ thống thu gom xử lý nước thải tập trung của KCN Linh Trung III, không xả ra môi trường).

4.2 Nội dung đề nghị cấp phép đối với khí thải:

4.2.1. Nguồn phát sinh:

- Nguồn số 01: Hơi dung môi phát sinh từ quá trình dán keo, ép nóng trong sản xuất nút xốp;

4.2.2. Lưu lượng xả khí thải tối đa:

- Dòng khí thải số 01: 6.000 m³/h

4.2.3. Dòng khí thải:

- Dòng khí thải số 01: Hơi dung môi phát sinh từ 03 máy dán keo, ép nóng trong quá trình sản xuất nút xốp sẽ được hút qua hệ thống xử lý bằng thiết bị hấp phụ than hoạt tính và thoát ra môi trường bằng ống khói cao 3m.

4.2.4. Các chất ô nhiễm và giá trị giới hạn của các chất ô nhiễm theo dòng khí thải:

Chất lượng khí thải trước khi xả vào môi trường không khí phải bảo đảm đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường và QCVN 20:2009/BTNMT. Cụ thể như sau:

Bảng 12 Chất lượng khí thải trước khi xả vào môi trường

STT	Chất ô nhiễm	Đơn vị tính	QCVN 20:2009/ BTNMT	Tần suất quan trắc định kỳ	Quan trắc tự động, liên tục
1	Lưu lượng	-	-	03 tháng/lần	Không thuộc đối tượng phải quan trắc bụi, khí thải tự động, liên tục
2	Xylen	mg/Nm ³	870		
3	Toluen	mg/Nm ³	750		

4.2.5. Vị trí, phương thức xả khí thải:

+ Vị trí xả thải: tại miệng ống khói cao 3 m trong khuôn viên nhà xưởng, tọa độ X = 1 217 317, Y = 598 055 (Theo hệ tọa độ VN 2000, kinh tuyến trực 105⁰45', múi chiều 3⁰).

+ Phương thức xả thải: Khí thải xả trực tiếp ra môi trường qua ống khói, xả gián đoạn theo ca sản xuất khi nhà máy hoạt động.

4.3 Nội dung đề nghị cấp phép đối với tiếng ồn, độ rung:

- Nguồn phát sinh tiếng ồn, độ rung:

+ Nguồn số 01: Khu vực máy móc thiết bị trong quá trình hoạt động sản xuất

+ Nguồn số 02: Khu vực phương tiện giao thông chở hàng hóa ra vào cơ sở (xe ô tô, xe gắn máy,...)

- Giá trị giới hạn đối với tiếng ồn, độ rung:

Bảng 13 QCVN về tiếng ồn áp dụng trong giai đoạn hoạt động

TT	Từ 6 – 21 giờ (dBA)	Từ 21-6 giờ (dBA)	Tần suất quan trắc định kỳ	Ghi chú
1	70	55	6 tháng/lần	Khu vực thông thường: Công ra vào của dự án

(QCVN 26:2010/BTNMT – Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn)

Bảng 14 QCVN về độ rung áp dụng trong giai đoạn hoạt động

TT	Thời gian áp dụng trong ngày và mức gia tốc rung cho phép, dB		Tần suất quan trắc định kỳ	Ghi chú
	Từ 6 – 21 giờ	Từ 21-6 giờ		
1	70	60	6 tháng/lần	Khu vực thông thường: Công ra vào của dự án

(QCVN 27:2010/BTNMT – Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về độ rung)

Chương V

KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG VÀ TÌNH HÌNH THỰC HIỆN CÔNG TÁC BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG CỦA CƠ SỞ

5.1. Thông tin chung về tình hình thực hiện công tác bảo vệ môi trường:

Theo báo cáo đánh giá tác động môi trường số 163/QĐ-UBND ngày 17 tháng 01 năm 2019 do Ủy ban nhân dân tỉnh Tây Ninh, Cơ sở sẽ thực hiện giám sát môi trường đối với:

- Đối với bụi, khí thải:

+ Vị trí giám sát: 01 vị trí sau ống khói xả thải của HTXLKT

+ Chỉ tiêu giám sát: Xylene, Toluene, Lưu lượng

+ Tần suất giám sát: 3 tháng/lần

- Đối với nước thải:

+ Vị trí giám sát: 01 điểm đầu ra tại hố ga sau hệ thống xử lý

+ Chỉ tiêu giám sát: pH, TSS, BOD5, Sunfua, Nitrat, Phosphat, Amoni, Coliform

+ Tần suất giám sát: 3 tháng/lần

- Đối chất thải rắn và chất thải nguy hại: giám sát khối lượng phát sinh

- Theo báo cáo công tác bảo vệ môi trường 2022

+ Quy mô, công suất:

++ Sản xuất và gia công nút xốp các loại: <800 tấn/năm

++ Sản xuất sản phẩm bao bì từ plastic: <0,6 tấn/năm

+ Nhu cầu sử dụng nước: 901,8 m³/tháng tương đương 34,68 m³/ngày

+ Nhu cầu sử dụng điện: 51.744,55 kWh/tháng tương đương 1.990,175 kWh/ngày

+ Công trình xử lý nước thải:

++ Tổng lượng nước thải phát sinh: trung bình 725,09 m³/tháng, tương đương 27,89 m³/ngày

++ Toàn bộ nước thải được thu gom và xử lý sơ bộ bằng bể tự hoại 3 ngăn trước khi đầu nối vào hệ thống thu gom của KCN để xử lý.

+ Công trình xử lý khí thải:

Năm 2022, công ty chưa lắp đặt hệ thống xử lý khí thải

+ Quản lý chất thải rắn sinh hoạt

++ Khối lượng phát sinh: 3,1 tấn/năm

++ Đơn vị tiếp nhận: Công ty TNHH Môi trường Trờì Xanh

+ Quản lý chất thải công nghiệp

++ Khối lượng phát sinh: 800 kg/năm

++ Đơn vị tiếp nhận: DNTN Nguyễn Văn Huỳnh

+ Quản lý chất thải nguy hại: khối lượng phát sinh trong quá trình sản xuất hiện nay rất ít, công ty tiến hành thu gom, phân loại và lưu trữ tại kho chứa.

- Theo báo cáo công tác bảo vệ môi trường 2023

+ Quy mô, công suất:

++ Sản xuất và gia công nút xốp các loại: <800 tấn/năm

++ Sản xuất sản phẩm bao bì từ plastic: <0,6 tấn/năm

+ Công trình xử lý nước thải:

++ Tổng lượng nước thải phát sinh: trung bình 796,7 m³/tháng, tương đương 30,6 m³/ngày

++ Toàn bộ nước thải được thu gom và xử lý sơ bộ bằng bể tự hoại 3 ngăn trước khi đầu nối vào hệ thống thu gom của KCN để xử lý.

+ Công trình xử lý khí thải:

Năm 2023, công ty chưa lắp đặt hệ thống xử lý khí thải

+ Quản lý chất thải rắn sinh hoạt

++ Khối lượng phát sinh: 3,1 tấn/năm

++ Đơn vị tiếp nhận: Công ty TNHH Môi trường Trời Xanh

+ Quản lý chất thải công nghiệp

++ Khối lượng phát sinh: 800 kg/năm

++ Đơn vị tiếp nhận: DNTN Nguyễn Văn Huỳnh

+ Quản lý chất thải nguy hại: khối lượng phát sinh trong quá trình sản xuất hiện nay rất ít, công ty tiến hành thu gom, phân loại và lưu trữ tại kho chứa.

5.2. Kết quả hoạt động của công trình xử lý nước thải:

Cơ sở đầu nối nước thải vào Khu Chế Xuất và Công Nghiệp Linh Trung III nên không quan trắc định kỳ đối với nước thải.

Bảng 15 Tổng lưu lượng nước thải của cơ sở

STT	Năm	Lượng nước thải		Đơn vị tiếp nhận
		m ³ /tháng	m ³ /ngày	
1	Năm 2021	676	26	Khu Chế Xuất và Công Nghiệp Linh Trung III
2	Năm 2022	725,09	27,89	
3	Năm 2023	796,7	30,6	

(Nguồn: Theo báo cáo công tác bảo vệ môi trường - Công ty TNHH Phú Quang)

Để thuận lợi cho công tác bảo vệ môi trường, công ty đã phối hợp với đơn vị có chức năng thực hiện giám sát chất lượng môi trường lao động để đánh giá hiện trạng các thành phần môi trường tại khu vực cơ sở.

- Vị trí giám sát: Nước thải tại hố ga cuối
- Kết quả quan trắc môi trường năm 2022

Bảng 16 Kết quả nước thải tại hố ga cuối năm 2022

STT	Thông số	Đơn vị	Kết quả		Tiêu chuẩn tiếp nhận KCX-CN Linh Trung III
			05/7/2022	28/11/2022	
1	pH	-	7,32	7,22	5,5-12
2	BOD ₅	mg/l	43	38	500
3	Sunfua	mg/l	0,12	0,15	0,5
4	TSS	mg/l	45	42	150
5	N-NH ₄ ⁺	mg/l	6,7	6,2	10
6	N-NO ₃ ⁻	mg/l	8,9	9,7	-
7	P-PO ₄ ⁻	mg/l	1,9	1,8	-
8	Coliform	mg/l	1,2x10 ³	1,1x10 ³	-

(Nguồn: Tổng hợp kết quả công ty)

- Kết quả quan trắc môi trường năm 2023

Bảng 17 Kết quả nước thải tại hố ga cuối năm 2023

STT	Thông số	Đơn vị	Kết quả		Tiêu chuẩn tiếp nhận KCX-CN Linh Trung III
			05/07/2023	27/11/2023	
1	pH	-	7,45	7,52	5,5-12
2	BOD ₅	mg/l	52	64	500
3	Sunfua	mg/l	0,24	0,12	0,5
4	TSS	mg/l	78	47	150
5	N-NH ₄ ⁺	mg/l	6,3	7,2	10
6	N-NO ₃ ⁻	mg/l	1,5	6,1	-
7	P-PO ₄ ⁻	mg/l	2,2	1,3	-

8	Coliform	mg/l	2,1x10 ³	1,5x10 ³	-
---	----------	------	---------------------	---------------------	---

(Nguồn: Tổng hợp kết quả công ty)

5.3. Kết quả hoạt động của công trình xử lý bụi, khí thải:

Để thuận lợi cho công tác bảo vệ môi trường, công ty đã phối hợp với đơn vị có chức năng thực hiện giám sát chất lượng môi trường lao động để đánh giá hiện trạng các thành phần môi trường tại khu vực cơ sở.

- Ngày lấy mẫu: 07/12/2022, 05/7/2023
- Vị trí giám sát: Khu vực nhà xưởng
- Kết quả quan trắc môi trường năm 2022

Bảng 18 Kết quả đo đặc chất lượng không khí tại khu vực nhà xưởng năm 2022

TT	Thông số	Đơn vị	Nhà xưởng 1	Nhà xưởng 2	Nhà xưởng 3	QCVN 03:2019/BYT	QCVN 02:2019/BYT
1	CO	mg/Nm ³	3,31	3,68	3,45	≤15,625	-
2	SO ₂	mg/Nm ³	0,077	0,096	0,081	≤3,90625	-
3	NO ₂	mg/Nm ³	0,041	0,049	0,045	≤3,90625	-
4	Bụi toàn phần	mg/Nm ³	0,58	0,5	0,43	-	≤6,25

(Nguồn: Tổng hợp kết quả công ty)

Bảng 19 Kết quả đo đặc yếu tố môi trường tại khu vực nhà xưởng năm 2022

TT	Thông số	Đơn vị	Nhà xưởng 1	Nhà xưởng 2	Nhà xưởng 3	QCVN 26:2016/BYT	QCVN 22:2016/BYT
1	Nhiệt độ	°C	30,6	31,2	31,8	18-32	-
2	Độ ẩm	%	72,6	71,1	69,3	40-80	-
3	Tốc độ gió	m/s	0,6	0,3	0,4	0,2-1,5	-
4	Tiếng ồn	dBA	78	81	77	≤85	-
5	Ánh sáng	Lux	384	347	412	-	≥300

(Nguồn: Tổng hợp kết quả công ty)

Bảng 20 Kết quả đo đặc chất lượng không khí tại khu vực cổng bảo vệ năm 2022

STT	Thông số	Đơn vị	Khu vực cổng bảo vệ		QCVN 26:2010/ BTNMT	QCVN 22:2016/ BYT	QCVN 05:2013/ BTNMT
			06/7/2022	28/11/2022			
1	Nhiệt độ	°C	29,9	30,1	-	-	
2	Độ ẩm	%	65,5	63,5	-	-	
3	Tốc độ gió	m/s	<0,4	<0,4	-	-	
4	Ánh sáng	Lux	ASTN	468	-	≥200	
5	Độ ồn	dBA	61,0	63,0	6h-21h: 70 21h-6h: 55	-	
6	Bụi	mg/m ³	0,241	0,235			0,3
7	SO ₂	mg/m ³	0,085	0,088			0,35
8	NO ₂	mg/m ³	0,072	0,070			0,2
9	CO	mg/m ³	<8,3	<8,3			30

(Nguồn: Tổng hợp kết quả công ty)

Ghi chú:

QCVN 22:2016/BYT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chiếu sáng – Mức cho phép chiếu sáng nơi làm việc;

QCVN 24:2016/BYT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia tiếng ồn – Mức tiếp xúc cho phép tiếng ồn tại nơi làm việc;

QCVN 26:2016/BYT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về vi khí hậu – Giá trị cho phép vi khí hậu tại nơi làm việc;

QCVN 02:2019/BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về bụi amiăng, bụi chứa silic, bụi không chứa silic, bụi bông và bụi than.

QCVN 03:2019/BYT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia giá trị giới hạn tiếp xúc cho phép của 50 yếu tố hóa học tại nơi làm việc.

– Kết quả quan trắc môi trường năm 2023

Bảng 21 Kết quả đo đặc chất lượng không khí tại khu vực nhà xưởng năm 2023

TT	Thông số	Đơn vị	Nhà xưởng 1	Nhà xưởng 2	Nhà xưởng 3	QCVN 02:2019/BYT
4	Bụi toàn phần	mg/Nm ³	0,36	0,371	0,378	≤6,25

(Nguồn: Tổng hợp kết quả công ty)

Bảng 22 Kết quả đo đặc yếu tố môi trường tại khu vực nhà xưởng năm 2023

*Báo cáo đề xuất cấp giấy phép môi trường của
“Nhà máy sản xuất nút xốp các loại ”*

TT	Thông số	Đơn vị	Nhà xưởng 1	Nhà xưởng 2	Nhà xưởng 3	QCVN 26:2016/BYT	QCVN 22:2016/BYT
1	Nhiệt độ	°C	30,1	30,5	31,6	18-32	-
2	Độ ẩm	%	67,4	66,3	65,8	40-80	-
3	Tốc độ gió	m/s	< 0,4	< 0,4	< 0,4	0,2-1,5	-
4	Tiếng ồn	dBA	68,5	65,8	64,3	≤85	-
5	Ánh sáng	Lux	571	586	593	-	≥300

(Nguồn: Tổng hợp kết quả công ty)

Bảng 23 Kết quả đo đặc chất lượng không khí tại khu vực cổng bảo vệ năm 2023

STT	Thông số	Đơn vị	Khu vực cổng bảo vệ		QCVN 26:2010/ BTNMT	QCVN 05:2013/ BTNMT
			05/7/2023	27/11/2023		
1	Nhiệt độ	°C	29,5	30,1	-	
2	Độ ẩm	%	63,7	62,4	-	
3	Tốc độ gió	m/s	<0,4	<0,4	-	
4	Ánh sáng	Lux	476	485	-	
5	Độ ồn	dBA	61,5	60,3	≤ 70	
6	Bụi	mg/m ³	0,257	0,225		0,3
7	SO ₂	mg/m ³	0,083	0,071		0,35
8	NO ₂	mg/m ³	0,071	0,068		0,2
9	CO	mg/m ³	<8,3	<8,3		30

(Nguồn: Tổng hợp kết quả công ty)

Ghi chú:

QCVN 22:2016/BYT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chiếu sáng – Mức cho phép chiếu sáng nơi làm việc;

QCVN 24:2016/BYT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia tiếng ồn – Mức tiếp xúc cho phép tiếng ồn tại nơi làm việc;

QCVN 26:2016/BYT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về vi khí hậu – Giá trị cho phép vi khí hậu tại nơi làm việc;

QCVN 02:2019/BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về bụi amiăng, bụi chứa silic, bụi không chứa silic, bụi bông và bụi than.

Nhân xét:

Căn cứ vào kết quả quan trắc trình bày trong bảng trên cho thấy các thông số trong không khí đều đảm bảo đạt quy chuẩn.

5.4. Kết quả thu gom, xử lý chất thải (đối với cơ sở thực hiện dịch vụ xử lý chất thải)

Cơ sở không thực hiện dịch vụ xử lý chất thải.

5.5. Kết quả nhập khẩu và sử dụng phế liệu nhập khẩu làm nguyên liệu sản xuất (đối với cơ sở sử dụng phế liệu nhập khẩu làm nguyên liệu sản xuất):

Cơ sở không sử dụng phế liệu nhập khẩu làm nguyên liệu sản xuất.

5.6. Tình hình phát sinh, xử lý chất thải:

Bảng 24 Thông kê khối lượng từng loại chất thải phát sinh

STT	Nhóm chất thải	Khối lượng		Đơn vị tiếp nhận
		Năm 2021	Năm 2022	
1	Chất thải rắn sinh học	2,3 tấn	3,1 tấn	Công ty TNHH Môi trường Trờì xanh
2	Chất thải rắn công nghiệp	Lưu giữ	800 kg	DNTN Nguyễn Văn Huỳnh
3	Chất thải nguy hại	Lưu giữ		

(Nguồn: Công ty TNHH Phú Quang)

5.7. Kết quả kiểm tra, thanh tra về bảo vệ môi trường đối với cơ sở:

Cơ sở không có đợt kiểm tra, thanh tra về bảo vệ môi trường của cơ quan có thẩm quyền đối với cơ sở trong 02 năm gần nhất trước thời điểm lập báo cáo

Chương VI

KẾ HOẠCH VẬN HÀNH THỬ NGHIỆM VÀ CHƯƠNG TRÌNH QUAN TRẮC MÔI TRƯỜNG CỦA CƠ SỞ

Trên cơ sở các công trình bảo vệ môi trường của cơ sở, chủ cơ sở tự rà soát và đề xuất kế hoạch vận hành thử nghiệm công trình xử lý chất thải (nếu có trong trường hợp đề xuất cấp lại giấy phép môi trường) và chương trình quan trắc môi trường trong giai đoạn hoạt động, cụ thể như sau:

6.1 Kế hoạch vận hành thử nghiệm công trình xử lý chất thải

6.1.1. Thời gian dự kiến vận hành thử nghiệm

Danh mục chi tiết kế hoạch vận hành thử nghiệm các công trình xử lý chất thải đã hoàn thành của dự án đầu tư được thể hiện trong bảng dưới đây:

Bảng 6.1. Kế hoạch vận hành thử nghiệm

STT	Các công trình xử lý chất thải đã hoàn thành	Thời gian bắt đầu	Thời gian kết thúc	Công suất dự kiến đạt được tại thời điểm kết thúc vận hành thử nghiệm
I	Hệ thống xử lý bụi, khí thải			
1	Hệ thống xử lý hơi dung môi bằng tháp hấp phụ than hoạt tính	Sau khi được phê duyệt GPMT	Không quá 6 tháng kể từ ngày GPMT có hiệu lực	6.000 m ³ /giờ.hệ thống

6.1.2. Kế hoạch quan trắc chất thải, đánh giá hiệu quả xử lý của các công trình, thiết bị xử lý chất thải:

a. Kế hoạch quan trắc, đánh giá hiệu quả xử lý

Thực hiện quan trắc trong quá trình vận hành thử nghiệm hệ thống xử lý bụi, khí thải theo quy định tại Điều 21 Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường.

Bảng 6.2. Kế hoạch quan trắc các công trình, thiết bị xử lý khí thải

STT	Vị trí lấy mẫu	Thông số lấy mẫu	Loại mẫu	Tần suất lấy mẫu	Quy chuẩn so sánh
I	Hệ thống xử lý bụi, khí thải				

STT	Vị trí lấy mẫu	Thông số lấy mẫu	Loại mẫu	Tần suất lấy mẫu	Quy chuẩn so sánh
1	Hệ thống xử lý hơi dung môi bằng tháp hấp phụ than hoạt tính	Lưu lượng, Toluen, Xylen	3 mẫu đơn	Ít nhất 03 ngày liên tiếp của giai đoạn vận hành ổn định	QCVN 20:2009/ BTNMT và QCVN

b. Tổ chức có đủ điều kiện hoạt động dịch vụ quan trắc môi trường dự kiến phối hợp để thực hiện kế hoạch

+ Để đánh giá hiệu quả của quá trình vận hành thử nghiệm các công trình bảo vệ môi trường của cơ sở, Chủ cơ sở dự kiến sẽ thuê đơn vị thực hiện chương trình quan trắc chất lượng môi trường:

+ Tên đơn vị: Công ty Cổ phần Dịch vụ Tư vấn môi trường Hải Âu

+ Địa chỉ: số 3, đường Tân Thới Nhất 20, Khu phố 4, phường Tân Thới Nhất, Quận 12, Thành phố Hồ Chí Minh

+ Giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động dịch vụ quan trắc môi trường số hiệu: Vimcerts 117 (cấp lần 05);

+ Quyết định số 468/QĐ-BTNMT ngày 11/3/3022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường về việc chứng nhận đăng ký hoạt động thử nghiệm và đủ điều kiện hoạt động dịch vụ quan trắc môi trường.

6.2 Chương trình quan trắc chất thải (tự động, liên tục và định kỳ) theo quy định của pháp luật

6.2.1 Chương trình quan trắc môi trường định kỳ

❖ Quan trắc nước thải:

Cơ sở nằm trong Khu công nghiệp nên nước thải phát sinh được thu gom đưa vào hệ thống xử lý nước thải của Khu công nghiệp, Chủ cơ sở đã ký hợp đồng xử lý nước thải với KCN nên không giám sát nội dung này. Theo khoản 2, điều 97 của Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật bảo vệ môi trường và điểm 46 của Nghị định 05/2025/NĐ-CP ngày 06/01/2025 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của chính phủ quy định chi tiết một số điều của luật bảo vệ môi trường. Cơ sở không thuộc đối tượng phải quan trắc môi trường định kỳ.

❖ Quan trắc bụi, khí thải công nghiệp:

- Thông số quan trắc: Lưu lượng, Toluene, Xylen.
- Vị trí giám sát: 01 mẫu khí thải sau hệ thống xử lý khí thải
- Tần suất giám sát: 6 tháng/lần.
- Quy chuẩn so sánh: QCVN 19:2009/BTNMT, cột B ($K_p=0,9$, $K_v=1$).

6.2.2 Chương trình quan trắc tự động, liên tục chất thải:

Cơ sở không thuộc đối tượng thực hiện quan trắc tự động, liên tục.

6.2.3 Hoạt động quan trắc môi trường định kỳ, quan trắc môi trường tự động, liên tục khác theo quy định của pháp luật có liên quan hoặc theo đề xuất của chủ cơ sở.

Không có

6.3 Kinh phí thực hiện quan trắc môi trường hằng năm

Kinh phí thực hiện quan trắc môi trường hằng năm của cơ sở trình bày ở bảng sau:

Bảng 25 Kinh phí thực hiện quan trắc môi trường hằng năm

STT	Hạng mục	Kinh phí (đồng/năm)
1	Giám sát chất lượng khí thải	6.000.000
2	Hoạt động thu gom chất thải	50.000.000
2	Báo cáo công tác Bảo vệ môi trường	10.000.000

Chương VII

CAM KẾT CỦA CHỦ CƠ SỞ

Công ty TNHH Phú Quang - Chủ cơ sở xin cam kết:

1. Cam kết về tính chính xác, trung thực của hồ sơ đề nghị cấp giấy phép môi trường.

Chúng tôi cam kết về độ trung thực, chính xác, toàn vẹn của các số liệu, thông tin trong hồ sơ đề nghị cấp giấy phép môi trường. Nếu có gì sai trái chúng tôi hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật Việt Nam.

2. Cam kết về việc xử lý chất thải đáp ứng các quy chuẩn, tiêu chuẩn kỹ thuật về môi trường và yêu cầu về bảo vệ môi trường khác có liên quan.

- Cam kết thực hiện các nội dung cấp phép sau khi đã hoàn thành các công trình bảo vệ môi trường tương ứng.

- Cam kết thực hiện đúng, đầy đủ các yêu cầu về bảo vệ môi trường trong Giấy phép môi trường đã được cấp và các quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường.

- Cam kết báo cáo kịp thời về cơ quan cấp giấy phép môi trường, cơ quan chức năng ở địa phương nếu xảy ra các sự cố đối với các công trình xử lý chất thải, sự cố khác dẫn đến ô nhiễm môi trường.

- Cam kết trong quá trình thực hiện nếu có thay đổi khác với các nội dung quy định tại Giấy phép đã được cấp sẽ thực hiện báo cáo cơ quan cấp phép.

*) Cam kết việc thu gom, xử lý nước thải

- Cam kết vận hành hệ thống thu gom, xử lý toàn bộ nước thải phát sinh đạt giới hạn tiếp nhận nước thải.

*) Cam kết việc thu gom, xử lý khí thải

- Cam kết đảm bảo ống khói của các hệ thống thoát khí thải tại cơ sở .

- Cam kết đảm bảo khí thải từ các hệ thống thoát khí thải đạt QCVN 19:2009/BTNMT và QCVN 20:2009/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khí thải công nghiệp đối với một số chất hữu cơ.

- Cam kết trong quá trình hoạt động cơ sở không gây ảnh hưởng mùi hôi đến các khu vực nhà xưởng lân cận.

*) Cam kết việc thu gom, xử lý chất thải

- Cam kết thu gom, phân loại và thuê đơn vị đủ chức năng để xử lý các loại CTR sinh hoạt, CTR sản xuất thông thường và CTNH phát sinh, bảo đảm tuân thủ các quy định tại Nghị định 05/2025/NĐ-CP ngày 06/01/2025 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của chính phủ quy định chi tiết một số điều của luật bảo vệ môi trường; Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường.

*) Cam kết đảm bảo giá trị giới hạn đối với tiếng ồn, độ rung

- Cam kết các nguồn phát sinh tiếng ồn, độ rung được giảm thiểu bảo đảm nằm trong giới hạn cho phép quy định trong giấy phép được cấp.

- Cam kết thực hiện định kỳ bảo dưỡng, hiệu chuẩn đối với các thiết bị để hạn chế phát sinh tiếng ồn, độ rung.

*) Cam kết về phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường

- Cam kết triển khai các biện pháp phòng ngừa, ứng phó sự cố cháy nổ, sự cố đối với các hệ thống xử lý nước thải, hệ thống xử lý khí thải và hoàn toàn chịu trách nhiệm đền bù, khắc phục thiệt hại do sự cố gây ra.

- Cam kết phối hợp chặt chẽ với chính quyền địa phương trong việc thông tin về tình hình hoạt động sản xuất, công tác bảo vệ môi trường của Công ty để chính quyền địa phương theo dõi, giám sát.

*) Cam kết về thành lập bộ phận bảo vệ môi trường

Công ty cam kết thành lập bộ phận chuyên trách về bảo vệ môi trường để kiểm tra, giám sát, vận hành các công trình, biện pháp quản lý môi trường của Nhà máy.

*) Cam kết thực hiện đúng theo giấy phép môi trường được phê duyệt

- Cam kết công khai giấy phép môi trường.

- Cam kết thực hiện báo cáo công tác bảo vệ môi trường định kỳ hàng năm gửi cơ quan thẩm quyền theo đúng quy định.

PHỤ LỤC BÁO CÁO

1. Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp
2. Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư
3. Giấy chứng nhận sử dụng đất
4. Hợp đồng thuê đất
5. Giấy phép xây dựng
6. Quyết định phê duyệt báo cáo đánh giá tác động môi trường
7. Pháp lý về phòng cháy chữa cháy
8. Hợp đồng chất thải sinh hoạt
9. Hợp đồng chất thải công nghiệp
10. Hợp đồng chất thải nguy hại
11. Hợp đồng xử lý nước thải
12. Biên bản nghiệm thu hệ thống xử lý khí thải
13. Hóa đơn điện, nước
14. Kết quả quan trắc môi trường
15. Các bản vẽ kèm theo

**GIẤY CHỨNG NHẬN ĐĂNG KÝ DOANH NGHIỆP
CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN MỘT THÀNH VIÊN**

Mã số doanh nghiệp: 3900745635

Đăng ký lần đầu: ngày 24 tháng 09 năm 2007

Đăng ký thay đổi lần thứ: 3, ngày 14 tháng 05 năm 2020

1. Tên công ty

Tên công ty viết bằng tiếng Việt: CÔNG TY TNHH PHÚ QUANG

Tên công ty viết bằng tiếng nước ngoài: PHU QUANG CO., LTD

Tên công ty viết tắt: PHU QUANG

2. Địa chỉ trụ sở chính

Lô số 100 và 101, Khu chế xuất và công nghiệp Linh Trung III, Phường An Tịnh, Thị xã Trảng Bàng, Tỉnh Tây Ninh, Việt Nam

Điện thoại: 02763899435 - 36

Fax: 02763899437

Email:

Website:

3. Vốn điều lệ 8.500.000.000 đồng.

Bằng chữ: Tám tỷ năm trăm triệu đồng

4. Thông tin về chủ sở hữu

Họ và tên: PARK CHUNGUP

Giới tính: Nam

Sinh ngày: 13/07/1956

Dân tộc:

Quốc tịch: Hàn Quốc

Loại giấy tờ chứng thực cá nhân: Hộ chiếu nước ngoài

Số giấy chứng thực cá nhân: M26080076

Ngày cấp: 08/11/2018

Nơi cấp: Hàn Quốc

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Mokdong Bestille 202, #996-9 Sinjung-Dong, Yangcheon-Ku, Seoul, Hàn Quốc

Chỗ ở hiện tại: Lô số 100 và 101, KCX và CN Linh Trung III, Phường An Tịnh, Thị xã Trảng Bàng, Tỉnh Tây Ninh, Việt Nam

5. Người đại diện theo pháp luật của công ty

* Họ và tên: PARK CHUNGUP

Giới tính: Nam

Chức danh: Tổng giám đốc

Sinh ngày: 13/07/1956

Dân tộc:

Quốc tịch:

Hàn Quốc

Loại giấy tờ chứng thực cá nhân: Hộ chiếu nước ngoài

Số giấy chứng thực cá nhân: M26080076

Ngày cấp: 08/11/2018

Nơi cấp: Hàn Quốc

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Mokdong Beshille 202, #996-9 Sinjung-Dong, Yangcheon-Ku, Seoul, Hàn Quốc

Chỗ ở hiện tại: Lô số 100 và 101, KCX và CN Linh Trung III, Phường An Tịnh, Thị xã Trảng Bàng, Tỉnh Tây Ninh, Việt Nam

TRƯỞNG PHÒNG
PHÒNG
ĐĂNG KÝ
KINH DOANH
Trần Ngọc Nhung



GIẤY CHỨNG NHẬN ĐĂNG KÝ ĐẦU TƯ

Mã số dự án: 4346805878

Chứng nhận lần đầu: ngày 24 tháng 9 năm 2007

Chứng nhận điều chỉnh lần thứ: 6, ngày 24 tháng 8 năm 2023

Căn cứ Luật Đầu tư số 61/2020/QH14 ngày 17 tháng 6 năm 2020;

Căn cứ Nghị định số 31/2021/NĐ-CP ngày 26 tháng 3 năm 2021 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Đầu tư;

Căn cứ Thông tư số 03/2021/TT-BKHĐT ngày 09 tháng 4 năm 2021 của Bộ trưởng Bộ Kế hoạch và Đầu tư quy định mẫu văn bản, báo cáo liên quan đến hoạt động đầu tư tại Việt Nam, đầu tư từ Việt Nam ra nước ngoài và xúc tiến đầu tư;

Căn cứ Quyết định số 200/QĐ-TTg ngày 11 tháng 02 năm 2011 của Thủ tướng Chính phủ về việc thành lập Ban Quản lý Khu kinh tế tỉnh Tây Ninh;

Căn cứ Quyết định số 18/2019/QĐ-UBND ngày 22 tháng 5 năm 2019 của Ủy ban nhân dân tỉnh Tây Ninh về việc Ban hành Quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Ban Quản lý Khu kinh tế tỉnh Tây Ninh;

Căn cứ Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư số 4346805878 do Ban Quản lý Khu kinh tế tỉnh Tây Ninh cấp chứng nhận thay đổi lần thứ: 5, ngày 28 tháng 06 năm 2018;

Căn cứ văn bản đề nghị điều chỉnh dự án đầu tư và hồ sơ kèm theo do Công ty TNHH Phú Quang nộp ngày 16 tháng 8 năm 2023.

BAN QUẢN LÝ KHU KINH TẾ TỈNH TÂY NINH

Chứng nhận

Dự án đầu tư NHÀ MÁY SẢN XUẤT PHÚ QUANG; mã số Giấy chứng nhận đầu tư 4346805878, do Ban Quản lý khu kinh tế tỉnh Tây Ninh chứng nhận thay đổi lần thứ: 5 ngày 28 tháng 6 năm 2018; được đăng ký điều chỉnh thông tin nhà đầu tư và cập nhật địa điểm thực hiện dự án.

Thông tin về dự án đầu tư sau khi điều chỉnh như sau:

Nhà đầu tư

Ông PARK CHUNGUP; sinh ngày 13/07/1956; quốc tịch Hàn Quốc; hộ chiếu số M26080076 cấp ngày 08/11/2018 tại Hàn Quốc; địa chỉ thường trú tại Mokdong Bestbille 202, #996-9 Sinjung-Dong, Yangcheon-Ku, Seoul, Korea; chỗ ở hiện nay tại lô số 100 và 101, Khu chế xuất và công nghiệp Linh Trung III, xã An Tịnh, huyện Trảng Bàng, tỉnh Tây Ninh. Chức vụ: Tổng giám đốc; Điện thoại: 066 3899435; Email: -chungup-@hanmail.net.

Tổ chức kinh tế thực hiện dự án đầu tư:

Công ty TNHH Phú Quang; Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số: 3900145633 do Phòng Đăng ký Kinh doanh - Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Tây Ninh cấp đăng ký lần đầu ngày 24 tháng 9 năm 2007; cấp đăng ký thay đổi lần thứ: 3, ngày 14 tháng 3 năm 2020.

Đăng ký thực hiện dự án đầu tư với nội dung như sau:

Điều 1: Nội dung dự án đầu tư.

1. Tên dự án đầu tư: NHÀ MÁY SẢN XUẤT PHÚ QUANG
2. Mục tiêu dự án:

STT	Mục tiêu hoạt động	Mã ngành theo VSIC	Mã ngành CPC (*)
1	Sản xuất sản phẩm từ plastic. Chi tiết: Sản xuất và gia công mũt xốp các loại. Sản xuất bao bì từ plastic	2220	
2	Bán buôn chuyên doanh khác chưa được phân vào đầu. Chi tiết: Thực hiện Quyền xuất khẩu các mặt hàng theo mã HS sau: 3921; 4016; 4008.	4669	

3. Quy mô dự án: Sản xuất và gia công mũt xốp các loại quy mô 200 triệu cái/năm (tương đương 1.000 tấn/năm). Sản xuất bao bì từ plastic quy mô 1,36 tấn/năm.

4. Địa điểm thực hiện dự án: Lô số 100 và 101, Khu chế xuất và công nghiệp Linh Trung III, phường An Tịnh, Thị xã Trảng Bàng, tỉnh Tây Ninh.

5. Diện tích mặt đất: 18.359,90 m².

6. Tổng vốn đầu tư của dự án: 25.840.000.000 VND (hai mươi lăm tỷ tám trăm bốn mươi triệu đồng), tương đương 1.520.000 USD (một triệu năm trăm hai mươi nghìn đô la Mỹ).

Trong đó, vốn góp để thực hiện dự án: 8.500.000.000 VND (tám tỷ năm trăm triệu đồng), tương đương 500.000 USD (năm trăm nghìn đô la Mỹ), chiếm 32,9% tổng vốn đầu tư.

Giá trị, tỷ lệ và phương thức góp vốn như sau:

STT	Tên nhà đầu tư	Số vốn góp		Tỷ lệ (%)	Phương thức góp vốn	Tiến độ góp vốn
		VND	Tương đương USD			
1	Ông PARK CHUNG UP	8.500.000.000	500.000	100	Bằng tiền	Đã góp đủ

- Vốn huy động là 17.340.000.000 VNĐ (mười bảy tỷ ba trăm bốn mươi triệu) đồng, tương đương 1.020.000 USD (một triệu không trăm hai mươi nghìn) đô la Mỹ.

7. Thời hạn hoạt động của dự án: Kể từ ngày được cấp Giấy chứng nhận đầu tư lần đầu đến ngày 27/12/2052

8. Tiến độ thực hiện dự án đầu tư:

a) Tiến độ góp vốn và huy động các nguồn vốn:

- Tiến độ góp vốn: đã góp đủ

- Tiến độ huy động các nguồn vốn: đến tháng 12/2025

b) Tiến độ xây dựng cơ bản và đưa công trình vào hoạt động:

Xây dựng nhà xưởng: tháng 05/2009 – 10/2009;

Lắp đặt máy móc, thiết bị: 11/2009;

Bắt đầu sản xuất: 12/2009.

Điều 2: Các ưu đãi, hỗ trợ đầu tư

Dự án được hưởng các ưu đãi, hỗ trợ như sau:

1. Ưu đãi về thuế thu nhập doanh nghiệp

Áp dụng theo quy định hiện hành của pháp luật về Luật thuế thu nhập doanh nghiệp.

2. Ưu đãi về thuế nhập khẩu

Áp dụng theo quy định hiện hành của pháp luật về Luật thuế xuất khẩu, thuế nhập khẩu.

Điều 3. Các quy định đối với nhà đầu tư/tổ chức kinh tế thực hiện dự án:

Công ty TNHH Phú Quang có trách nhiệm:

1. Đăng ký cấp tài khoản sử dụng trên Hệ thống thông tin quốc gia về đầu tư nước ngoài của Bộ Kế hoạch và Đầu tư và thực hiện chế độ báo cáo định kỳ trên Hệ thống theo quy định.

2. Triển khai thực hiện dự án theo nội dung được ghi nhận trong Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư; tuân thủ các quy định pháp luật về đầu tư, doanh nghiệp, đất đai, môi trường, xây dựng, an toàn hóa chất, lao động, phòng cháy chữa cháy và pháp luật có liên quan khác trong quá trình thực hiện dự án.

Điều 4: Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư này có hiệu lực kể từ ngày ký và thay thế Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư số 4346805878 do Ban Quản lý Khu kinh tế tỉnh Tây Ninh cấp chứng nhận thay đổi lần thứ: 5 ngày 28 tháng 6 năm 2018.

Điều 5: Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư này được lập thành 02 (hai) bản gốc; 01 (một) bản cấp cho Công ty TNHH Phú Quang; 01 (một) bản lưu tại Ban Quản lý Khu kinh tế Tây Ninh và được đăng tải lên Hệ thống thông tin quốc gia về đầu tư.

Nơi nhận: *TL*

- Như Điều 5;

- Lưu: VT.



Lê Thanh Kiệt

BẢN SAO

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc



GIẤY CHỨNG NHẬN
QUYỀN SỬ DỤNG ĐẤT

QUYỀN SỞ HỮU NHÀ Ở VÀ TÀI SẢN KHÁC GẮN LIỀN VỚI ĐẤT

I. Người sử dụng đất, chủ sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất

CÔNG TY TNHH PHÚ QUANG

Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số: 3900745635

Đăng ký thay đổi lần thứ 3 ngày 14 tháng 5 năm 2020

Địa chỉ: Lô số 100 và 101, Khu Chế xuất và Công nghiệp Linh Trung III, phường
An Tịnh, thị xã Trảng Bàng, tỉnh Tây Ninh.

CV 688171

II. Thửa đất, nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất

1. Thửa đất:

- a) Thửa đất số: 713, tờ bản đồ số: 39
b) Địa chỉ: Khu Công nghiệp và Chế xuất Linh Trung III, phường An Tịnh, thị xã Trảng Bàng, Tây Ninh
c) Diện tích: 18359,9m², (bằng chữ: mười tám nghìn ba trăm năm mươi chín phẩy chín mét vuông)
d) Hình thức sử dụng: Sử dụng riêng
đ) Mục đích sử dụng: Đất khu chế xuất - SKT (Xây dựng nhà máy sản xuất Phú Quang)
e) Thời hạn sử dụng: Đến ngày 26 tháng 12 năm 2052
g) Nguồn gốc sử dụng: Thuê đất trả tiền một lần của doanh nghiệp đầu tư hạ tầng khu chế xuất

2. Nhà ở: -/-

3. Công trình xây dựng khác:

Tên công trình: Nhà máy sản xuất Phú Quang

Hạng mục công trình	Diện tích xây dựng (m ²)	Diện tích sàn (m ²) hoặc công suất	Hình thức sở hữu	Cấp công trình	Thời hạn sở hữu
Nhà trạm điện	20	20	Sở hữu riêng	Cấp 4	-/-
Nhà ăn	104	104	Sở hữu riêng	Cấp 4	-/-
Nhà bảo vệ 1	24	24	Sở hữu riêng	Cấp 4	-/-
Nhà nghỉ	130	260	Sở hữu riêng	Cấp 4	-/-
Nhà văn phòng	150	150	Sở hữu riêng	Cấp 4	-/-
Nhà bảo vệ 2	20	20	Sở hữu riêng	Cấp 4	-/-
Nhà xưởng 1	2940	2940	Sở hữu riêng	Cấp 3	-/-
Nhà xưởng 2	4704	5264	Sở hữu riêng	Cấp 3	-/-
Văn phòng xưởng 2	168	168	Sở hữu riêng	Cấp 4	-/-
Nhà xưởng 3	2940	3388	Sở hữu riêng	Cấp 3	-/-

4. Rừng sản xuất là rừng trồng: -/-

5. Cây lâu năm: -/-

6. Ghi chú: Không

Tây Ninh, ngày 25 tháng 9 năm 2020

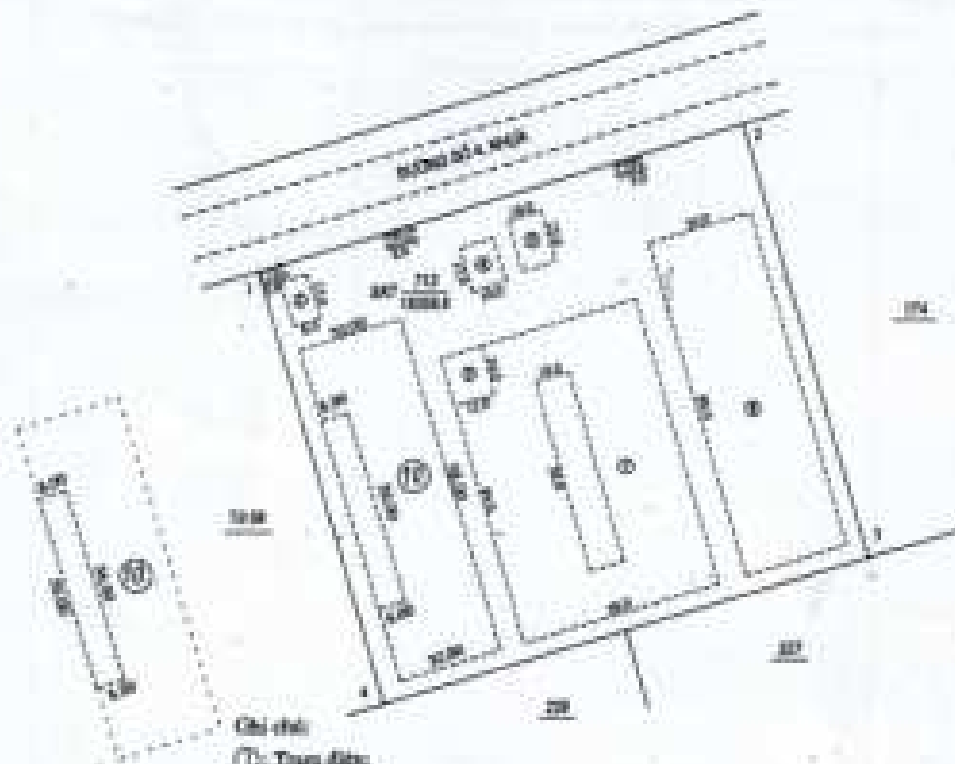
SỞ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG TỈNH TÂY N
GIÁM ĐỐC



Nguyễn Thị Hiếu

Số vào sổ cấp GCN: CS03131

III. Sơ đồ thửa đất, nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất



Chú thích:

- ①: Trạm điện;
- ②: Nhà kho;
- ③: Nhà tắm vệ;
- ④: Nhà ngủ;
- ⑤: Văn phòng;
- ⑥: Nhà tắm vệ;
- ⑦: Xưởng 2;
- ⑧: Xưởng 1;
- ⑨: VP xưởng 2;
- ⑩: Nhà xưởng 1;
- ⑪: Nhà xưởng 3;

Bảng kê tọa độ thửa đất (Hệ tọa độ VN-2000)

STT	X (m)	Y (m)	Chiều dài (m)
1	996000.00	1217421.23	
2	996147.84	1217461.28	144.00
3	996143.20	1217318.71	127.00
4	996044.00	1217398.73	144.00
1	996000.00	1217421.23	127.00

IV. Những thay đổi sau khi cấp giấy chứng nhận

Nội dung thay đổi và cơ sở pháp lý	Xác nhận của cơ quan có thẩm quyền

PHÒNG QUẢN LÝ ĐẤT ĐAI
SỞ QUẢN LÝ ĐẤT ĐAI



Nội dung thay đổi và cơ sở pháp lý

Xác nhận của cơ quan
có thẩm quyền

Người được cấp Giấy chứng nhận không được sửa chữa, tẩy xóa hoặc bổ sung bất kỳ nội dung nào trong Giấy chứng nhận; khi bị mất hoặc hư hỏng Giấy chứng nhận phải khai báo ngay với cơ quan cấp Giấy.



2573220013913



TRANG BỔ SUNG GIẤY CHỨNG NHẬN

Thửa đất số: 713
Số phát hành GCN: CV 688171

Tờ bản đồ số: 39
Số vào sổ cấp GCN: CS03131

Nội dung thay đổi và cơ sở pháp lý	Xác nhận của cơ quan có thẩm quyền
Ngày 21/11/2017, 14/2/2019 thế chấp tài sản gắn liền với đất tại Ngân hàng TNHH MTV SHINHAN VIỆT NAM – Chi nhánh TPHCM, giấy cũ BM 189901 cấp ngày 03/11/2015, CO 560029 cấp ngày 28/8/2018 nay cấp đổi sang CV 688171 cấp ngày 25/9/2020, (hồ sơ số 000551, 000734) <i>đúng</i> CHỨNG THỰC BẢN SẠO DÙNG VỚI BẢN CHÍNH Số công tự: <i>8227</i> quyển số: <i>2</i> CTMB Ngày <i>04</i> tháng <i>11</i> năm 20<i>20</i>... CÔNG CHỨNG VIÊN PHÒNG CÔNG CHỨNG SỐ 1 <i>Đoàn Thị Kiều Linh</i>	28/9/2020 PHÓ GIÁM ĐỐC <i>Lương Nguyễn Hồng Duyệt</i>

Trang bổ sung số:

Nội dung thay đổi và cơ sở pháp lý	Xác nhận của cơ quan có thẩm quyền
(Chuyển tiếp Trang bổ sung số: ...)	



Số: 79/TT-07/CTL



HỢP ĐỒNG THUÊ ĐẤT

SEPZONE-LINH TRUNG
&
CÔNG TY TNHH PHÚ QUANG

Ngày ký: 03/03/2008

Lô số: 100- KCX & CN Linh Trung III

Diện tích: 9.180,30 m²

Thời hạn thuê: đến ngày 26/12/2052

TRẢ TIỀN MỘT LẦN

Cộng Hòa Xã Hội Chủ Nghĩa Việt Nam
Độc Lập - Tự Do - Hạnh Phúc

HỢP ĐỒNG THUÊ ĐẤT

- Căn cứ vào Thỏa Thuận Thuê Đất số 79A/TT-07 ngày 01 tháng 08 năm 2007 giữa Công ty Liên Doanh Khai Thác Kinh Doanh Khu Chế Xuất Sài Gòn-Linh Trung và Công ty TNHH Phú Quang.

Hôm nay, ngày 03 tháng 03 năm 2008, hai bên ký hợp đồng gồm có :

CÔNG TY LIÊN DOANH KHAI THÁC KINH DOANH KHU CHẾ XUẤT SÀI GÒN- LINH TRUNG, (sau đây được gọi là **Sezone-Linh Trung**).

- Địa chỉ: Kp 4, Phường Linh Trung, Quận Thủ Đức, TP Hồ Chí Minh, Việt Nam.
- Điện thoại: 84-66-896392/ 896600 ; Fax: 84-66-896391.
- Tài khoản số:
 - + Tại Ngân Hàng Đầu Tư và Phát Triển Việt Nam, Chi Nhánh Thủ Đức, TP Hồ Chí Minh (Địa chỉ: Phường Linh Trung, Quận Thủ Đức, TP HCM, ĐT : 848.8974 896, Fax: 848.8974 892, Swift Code: BIDVVNVX):
 - USD A/C: 314-10-37-000019-9
 - VND A/C: 314-10-00-000002-5
 - + Tại Ngân Hàng Ngoại Thương Việt Nam, Chi Nhánh Thủ Đức, TP Hồ Chí Minh, (Địa chỉ: Phường Linh Trung, Quận Thủ Đức, TP HCM, ĐT : 848.7291 334, Fax: 848.8974 176, Swift Code: BPTVVNVX):
 - USD A/C: 018.137.000485.4
 - VND A/C: 018.100.000117.6
- Tên tài khoản: Sezone-Linh Trung.
- Do Ông HE KEREN, Tổng Giám Đốc và Ông TRẦN THANH BỔNG, Phó Tổng Giám Đốc Thứ Nhất, làm đại diện.

Và:

CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN PHÚ QUANG, được thành lập theo Giấy Chứng Nhận Đầu Tư số 452043000053, do TANIZA cấp ngày 07 tháng 09 năm 2007 (sau đây được gọi là **Bên Thuê**).

- Địa chỉ: Lô số 100, Khu Chế Xuất và Công Nghiệp Linh Trung III, Huyện Trảng Bàng, Tỉnh Tây Ninh, Việt Nam.
- Do Bà YUN JEOUNG AE - Tổng Giám Đốc, làm đại diện.

Hai bên đồng ý ký Hợp Đồng Thuê Đất dưới đây được gọi tắt là "Hợp Đồng") bao gồm những điều khoản sau:

1. Sezone-Linh Trung cho Bên Thuê thuê một thửa đất thuộc Khu Chế Xuất và Công Nghiệp Linh Trung III với các chi tiết sau (Xem Bản Chỉ Tiết A đính kèm):

- Diện tích đất cho thuê lại: 9.180,30 m²
- Thửa số:
- Tờ bản đồ số:
- Thời hạn sử dụng đất còn lại:
- Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số _____ do Ủy Ban Nhân Dân tỉnh Tây Ninh cấp ngày ____ tháng ____ năm ____

2. Thời hạn thuê đất kể từ 01 giờ ngày 03 tháng 03 năm 2008 đến 24 giờ ngày 26 tháng 12 năm 2052.

3. GIÁ THUÊ CĂN BẢN - PHƯƠNG THỨC THANH TOÁN

Theo phương thức thanh toán đã chọn và nội dung được đề cập trong Thỏa Thuận Thuê Đất giữa Sepzone-Linh Trung và Công Ty TNHH Phú Quang được ký ngày 01 tháng 08 năm 2007 ("Thỏa Thuận").

☐ THANH TOÁN MỘT LẦN

- 3.1 Tiền Thuê Căn Bản: USD 29,90 / m² / đến ngày 26 tháng 12 năm 2052.

- 3.2 Tổng giá trị Hợp Đồng (bao gồm 10% thuế VAT): USD 292.851,57 (Bằng chữ: Hai trăm chín mươi hai ngàn tám trăm năm mươi một đô la Mỹ và năm mươi bảy xu chẵn).

- 3.3 Phương thức thanh toán:

Bên Thuê sẽ chuyển trả 100% của tổng giá trị Hợp Đồng cho Sepzone-Linh Trung. Tổng giá trị Hợp Đồng sẽ bao gồm (i) Tiền Đặt Cọc, tương đương USD 125.638,02 (Bằng chữ: Một trăm hai mươi lăm ngàn sáu trăm ba mươi tám đô la Mỹ và hai xu chẵn) được căn trừ vào tổng giá trị Hợp Đồng; và (ii) USD 167.213,55 (bao gồm 10% VAT) (Bằng chữ: Một trăm sáu mươi bảy ngàn hai trăm mười ba đô la Mỹ và năm mươi lăm xu chẵn) sẽ được Bên Thuê thanh toán cho Sepzone-Linh Trung trong vòng mười (10) ngày làm việc kể từ ngày ký Hợp Đồng này.

(Xem Bảng Chi Tiết B đính kèm)

- 3.4 Trong trường hợp Bên Thuê không tiến hành trả khoản thanh toán đầu tiên như đã nêu ở điều 3.3 quá thời hạn mười (10) ngày làm việc kể từ ngày ký Hợp Đồng này thì Hợp

Đồng này không còn giá trị, và Tiền Đặt cọc giữ đất giá trị trong Thỏa Thuận sẽ không được hoàn trả lại cho Bên Thuê.

4. TRÁCH NHIỆM RÀNG BUỘC CỦA SEPZONE-LINH TRUNG:

- 4.1 Trong thời gian mười (10) ngày làm việc kể từ ngày nhận được khoản thanh toán đầu tiên, Sepzone-Linh Trung có trách nhiệm bán giao thửa đất thuê sẵn sàng cho xây dựng cho









Bên Thuê: Đất sẵn sàng cho xây dựng là đất đã giải tỏa, trống trải, không còn đường ngoi, thể đất thửa thoi thoải.

- 4.2 Sepame-Linh Trung có trách nhiệm từng bước xây dựng và phát triển cơ sở hạ tầng phục vụ cho hoạt động của xí nghiệp trong Khu Chế Xuất. Sepame-Linh Trung đảm bảo cung cấp điện và nước cho Bên Thuê cho việc xây dựng và hoạt động.
- 4.3 Sepame-Linh Trung có trách nhiệm sửa chữa và bảo dưỡng hệ thống phân phối điện nước, nước thải sản xuất, hệ thống đường sá và các công trình công cộng nằm ngoài phạm vi khu đất thuê của Bên Thuê.

5. TRÁCH NHIỆM RÀNG BUỘC CỦA BÊN THUÊ:

- 5.1 Trong vòng ba (3) tháng kể từ ngày bàn giao đất, Bên Thuê phải khởi công đúng hạn theo Tiến Độ Xây Dựng đã được duyệt.

Trong trường hợp Bên Thuê được phép tự xây dựng nhà xưởng nhưng không hoàn tất việc xây dựng công trình đúng thời hạn quy định, hoặc không khởi công xây dựng đúng hạn, sau ba (3) tháng nếu không có lý do chính đáng từ phía Bên Thuê thì Sepame-Linh Trung có quyền huỷ bỏ Hợp Đồng và đề nghị TANIZA thu hồi Giấy Chứng Nhận Đầu Tư của Bên Thuê, và Tiền Thuê Đất đã trả cho Sepame-Linh Trung sẽ không được hoàn trả lại cho Bên Thuê.

- 5.2 Trong mọi trường hợp diện tích mặt bằng của nhà xưởng và các cấu trúc liên quan khác không được dưới 50% và không vượt quá 70% tổng diện tích khu đất thuê. Các kiến trúc không được xây trên phần bình lang an toàn phía sau Khu Đất. Trừ phần này ra phải dành phần còn lại của toàn bộ diện tích Khu Đất làm đất trồng rừng làm bãi đỗ xe, trồng cây cảnh, thảm cỏ và cây xanh. Tỷ lệ diện tích trồng cây xanh phải trên 10% tổng diện tích Khu Đất và Bên Thuê phải tiến hành trồng cây trong vòng mười hai (12) tháng kể từ lúc ký Hợp Đồng này, nếu không, Sepame-Linh Trung sẽ trồng cây xanh với những chi phí do Bên Thuê trả.

Bên Thuê tự xây dựng nhà xưởng, hàng rào và các kiến trúc khác, phải chừa lại một khoảng đất trống xung quanh Khu Đất để trồng cây xanh, làm lối đi, hầm phòng cháy chữa cháy và lối cống hạ được xác định như sau:

- Phía tiếp giáp với Khu Đất của các xí nghiệp bên cạnh, chừa 4 mét.
- Phía giáp đường 4 chừa 4,5 mét.

Nếu kế hoạch đầu tư của Bên Thuê được thực hiện trong nhiều giai đoạn, thì diện tích xây dựng ở giai đoạn đầu có thể dưới mức 50% được quy định trên đây; nhưng tiến trình xây dựng và tỷ lệ diện tích xây dựng phải được ghi rõ trong Kế Hoạch Sử Dụng Đất và phải được thực hiện nghiêm túc.

- 5.3 Người Tiền Thuê Đất, Bên Thuê phải nộp cho Sepame-Linh Trung phí bảo trì cơ sở hạ tầng và sử dụng tiện ích công cộng mà Sepame-Linh Trung qui định. Tại thời điểm ký

Libo

[Signature]

[Signature]

[Signature]

áp dụng, Sepzone-Linh Trung áp dụng mức phí là 3 cents/m³ tháng, bắt đầu tính từ khi Bên Thuê hoàn tất xây dựng nhà máy. Mức phí này có thể thay đổi theo sự phê chuẩn của TANIZA hoặc các cơ quan có thẩm quyền và Sepzone-Linh Trung sẽ thông báo cho Bên Thuê bằng văn bản trước khi áp dụng mức phí mới. Bên Thuê cũng phải thanh toán điện, nước, điện thoại, fax, xử lý nước thải, xử lý rác và các dịch vụ khác mà Bên Thuê sẽ dụng hoặc được cung cấp.

- 6.4 Bên Thuê phải có trách nhiệm bảo dưỡng các công trình công cộng cơ sở hạ tầng ở trên và dưới mặt đất thuộc phạm vi khu đất thuê. Theo quy định của Nhà nước, Bên Thuê không được khoan giếng để khai thác nguồn nước ngầm. Nếu có bất kỳ vi phạm nào, Bên Thuê phải chịu trách nhiệm trước pháp luật. Trong trường hợp Bên Thuê gây thiệt hại nghiêm trọng đến nguồn nước ngầm, Sepzone-Linh Trung có quyền đơn phương chấm dứt Hợp Đồng, thu hồi đất thuê mà không hoàn trả cho Bên Thuê bất cứ khoản tiền nào. Bất kỳ sự hư hỏng nào do Bên Thuê gây ra, Bên Thuê có trách nhiệm thông báo cho Sepzone-Linh Trung và sửa chữa những hư hỏng này ngay lập tức; hoặc có trách nhiệm bồi thường cho Sepzone-Linh Trung những tổn thất do hậu quả của những hư hỏng mà Sepzone-Linh Trung sửa chữa với chi phí do Bên Thuê chịu.

6. CÁC ĐIỀU KHOẢN CHUNG:

- 6.1 Trong suốt thời hạn của Hợp Đồng này, nếu bất kỳ phía nào vi phạm bất kỳ điều khoản trong Hợp Đồng này, thì trước hết, hai bên sẽ bàn bạc cách giải quyết. Nếu bên vi phạm không thể thực hiện việc điều chỉnh hoặc sửa chữa theo như những điều kiện và thời hạn đã được hai bên thỏa thuận, thì bên còn lại có quyền chấm dứt hợp đồng. Hợp Đồng sẽ được thanh lý sau khi đã khắc phục phần bồi thường mọi thiệt hại do việc vi phạm gây ra.
- 6.2 Mọi tài liệu, thông báo, yêu cầu, và thông tin có liên quan đến việc thi hành Hợp Đồng này phải được gửi đến các địa chỉ sau đây:
- (i) Địa chỉ của Sepzone-Linh Trung: KHU CHẾ XUẤT LINH TRUNG I, Phường Linh Trung, Quận Thủ Đức, Thành Phố Hồ Chí Minh, Việt Nam.
- (ii) Địa chỉ của Bên Thuê: Công ty TNHH PHÚ QUANG, số 100, Khu Chế Xuất và Công Nghiệp Linh Trung III, Xã An Thạnh, Huyện Trảng Bàng, Tỉnh Tây Ninh, Việt Nam.
- 6.3 Bên Thuê phải tuân thủ Quy Chế Khu Công Nghiệp, Khu Chế Xuất, Khu Công Nghệ Cao và các quy định liên quan đến đầu tư nước ngoài tại Việt Nam, các quy định của TANIZA và Điều Lệ của Khu Chế Xuất Linh Trung. Bất cứ vi phạm nào cũng sẽ được giải quyết theo pháp luật Việt Nam và những quy định qui chế đi kèm theo.
- 6.4 Hợp Đồng này lấy pháp luật Việt Nam làm gốc và làm căn cứ để giải thích. Mọi tranh chấp hoặc tố tụng bắt nguồn từ Hợp Đồng này sẽ được Bên Thuê và Sepzone-Linh Trung công trao đối giải quyết. Nếu Bên Thuê và Sepzone-Linh Trung không thể giải quyết những tranh chấp và tố tụng bắt nguồn từ Hợp Đồng này thì những tranh chấp và tố tụng đó sẽ được chuyển đến Tòa Kinh Tế Thành Phố Hồ Chí Minh. Quyết định của Tòa



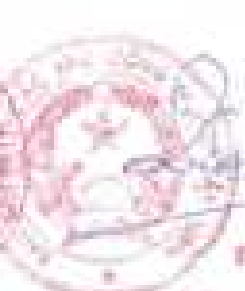


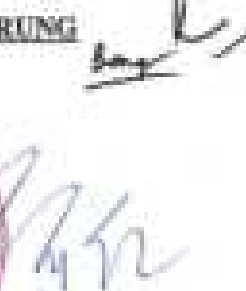




Kinh Tế Thành Phố Hồ Chí Minh là quyết định cuối cùng mà Sepzone-Linh Trung và Bên Thuê phải tuân theo.

- 6.5 Bản chi tiết A,B,C,D là bộ phận không thể tách rời của Hợp Đồng này:
- (a) Bản Chi Tiết A: Bản đồ Khu Đất và biên bản bàn giao đất.
 - (b) Bản Chi Tiết B: Bản chi tiết thanh toán tiền thuê đất.
 - (c) Bản Chi Tiết C: Định nghĩa các đặc ngữ trong Hợp Đồng
 - (d) Bản Chi Tiết D: Quy định xây dựng
- 6.6 Hợp Đồng này được lập thành mười sáu (16) bản gốc [tám (08) bản bằng tiếng Việt và tám (08) bản bằng tiếng Anh] có giá trị ngang nhau và có hiệu lực kể từ ngày ký. Sepzone-Linh Trung và Bên Thuê mỗi bên giữ tám (08) bản [bốn (04) bản bằng tiếng Việt và bốn (04) bản bằng tiếng Anh].

BÊN THUÊ
Đại diện:   

SEPZONE-LINH TRUNG
Đại diện:  

YUN JEOUNG AE
Hồ Minh Luân
Trần Thanh Hằng
HE KEREN

CONTRACT TO LEASE LAND

- Pursuant to Agreement to Lease Land No. 79A/TT-07 signed on the date of August 3rd, 2007 between The Joint-Venture Corporation for Development and Management of Sepzone-Linh Trung and Phu Quang Co., Ltd.

Today, March 3rd, 2007, the two contractual parties consist of:

THE JOINT-VENTURE CORPORATION FOR DEVELOPMENT AND MANAGEMENT OF SEPZONE-LINH TRUNG (hereinafter referred to as Sepzone-Linh Trung) -

- Address: Hamlet 4, Linh Trung Ward, Thu Duc Dist., Ho Chi Minh City, Vietnam.
- Telephone: 84-66 - 896392 / 896600 ; Fax : 84-66 - 896391.
- Account No.: + At the Bank for Investment & Development of Viet Nam, Thu Duc Branch, Ho Chi Minh City (Address : Linh Trung Ward, Thu Duc District, Ho Chi Minh City, Tel: 848.8974 896, Fax: 848.8974 892, Swift Code: BIDV/VNVX).
 - USD A/C: 314-10-37-000019-9
 - VND A/C: 314-10-00-000002-5+ At Bank for Foreign Trade of Vietnam, Thu Duc Branch, Ho Chi Minh City (Address: Linh Trung Ward, Thu Duc District, Ho Chi Minh City, Tel: 848.7291 334, Fax: 848.8974 176, Swift Code: BFTV/VNVX).
 - USD A/C: 018.137.000485.4
 - VND A/C: 018.100.000117.6
- Account Name: Sepzone-Linh Trung.
- Represented by MR. HE KEREN, President
And MR. TRAN THANH HONG, First Vice President.

AND :

PHU QUANG CO., LTD, established by the Investment Certificate No.452043000023 by TANZEA dated September 07, 2007, (hereinafter referred to as Tenant)

- Address: Lot 100, Linh Trung Export Processing Zone and Industrial Park III, Trung Bang District, Tay Ninh Province, Vietnam.
- Represented by Mr. YUN JEOUNG AE, General Director.

The two parties have agreed to sign this Contract To Lease Land (hereinafter referred to as "Contract") upon the terms and conditions set forth below:

1. Sepzone-Linh Trung leases to Tenant a piece of land within Linh Trung Export Processing Zone and Industrial Park III with the following details: (Please refer to Exhibit A attached)

- The total area: 8,288.28 m²

- Lot No.:

- Map No.:

- Land lease term:

- Number of the Certificate of Land Use Right: ____ issued by Tay Ninh Province People's Committee on ____

2. Land lease term shall be from 01 hour on the date of March 03, 2008 to 24 hours on the date of December 26, 2052

3. **BASE RENT - PAYMENT TERM - DEPOSIT:**

According to the option chosen and content mentioned in Agreement to Lease Land signed between Sepzone-Linh Trung and Phu Quang Co., Ltd on August 1st, 2007 ("Agreement")

☐ **ONE-TIME PAYMENT**

- 3.1 **Base Rent :** USD 29.00 / m² / Up to December 26, 2052.

- 3.1.1 **Total value of the Contract (inclusive of VAT):** USD 292,851.57 (*Written as: Two hundred and ninety two thousand eight hundred and fifty one US Dollars and fifty seven cents only*)

- 3.3 **Payment :**

Tenant shall pay one hundred percent (100%) of the total value of the Contract to Sepzone-Linh Trung. Total contract value shall include (i) the Deposit, i.e. USD 125,638.02 (*written as: one hundred and twenty five thousand six hundred and thirty eight US dollars and two cents only*) which is credited to the total amount of the initial payment, and (ii) USD 167,213.55 (including 10% VAT) (*written as: one hundred and sixty seven thousand two hundred and thirteen US Dollars and fifty five cents only*) which shall be paid by Tenant within ten (10) working days since the signing of this Contract.

(See attached Exhibit B)

- 3.4 In case Tenant fails to make the initial payment as mentioned in 3.3 more than ten (10) working days since the date of signing this Contract, this Contract shall become invalid, and the Deposit as defined in the Agreement shall not be returned to Tenant.

4. **OBLIGATIONS OF SEPZONE-LINH TRUNG:**

- 4.1 Within ten (10) working days since the date receiving the initial payment of the total value of the Contract, Sepzone-Linh Trung shall deliver the piece of leased land which is ready for construction to Tenant. Such land with completed clearance shall be open, non-obstacle and naturally slopping land.

4.2. Sepone-Linh Trung shall be responsible for infrastructure construction to facilitate the operation of enterprises in Linh Trung Export Processing Zone and Industrial Park II. Sepone-Linh Trung provides the water and power supply to Tenant for its construction and operation.

4.3. Sepone-Linh Trung shall be responsible for the repair and maintenance of the power, water distribution, drainage, transport system, and other utilities outside the leased area of Tenant.

5. OBLIGATIONS OF TENANT:

5.1. Within three (03) months since the date of land delivery, Tenant shall begin the construction in accordance with Construction Schedule approved.

In case Tenant is permitted to begin the construction of factory by itself, but fails to begin the construction for three (03) months later than schedule without reasonable justification of Tenant, Sepone-Linh Trung shall have the right to terminate this Contract and request TANIZA to withdraw Tenant's Investment Certificate, and the Land Rental already paid to Sepone-Linh Trung shall not be returned to Tenant.

5.2. In all cases, the base area of factory and other involved structures shall not account for less than 50% and not more than 70% of the total leased area. The structures shall not be built on the apron clearance at the back of the Premises.

The remaining leased area shall be left for parking lots, landscapes, lawns, and trees. 10% of the total leased area shall be used for planting green, which is to be implemented by the Tenant within 12 months since the signing of this Contract, otherwise, Sepone-Linh Trung will do so, however, at Tenant's cost.

Tenant shall by itself build its own factory, fences and other structures so as to leave spaces around the Premises for use planting, paths, emergency exit, rear gate as defined as follows:

- To the property lines of two Premises: 4 meters
- To the limits of road 4: 4.5 meters

In case the investment plan of Tenant is to be carried out by phases, the construction area in the initial phase can be less than 50% of the percentage as defined above, but the construction schedule and the ratio of construction area must be clearly stated in the Land Use Plan.

5.3. In addition to the land rental, Tenant shall pay to Sepone-Linh Trung the fee for maintenance of infrastructure and fee for use of public utilities that are regulated by Sepone-Linh Trung. At the time of signing the Contract, Sepone-Linh Trung charge a fee of 3 cents/m³/month, commencing from the date Tenant completes the factory construction. This fee will be able to be adjusted according to the approval of

TANZA or concerned authorities and Sepzone-Linh Trung will inform Tenant of this change in writing before applying the new price. Tenant shall also pay for power, water, telephones, fax, cost for treatment of waste water, trash and other services that are consumed by or provided for Tenant.

- 5.4 Tenant shall be responsible for protection of the utilities on or under its leased area. According to the government regulation, Tenant shall not be allowed to dig well to exploit underground water. If there is any violation, Tenant shall be legally responsible for consequences. In case the violation act causes severe damages to the underground water source, Sepzone-Linh Trung shall have rights to unilaterally terminate the Contract and take back the leased land without any refund.

In case of any damages caused by Tenant, Tenant shall be responsible to inform Sepzone-Linh Trung and repair the damages immediately; or shall pay compensation to Sepzone-Linh Trung for the loss as results of the damages, which shall otherwise be done by Sepzone-Linh Trung at Tenant's cost.

6. GENERAL CONDITIONS:

- 6.1 During the term of this Contract, in case any party of this Contract violates any terms or conditions in this Contract, then first of all, both parties will discuss ways of settlement. If the violating party fails to implement the amendment or repair as to the conditions and time limits agreed by both parties, the other party shall have the right to terminate the contract. The Contract shall be liquidated after deducting the amount for compensation for the damages caused by the violation act.
- 6.2 All documents, notices, requests or information regarding to this Contract shall be delivered to the following addresses:
- For Sepzone-Linh Trung : LINH TRUNG EP21, Linh Trung Ward, Thu Duc District, Ho Chi Minh City, Vietnam.
 - For Tenant PHU QUANG CO.,LTD, Lot 100 of Linh Trung Export Processing Zone and Industrial Park III, Trung Bang District, Tay Ninh Province, Vietnam.
- 6.3 Tenant shall observe the Regulations of industrial parks, export processing zones, high-tech zones in Vietnam, and stipulations relevant to foreign investment in Vietnam, and provisions of TANZA and the Charter of Linh Trung Export Processing Zone. Any violation shall be settled in accordance with the Law of Vietnam and the above-mentioned regulations.
- 6.4 This Contract shall be governed by and construed in accordance with the Law of Vietnam. Any dispute or contractual litigation shall be resolved by Tenant and Sepzone-Linh Trung first. Should Tenant and Sepzone-Linh Trung be unable to resolve any dispute or contractual litigation, such dispute or contractual litigation shall be referred to Economic Court of Ho Chi Minh City. Decision made by the Economic Court of Ho Chi Minh City shall be final decision that Tenant and Sepzone-Linh Trung shall abide to.

No.: 78/TT-07/CTL

6.5 Exhibits A, B, C, D are unseparated parts of this Contract.

- (i) Exhibit A : Map of the leased land and Minutes of Land Delivery.
- (ii) Exhibit B : Description of land rental payment.
- (iii) Exhibit C : Definition of terms.
- (iv) Exhibit D : Regulations on construction

6.6 This Contract is signed in sixteen (16) originals, [eight (08) in English and eight (08) in Vietnamese] of equal legal validity, and shall become valid since the date of signing. Sepzone-Linh Trung and Tenant shall each keep eight (08) originals [four (04) in English and four (04) in Vietnamese].

BRANCH OF TST CO., LTD

Represented by
Yun Jeoung An
General Director

Signed and stamped

SEPZONE-LINH TRUNG

Represented by

He Ke Ren
President

Tran Thanh Hong
First Vice President

Signed and stamped

BIÊN BẢN BÀN GIAO ĐẤT

MINUTES ON LAND DELIVERY

Căn cứ Hợp đồng thuê đất số TWTT-07 ký giữa Công ty Liên Doanh Khai Thác Kinh Doanh Khu Chế Xuất Sài Gòn - Linh Trung và CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN PHÚ QUANG ngày 3 tháng 3 năm 2008.

Pursuant to the Contract on TWTT-07 to lease land signed between the Joint Venture Corporation for Development and Management of Saigon - Linh Trung and PHU QUANG CO., LTD. on March 3rd, 2008.

Hôm nay, ngày 3 tháng 3 năm 2008, chúng tôi gồm:

Today, March 3rd, 2008, the two parties consist of:

Bên cho thuê: **CÔNG TY LIÊN DOANH KHAI THÁC KINH DOANH KHU CHẾ XUẤT SÀI GÒN - LINH TRUNG**
 Landlord: **The Joint Venture Corporation for Development and Management of Saigon - Linh Trung**

Đại diện là: Ông **HE KEREN**
 Represented by: **Mr. HE KEREN**

Tổng Giám Đốc
 President

Bên thuê: **CÔNG TY TNHH PHÚ QUANG**
 Tenant: **PHU QUANG CO., LTD.**

Đại diện là: Bà **YUN JEOUNG AE**
 Represented by: **Mrs. YUN JEOUNG AE**

Tổng Giám Đốc
 General Director

Công thức và tọa độ của thửa đất là 100 ha Khu Chế xuất và Công nghiệp Linh Trung III với tổng diện tích là 9.180,32 m².

Having agreed to deliver land for No. 100 in Linh Trung Export Processing Zone and Industrial Park III with the total area of 9,180.32 sqm.

□ Các mốc ranh giới và tọa độ (Coordinates of boundary)

- | | |
|---|---|
| • Điểm A: X= 1217421.217 (Point A)
Y= 598056.488 | • Điểm C: X= 1217318.726 (Point C)
Y= 598114.086 |
| • Điểm B: X= 1217441.207 (Point B)
Y= 598078.655 | • Điểm D: X= 1217298.730 (Point D)
Y= 598044.857 |

□ Vị trí theo bản đồ vị trí đính kèm (Location: attached location map)

- | | |
|--|--|
| ➢ Phía Đông giáp với: Lô 101
On the East: Lot 101 | ➢ Phía Nam giáp với: Lô 108
On the South: Lot 108 |
| ➢ Phía Tây giáp với: Lô 99
On the West: Lot 99 | ➢ Phía Bắc giáp với: Đường 4
On the North: Road 4 |

Đất được giao theo điều 4.1 của hợp đồng thuê đất.

Land is delivered in accordance with the Article 4.1 of the Contract to lease land.

Biên bản bàn giao đất này được lập thành 16 (mười sáu) bản gốc, có giá trị ngang nhau, mỗi bên giữ 08 bản.

This Minutes on land delivery is signed in 16 originals with equal validity, each party keeps 08 originals.

CTY TNHH PHÚ QUANG



YUN JEOUNG AE

CTY LP KHAI THÁC KINH DOANH KHU CHẾ XUẤT SÀI GÒN - LINH TRUNG



LOCATION PLAN

LOT NO : 100



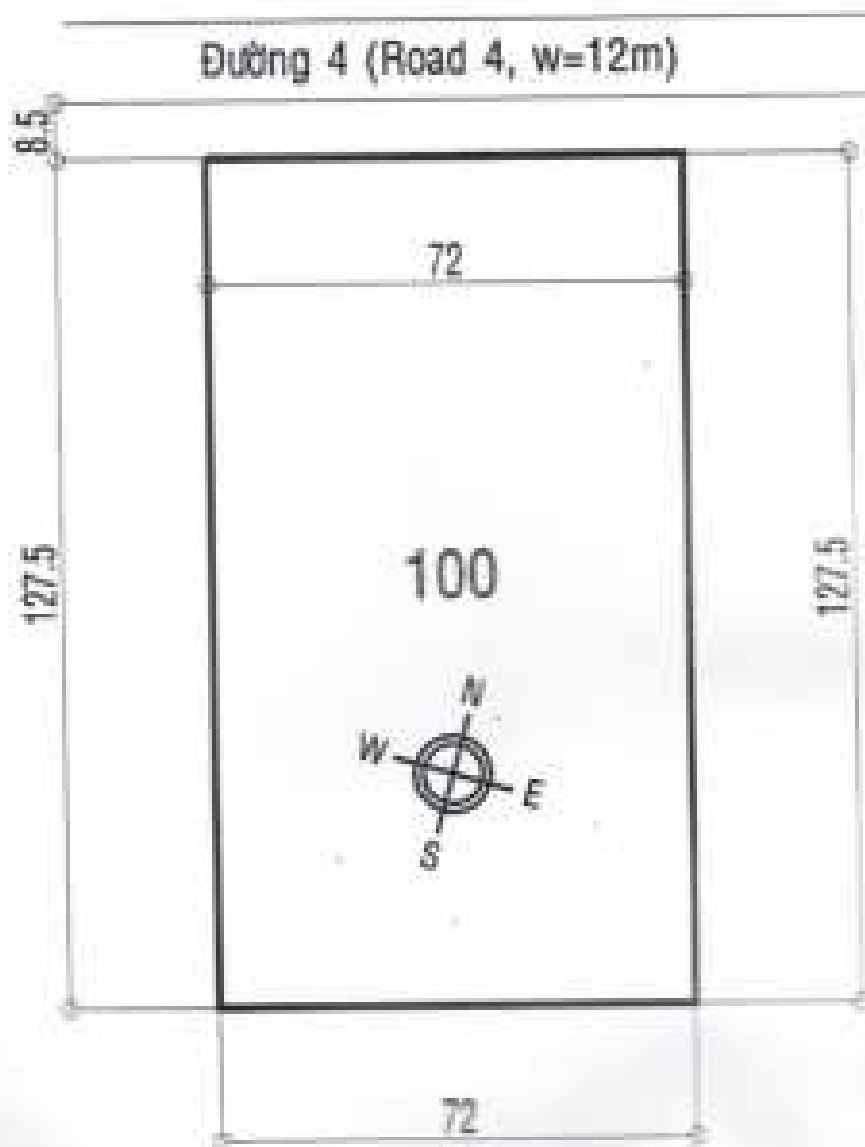
Coordinates of Boundary Marks				D & C Department
Point A	Point B	Point C	Point D	Plan maker <i>[Signature]</i> Huỳnh Việt Hưng
X = 1217421.217 Y = 598009.498	X = 1217441.207 Y = 598078.068	X = 1217318.720 Y = 598114.056	X = 1217298.720 Y = 598044.897	D & C Manager <i>[Signature]</i> Vũ Nguyễn Hùng

LINH TRUNG EPZ - IP III

Trang Bang Dist. - Tay Ninh Province

LOT 100

LEASE LAND AREA : 9,180.30 Sq.m



Made by: Vu Nguyen Hung, Design and Construction Dept

Vu Nguyen Hung

EXHIBIT B

BẢNG THANH TOÁN TIỀN THUÊ ĐẤT CỦA LÔ 100 KHU LINH TRUNG 3

(THE PAYMENT FOR LAND RENTAL AT LOT 100 - LINH TRUNG EPZ & IP III)

Term (Thời hạn thuê) : up to 26/12/2052
 Area of land lot (Diện tích lô đất) : 9,180.30 m²
 Land lease rental (Giá thuê đất) : 29.00 USD/m² up to 26/12/2052

YEAR (Năm)	DESCRIPTION (Mô tả chi tiết)	RENTAL (Tiền thuê đất) (USD)	VAT (10%) (USD)	TOTAL OF CONTRACT VALUE (Tổng cộng) (USD)
2007	- Land rental: $29.00 \times 9,180.30 \text{ m}^2 + (29.00 \times 9,180.30 \text{ m}^2 \times 10\%)$	266,228.70	26,622.87	292,851.57
	TOTAL (Tổng cộng)	266,228.70	26,622.87	292,851.57

EXHIBIT B

**CHI TIẾT TIỀN THUẾ ĐẤT PHẢI THANH TOÁN BỞI
CÔNG TY TNHH PHÚ QUANG**

Căn cứ theo Thỏa thuận thuê đất số 79A/TT-07 ngày 01/08/2007, công ty TNHH Phú Quang phải thanh toán cho Sepzone Linh Trung số tiền như sau:

(Pursuant to the Agreement to lease land No.79A/TT-07 dated Aug.01st 2007, Phu Quang Co. has to pay Sepzone Linh Trung the following amount:)

* Tiền thuê đất phải thanh toán (Payable land rental):

• Tiền thuê (Rental):	266,228.70 USD
-----------------------	----------------

- Total GTGT (VAT 10%)	26,622.87	USD
------------------------	-----------	-----

Tổng cộng (Total): 292,851.57 USD (1)

* Tiền thuê đất đã thanh toán (Paid land rentals)

- Ngly 21/08/2007:	39,941.31	USD	đang đang	646.650.000	VND
--------------------	-----------	-----	-----------	-------------	-----

- Ngly 22/10/2007:	31,092.59	USD	same date	500,000,000	VND
--------------------	-----------	-----	-----------	-------------	-----

- Ngày 14/12/2007:	54,604.12	USD	trong tương đương	880.000.000	VND
--------------------	-----------	-----	-------------------	-------------	-----

Tổng cộng (Total): 125,638.02 USD (2) tương đương 2,026,650,000 VND

* Tiền thuê đất phải thanh toán bổ sung (Additional payable land rental):

$$(I) - (II): \quad 167,211.35 \text{ USD}$$

Bảng chữ: Một trăm sáu mươi bảy nghìn hai trăm mười ba Đôla Mỹ và năm mươi lăm xu.

(In words : One hundred sixty seven thousand two hundred thirteen US Dollars and fifty five cents.)

2000

DEFINITION OF TERMS IN THE CONTRACT

Định Nghĩa Một Số Từ Trong Hợp Đồng

1. **CONTRACT** shall mean the document that includes all agreements between Tenant and Sepzone-Linh Trung, exhibits attached and all other documents incorporated thereto. (*HỢP ĐỒNG là văn bản bao gồm các thỏa thuận giữa Bên Thuê và Sepzone-Linh Trung, các Bản Chỉ Tiêu kèm theo và tất cả các văn bản khác hợp thành bộ phận của hợp đồng*).
2. **SEPZONE-LINH TRUNG** shall mean the Joint-Venture Corporation for Development and Management of Saigon-Linh Trung Export Processing Zone (*SEPZONE-LINH TRUNG có nghĩa là Công Ty Liên Doanh Khai Thác Kinh Doanh Khu Chế Xuất Sài Gòn- Linh Trung*).
3. **LINH TRUNG EXPORT PROCESSING ZONE & INDUSTRIAL PARK III** shall mean the physical area and entity which Sepzone-Linh Trung has authority to administer according to Investment License and the legal land use rights subsequently transferred to Sepzone-Linh Trung. (*KHU CHẾ XUẤT & CÔNG NGHIỆP LINH TRUNG III có nghĩa là phần diện tích và thực thể tự nhiên mà Sepzone-Linh Trung có quyền điều hành theo Giấy Phép Đầu Tư và các quyền sử dụng đất hợp pháp được giao cho Sepzone-Linh Trung*).
4. **TANIZA (TRANG BANG - TAY NINH INDUSTRIAL ZONE AUTHORITY)** shall mean the Government authority to the Export Processing Zones and Industrial Parks in Tay Ninh Province which is empowered to provide Tenant with one-stop service including examining proposed projects, granting business licenses, construction permits, etc. *TANIZA (BAN QUẢN LÝ KHU CÔNG NGHIỆP TRẢNG BÀNG - TÂY NINH) là cơ quan quản lý nhà nước đối với các khu chế xuất và khu công nghiệp tại Tỉnh Tây Ninh, là nơi có quyền cung cấp cho bên thuê dịch vụ một cửa bao gồm xem xét các dự án, cấp giấy phép đầu tư, giấy phép hoạt động và giấy phép xây dựng, ...)*
5. **TENANT** shall mean and include jointly and severally individuals, partnerships, enterprises, corporations, or other entities, and each of their respective personal representatives who leases land in Linh Trung Export Processing Zone & Industrial Park III. (*BÊN THUÊ sẽ có nghĩa và bao gồm tổ chức cá nhân, đại diện hợp pháp của một công ty, một tổ chức hoặc một nhân kinh doanh thuê đất tại Khu Chế Xuất & Công Nghiệp Linh Trung III*).
6. **PREMISES** shall mean the Tenant's leased lot(s) as defined in the Contract To Lease Land with the location and coordinates specified in the Minutes of Land Delivery. (*KHU ĐẤT có nghĩa là phạm vi đất của Bên Thuê được định nghĩa trong Hợp Đồng Thuê Đất với vị trí và tọa độ được quy định trong Biên Bản Bàn Giao Đất giữa hai bên*).
7. **MINUTES OF LAND DELIVERY** shall mean the document which specifies the coordinates and limits of the lot(s) that Tenant leases. By signing the Minutes of Land Delivery, Sepzone-Linh Trung delivers to Tenant and Tenant accepts to lease from Sepzone-Linh Trung the lot(s)

as specified hereto. (BIÊN BẢN BÀN GIAO ĐẤT sẽ có nghĩa là văn bản ghi rõ các tọa độ và giới hạn của lô đất mà Bên Thuê thuê. Bằng việc ký vào Biên Bản Bàn Giao Đất, Sepzone-Linh Trung giao cho Bên Thuê và Bên Thuê nhận từ Sepzone-Linh Trung lô đất thuê ghi rõ trong đó).

8. EFFECTIVE DATE shall be the date when the Contract To Lease Land takes effect as specified in the Contract To Lease Land. The anniversaries of the Effective Date shall be the due dates for Tenant's payment of Land Rental (if any) in the succeeding years. (NGÀY CÓ HIỆU LỰC là ngày Hợp Đồng Thuê Đất bắt đầu có hiệu lực được xác định trong Hợp Đồng Thuê Đất. Những ngày tròn năm của Ngày Có Hiệu Lực sẽ là ngày đến hạn thanh toán tiền thuê đất của Bên Thuê (nếu có) trong những năm tiếp theo).
9. LAND RENTAL shall mean the rental that Tenant shall pay Sepzone-Linh Trung in accordance with the option Tenant has chosen. (TIỀN THUÊ ĐẤT sẽ có nghĩa là số tiền thuê đất mà Bên Thuê phải trả cho Sepzone-Linh Trung theo như phương thức mà Bên Thuê đã chọn).
10. SECURITY DEPOSIT (if any) shall mean the amount as specified in the Lease Contract that Tenant shall pay to Sepzone-Linh Trung for the guarantee of execution for the Lease Contract by Tenant. It will be paid back without interest at the end of the term of the Lease Contract. (TIỀN BẶT CỌC BẢO ĐẢM (nếu có) sẽ có nghĩa là số tiền như xác định trong Hợp Đồng Thuê Đất của Bên Thuê. Số tiền này sẽ được trả lại cho Bên Thuê không gồm lãi suất vào cuối thời hạn của Hợp Đồng Thuê Đất nếu Bên Thuê không vi phạm bất kỳ điều khoản nào trong Hợp Đồng Thuê Đất).
11. INVESTMENT LICENSE shall mean the document entitled Investment License which allows Tenant to establish its own enterprise in the export processing zone or the industrial zone. The Investment License shall specify the type of industry that Tenant specializes in, the total investment capital, the operation term, and other terms and conditions that Tenant shall observe. (GIẤY PHÉP ĐẦU TƯ sẽ có nghĩa là văn bản trong văn Giấy Phép Đầu Tư cho phép Bên Thuê thành lập xí nghiệp riêng của mình trong khu chế xuất hoặc khu công nghiệp. Giấy Phép Đầu Tư sẽ cụ thể hóa lĩnh vực kinh doanh của Bên Thuê, tổng số vốn đầu tư, thời gian hoạt động cũng như các điều khoản khác mà Bên Thuê phải tuân theo).
12. CONSTRUCTION SCHEDULE shall mean the chart which defines the time limit to implement each of Tenant's construction items that Tenant shall abide to. (TIẾN ĐỘ XÂY DỰNG là sơ đồ quy định thời gian giới hạn để thực hiện từng hạng mục công trình mà Bên Thuê phải tuân theo).
13. LAND USE PLAN shall mean the plan in which Tenant specifies the ratio of land areas set aside for construction and for each of other purposes: parking lot, landscapes, lawns, and tree planting, and the construction areas to be carried out by phases and the estimated time to finish each construction items (if any). (KẾ HOẠCH SỬ DỤNG ĐẤT sẽ có nghĩa là kế hoạch trong đó Bên Thuê cụ thể hóa tỉ lệ diện tích đất dành cho xây dựng và cho các mục đích khác: bãi đậu xe, tạo phong cảnh, bãi cỏ, trồng cây, cũng như tỉ lệ diện tích xây dựng trong từng thời kỳ sẽ dựng và thời gian dự kiến để hoàn thành từng công trình (nếu có)).

QUI ĐỊNH VỀ VIỆC XÂY DỰNG NHÀ MÁY TRONG KCX & CN LÍNH TRUNG

Doanh nghiệp chuẩn bị xây dựng nhà máy và cơ sở trong khu Linh Trung cần nghiên cứu kỹ lưỡng để tuân thủ quy định này khi tiến hành thiết kế và thi công nhà máy.

1. Mật độ xây dựng:

Mật độ xây dựng tối thiểu là 50% và tối đa là 70% diện tích đất thuê.

2. Quy hoạch mặt bằng:

Không bố trí phía giáp đường giao thông các công trình ảnh hưởng mỹ quan chung.

3. Chỉ giới xây dựng:

Là khoảng cách tối thiểu từ hàng rào (tranh giao đất) đến các công trình xây dựng của nhà máy được quy định như sau:

- Trường hợp nhà xưởng cao dưới 8m:
 - Phía giáp với đường lớn (>12m): 6 m
 - Phía giáp với đường còn lại: 4,5m
 - Phía giáp với các nhà máy khác: 4 m
- Khi nhà xưởng cao trên 8m:
 - Phía giáp với đường giao thông tuân theo mục 4 của quy định này.
 - Phía giáp với các nhà máy khác: tối thiểu là 6m cho 1 tầng đầu tiên. Khoảng cách này sẽ tăng thêm 1m nếu chiều cao nhà tăng thêm một tầng.

Trong các khoảng lùi nêu trên, không được phép bố trí công trình xây dựng (tủ nhà bồn vẽ và nhà để xe đạp, xe máy có chiều cao không vượt quá chiều cao hàng rào tại vị trí đó) và phải trồng cỏ hoặc làm lối đi để tạo hành lang thông thoáng chữa cháy và lối thoát khẩn cấp.

Quy định xây dựng

REGULATION ON FACTORY CONSTRUCTION IN LINH TRUNG EPZ & IP

Enterprise that is going to build its factory in Linh Trung zone should study this regulation carefully to design and construct the factory.

1. Building coverage ratio:

Minimum is 50% and maximum is 70% of leased area.

2. Master Plan:

Must not build items that damage the public view along road sides.

3. Set back line:

That is the open space between the fence (property boundary line) to any building structure. It must be at least:

- For the building height < 8 m:
 - To main roads (>12m) sides: 6 m
 - To other roads: 4.5m
 - To nearby factories: 4 m
- For the building height > 8 m:
 - To roads: to be complied with section 4 of this regulation.
 - To nearby factories: more than 9m for first three storeys. This dimension will be increased 1m for one more storey.

Within the setback area, Enterprise must not build anything (except guard house and bike parking - height of bike parking is not higher than the height of fence at that position) and should plant grass or making path. This ensures the space for fire-prevention and emergency exits.

Bảng chi tiết D (Exhibit D)



4. Cao độ tối đa:

Góc giới hạn là 60° kể từ ranh hàng rào giáp với đường giao thông. Mọi công trình xây dựng và kết cấu phải nằm dưới đường giới hạn này.

5. Tường rào - Cổng - bảng tên:

5.1. Tường rào:

Được xây dựng trên đường ranh giới cấp đất với các tiêu chuẩn như sau:

- **Tường rào phía mặt đường giao thông:**
 - Chiều cao: 2.5m kể từ mặt đất.
 - Kết cấu: xây gạch 0.8m bên dưới và 1.7m bên trên làm hàng rào chắn song.
 - Vị trí: Mọi kết cấu của tường rào này phải nằm bên trong đường ranh giao đất.
 - Nhà đầu tư sẽ tự xây dựng hàng rào trên đất mình theo mẫu sẽ do Linh Trung cung cấp.
- **Tường rào giáp với nhà máy khác:**
 - Chiều cao: 2.7m kể từ mặt đất.
 - Kết cấu: 2.5m bên dưới xây gạch và 0.2m bên trên là chông sắt.
 - Vị trí: Mọi kết cấu của tường rào này phải nằm bên trong đường ranh giao đất.
 - Nhà đầu tư sẽ tự xây dựng hàng rào trên đất mình theo mẫu do Sepzone - Linh Trung cung cấp.



4. Maximum building height:

The limit angle is 60° from the fence which is near the roads. All building and structures must be below this limit line.

5. Fence - Gate - Billboards:

5.1. Fences:

Should be built on the lot boundary lines with following standards:

- **Fence along the road:**
 - Height: 2.5m from ground surface.
 - Structure: 0.8m brick wall below and 1.7m of rail on top.
 - All parts of this fence must behind of the lot boundary.
 - Investor shall be built fence around their land and follow the typical one which will be issued by Linh Trung.
- **Fence to nearby factories:**
 - Height: 2.7m from ground surface.
 - Structure: 2.5m brick wall with 0.2m iron bars above.
 - All parts of this fence must behind of the lot boundary.
 - Investor shall build fence around its land and follow the typical one which will be issued by Linh Trung.

5.2. Cổng:

- Kết cấu cánh cổng phải thoáng và mỹ quan.
- Vị trí đặt cổng ra vào nhà máy do chủ đầu tư quyết định nhưng cần tham khảo SLT để tránh thiệt hại các công trình kỹ thuật ngầm.

5.3. Bảng tên:

- Bảng tên được đặt trên tường rào mặt tiền nhà máy.
- Chiều cao không quá 2m.
- Bề rộng trong khoảng từ 3m đến 6m.

6. Điểm đấu nối với các tiện ích công cộng (điện, cấp nước, nước thải...):

Vị trí đấu nối điện, cấp nước, nước thải từ nhà máy, nước mưa vào hệ thống chung do SLT chỉ định. Đơn vị thiết kế sẽ liên hệ với SLT để được chỉ dẫn cụ thể.

- **Điểm đấu nối cấp điện:** Tre điện trung thế trên tuyến chính gần xí nghiệp nhất.
- **Điểm đấu nối cấp nước:** Điểm ống chính và van chủ dẫn tại góc lô đất.
- **Điểm đấu nối nước thải và nước mưa (mương hợp):** Hệ ga nước thải và nước mưa gần xí nghiệp nhất.

Công tác đấu nối từng hạng mục được nêu chi tiết trong phần quy định tương ứng.

7. Cao trình xây dựng:

Cao trình chuẩn (cốt "0.00") sẽ do nhà đầu tư tự quyết định và không nhỏ hơn 0,4m so với cao độ tìm đường hoàn thiện gần lô đất nhất. Nên tham khảo hồ sơ kỹ thuật các công trình cơ sở hạ tầng của SLT tại địa điểm dự kiến xây dựng. Nếu cần, có thể xin thêm sự hướng dẫn của các kỹ sư xây dựng SLT.

8. Quản lý thi công công trình:

- Các đơn vị thi công và công nhân trong khu Linh Trung 3 phải tuân thủ nội quy ra vào cổng do Ban quản lý ban hành.

Quy định xây dựng

5.2. Gate:

- The gate structure must be open and nice.
- Position of the gate(s) will be decided by Tenants with reference to SLT to prevent the affection to underground infrastructure works.

5.3. Nameboard:

- Nameboard should be placed on the fence in front of the factory.
- The height is no more than 2m.
- The width should be 3m to 6m.

6. Utilities connection points (electric, water supply, drainage...):

Connection points for electric, water supply, wastewater and storm drainage to main systems will be indicated by SLT. Factory designer should contact SLT to have specific indication.

- **Electricity connection:** The nearest pole of medium voltage grid.
- **Water supply connection:** Reserved branch pipe and valve near the lot corner.
- **Drainage connection points:** The nearest reserved manholes (separately for storm water and waste water).

The requirements for items of connection will be presented in relative regulation.

7. Elevation of the structure:

Enterprise decides its ground floor elevation (construction datum) and it is not lower than 0.4m in comparison with finishing level of corner line of road that is nearest its lot. The infrastructure database is available for reference. Designer should contact SLT civil engineer for instructions, if necessary.

8. Construction management:

- Contractors and workers who work in Linh Trung zone 3 should comply with the access regulation issued by Tanira.

- Đơn vị thi công phải trình hồ sơ tổ chức công trường gồm vị trí lán trại, phương tiện vệ sinh, công tác đào nôi và bố trí điện nước, quản lý của bộ công nhân thi công, thời gian thi công, phương tiện chuyên chở ra vào, vật tư, thiết bị... Hồ sơ phải được SLT đồng ý trước khi triển khai thi công.
- Phạm vi lưu hành được ấn định, công nhân không đi ra ngoài phạm vi được phép.
- Rác rưởi phải được tập trung, đậy kín và định kỳ đem ra khỏi khu vực.
- Phải bảo đảm vệ sinh khu vực công trường đang thi công. Phải xây dựng nhà vệ sinh có hầm tự hoại cho công nhân sử dụng.
- Số của bộ, công nhân viên hoặc nhân công tạm trú phải khai báo, trình công an địa phương duyệt chấp thuận và thông báo cho báo vệ SLT biết.
- Đơn vị thi công phải ký hợp đồng sử dụng tiện ích công cộng với SLT để được cung cấp điện, nước và hưởng dụng các tiện ích cơ sở hạ tầng.
- Hệ thống điện phải an toàn và đảm bảo hệ số công suất ($\cos\phi$) > 0.85
- Phải có trang thiết bị phòng cháy chữa cháy hữu hiệu.
- Không được phép đào giếng lấy nước.
- Trong thời gian xây dựng phải mua bảo hiểm công trình.
- Việc chuyển vật tư, thiết bị vào và ra khỏi Xi nghiệp chế xuất phải được Hải Quan chấp thuận.
- Đơn vị thi công chịu trách nhiệm đền bù mọi hư hại do quá trình thi công gây ra cho tài sản của SLT hoặc các bên thứ ba khác.
- Đất dư (nếu có) phải đổ vào đúng nơi quy định.

SLT có quyền tạm đình chỉ thi công công trình nếu đơn vị thi công vi phạm các quy định nêu trên cho đến khi đơn vị thi công sửa chữa hoàn tất các vi phạm này.

Quy định này được

- Contractors should submit the document of site organization to SLT for approval including location of camps, sanitation facilities, utilities facilities, labor staff, construction duration, transportation means, materials and equipment, before the construction work is started.
- Workers of the construction company should not pass out of the permitted area.
- Rubbish must be collected, covered tightly and taken out of the site periodically.
- Ensure the site and surrounding area tidy and clean. There must be provided toilet for workers with septic tanks.
- Declare construction staff, employees and workers that temporarily resided at site. Residence list must be approved by local police and informed to SLT guard.
- Contractors will sign a contract of "supply and utilizing public utilities" with SLT for its water, electric supply and public utilities.
- Site electric system must be safe and keep power factor that is ($\cos\phi$) > 0.85
- Be equipped with fire protection equipment.
- Drilling well for water is prohibited.
- Buy the construction insurance for the work during the construction period.
- Be approved by Customs service for the materials, equipment brought in and out of the EPZ enterprise.
- Contractors must pay the compensation fee for all damages to the SLT infrastructure or the third party by their activities, if any.
- Surplus soil (if any) must be put in indicated location.

Supreme – Linh Trung has the right to stop the construction works if the contractor breaks the regulation until he corrects all violations.

8. Trước khi khởi công xây dựng:

- Xuất trình hợp đồng thuê đất và nhận bàn giao mốc ranh đất tại hiện trường.
- Giao nộp bản vẽ thiết kế đã được Taniza phê duyệt.
- Ký kết hợp đồng hưởng dụng tiện ích công cộng, thanh toán chi phí lắp đặt đồng hồ điện, đồng hồ nước và đồng tiền ký quỹ.

Tổng Giám Đốc
President

(signed)

Ho Keren

9. Before starting construction works:

- Submit the land lease contract and receive the lot landmarks from SLT.
- Submit SLT a design drawing set that approved by Taniza.
- Sign the contract of "supply and using public utilities", pay for the power and water meters installation and deposit amount.

P.Tổng Giám Đốc thứ nhất
First Vice President

(signed)

Trần Thanh Hồng

TÀI, PHẠM ĐÌNH QUÝ THU,
CMND/HC số 022238204, cam
đoan dịch chính xác, phù hợp với
nội dung từ bản tiếng Việt được
chụp đính kèm theo.

Ngày 21 tháng 11 năm 2021

Người dịch: _____
Phạm Đình Quý Thu

PHÒNG TƯ PHÁP Huyện Hoà Thành, Tỉnh Tây Ninh

CHỨNG THỰC

Chữ ký của Ông Phạm Đình Quý Thu, Sinh năm: 1959
CMND/HC số 022238204 cấp tại Tp. Hồ Chí Minh ngày
cấp 05/07/2006 trên văn bản này đúng là chữ ký của người
yêu cầu chứng thực.

Phạm Đình Quý Thu Ngày 01 tháng 01 năm 2022
Số chứng thực 02 quyển số 01 TPCT.CK



Nguyễn Quốc Khánh

LỜI XÁC NHẬN CỦA PHÓ TRƯỞNG BAN BAN QUẢN LÝ CÁC KHU CÔNG NGHIỆP TÂY NINH

Ngày 16 tháng 01 năm 2009 (Ngày mười sáu, tháng một, năm hai ngàn không trăm lẻ chín), tại Ban Quản lý các khu công nghiệp Tây Ninh, tôi, HÁ MINH QUẢN - Phó Trưởng Ban, thêm uỷ quyền ký xác nhận hợp đồng, văn bản về bất động sản tại Quyết định số 405/QĐ-BQLKCN ngày 08/9/2008 của Trưởng Ban Quản lý các khu công nghiệp Tây Ninh.

XÁC NHẬN

- Hợp đồng thuê đất số 79/TT-07/CTL được giao kết giữa:
 - Bên A (bên cho thuê): CÔNG TY LIÊN DOANH KHAI THÁC, KINH DOANH KHU CHẾ XUẤT SÀI GÒN-LINH TRUNG và,
 - Bên B (bên thuê): CÔNG TY TNHH PHÚ QUANG.

Các Bên đã tự nguyện thỏa thuận giao kết hợp đồng này;

- Tại thời điểm xác nhận, các Bên giao kết hợp đồng có năng lực hành vi dân sự phù hợp theo quy định của pháp luật;
- Nội dung thỏa thuận của các Bên trong hợp đồng không vi phạm điều cấm của pháp luật, không trái đạo đức xã hội; các Bên tự chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung các điều khoản thỏa thuận trong hợp đồng này;
- Các Bên giao kết đã ký trước vào hợp đồng này. Các chữ ký trong hợp đồng trùng khớp với chữ ký mẫu đã đăng ký;
- Hợp đồng này được lập thành 08 bản chính (mỗi bản chính gồm 05 tờ, 05 trang), giao cho:
 - Bên A 03 (ba) bản chính;
 - Bên B 03 (ba) bản chính;
 - Đăng ký tại Sở Tài nguyên - Môi trường Tây Ninh 01 (một) bản chính;

Lưu tại Ban Quản lý các khu công nghiệp Tây Ninh 01 (một) bản chính.

Số: 136/XNHD-BQL; Quyển số 01/XN-SXN/HĐGD.

KT. TRƯỞNG BAN
PHÓ TRƯỞNG BAN



Số: 79-TT-14/CTL

HỢP ĐỒNG THUÊ LẠI QUYỀN SỬ DỤNG ĐẤT

**SEPZONE-LINH TRUNG
&
CÔNG TY TNHH PHÚ QUANG**

Ngày ký: 02/04/2014

Lô số: 101- KCX & CN Linh Trung III

Diện tích: 9,179,60 m²

THANH TOÁN TỪNG PHẦN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

HỢP ĐỒNG THUÊ LẠI QUYỀN SỬ DỤNG ĐẤT

Hôm nay, ngày 02 tháng 04 năm 2014, hai bên ký Hợp đồng gồm có:
Chúng tôi gồm có:

Bên cho thuê lại (sau đây gọi là Bên A):

CÔNG TY TNHH SEPZONE-LINH TRUNG (VIỆT NAM)

Trụ sở : Khu phố 4, phường Linh Trung, Quận Thủ Đức, thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Giấy chứng nhận đầu tư số: 45222000168 đăng ký thay đổi lần thứ 2 ngày 20/04/2012 do Ban Quản lý Khu Kinh tế tỉnh Tây Ninh cấp

- Điện thoại: 84-66-3896392/ 3896600 ; Fax: 84-66-896391.
- Tài khoản số: + Tại Ngân Hàng Đầu Tư và Phát Triển Việt Nam, Chi Nhánh Đồng Sài Gòn, TP Hồ Chí Minh (Địa chỉ : Phường Linh Trung, Quận Thủ Đức, TP HCM, ĐT : 848.8974 896, Fax: 848.8974 892, Swift Code: BIDVNVX).
 - USD A/C: 314-10-37-000019-9
 - VND A/C: 314-10-00-000002-5+ Tại Ngân Hàng Ngoại Thương Việt Nam, Chi Nhánh Thủ Đức, TP Hồ Chí Minh, (Địa chỉ: Phường Linh Trung, Quận Thủ Đức, TP HCM, ĐT : 848.7291 334, Fax: 848.8974 176, Swift Code: BFTVNVX).
 - USD A/C: 018.1.37.000485.4
 - VND A/C: 018.1.00.000117.6

• Tên tài khoản: Sepzone-Linh Trung.

Đại diện bởi : ông YANG KAI YONG

Chức vụ : Tổng Giám đốc

Sinh ngày : 12/02/1974

Hộ chiếu số : G33365471 cấp ngày 06/03/2009 tại Tổng Lãnh sự quán Trung Quốc tại Thành phố Hồ Chí Minh

Quốc tịch : Trung Quốc

Và ông : LÊ HOÀNG MINH

Chức vụ : Phó Tổng Giám đốc Thứ Nhất

Sinh ngày : 26/05/1979

Chứng minh nhân dân số : 300966326 cấp ngày 01/12/2010 tại CA. tỉnh Long An

Quốc tịch : Việt Nam

Có người phiên dịch cho ông YANG KAI YONG, trong việc lập và ký Hợp đồng này

là:

là:

: NGUYỄN THỊ PHƯƠNG LAN



Sinh ngày : 23/06/1986
Chứng minh nhân dân số : 023987027 cấp ngày 17/07/2008 tại CA, thành phố Hồ Chí Minh
Quốc tịch : Việt Nam

Bên thuê lại (sau đây gọi là Bên B):

CÔNG TY TNHH PHÚ QUANG

Trụ sở : Lô số 100, Khu Chế Xuất và Công Nghiệp Linh Trung III, huyện
Trảng Bàng, tỉnh Tây Ninh, Việt Nam
Giấy chứng nhận đầu tư số: 452043000055 đăng ký thay đổi lần 3 ngày 10 tháng 3 năm 2014
do Ban Quản lý Khu Kinh tế tỉnh Tây Ninh cấp
Người đại diện là : ông PARK CHUNG UP
Chức vụ : Tổng Giám đốc
Sinh ngày : 13/07/1956
Hộ chiếu số : 7200574 cấp ngày 08/10/2007 tại Hàn Quốc
Quốc tịch : Hàn Quốc

Cố người phiên dịch cho ông PARK CHUNG UP, trong việc lập và ký Hợp đồng này
là:

Đã : **LÊ THỊ THẨM**
Chứng minh nhân dân số : 290769134 cấp ngày 03/07/2013 tại CA, tỉnh Tây Ninh
Quốc tịch : Việt Nam

NỘI DUNG HỢP ĐỒNG

Hai bên đồng ý ký Hợp đồng thuê lại quyền sử dụng đất (dưới đây được gọi tắt là "Hợp đồng") bao gồm những điều khoản sau:

ĐIỀU 1

QUYỀN SỬ DỤNG ĐẤT THUÊ LẠI

Bên A cho bên B thuê lại quyền sử dụng đất của thửa đất số 182 (lô 101) cụ thể như sau:

Quyền sử dụng đất của bên A đối với thửa đất theo: "Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất" số BM 189156 vào sổ cấp giấy chứng nhận số CT00601 do Ủy ban nhân dân Tỉnh Tây Ninh cấp ngày 16/08/2013, cụ thể như sau:

- | | |
|--|--|
| - Thửa đất số | : 182 |
| - Tờ bản đồ số | : 39 |
| - Địa chỉ thửa đất | : ấp Soối Sầu, xã An Tịnh, huyện Trảng Bàng, tỉnh Tây Ninh |
| - Diện tích | : 9.179,60 m ² (Chín nghìn một trăm bảy mươi chín phẩy sáu mươi một vuông) |
| - Hình thức sử dụng
+ Sử dụng riêng | : 9.179,60 m ² (Chín nghìn một trăm bảy mươi chín phẩy sáu mươi một vuông) |
| - Mục đích sử dụng | : Đất khu công nghiệp - SKK |
| - Thời hạn sử dụng | : Đến ngày 27 tháng 12 năm 2052 |
| - Nguồn gốc sử dụng | : Nhà nước cho thuê đất trả tiền hàng năm và được miễn tiền thuê đất 11 năm kể từ ngày xây |

dùng cơ bản hoàn thành đưa dự án vào hoạt động

ĐIỀU 2

THỜI HẠN THUẾ LẠI, MỤC ĐÍCH THUẾ LẠI

Thời hạn thuế lại quyền sử dụng đất kể từ 01 giờ ngày 03 tháng 04 năm 2014 đến 24 giờ ngày 26 tháng 12 năm 2052.

- Mục đích thuế lại quyền sử dụng đất: xây dựng nhà xưởng để sản xuất.

ĐIỀU 3

GIÁ THUẾ LẠI VÀ PHƯƠNG THỨC THANH TOÁN

* THANH TOÁN TỪNG PHẦN

3.1 Tiền Thuế Căn Bản: VND 969.450,00 /m² đến ngày 26 tháng 12 năm 2052

3.2 Tổng giá trị Hợp Đồng (đã bao gồm lãi suất và thuế VAT): VND 11.533.315.533 (Bằng chữ: Mười một tỷ năm trăm ba mươi ba triệu ba trăm mười lăm nghìn năm trăm ba mươi ba đồng).

3.3 Phương thức thanh toán:

Bên B sẽ chuyển trả cho bên A khoản thanh toán đầu tiên tương đương ba mươi phần trăm (30%) của tổng giá trị Hợp Đồng cho bên A.

Khoản thanh toán đầu tiên Bên B phải trả (bao gồm 10% VAT) là VND 2.936.723.863 (Bằng chữ: Hai tỷ chín trăm ba mươi sáu triệu bảy trăm hai mươi ba nghìn tám trăm sáu mươi ba đồng) bao gồm (i) tiền đặt cọc, tương đương VND 1.334.874.483 (Bằng chữ: Một tỷ ba trăm ba mươi bốn triệu tám trăm bảy mươi bốn nghìn bốn trăm tám mươi ba đồng chẵn) được chuyển vào tổng số tiền thanh toán đợt đầu tiên; và (ii) VND 1.601.849.380 (Bằng chữ: Một tỷ sáu trăm lẻ một triệu tám trăm bốn mươi chín nghìn ba trăm tám mươi bốn đồng) sẽ được Bên B thanh toán cho Bên A trong vòng năm (05) ngày làm việc kể từ ngày ký Hợp Đồng này.

Bảy mươi phần trăm (70%) còn lại của tổng giá trị Hợp Đồng sẽ được Bên B trả cho Bên A bằng bảy kỳ bằng nhau vào ngày tròn năm của Ngày Có Hiệu Lực của Hợp Đồng trong bảy (07) năm tiếp theo (tối thiểu thanh toán 1 kỳ cho mỗi năm) với lãi suất bảy phần trăm (7%) mỗi năm tính trên số tiền chưa thanh toán.

Vào các năm kế tiếp đến Ngày Có Hiệu Lực, Bên B sẽ chuyển trả vào tài khoản của Bên A số tiền thuế của năm kế tiếp đó theo như bảng lập nên trong Bảng Chi Tiết B.

3.4 Trong trường hợp Bên B chậm thanh toán quá một (01) tháng kể từ Ngày Có Hiệu Lực, Bên B phải trả tiền phạt trễ hạn tương đương 5% số tiền thanh toán quy định cho một tháng trễ.

Trong trường hợp Bên B không thanh toán tiền thuê cộng thêm tiền phạt trễ hạn quá hai (02) tháng kể từ ngày đến hạn phải thanh toán, Bên A có quyền đơn phương chấm dứt Hợp Đồng, thu hồi khu đất thuê mà không hoàn trả cho Bên B bất cứ khoản tiền nào, đồng thời yêu cầu Ban quản lý Khu Kinh Tế Tỉnh Tây Ninh thu hồi Giấy Chứng Nhận Đầu Tư của Bên B.

3.5 Trong trường hợp Bên B không tiến hành trả khoản thanh toán đầu tiên như đã nêu ở điều 3.3 quá thời hạn năm (05) ngày làm việc kể từ ngày ký Hợp Đồng này thì Hợp Đồng này không còn giá trị, và Tiền đặt cọc giữ đất ghi trong Thỏa Thuận sẽ không được hoàn trả lại cho Bên B đồng thời yêu cầu Ban quản lý Khu Kinh Tế Tỉnh Tây Ninh thu hồi Giấy Chứng Nhận Đầu Tư của Bên B.

ĐIỀU 4

NGHĨA VỤ VÀ QUYỀN CỦA BÊN A

4.1 Bên A có các nghĩa vụ sau đây:

- Giao thừa đất nêu tại Điều 1 của Hợp đồng này.
- Kiểm tra, nhắc nhở bên B bảo vệ, giữ gìn đất và sử dụng đất đúng mục đích;
- Nộp thuế sử dụng đất và thuế cho thuê lại quyền sử dụng đất (nếu có);
- Báo cho bên B về quyền của người thứ ba đối với thửa đất (nếu có);
- Trong thời gian mười (10) ngày làm việc kể từ ngày nhận được khoản thanh toán đầu tiên, bên A có trách nhiệm bàn giao thửa đất thuê sẵn sàng cho xây dựng cho Bên B;
- Bên A có trách nhiệm từng bước xây dựng và phát triển cơ sở hạ tầng phục vụ cho hoạt động của xí nghiệp trong Khu Chế Xuất. Bên A đảm bảo cung cấp điện và nước cho Bên B cho việc xây dựng và hoạt động;
- Bên A có trách nhiệm sửa chữa và bảo dưỡng hệ thống phân phối điện nước, nước thải sản xuất, hệ thống đường sá và các công trình công cộng nằm ngoài phạm vi khu đất thuê của Bên B.

4.2 Bên A có các quyền sau đây:

- Yêu cầu bên B trả đủ tiền thuê;
- Yêu cầu bên B chấm dứt ngay việc sử dụng đất không đúng mục đích, huỷ hoại đất hoặc làm giảm sút giá trị của đất; nếu bên B không chấm dứt hành vi vi phạm, thì bên A có quyền đơn phương đình chỉ hợp đồng, yêu cầu Bên B hoàn trả đất và bồi thường thiệt hại;
- Yêu cầu bên B trả lại đất, khi thời hạn cho thuê đã hết.

ĐIỀU 5

NGHĨA VỤ VÀ QUYỀN CỦA BÊN B

5.1 Bên B có các nghĩa vụ sau đây:

- Sử dụng đất đúng mục đích, đúng thời hạn thuê;
- Không được huỷ hoại, làm giảm sút giá trị sử dụng của đất;
- Trả đủ tiền thuê theo phương thức đã thỏa thuận;
- Tuân theo các quy định về bảo vệ môi trường; không được làm tổn hại đến quyền, lợi ích của người sử dụng đất xung quanh;

- Không được cho người khác thuê lại quyền sử dụng đất nếu không được bên A đồng ý bằng văn bản;

- Trả lại đất sau khi hết thời hạn thuê;

- Trong vòng ba (03) tháng kể từ ngày bàn giao đất, Bên B phải khởi công đóng hạn theo Tiến Độ Xây Dựng đã được duyệt.

- Trong trường hợp Bên B được phép tự xây dựng nhà xưởng nhưng không hoàn tất việc xây dựng công trình đúng thời hạn quy định, hoặc không khởi công xây dựng đúng hạn, sau ba (03) tháng nếu không có lý do chính đáng từ phía Bên B thì Bên A có quyền huỷ bỏ Hợp Đồng và đề nghị Ban Quản Lý Khu Kinh Tế Tỉnh Tây Ninh thu hồi Giấy Chứng Nhận Đầu Tư của Bên B, và Tiền Thuê Đất đã trả cho Bên A sẽ không được hoàn trả lại cho Bên B.

- Trong mọi trường hợp diện tích mặt bằng của nhà xưởng và các cấu trúc liên quan khác không được dưới 50% và không vượt quá 70% tổng diện tích khu đất thuê. Các kiến trúc không được xây trên phần hành lang an toàn phía sau Khu Đất. Trừ phần này ra phải dành phần còn lại của toàn bộ diện tích Khu Đất làm đất trồng rừng lâm bãi đỗ xe, trồng cây cảnh, thảm cỏ và cây xanh. Riêng diện tích trồng cây xanh phải trên 10% tổng diện tích Khu Đất và Bên B phải tiến hành trồng cây trong vòng mười hai (12) tháng kể từ lúc ký Hợp Đồng này, nếu không, Bên A sẽ trồng cây xanh với những chi phí do Bên B trả.

Bên B tự xây dựng nhà xưởng, hàng rào và các kiến trúc khác, phải chứa lại một khoảng đất trống xung quanh Khu Đất để trồng cây xanh, làm lối đi, hầm phòng cháy chữa cháy và lối cổng hậu được xác định như sau:

- + Phía tiếp giáp với Khu Đất của các xí nghiệp bên cạnh, chứa 4 mét.

- + Phía giáp đường 4 chứa 4,5 mét

Nếu kế hoạch đầu tư của Bên B được thực hiện trong nhiều giai đoạn, thì diện tích xây dựng ở giai đoạn đầu có thể dưới mức 50% được quy định trên đây; nhưng tiến trình xây dựng và tỉ lệ diện tích xây dựng phải được ghi rõ trong Kế Hoạch Sử Dụng Đất và phải được thực hiện nghiêm túc.

Ngoài Tiền Thuê Đất, Bên B phải nộp cho Bên A phí bảo trì cơ sở hạ tầng và sử dụng tiện ích công cộng mà Bên A qui định, bắt đầu tính từ khi Bên B hoàn tất xây dựng nhà máy. Mức phí này có thể thay đổi theo sự phê chuẩn của Ban Quản Lý Khu Kinh Tế Tỉnh Tây Ninh hoặc các cơ quan có thẩm quyền và Bên A sẽ thông báo cho Bên B bằng văn bản trước khi áp dụng mức phí mới. Bên B cũng phải thanh toán điện, nước, điện thoại, fax, xử lý nước thải, xử lý rác và các dịch vụ khác mà Bên B sử dụng hoặc được cung cấp.

Bên B phải có trách nhiệm bảo dưỡng các công trình công cộng cơ sở hạ tầng ở trên và dưới mặt đất thuộc phạm vi khu đất thuê. Theo quy định của Nhà nước, Bên B không được khoan giếng để khai thác nguồn nước ngầm. Nếu có bất kỳ vi phạm nào, Bên B phải chịu trách nhiệm trước pháp luật. Trong trường hợp Bên B gây thiệt hại nghiêm trọng đến nguồn nước ngầm, Bên A có quyền đơn phương chấm dứt Hợp Đồng, thu hồi đất thuê mà không hoàn trả cho Bên B bất cứ khoản tiền nào.

Bất kỳ sự hư hỏng nào do Bên B gây ra, Bên B có trách nhiệm thông báo cho Bên A và sửa chữa những hư hỏng này ngay lập tức; hoặc có trách nhiệm bồi thường cho Bên A những tổn thất do hậu quả của những hư hỏng mà Bên A sửa chữa với chi phí do Bên B chịu.

5.2 Bên B có các quyền sau đây:

- Yêu cầu bên A giao thửa đất đồng như đã thoả thuận;
- Được sử dụng đất ổn định theo thời hạn thuê đã thoả thuận (Trừ trường hợp có quyết định thu hồi đất của Nhà nước);
- Được hưởng hoa lợi, lợi tức từ việc sử dụng đất.

ĐIỀU 6

VIỆC ĐĂNG KÝ CHO THUÊ LẠI QUYỀN SỬ DỤNG ĐẤT VÀ NỘP LỆ PHÍ

1. Việc đăng ký cho thuê lại quyền sử dụng đất tại cơ quan có thẩm quyền theo quy định của pháp luật do bên A chịu trách nhiệm thực hiện.
2. Thuế, lệ phí liên quan đến việc thuê lại quyền sử dụng đất theo Hợp đồng này do bên A chịu trách nhiệm nộp.

ĐIỀU 7

PHƯƠNG THỨC GIẢI QUYẾT TRANH CHẤP

Trong quá trình thực hiện Hợp đồng này, nếu phát sinh tranh chấp, các bên cùng nhau thương lượng giải quyết trên nguyên tắc tôn trọng quyền lợi của nhau; trong trường hợp không thương lượng được thì một trong hai bên có quyền khởi kiện để yêu cầu toà án có thẩm quyền giải quyết theo quy định của pháp luật.

ĐIỀU 8

CAM ĐOAN CỦA CÁC BÊN

Bên A và Bên B chịu trách nhiệm trước pháp luật về những lời cam đoan sau đây:

1. Bên A cam đoan
 - 1.1. Những thông tin về nhân thân, về pháp nhân, về thửa đất đã ghi trong Hợp đồng này là đúng sự thật;
 - 1.2. Thửa đất thuộc trường hợp được cho thuê lại quyền sử dụng đất theo quy định của pháp luật;
 - 1.3. Tại thời điểm giao kết Hợp đồng này:
 - a) Thửa đất không có tranh chấp;
 - b) Quyền sử dụng đất không bị kê biên để bảo đảm thi hành án;
 - 1.4. Việc giao kết Hợp đồng này hoàn toàn tự nguyện, không bị lừa dối, không bị ép buộc;
 - 1.5. Thực hiện đúng và đầy đủ tất cả các thoả thuận đã ghi trong Hợp đồng này.
2. Bên B cam đoan
 - 2.1. Những thông tin về nhân thân, về pháp nhân đã ghi trong Hợp đồng này là đúng sự thật;
 - 2.2. Đã xem xét kỹ, biết rõ về thửa đất nêu tại Điều 1 của Hợp đồng này và các giấy tờ về quyền sử dụng đất;
 - 2.3. Việc giao kết Hợp đồng này hoàn toàn tự nguyện, không bị lừa dối, không bị ép buộc;
 - 2.4. Thực hiện đúng và đầy đủ các thoả thuận đã ghi trong Hợp đồng này.

ĐIỀU 9

CÁC ĐIỀU KHOẢN CHUNG

9.1 Trong suốt thời hạn của Hợp Đồng này, nếu bất kỳ phía nào vi phạm bất kỳ điều khoản trong Hợp Đồng này, thì trước hết, hai bên sẽ bàn bạc cách giải quyết. Nếu bên vi phạm không thể thực hiện việc điều chỉnh hoặc sửa chữa theo như những điều kiện và thời hạn đã được hai bên thỏa thuận, thì bên còn lại có quyền chấm dứt hợp đồng. Hợp Đồng sẽ được thanh lý sau khi đã khấu trừ phần bồi thường mọi thiệt hại do việc vi phạm gây ra.

9.2 Mọi tài liệu, thông báo, yêu cầu, và thông tin có liên quan đến việc thi hành Hợp Đồng này phải được gửi đến các địa chỉ sau đây :

Địa chỉ của Bên A: KHU CHẾ XUẤT LINH TRUNG I, Phường Linh Trung, Quận Thủ Đức, Thành Phố Hồ Chí Minh, Việt Nam.

Địa chỉ của Bên B: CÔNG TY TNHH PHÚ QUANG, Lô 100, Khu Chế Xuất & Công Nghiệp Linh Trung III, Xã An Tịnh, Huyện Trảng Bàng, Tỉnh Tây Ninh, Việt Nam.

9.3 Bên B phải tuân thủ Quy Chế Khu Công Nghiệp, Khu Chế Xuất, Khu Công Nghệ Cao và các quy định liên quan đến đầu tư nước ngoài tại Việt Nam, các quy định của Ban Quản Lý Khu Kinh Tế Tỉnh Tây Ninh và Điều Lệ của Khu Chế Xuất Linh Trung.

Bất cứ vi phạm nào cũng sẽ được giải quyết theo pháp luật Việt Nam và những quy định qui chế đã nêu trên.

9.4 Hợp Đồng này lấy pháp luật Việt Nam làm gốc và làm căn cứ để giải thích. Mọi tranh chấp hoặc tố tụng bắt nguồn từ Hợp Đồng này sẽ được Bên B và Bên A cùng trao đổi giải quyết. Nếu Bên B và Bên A không thể giải quyết những tranh chấp và tố tụng bắt nguồn từ Hợp Đồng này thì những tranh chấp và tố tụng đó sẽ được chuyển đến Toà án có thẩm quyền giải quyết theo quy định của pháp luật. Quyết định có hiệu lực của Toà án là quyết định cuối cùng mà Bên A và Bên B phải tuân theo.

9.5 Trường Hợp Nhà nước có quyết định thu hồi đất trong thời hạn cho thuê lại đất (nếu có) thì bên A có nghĩa vụ hoàn trả cho bên B số tiền cho thuê lại đất đã nhận tính trên thời gian chưa sử dụng đất và chi phí hợp lý khác.

9.6 Bản chi tiết A,B,C là bộ phận không thể tách rời của Hợp Đồng này:

- (i) Bản Chi Tiết A: Bản đồ Khu Đất và biên bản bàn giao đất.
- (ii) Bản Chi Tiết B: Bản chi tiết thanh toán tiền thuê đất
- (iii) Bản Chi Tiết C: Quy định xây dựng

ĐIỀU 10 ĐIỀU KHOẢN CUỐI CÙNG

Hai bên đã hiểu rõ quyền, nghĩa vụ, lợi ích hợp pháp của mình và hậu quả pháp lý của việc giao kết Hợp đồng này.

Hợp Đồng này được lập thành mười hai (12) bản gốc [tám (08) bản bằng tiếng Việt (có công chứng) và bốn (04) bản bằng tiếng Anh (để tham khảo không phải công chứng)] có giá trị ngang nhau và có hiệu lực kể từ ngày ký. Bên A và Bên B mỗi bên giữ

năm (05) bản [ba (03) bản bằng tiếng Việt và hai (02) bản bằng tiếng Anh], hai (02) bản tiếng Việt lưu tại phòng công chứng và Văn phòng đăng ký quyền sử dụng đất thuộc Sở Tài Nguyên Môi Trường tỉnh Tây Ninh

Bên A
(Ký và ghi rõ họ tên)



YANG KAI YONG

Bên B
(Ký và ghi rõ họ tên)



PARK CHUNG UP

LÊ HOÀNG MINH

Người phiên dịch
(Ký và ghi rõ họ tên)

NGUYỄN THỊ PHƯƠNG LAN

Người phiên dịch
(Ký và ghi rõ họ tên)

LÊ THỊ THẨM

LỜI CHỨNG CỦA CÔNG CHỨNG VIÊN

Ngày 2 tháng 4 năm 2014 (ngày hai tháng bốn năm hai nghìn mười bốn), tại Phòng Công chứng số 1, số 82, đường Trần Hưng Đạo, phường 2, thành phố Tây Ninh, tỉnh Tây Ninh, tôi Nguyễn Minh Vũ, Công chứng viên Phòng Công chứng số 1 tỉnh Tây Ninh.

CÔNG CHỨNG:

- Hợp đồng thuê lại quyền sử dụng đất được giao kết giữa:

Bên A:

Công ty TNHH SEPZONE-Linh Trung (Việt Nam)

Trụ sở: Khu phố 4, phường Linh Trung, Quận Thủ Đức, thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Đại diện là ông : **YANG KAI YONG**
 Chức vụ : **Tổng Giám đốc**
 Hộ chiếu số : G33365471 cấp ngày 06/03/2009 tại Tổng Lãnh sự quán Trung Quốc tại Thành phố Hồ Chí Minh.

Và ông : **Lê Hoàng Minh**
 Chức vụ : **Phó Tổng Giám đốc Thứ Nhất**
 Chứng minh nhân dân số : 300966326 cấp ngày 01/12/2010 tại CA. tỉnh Long An

Có người phiên dịch cho ông YANG KAI YONG, trong việc lập và ký Hợp đồng này là:

Bà : **Nguyễn Thị Phương Lan**
 Chứng minh nhân dân số : 023987027 cấp ngày 17/07/2008 tại CA. thành phố Hồ Chí Minh

Bên B:

Công ty TNHH Phú Quang

Trụ sở: Lô số 100, Khu Chế Xuất và Công Nghiệp Linh Trung III, huyện Trảng Bàng, tỉnh Tây Ninh, Việt Nam

Đại diện là ông : **PARK CHUNG UP**
 Chức vụ : **Tổng Giám đốc**
 Hộ chiếu số : 7200574 cấp ngày 08/10/2007 tại Hàn Quốc.

Có người phiên dịch cho ông PARK CHUNG UP, trong việc lập và ký Hợp đồng này là:

Bà : **Lê Thị Thắm**
 Chứng minh nhân dân số : 290769134 cấp ngày 03/07/2013 tại CA. tỉnh Tây Ninh

- Các bên tham gia hợp đồng, hoàn toàn tự nguyện, có năng lực hành vi dân sự;
- Tại thời điểm công chứng, các bên giao kết Hợp đồng có năng lực hành vi dân sự phù hợp theo quy định của pháp luật;
- Mục đích, nội dung của hợp đồng, không vi phạm pháp luật, không trái đạo đức xã hội;
- Đối tượng của hợp đồng là có thật;
- Các bên giao kết đã đọc lại hợp đồng này, đã đồng ý toàn bộ nội dung ghi trong Hợp đồng và đã ký vào hợp đồng này trước sự có mặt của tôi, chữ ký trong hợp đồng, là đúng chữ ký của người tham gia hợp đồng.



- Hợp đồng này được làm thành 8 bản chính (mỗi bản chính gồm 5 tờ 10 trang), giao cho:

- + Bên A một bản chính;
- + Bên B ba bản chính;

Lưu tại Phòng Công chứng một bản chính.

Số công chứng *01/2018*, quyển số 01/TP/CC - SCC/HĐGD.



CÔNG CHỨNG VIÊN

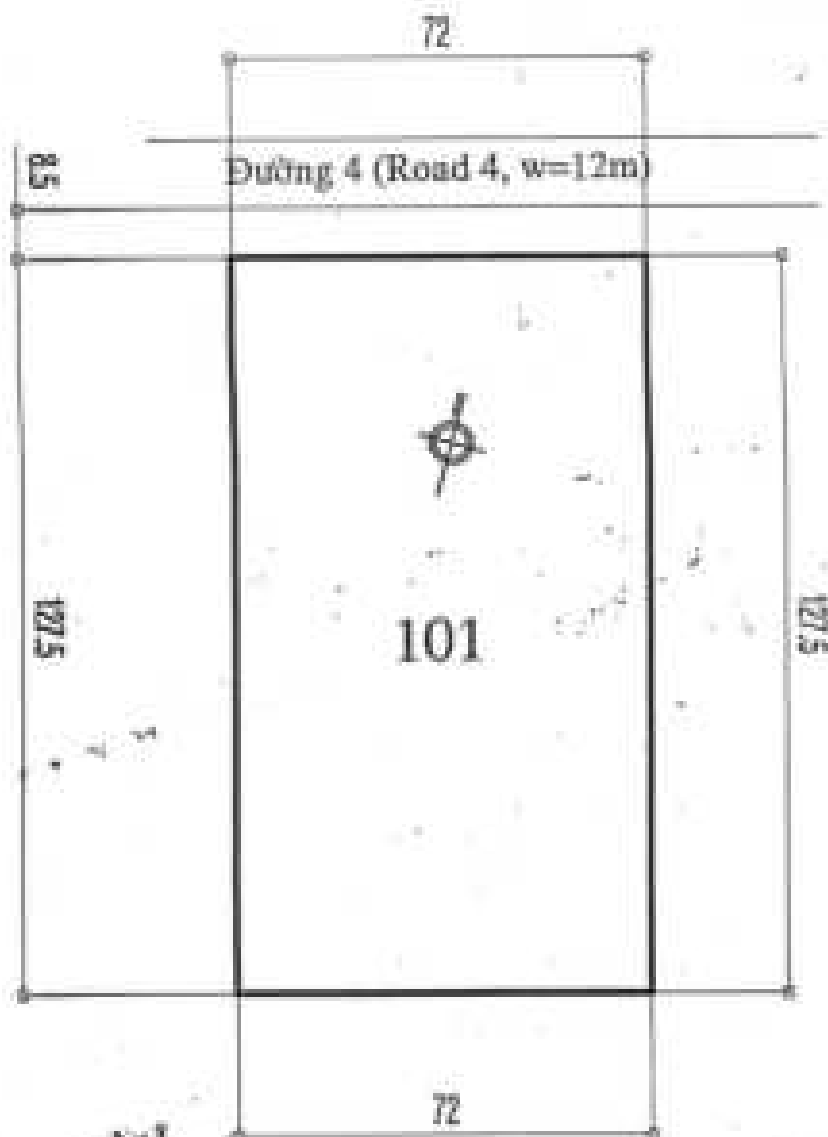
Nguyễn Minh Vũ

LINH TRUNG EPZ - IP III

Trang Bang Dist. - Tay Ninh Province

LOT 101

LEASE LAND AREA : 9,179.60 Sq.m



Made by: Vu Nguyen Hung, Design and Construction Dept

[Signature]

BẢNG THANH TOÁN TIỀN THUÊ ĐẤT CỦA LÔ 101 KHU LĨNH TRUNG III
THE PAYMENT OF LAND RENTAL OF LOT 101 AT LĨNH TRUNG III

Diện tích (Area): 9,179,68m²

Giá cho thuê (rental): 945,450 VNĐ/m²/năm 2012/2013

ĐVT: VNĐ VND

Năm (Year)	Diện tích (Area) (m ²)	Giá cho thuê (Rent price)	Tổng tiền thuê đất (Rental)	Thuế đất thuê mỗi năm bằng năm (Yearly rental)	Số tiền chưa thanh t toán tính lãi (Unpaid balance is calculated interest)	Thuế GTGT VAT(10%)	Lãi chậm trả (Interest of late payment) (7%)	Tổng thanh toán mỗi năm (Total yearly payment)
2014	9,179,68	945,450	8,690,163,220	2,689,748,988		266,974,807		2,956,723,863
2015				889,918,322	8,229,414,254	88,991,633	436,035,998	1,414,946,952
2016				889,918,322	7,339,497,232	88,991,633	373,764,855	1,362,672,809
2017				889,918,322	6,449,581,210	88,991,633	311,473,713	1,299,378,667
2018				889,918,322	5,559,665,288	88,991,633	249,176,570	1,236,084,524
2019				889,918,322	4,669,749,366	88,991,633	186,882,428	1,185,798,382
2020				889,918,322	3,779,833,444	88,991,633	124,588,285	1,093,496,239
2021				889,918,322	2,889,918,322	88,991,633	82,294,143	1,041,202,097
			TỔNG CỘNG (TOTAL)	8,889,163,220		889,918,322	1,744,738,992	11,433,315,531

* Ghi chú/Remark:

- Tiền đặt cọc bằng tiền là 10% tổng giá trị tiền thuê đất (The deposit is 10% of value of total rental) (1.334.874.403 VNĐ)

- Giá thuê đất 945,450 VNĐ/m² được áp dụng từ thanh toán đầu tiên. Tiền thuê đất cho các năm tiếp theo sẽ được điều chỉnh lại cho phù hợp với mức biến động giá thuê thực tế.

(The price of leasing land is 945,450 VNĐ/m² is applied in paying the first period. The remaining land rental of the following years will be adjusted suitably with the fluctuation of actual prices.)

QUI ĐỊNH VỀ VIỆC XÂY DỰNG NHÀ MÁY TRONG KCX & CN LĨNH TRUNG

Doanh nghiệp chuẩn bị xây dựng nhà máy và cơ sở trong khu Lĩnh Trung cần nghiên cứu kỹ lưỡng để tuân thủ quy định này khi tiến hành thiết kế và thi công nhà máy.

1. Mật độ xây dựng:

Mật độ xây dựng tối thiểu là 50% và tối đa là 70% diện tích đất thuê.

2. Quy hoạch mặt bằng:

Không bố trí phía giáp đường giao thông các công trình ảnh hưởng mỹ quan chung.

3. Chỉ giới xây dựng:

Là khoảng cách tối thiểu từ hàng rào (ranh giới đất) đến các công trình xây dựng của nhà máy được quy định như sau:

- Trường hợp nhà xưởng cao dưới 8m:
 - Phía giáp với đường lớn (>12m): 6 m
 - Phía giáp với đường còn lại: 4,5m
 - Phía giáp với các nhà máy khác: 4 m
- Khi nhà xưởng cao trên 8m:
 - Phía giáp với đường giao thông tuân theo mục 4 của quy định này.
 - Phía giáp với các nhà máy khác: tối thiểu là 9m cho 3 tầng đầu tiên. Khoảng cách này sẽ tăng thêm 1m nếu chiều cao nhà tăng thêm một tầng.

Trong các khoảng lùi nêu trên, không được phép bố trí công trình xây dựng (trừ nhà bảo vệ và nhà để xe đạp, xe máy có chiều cao không vượt quá chiều cao hàng rào tại vị trí đó) và phải trồng cỏ hoặc làm lối đi để tạo hành lang thông thoáng chữa cháy và lối thoát khẩn cấp.

REGULATION ON FACTORY CONSTRUCTION IN LINH TRUNG EPZ & IP

Enterprise that is going to build its factory in Linh Trung zone should study this regulation carefully to design and construct the factory.

1. Building coverage ratio:

Minimum is 50% and maximum is 70% of leased area.

2. Master Plan:

Must not build items that damage the public view along road sides.

3. Set back line:

That is the open space between the fence (property boundary line) to any building structure. It must be at least:

- For the building height < 8 m:

- To main roads (>12m) sides:	6 m
- To other roads:	4.5m
- To nearby factories:	4 m
- For the building height > 8 m:
 - To roads: to be complied with section 4 of this regulation.
 - To nearby factories: more than 9m for first three storeys. This dimension will be increased 1m for one more storey.

Within the setback area, Enterprise must not build anything (except guard house and bike parking – height of bike parking is not higher than the height of fence at that position) and should plant grass or making path. This ensures the space for fire-prevention and emergency exits.



4. Cao độ tối đa:

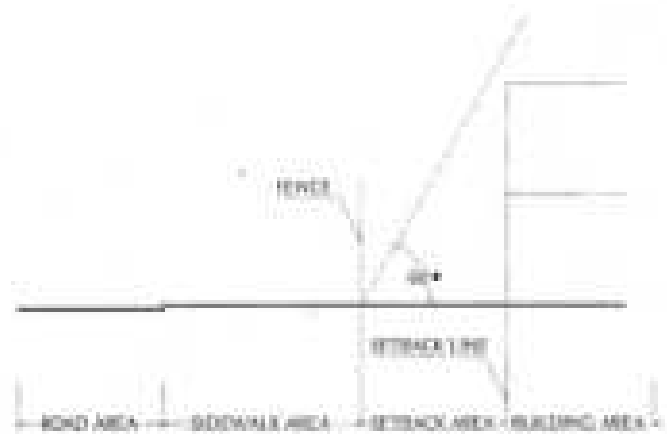
Góc giới hạn là 60° kể từ ranh hàng rào giáp với đường giao thông. Mọi công trình xây dựng và kết cấu phải nằm dưới đường giới hạn này.

5. Tường rào – Cổng – Bảng tên:

5.1. Tường rào:

Được xây dựng trên đường ranh giới cấp đất với các tiêu chuẩn như sau:

- **Tường rào phía mặt đường giao thông:**
 - Chiều cao: 2,5m kể từ mặt đất.
 - Kết cấu: xây gạch 0,8m bên dưới và 1,7m bên trên làm hàng rào chắn song.
 - Vị trí: Mọi kết cấu của tường rào này phải nằm bên trong đường ranh giao đất.
 - Nhà đầu tư sẽ tự xây dựng hàng rào trên đất mình theo mẫu sẽ do Linh Trung cung cấp.
- **Tường rào giáp với nhà máy khác:**
 - Chiều cao: 2,7m kể từ mặt đất.
 - Kết cấu: 2,5m bên dưới xây gạch và 0,2m bên trên là chống sắt.
 - Vị trí: Mọi kết cấu của tường rào này phải nằm bên trong đường ranh giao đất.
 - Nhà đầu tư sẽ tự xây dựng hàng rào trên đất mình theo mẫu do Sepzone - Linh Trung cung cấp.



4. Maximum building height:

The limit angle is 60° from the fence which is near the roads. All building and structures must be below this limit line.

5. Fence – Gate – Billboard:

5.1. Fence:

Should be built on the lot boundary lines with following standards:

- **Fence along the road:**
 - Height: 2.5m from ground surface.
 - Structure: 0.8m brick wall below and 1.7m of rail on top.
 - All parts of this fence must behind of the lot boundary.
 - Investor shall be built fence around their land and follow the typical one which will be issued by Linh Trung.
- **Fence to nearby factory:**
 - Height: 2.7m from ground surface.
 - Structure: 2.5m brick wall with 0.2m iron bars above.
 - All parts of this fence must behind of the lot boundary.
 - Investor shall build fence around its land and follow the typical one which will be issued by Linh Trung.

5.2.Cổng:

- Kết cấu cánh cổng phải thoáng và mỹ quan.
- Vị trí đặt cổng ra vào nhà máy do chủ đầu tư quyết định nhưng cần tham khảo SLT để tránh thiệt hại các công trình kỹ thuật ngầm.

5.3.Bảng tên:

- Bảng tên được đặt trên tường rào mặt tiền nhà máy.
- Chiều cao không quá 2m.
- Bề rộng trong khoảng từ 3m đến 6m.

6. Điểm đấu nối với các tiện ích công cộng (điện, cấp nước, nước thải...):

Vị trí đấu nối điện, cấp nước, nước thải từ nhà máy, nước mưa vào hệ thống chung do SLT chỉ định. Đơn vị thiết kế sẽ liên hệ với SLT để được chỉ dẫn cụ thể.

- *Điểm đấu nối cấp điện:* Trụ điện trung thế trên tuyến chính gần xí nghiệp nhất.
- *Điểm đấu nối cấp nước:* Điểm ống nhánh và van chờ sẵn tại góc lô đất.
- *Điểm đấu nối thoát nước thải và nước mưa (rãnh bêt):* Hồ ga nước thải và nước mưa gần xí nghiệp nhất.

Công tác đấu nối từng hạng mục được nêu chi tiết trong phần quy định tương ứng.

7. Cao trình xây dựng:

Cao trình chuẩn (cốt "0.00") sẽ do nhà đầu tư tự quyết định và không nhỏ hơn 0,4m so với cao độ tìm đường hoàn thiện gần lô đất nhất. Nên tham khảo hồ sơ kỹ thuật các công trình cơ sở hạ tầng của SLT tại địa điểm dự kiến xây dựng. Nếu cần, có thể xin thêm sự hướng dẫn của các kỹ sư xây dựng SLT.

8.Quản lý thi công công trình:

- Các đơn vị thi công và công nhân trong khu Lành Trung 3 phải tuân thủ nội quy ra vào công do Ban quản lý ban hành.

Chi tiết các đơn vị

5.2. Gate:

- The gate structure must be open and nice.
- Position of the gate(s) will be decided by Tenants with reference to SLT to prevent the affection to underground infrastructure works.

5.3. Nameboard:

- Nameboard should be placed on the fence in front of the factory.
- The height is no more than 2m.
- The width should be 3m to 6m.

6. Utilities connection points (electric, water supply, drainage...):

Connection points for electric, water supply, wastewater and storm drainage to main systems will be indicated by SLT. Factory designer should contact SLT to have specific indication.

- *Electricity connection:* The nearest pole of medium voltage grid.
- *Water supply connection:* Reserved branch pipe and valve near the lot corner.
- *Drainage connection points:* The nearest reserved manholes (separately for storm water and waste water).

The requirements for items of connection will be presented in relative regulation.

7. Elevation of the structure:

Enterprise decides its ground floor elevation (construction datum) and it is not lower than 0.4m in comparison with finishing level of center line of road that is nearest its lot. The infrastructure database is available for reference. Designer should contact SLT civil engineer for instructions, if necessary.

8. Construction management:

- Contractors and workers who work in Lành Trung zone 3 should comply with the access regulation issued by Tanira.

Bảng chỉ tiết C (Exhibit C)

- Đơn vị thi công phải trình hồ sơ tổ chức công trường gồm vị trí lán trại, phương tiện vệ sinh, công tác dẫn nước và bố trí điện nước, quản lý của bộ công nhân thi công, thời gian thi công, phương tiện chuyên chở ra vào, vật tư, thiết bị... Hồ sơ phải được SLT đồng ý trước khi triển khai thi công.
- Phạm vi lưu hành được ấn định, công nhân không đi ra ngoài phạm vi được phép.
- Rác rưởi phải được tập trung, đậy kín và định kỳ đem ra khỏi khu vực.
- Phải bảo đảm vệ sinh khu vực công trường đang thi công. Phải xây dựng nhà vệ sinh có hầm tự hoại cho công nhân sử dụng.
- Số cán bộ, công nhân viên hoặc nhân công tạm trú phải khai báo, trình công an địa phương duyệt chấp thuận và thông báo cho bảo vệ SLT biết.
- Đơn vị thi công phải ký hợp đồng sử dụng tiện ích công cộng với SLT để được cung cấp điện, nước và hưởng dụng các tiện ích cơ sở hạ tầng.
- Hệ thống điện phải an toàn và đảm bảo hệ số công suất ($\cos\phi$) > 0,85.
- Phải có trang thiết bị phòng cháy chữa cháy hữu hiệu.
- Không được phép đào giếng lấy nước.
- Trong thời gian xây dựng phải mua bảo hiểm công trình.
- Việc chuyển vật tư, thiết bị vào và ra khỏi Xi nghiệp chế xuất phải được Hải Quan chấp thuận.
- Đơn vị thi công chịu trách nhiệm đền bù mọi hư hại do quá trình thi công gây ra cho tài sản của SLT hoặc các bên thứ ba khác.
- Đất dư (nếu có) phải đổ vào đúng nơi quy định.

SLT có quyền tạm đình chỉ thi công công trình nếu đơn vị thi công vi phạm các quy định nêu trên cho đến khi đơn vị thi công sửa chữa hoàn tất các vi phạm này.

Quy định này được

- Contractors should submit the document of site organization to SLT for approval including location of camps, sanitation facilities, utilities facilities, labor staff, construction duration, transportation means, materials and equipment before the construction work is started.
- Workers of the construction company should not pass out of the permitted area.
- Rubbish must be collected, covered tightly and taken out of the site periodically.
- Ensure the site and surrounding area tidy and clean. There must be provided toilet for workers with septic tanks.
- Declare construction staff, employees and workers that temporarily resided at site. Residence list must be approved by local police and informed to SLT guard.
- Contractors will sign a contract of "supply and utilizing public utilities" with SLT for its water, electric supply and public utilities.
- Site electric system must be safe and keep power factor that is ($\cos\phi$) > 0.85.
- Be equipped with fire protection equipment.
- Drilling well for water is prohibited.
- Buy the construction insurance for the work during the construction period.
- Be approved by Customs service for the materials, equipment brought in and out of the EPZ enterprise.
- Contractors must pay the compensation fee for all damages to the SLT infrastructure or the third party by their activities, if any.
- Surplus soil (if any) must be put in indicated location.

Sezone - Linh Trung has the right to stop the construction works if the contractor breaks the regulation until he corrects all violations.

9. Trước khi khởi công xây dựng:

- Xuất trình hợp đồng thuê đất và nhận bàn giao mốc ranh đất tại hiện trường.
- Giao nộp bản vẽ thiết kế đã được Tanira phê duyệt.
- Ký kết hợp đồng hưởng dụng tiện ích công cộng, thanh toán chi phí lắp đặt đồng hồ điện, đồng hồ nước và đóng tiền ký quỹ.

Tổng Giám Đốc
President

(signed)

Yang Kai Yong

9. Before starting construction works:

- Submit the land lease contract and receive the lot landmarks from SLT.
- Submit SLT a design drawing set that approved by Tanira.
- Sign the contract of "supply and using public utilities", pay for the power and water meters installation and deposit amount.

P.Tổng Giám Đốc thứ nhất
First Vice President

(signed)

Lê Hồng Minh

GIẤY PHÉP XÂY DỰNG

Số: 14.015 /GPXD

1. Cấp cho: Công ty TNHH Phú Quang.

- Đường: Số 04 KCX & CN Linh Trung III, Xã: An Tịnh, Huyện: Trảng Bàng, Tỉnh: Tây Ninh.

2. Được phép xây dựng các công trình thuộc dự án: Nhà máy sản xuất Phú Quang.

- Tổng số công trình (n): 03 công trình.

- Công trình số (1-n):

+ Nhà xưởng: (98m x 30m) = 2.940 m².

- Diện tích xây dựng (tầng 1): 2.940 m².

- Tổng diện tích sân: 2.940 m².

- Chiều cao công trình: 10,75 m so với cao độ cos ± 0.00 công trình; Số tầng: 01 tầng.

- Vị trí công trình: Nằm trên vị trí số 01 trên bản vẽ mặt bằng định vị tổng thể.

+ Nhà văn phòng: (15m x 10m) = 150 m².

- Diện tích xây dựng (tầng 1): 150 m².

- Tổng diện tích sân: 150 m².

- Chiều cao công trình: 7 m so với cao độ cos ± 0.00 công trình; Số tầng: 01 tầng.

- Vị trí công trình: Nằm trên vị trí số 06 trên bản vẽ mặt bằng định vị tổng thể.

+ Nhà bảo vệ: (5m x 4m) = 20 m².

- Diện tích xây dựng (tầng 1): 20 m².

- Tổng diện tích sân: 20 m².

- Chiều cao công trình: 4,6 m so với cao độ cos ± 0.00 công trình; Số tầng: 01 tầng.

- Vị trí công trình: Nằm trên vị trí số 02 trên bản vẽ mặt bằng định vị tổng thể.

+ Theo thiết kế có ký hiệu: Theo hồ sơ thiết kế.

+ Dò: Công ty TNHH TV-TK-XD Khai Việt; Lập: tháng 05 năm 2014.

+ Gồm các nội dung sau đây:

- Diện tích xây dựng tầng 1: 3.110 m².

- Tổng diện tích sân: 3.110 m².

- Chiều cao công trình: Hmax = 10,75 m. Số tầng: Max = 01 tầng.

- Trên lộ đất: 101 Diện tích: 9.179,60 m².

- Cốt nền xây dựng công trình: Theo hồ sơ quy hoạch.
- Chỉ giới xây dựng: Theo hồ sơ quy hoạch.
- Mật độ xây dựng, hệ số sử dụng đất: Theo hồ sơ quy hoạch.
- Màu sắc công trình: Theo hồ sơ thiết kế.
- Các nội dung khác: Không.

Tại: Công ty TNHH Phú Quang.

Phường (xã): An Tĩnh.

Tỉnh, thành phố: Tỉnh Tây Ninh.

Đường: Số 04 KCX & CN Linh Trung III.

Quận (huyện): Trảng Bàng.

3. Giấy tờ về quyền sử dụng đất:

- Hợp đồng thuê lại đất số: 79-TT-14/CTL ngày 02 tháng 04 năm 2014 giữa Công ty TNHH SEPZONE Linh Trung Việt Nam và Công ty TNHH Phú Quang.

4. Chỉ nhận các công trình đã khởi công:

- Công trình: //

5. Giấy phép có hiệu lực khởi công xây dựng trong thời hạn 12 tháng kể từ ngày cấp, quá thời hạn trên thì phải đề nghị gia hạn giấy phép xây dựng.

Not subject

- Như trên.
- Lưu: VP, P.XD TNMT.

Tên: Ninh, Ngày 06 tháng 04 năm 2014

KT. TRƯỞNG BAN
PHÓ TRƯỞNG BAN



Pham Van Son

CHỦ ĐẦU TƯ PHẢI THỰC HIỆN CÁC NỘI DUNG SAU ĐÂY :

1. Phải hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật nếu xâm phạm các quyền hợp pháp của chủ sở hữu liên kế.
2. Phải thực hiện đúng các qui định của pháp luật về đất đai, về đầu tư xây dựng và Giấy phép xây dựng này.
3. Phải thông báo cho cơ quan cấp phép xây dựng đến kiểm tra khi định vị công trình, xây móng và xây dựng công trình ngầm (như hầm vệ sinh tự hoại, xử lí nước thải...).
4. Xuất trình Giấy phép xây dựng cho chính quyền sở tại trước khi khởi công xây dựng và treo biển báo tại địa điểm xây dựng theo đúng qui định.
5. Khi cần thay đổi thiết kế thì phải báo cáo và chờ quyết định của cơ quan cấp giấy phép xây dựng.

GIÁ HẠN, ĐIỀU CHỈNH GIẤY PHÉP

1. Nội dung gia hạn, điều chỉnh:
2. Thời gian có hiệu lực của giấy phép:

....., ngày tháng năm

KT. TRƯỞNG BAN

PHÓ TRƯỞNG BAN

(ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu)



GIẤY PHÉP XÂY DỰNG

SỐ: 14.022 /GPXD

1. Cấp cho: Công ty TNHH Phú Quang

- Địa chỉ: Đường số 4, KCX và CN Linh Trung III, xã An Tịnh, huyện Trảng Bàng, T.Tây Ninh

2. Được phép xây dựng các công trình thuộc dự án: Nhà máy sản xuất Phú Quang.

- Tổng số công trình (n): 02 công trình.

(Chỉ liệt kê công trình thuộc danh mục dưới đây)

- Thuyết minh có ký hiệu: Theo hồ sơ thiết kế.

- Đơn: Công ty TNHH Tư vấn thiết kế xây dựng Khúc Việt.

Ngày: Tháng 06 năm 2014

- Gồm các nội dung sau:

* Diện tích xây dựng tổng: 7.812,00 m²

* Tổng diện tích sân: 7.812,00 m²

* Chiều cao công trình: Hmax = 11,97 m

Số tầng: Mux = 01 tầng

* Trên lô đất: 100 và 101

Diện tích: 18.359,90 m²

* Căn nền xây dựng công trình: Theo hồ sơ Quy hoạch; Chỉ giới xây dựng: Theo hồ sơ Quy hoạch

* Màu sắc công trình: Theo hồ sơ thiết kế

* Các nội dung khác: ...

- Dự án đất tại: KCX & CN Linh Trung 3

Đường: Đường số 4,

- Phường (Xã): An Tịnh,

Quận (Huyện): Trảng Bàng,

- Tỉnh (Thành phố): Tây Ninh.

3. Giấy tờ về quyền sử dụng đất: Hợp đồng thuê đất số: 79/TT-07/CTL, ngày 03/03/2008 và số: 79/TT-14/CTL, ngày 02/04/2014 được ký kết giữa Công ty TNHH Sepzone Linh Trung (VN) và Công ty TNHH Phú Quang.

4. Ghi nhận các công trình đã khởi công:

Công trình: ...

...

5. Trong thời hạn 12 tháng kể từ ngày được cấp giấy phép xây dựng mà chưa có công trình nào thuộc dự án nêu tại điểm 2 của giấy này thì người xin cấp giấy phép xây dựng phải xin gia hạn giấy này theo hướng dẫn của cơ quan cấp giấy phép xây dựng.

Nơi nộp:

- Nơi nộp:

Cục P. XD/TMKT, VP

Ngày: 16 tháng 6 năm 2014

Ngày: 16 tháng 6 năm 2014

KI. CHỦ TỊCH

Ngày 16 tháng 06 năm 2014

KT. TRƯỞNG BAN

PHÓ TRƯỞNG BAN



Nguyễn Văn Sơ



Phạm Văn Sơ

DANH MỤC CÁC CÔNG TRÌNH

(Kèm theo giấy phép số: 14.022/GPXD ngày 10 tháng 09 năm 2014)

1./ Nhà xưởng: (84m x 58m) = 4.872 m².

. Diện tích xây dựng (tầng 1) : 4.872 m².

. Tổng diện tích sàn: 4.872 m².

. Chiều cao công trình: 11,97 m so với cao độ $\cos \pm 0,00$ công trình; Số tầng: 01 tầng.

. Vị trí công trình: Nằm trên vị trí số 02 trên bản vẽ mặt bằng định vị tổng thể.

2./ Nhà xưởng: (98m x 30m) = 2.940 m².

. Diện tích xây dựng (tầng 1) : 2.940 m².

. Tổng diện tích sàn: 2.940 m².

. Chiều cao công trình: 10,73 m so với cao độ $\cos \pm 0,00$ công trình; Số tầng: 01 tầng.

. Vị trí công trình: Nằm trên vị trí số 03 trên bản vẽ mặt bằng định vị tổng thể.



BỘ CÔNG AN
CÔNG AN TỈNH TÂY NINH
Số: 14 / TD-PCCC (.....)

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Mẫu PC1
ĐH-Hàn Thông tư số: 04/2004/TT-BCA
Ngày 31-3-2004 - hi 2007

**GIẤY CHỨNG NHẬN
THẨM DUYẾT VỀ PHÒNG CHÁY VÀ CHỮA CHÁY**

- Căn cứ Luật Phòng cháy và chữa cháy ngày 29 tháng 6 năm 2001;
- Căn cứ Nghị định số 35/2003/NĐ - CP ngày 04 tháng 4 năm 2003 của Chính phủ Quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật phòng cháy và chữa cháy;
- Căn cứ Thông tư số 04/2004/TT-BCA ngày 31 tháng 3 năm 2004 của Bộ Công an;
- Xét hồ sơ và văn bản đề nghị thẩm duyệt về PCCC số 01 ngày 18 / 03 / 2014

của: Công ty TNHH Phú Quang

Người đại diện là ông/ bà: Ông PARK CHUNG UP Chức danh: Giám đốc

Phòng Cảnh sát PCCC&CNCH- Công an Tây Ninh

CHỨNG NHẬN:

Nhà xưởng sản xuất

(2)

Địa điểm: Lô 101, KCN&CN Linh Trung 3, huyện Trảng Bàng, tỉnh Tây Ninh

Chủ đầu tư/ chủ phương tiện: Công ty TNHH Phú Quang

Đơn vị lập dự án/ thiết kế: Cty TNHH TVTKXD Khải Việt; Cty TNHH TM&KT PCCC

Đã được thẩm duyệt về PCCC các nội dung sau: Tên Hùng

- Bậc chứa lún;

- Lối thoát nạn + khoảng cách PCCC;

- Hệ thống cấp nước chữa cháy vách tường;

- Hệ thống cấp nước chữa cháy tự động;

- Hệ thống báo cháy tự động;

- Hệ thống chống sét;

theo các tài liệu, bản vẽ ghi ở trang 2.

Các yêu cầu kèm theo: (1) Thiết kế lắp đặt thêm ít nhất 45 đầu Spinkler. Khi thi công lắp đặt hệ thống PCCC phải báo Phòng Cảnh sát PCCC&CNCH- CATN để kiểm tra thi công và kiểm tra nghiệm thu về PCCC đúng theo quy định. Lu

Kết luận:

- Cty TNHH Phú Quang;

- Cơ sở BCA (hồ sơ);

- Lực: Đội CS PCCC&CNCH KV

Trảng Bàng.....

Tây Ninh, ngày 23 tháng 03 năm 20 14
Chị: TRƯỜNG PHÒNG



Đội trưởng Huỳnh Thanh Hồng

(1) Tài liệu quan Cảnh sát PCCC cấp giấy; (2) Tài liệu an, công trình, hàng mục công trình hoặc phương tiện giao thông và giải; (3) Trách nhiệm của chủ đầu tư, chủ phương tiện phải thực hiện tiếp; (4) Chức danh người ký giấy phê duyệt, đóng dấu.

Số: 73 /TĐPCCC-CNCH

**GIẤY CHỨNG NHẬN
THẨM DUYỆT VỀ PHÒNG CHÁY VÀ CHỮA CHÁY**

- Căn cứ Nghị định số 35/2003/NĐ-CP ngày 04/4/2003 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật phòng cháy và chữa cháy; Nghị định số 46/2012/NĐ-CP ngày 22/5/2012 sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 35/2003/NĐ-CP ngày 04/4/2003 quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật phòng cháy và chữa cháy và Nghị định số 130/2006/NĐ-CP ngày 08/11/2006 quy định chế độ bảo hiểm cháy, nổ bắt buộc;

- Căn cứ Thông tư số 11/2014/TT-BCA ngày 12/3/2014 của Bộ trưởng Bộ Công an quy định chi tiết thi hành một số điều của Nghị định số 35/2003/NĐ-CP ngày 04/4/2003 và Nghị định số 46/2012/NĐ-CP ngày 22/5/2012 quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật phòng cháy và chữa cháy.

- Xét hồ sơ và văn bản đề nghị thẩm duyệt về phòng cháy và chữa cháy số Đơn ngày 31 / 7 /2014 của: Công ty TNHH Phú Quang
Ông: PARK CHUNG UP Giám đốc
Người đại diện là ông/bà: Chức danh:

Phòng cảnh sát PCCC & CNCH Công an tỉnh Tây Ninh

CHỨNG NHẬN:

Nhà xưởng gia đoạn II

Địa điểm xây dựng: KCN&CN Linh Trung 3, huyện Trảng Bàng, tỉnh Tây Ninh

Chủ đầu tư/chủ phương tiện: Công ty TNHH Phú Quang

Đơn vị lập dự án/thiết kế: Cy TNHH TVTK&XD Kim Việt; Cy TNHH TM&KT PCCC Tiến Hưng

Đã được thẩm duyệt về phòng cháy và chữa cháy các nội dung sau:

- Bậc chịu lửa, khoảng cách PCCC; Lối thoát nạn; Hệ thống cấp nước chữa cháy vách tường;
- Hệ thống cấp nước chữa cháy tự động; Hệ thống báo cháy tự động; Hệ thống chống sét.

theo các tài liệu, bản vẽ ghi ở trang 2.

Các yêu cầu kèm theo:

Thiết kế lắp đặt thêm 158 đầu Sprinkler, Khi thi công xong hệ thống PCCC phải báo Phòng Cảnh sát PCCC&CNCH- CATN để kiểm tra nghiệm thu về PCCC đúng theo quy định. / Lưu

Kiểm tra:

- Ông: PARK CHUNG UP

- ĐỨC PCCC&CNCH KV TB

- Lưu:

Tây Ninh, ngày



BIÊN BẢN KIỂM TRA

.....Nghiệm thu về phòng cháy chữa cháy (PCCC).....

Hồi 15 giờ 00 ngày 05 tháng 02 năm 2015 tại: Văn phòng Công ty TNHH Phú Quang.....

.....Địa chỉ: Lô 101, Khu Chế Xuất Và Công Nghiệp Linh Trung III, huyện Trảng Bàng, tỉnh Tây Ninh.....

.....Chúng tôi gồm:.....

.....* Đại diện phòng Cảnh sát PCCC&CNCH – Công an Tây Ninh.....

.....1/ Thiếu tá: Huỳnh Ngọc Hiếu.....Đội trưởng.....

.....2/ Thiếu tá: Nguyễn Văn Lạng.....P. Đội trưởng.....

.....3/ Trung Tá: Nguyễn Văn Vũ.....Cán Bộ.....

.....Đã tiến hành kiểm tra đối với: Nhà xưởng giai đoạn II thuộc Công ty TNHH Phú Quang. Các hệ thống PCCC được trang bị bao gồm: hệ thống cấp nước chữa cháy vách tường, hệ thống cấp nước chữa cháy tự động, hệ thống báo cháy tự động, hệ thống chống sét.....

.....* Đại diện đơn vị chủ đầu tư: Công ty TNHH Phú Quang.....

.....Ông: PACK CHUNG UP- Giám Đốc.....

.....Đã.....*Tôn Thị Kim Châu*.....*Phản ánh*.....

.....*Đại diện đơn vị thi công PCCC: Công Ty TNHH Kỹ Thuật Phòng cháy chữa cháy Hoàng Ty.....

.....Ông: Phan Văn Hoàng - Giám Đốc.....

.....Tình hình và kết quả kiểm tra như sau:.....

.....I. Kiểm tra hồ sơ: hồ sơ nghiệm thu hiện có.....

.....- Đơn đề nghị nghiệm thu của chủ đầu tư.....

.....- Giấy chứng nhận thẩm duyệt PCCC số 79 cấp ngày 6/8/2014 do phòng Cảnh sát PCCC&CNCH – Công an Tây Ninh cấp.....

.....- Bản vẽ hoàn công.....

.....- Báo cáo chủ đầu tư.....

.....- Các biên bản nghiệm thu từng phần giữa chủ đầu tư và nhà thầu thi công (nghiệm thu A- B).....

.....- Hướng dẫn sử dụng hệ thống PCCC.....

.....- Thông số kỹ thuật các thiết bị PCCC được trang bị tại công trình.....

.....- Biên bản kết quả kiểm tra điện trở tiếp đất.....

.....II. Kiểm tra thực tế:.....

.....Cơ bản công trình, lắp đặt đúng theo bản vẽ thiết kế đã được cơ quan Cảnh sát PCCC thẩm duyệt về PCCC, cụ thể như sau:

.....1. Hệ thống cấp nước chữa cháy vách tường:.....

.....- Đường ống cấp nước chính STK Ø 114.....

.....- Đường ống cấp nước phụ STK Ø 90, 76, 60

.....- Có 11 hộp họng, 11 vòi B, 11 lăng B.....

.....- Có 01 cụm bơm với 03 máy bơm chữa cháy 01 bơm động cơ điện, 01 bơm động cơ xăng (Tohatsu V82) có công suất 2400 l/p, 01 bơm bù áp.....

.....- Hồ nước dự trữ 120 m³.....

.....- Tiến hành kiểm tra áp lực nước và công tác vận hành bơm chữa cháy cho thấy máy bơm chạy nổ, chạy êm, ổn định, áp lực nước tại 02 họng cao và xa nhất của công trình đạt 10m tia nước đặt.....

.....2. Hệ thống cấp nước chữa cháy tự động:.....

.....Kiểm tra hệ thống chữa cháy tự động bằng Sprinkler

.....Công trình được trang bị lắp đặt hệ thống chữa cháy tự động bằng Sprinkler bảo vệ toàn bộ công trình. Công trình được trang bị đầy đủ về số lượng đầu phun Sprinkler theo thiết kế 518 đầu phun (có biên bản nghiệm thu vật tư kèm theo).....

.....Hệ thống đường ống bao gồm: đường ống chính Ø 114, ống phụ Ø90, Ø 76, Ø 60, Ø 49 Ø 42 Ø 34 cung cấp cho các đầu phun Sprinkler được bố trí trên trần nhà, công trình. Tiến hành kiểm tra áp lực nước tại các đầu phun Sprinkler (xác suất 10 đầu phun Sprinkler) cho thấy đầu phun Sprinkler hoặc động bình thường khi có tính hiệu báo nhiệt (ngọn lửa).....

.....3. Hệ thống báo cháy tự động:.....

.....Hệ thống báo cháy tự động được trang bị bảo vệ cho toàn bộ công trình, cơ bản đúng theo thiết kế. Số lượng đầu báo không thay đổi, trung tâm báo cháy lắp đặt tại phòng bảo vệ có người trực 24/24 giờ, Có nòi đất chống nhiễu cho trung tâm báo cháy dây tín hiệu có tiết diện 0,75 mm² luôn trong ống bảo vệ.....

.....- Công trình được trang bị, lắp đặt các cặp đầu báo cháy Beam tia chiếu, đầu báo cháy khói, đầu báo nhiệt, các bộ chuông đèn nút nhấn khẩn đảm bảo về Số lượng và đúng theo Tiêu chuẩn Việt Nam (có biên bản nghiệm thu vật tư kèm theo).....

.....-Tiến hành kiểm tra độ nhạy của các đầu báo cho thấy các đầu báo hoạt động tốt khi có tính hiệu khói, lửa, các chuông báo cháy hoạt động tốt, kêu to, nút ấn khẩn hoạt động bình thường.....

.....4. Hệ thống chống sét:.....

.....- Có 01 kim thu sét, có bán kính bảo vệ R=131 mét, bảo vệ toàn bộ công trình. ..

.....- Dây dẫn sét cáp đồng trần 50 mm².....

.....-Kim thu sét cao 05 mét, được lắp đặt trên đỉnh cao nhất của công trình.....

.....- Có biên bản đo kết quả kiểm tra điện trở nối đất. Được Trung Tâm Kiểm Định Công Nghiệp II đo và kiểm tra có kết luận đạt yêu cầu.....

.....III. Kết luận và kiến nghị:.....

.....+ Kết luận.....

.....Hệ thống PCCC (cấp nước chữa cháy vách tường, báo cháy tự động, chữa cháy tự động bằng Sprinkler, hệ thống chống sét) cơ bản được lắp đặt, trang bị đúng theo tiêu chuẩn Việt Nam quy định, đảm bảo cho công tác chữa cháy khi có cháy xảy ra.....

.....+ Kiến nghị.....

.....- Đề nghị đơn vị thi công chuẩn bị đầy đủ hồ sơ có liên quan đến hệ thống PCCC cung cấp cho đơn vị sử dụng và tổ chức huấn luyện cách bảo quản, bảo dưỡng, vận hành toàn bộ hệ thống PCCC theo qui định.....

.....- Đề nghị chủ đầu tư tổ chức, phân công người có trách nhiệm quản lý, bảo quản, bảo dưỡng, vận hành toàn bộ hệ thống. Hệ thống này phải luôn luôn trong tình trạng hoạt động tốt như tại thời điểm kiểm tra nghiệm thu.....

.....- Đề nghị thực hiện đúng các điều kiện về an toàn PCCC đúng theo Thông tư số 11/2014/TT-BCA.Cụ thể là:

.....- Đề nghị chủ đầu tư bổ xung các văn bản có liên quan đến hồ sơ nghiệm thu về PCCC cho cơ quan Cảnh sát PCCC&CNCH đúng theo Thông tư số 11/2014/TT-BCA. qui định.....

.....*Chú ý.....

.....- Công trình chỉ được đi vào hoạt khi chủ đầu tư thực hiện đầy đủ các điều kiện về an toàn PCCC đúng theo Thông tư số 11/2014/TT-BCA. qui định cụ thể là:.....

.....- Thành lập đội PCCC cơ sở.....

.....- Tổ chức huấn luyện cho đội PCCC tại chỗ.....

.....- Phương án chữa cháy bổ xung và chỉnh lý cho đúng theo yêu cầu thực tế đã xây dựng.....

.....- Mở hồ sơ theo dõi các hoạt động về PCCC.....

.....- Trong quá trình thực hiện các kiến nghị nếu gặp khó khăn đề nghị chủ đầu tư liên hệ trực tiếp phòng Cảnh sát PCCC&CNCH – Công an Tây Ninh (Đội Cảnh sát PCCC&CNCH Khu vực Trảng Bàng) để được hướng dẫn cụ thể.....

..... Biên bản lập xong hồi 05 giờ 30 phút, ngày 05 tháng 02 năm 2015.....
Gồm 04 trang được lập thành 04 bản, mỗi bên liên quan giữ 1 bản đã được đọc lại
cho mọi người nghe, công nhận đúng và nhất trí ký tên dưới đây /.

ĐẠI DIỆN CƠ SỞ **ĐẠI DIỆN ĐƠN VỊ LIÊN QUAN** **ĐẠI DIỆN ĐOÀN KIỂM TRA**
(Ký tên, đóng dấu) *(Ký tên, đóng dấu)* *(Ký tên, đóng dấu)*



WAR CHUNG US

John Doe

Thiền Phật Kinh Châu



Phan Văn Hoàng



Đặt in: Huyện Thanh Hóa

Số: A3 /PCCC-NT
Văn bản nghiệm thu hệ thống PCCC

Tây Ninh, ngày 06 tháng 02 năm 2015

Kính gửi: Công ty TNHH Phú Quang.....

Theo Công văn đề nghị nghiệm thu ngày ...05/ 02/2015.. về việc nghiệm thu hệ thống cấp nước chữa cháy vách tường, hệ thống cấp nước chữa cháy tự động, hệ thống báo cháy tự động, hệ thống chống sét của Công ty TNHH Phú Quang.

Sau khi xem xét hồ sơ nghiệm thu về phòng cháy chữa cháy do chủ đầu tư chuẩn bị và biên bản kiểm tra nghiệm thu hệ thống PCCC do đại diện Phòng Cảnh sát phòng cháy chữa cháy và cứu nạn, cứu hộ lập ngày 05 / 02 /2015.....

Phòng Cảnh sát phòng cháy chữa cháy và cứu nạn, cứu hộ Công an tỉnh Tây Ninh đồng ý nghiệm thu về phòng cháy chữa cháy:.....

- Công trình: Nhà xưởng giai đoạn II.

- Chủ đầu tư là: Công ty TNHH Phú Quang.

- Xây dựng tại: KCX&CN Linh Trung III, huyện Trảng Bàng, tỉnh Tây Ninh.....

Các hệ thống PCCC đã nghiệm thu bao gồm:

-..... Hệ thống cấp nước chữa cháy vách tường.....

-..... Hệ thống cấp nước chữa cháy tự động.....

-..... Hệ thống báo cháy tự động.....

-..... Hệ thống chống sét.....

Đồng thời đề nghị chủ đầu tư thực hiện các yêu cầu kèm theo sau đây:

- Thực hiện đầy đủ các kiến nghị nêu trong Biên bản kiểm tra nghiệm thu hệ thống PCCC lập ngày..... 05 / 02 /2015.....

- Các hệ thống, thiết bị kỹ thuật khác có liên quan đến PCCC phải được kiểm tra, thử nghiệm và nghiệm thu đưa vào vận hành đảm bảo các yêu cầu về PCCC khi đưa công trình vào sử dụng. *Lưu*

Nơi nhận:

- Cty TNHH Phú Quang;

- Cục CS PCCC & CNCH -BCA (để báo cáo);

- Lưu: Phòng CS PCCC & CNCH (KT).



Số: 130 /TDPCCC.....

**GIẤY CHỨNG NHẬN
THẨM DUYỆT VỀ PHÒNG CHÁY VÀ CHỮA CHÁY**

- Căn cứ Nghị định số 79/2014/NĐ-CP ngày 31/7/2014 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật phòng cháy và chữa cháy và Luật sửa đổi bổ sung một số điều của Luật phòng cháy và chữa cháy;

- Căn cứ Điều 7 Thông tư số 66/2014/TT-BCA ngày 16/12/2014 của Bộ trưởng Bộ Công an quy định chi tiết thi hành một số điều của Nghị định số 79/2014/NĐ-CP ngày 31/7/2014 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật phòng cháy và chữa cháy và Luật sửa đổi bổ sung một số điều của Luật phòng cháy và chữa cháy;

Xét hồ sơ và văn bản đề nghị thẩm duyệt thiết kế về phòng cháy và chữa cháy số đơn:

Ngày 11/11/2016 của: Công ty TNHH Phú Quang

Người đại diện là Ông: Park Chung Up Chức danh: Tổng Giám đốc

PHÒNG CẢNH SÁT PHÒNG CHÁY, CHỮA CHÁY VÀ CỨU NẠN, CỨU HỘ

CHỨNG NHẬN:

Nhà xưởng giai đoạn III

Địa điểm xây dựng: KCC và Công nghiệp Linh Trung III, xã, huyện Trảng Bàng, tỉnh Tây Ninh.

Chủ đầu tư/chủ phương tiện: Công ty TNHH Phú Quang.

Đơn vị lập dự án/thiết kế: Công ty TNHH Hana Architecture; Công ty TNHH Ba Mươi Tên

Đã được thẩm duyệt về phòng cháy và chữa cháy các nội dung sau:

- Bậc chứa lửa; Lối thoát nạn + Khoảng cách PCCC; Hệ thống cấp nước chữa cháy vách tường; Hệ thống cấp nước chữa cháy tự động; Hệ thống báo cháy tự động.

theo các tài liệu, bản vẽ ghi ở trang 2.

Các yêu cầu kèm theo:

- Khi thi công phải báo Phòng Cảnh sát PCCC&CNCH-CATN để kiểm tra thi công và kiểm tra nghiệm thu về PCCC theo quy định. *Ư*

Nơi nhận:

- Công ty TNHH Phú Quang;
- Đơn vị CS PCCC&CNCH KV TB.

Tây Ninh, ngày 16 tháng 11 năm 2016



TRƯỞNG PHÒNG

Ông Nguyễn Văn To

**BIÊN BẢN KIỂM TRA
AN TOÀN VỀ PHÒNG CHÁY VÀ CHỮA CHÁY THEO CHẾ ĐỘ ĐỊNH KỲ**

Hồi 14 giờ 00 ngày 18 tháng 8 năm 2023, tại Văn phòng Công ty TNHH Phú Quang.

Địa chỉ: Lô 100 và 101, Đường số 4, Khu chế xuất và công nghiệp Linh Trung III, phường An Tịnh, thị xã Trảng Bàng, tỉnh Tây Ninh.

Chúng tôi gồm:

Đại diện: Phòng Cảnh sát PCCC và CNCH - Công an tỉnh Tây Ninh.

- Đại úy Nguyễn Tường Giang; Chức vụ: Cán bộ.

- Thượng úy Nguyễn Hoài Sang; Chức vụ: Cán bộ.

Đã tiến hành kiểm tra an toàn PCCC đối với: Nhà máy sản xuất Phú Quang thuộc Công ty TNHH Phú Quang.

Đại diện: Công ty TNHH Phú Quang.

- Bà: Trần Thị Kim Châu; Chức vụ: Quản lý (có ủy quyền).

- Bà: Vương Thị Mộng Tuyền; Chức vụ: Kế toán – Phụ trách PCCC.

- Ông: Nguyễn Ngọc Ty; Chức vụ: Đội phó Đội PCCC cơ sở.

Tình hình và kết quả kiểm tra như sau:

Thực hiện Kế hoạch số 299/KH-PCCC&CNCH ngày 14/02/2023 của Phòng Cảnh sát PCCC và CNCH kế hoạch kiểm tra an toàn PCCC và CNCH định kỳ đối với các cơ sở thuộc diện quản lý về PCCC trên địa bàn tỉnh năm 2023; Kế hoạch số 2135/KH-PCCC&CNCH ngày 14/8/2023 về kiểm tra an toàn PCCC và CNCH định kỳ tháng 8/2023.

Qua kiểm tra thực tế tại Công ty TNHH Phú Quang. Tổ kiểm tra ghi nhận tại thời điểm kiểm tra như sau:

L PHẢN TRÌNH BÀY CỦA CƠ SỞ:

- Trong thời gian qua Công ty chúng tôi duy trì tốt các điều kiện đảm bảo an toàn về PCCC theo quy định như: định kỳ tổ chức tự kiểm tra điều kiện an toàn PCCC và CNCH tại công ty, thường xuyên bảo dưỡng các hệ thống, trang thiết bị về PCCC và CNCH; báo cáo kết quả công tác PCCC định kỳ theo quy định; thường xuyên tuyên truyền, nhắc nhở công nhân, người lao động chấp hành nghiêm các quy định đảm bảo an toàn về PCCC trong quá trình sản xuất, kinh doanh. Đối với nội dung tồn tại đã được kiến nghị trong lần kiểm tra trước, công ty đã tiến hành khắc phục theo đúng quy định.

- Công ty chuyên sản xuất, gia công mút xốp các loại, có vốn đầu tư 100% Hàn Quốc, hiện có khoảng 50 công nhân, làm việc 01 ca/ngày.

II. HỒ SƠ QUẢN LÝ, THEO DÕI HOẠT ĐỘNG PCCC

1. Ưu điểm:

- Hồ sơ được lưu giữ và bổ sung các văn bản, thông tin liên quan đến công tác PCCC và CNCH theo quy định. Cơ sở có lập hồ sơ quản lý, theo dõi hoạt động PCCC và CNCH theo qui định tại khoản 1, Điều 4 Thông tư số 149/2020/TT-BCA và khoản 1 Điều 9 Thông tư số 08/2018/TT-BCA.

- Bảo hiểm cháy, nổ bắt buộc: Có hợp đồng và giấy chứng nhận bảo hiểm cháy, nổ bắt buộc đúng theo quy định Nghị định số 23/2018/NĐ-CP ngày 23/02/2018 và Nghị định số 97/2021/NĐ-CP ngày 08/11/2021 của Chính phủ. Đơn vị kinh doanh bảo hiểm: Tổng Công ty cổ phần bảo hiểm ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam – Công ty Bảo hiểm VietinBank Gia Định, thời hạn bảo hiểm cháy, nổ đến ngày 11/7/2024.

2. Tồn tại: Không.

III. KIỂM TRA THỰC TẾ

1. Trách nhiệm của người đứng đầu cơ sở

- Việc phân công chức trách, nhiệm vụ trong thực hiện công tác PCCC: Có ban hành quyết định phân công nhiệm vụ PCCC và CNCH.

- Việc thành lập, quản lý, bảo đảm điều kiện hoạt động của lực lượng PCCC cơ sở: Có quyết định thành lập Đội PCCC cơ sở kèm theo danh sách đội viên Đội PCCC gồm 15 người, đã được cấp chứng nhận huấn luyện nghiệp vụ PCCC.

- Việc ban hành nội quy, biện pháp về PCCC và CNCH: Có quyết định và nội quy PCCC và CNCH của cơ sở do người đứng đầu cơ sở ban hành phù hợp với điều kiện, tính chất hoạt động của công ty.

- Tổ chức thực hiện, kiểm tra, giám sát việc chấp hành quy định về PCCC và CNCH: Định kỳ hàng tháng có tự kiểm tra; có báo cáo kết quả kiểm tra an toàn về PCCC định kỳ 06 tháng cho Cơ quan Cảnh sát PCCC và CNCH theo quy định.

- Việc bảo đảm kinh phí cho hoạt động PCCC, CNCH; trang bị và duy trì hoạt động của phương tiện PCCC: Có dự trù kinh phí cho hoạt động PCCC hàng năm, kiểm tra, bảo dưỡng phương tiện PCCC.

- Việc xây dựng, thực tập phương án chữa cháy, phương án CNCH: Phương án chữa cháy, phương án CNCH của cơ sở được xây dựng, phê duyệt đúng thẩm quyền theo quy định.

2. Giao thông phục vụ chữa cháy

2.1. Ưu điểm:

- Giao thông bên ngoài: Khu vực cổng vào của cơ sở không bị cản trở bởi phương tiện giao thông hay sự cản trở khác, gồm 01 cổng chính tiếp giáp đường số 4, Khu chế xuất và công nghiệp Linh Trung III, đảm bảo cho phương tiện tiếp cận, triển khai các hoạt động chữa cháy và CNCH khi cần thiết.

- Giao thông nội bộ đảm bảo thông thoáng, đảm bảo cho xe chữa cháy tiếp cận các hạng mục khi có cháy, nổ xảy ra.

2.2. Tồn tại: Không.

3. Nguồn nước phục vụ chữa cháy

3.1. Ưu điểm:

- Bể nước phục vụ chữa cháy gồm 02 bể ngầm có tổng khối tích 270m³. Tại thời điểm kiểm tra nguồn nước đảm bảo theo quy định.

- Bên ngoài cơ sở trên đường số 4, có trụ nước chữa cháy hạ tầng Khu chế xuất và công nghiệp Linh Trung III cách cơ sở khoảng 50m và 01 hồ nước tự nhiên của hạ tầng Khu chế xuất và công nghiệp Linh Trung III cách cơ sở khoảng 900m.

3.2. Tồn tại: Không.

4. Quy mô công trình, công năng sử dụng

4.1. Quy mô công trình:

- Kiến trúc xây dựng gồm: Nhà xưởng 1 diện tích 2.940m² (01 tầng); Nhà xưởng 2 diện tích 4.536m² (01 tầng); Nhà xưởng 3 diện tích 2.940m² (01 tầng); Văn phòng diện tích 150m² (01 tầng) và các hạng mục phụ trợ gồm: Ký túc xá chuyên gia, nhà ăn, nhà bảo vệ, nhà xe, trạm điện. Đối với phần xây dựng, cải tạo 01 sân lũng diện tích 560m² (56m x 10m) bên trong nhà xưởng 2, công ty đã tiến hành tháo dỡ, trả lại hiện trạng ban đầu.

- Tại thời điểm kiểm tra hạng mục công trình bên trong cơ sở được sử dụng theo đúng công năng thiết kế đã được thẩm duyệt, nghiệm thu về PCCC.

4.2. Tồn tại: Không.

5. Khoảng cách PCCC

5.1. Ưu điểm:

- Khoảng cách giữa các hạng mục công trình trong cơ sở: duy trì đảm bảo theo thiết kế đã được thẩm duyệt, nghiệm thu về PCCC.

- Khoảng cách đến công trình xung quanh: tại thời điểm kiểm tra đảm bảo khoảng cách theo quy định.

5.2. Tồn tại: Không.

6. Hệ thống thoát nạn

6.1. Ưu điểm:

Cơ sở duy trì tốt điều kiện thoát nạn tại các hạng mục theo đúng theo thiết kế được phê duyệt, các đường, hành lang thoát nạn và cửa ra thoát nạn đúng quy định. Bố trí, sắp xếp vật tư, hàng hóa không cản trở lối thoát nạn.

6.2. Tồn tại: Không.

7. Điều kiện ngăn cháy

7.1. Ưu điểm: Cơ sở duy trì khoảng cách ngăn cháy lan giữa các khoang cháy, công năng khác nhau. Các điều kiện ngăn cháy khác đảm bảo duy trì theo quy định.

7.2. Tồn tại: Không.

8. Phương tiện PCCC

8.1. Ưu điểm:

- Hệ thống báo cháy tự động: Công trình trang bị 01 trung tâm báo cháy lắp đặt tại phòng bảo vệ, có người thường trực theo quy định. Hệ thống được kiểm tra

định kỳ, tại thời điểm kiểm tra, tủ trung tâm báo cháy duy trì ở chế độ thường trực, không báo lỗi; thử xác suất 02 cặp đầu báo Beam, 02 đầu báo cháy khói và 02 nút nhấn báo cháy ghi nhận đầu báo cháy hiện hoạt động bình thường, chuông báo cháy ta, rõ.

- Hệ thống chữa cháy vách tường: Qua kiểm tra mở 02 họng nước chữa cháy trong nhà, nhận thấy hệ thống hiện hoạt động bình thường, đảm bảo chiều cao tia nước đặc theo quy định, máy bơm chữa cháy duy trì ở chế độ tự động.

- Hệ thống cấp nước chữa cháy ngoài nhà: Các trụ nước chữa cháy ngoài nhà kiểm tra và thử nghiệm đảm bảo hoạt động tốt.

- Hệ thống chữa cháy tự động Sprinkler: Kiểm tra áp lực nước trên hệ thống qua đồng hồ áp lực nhận thấy hệ thống được duy trì áp lực đảm bảo. Khi hạ áp lực trên đường ống cụm bơm chữa cháy tự kích hoạt, hoạt động bình thường.

- Trang bị bình chữa cháy xách tay: Được kiểm tra định kỳ, kiểm tra thực tế các bình bột, khí chữa cháy được trang bị còn nguyên kẹp chỉ đảm bảo áp lực theo quy định, bố trí tại nơi dễ thấy, dễ sử dụng không bị cản trở.

- Phương tiện chiếu sáng sự cố, chỉ dẫn lối thoát nạn: Được kiểm tra định kỳ. Kiểm tra xác suất các đèn chiếu sáng sự cố, chỉ dẫn thoát nạn hiện hoạt động bình thường.

8.2. Tồn tại: Không.

9. Tổ hợp bơm chữa cháy

9.1. Ưu điểm:

Tiến hành kiểm tra cụm bơm chữa cháy:

- Trạm bơm được duy trì giải pháp ngăn cháy, ngăn khói với khu vực xung quanh theo như thiết kế ban đầu.

- Công trình lắp đặt 01 cụm bơm: Số lượng máy bơm tại cơ sở có 02 bơm điện, 02 bơm Diesel và 01 bơm bù áp. Qua kiểm tra, nhận thấy máy bơm chữa cháy đang hoạt động bình thường, duy trì hoạt động ở chế độ tự động, đảm bảo nhiên liệu.

- Bể nước chữa cháy dự trữ đủ nước chữa cháy theo quy định.

9.2. Tồn tại: Không.

10. Hệ thống điện, chống sét

10.1. Ưu điểm:

- Hệ thống điện, chống sét, tiếp địa: Tại thời điểm kiểm tra nhận thấy cơ sở bố trí, lắp đặt hệ thống điện, các thiết bị điện tại các hạng mục đảm bảo theo yêu cầu, có bố trí cầu dao, aptomat cho từng khu vực và từng thiết bị, các dây dẫn điện đi trong ống bảo vệ. Hệ thống điện: Được lấy từ nguồn ưu tiên cho hệ thống PCCC.

- Cơ sở duy trì hệ thống chống sét, tiếp địa các thiết bị theo quy định. Đã đo điện trở chống sét và kết quả đo đạt yêu cầu theo quy định (có biên bản kết quả kiểm tra đo ngày 26/6/2023, kết quả đo đạt yêu cầu).

10.2. Tồn tại: Không.

11. Hoạt động của lực lượng PCCC cơ sở; Việc trang bị phương tiện PCCC và CNCH cho đội PCCC cơ sở

- Đội PCCC cơ sở được thành lập gồm 15 thành viên, các thành viên được huấn luyện nghiệp vụ về PCCC và cấp giấy chứng nhận huấn luyện nghiệp vụ PCCC theo quy định (cấp ngày ngày 25/4/2022), ban đêm có 02 bảo vệ thường trực. Qua kiểm tra lực lượng PCCC và CNCH cơ sở nắm, biết và sử dụng được các phương tiện PCCC và CNCH được trang bị.

- Tại cơ sở trang bị đầy đủ các dụng cụ, phương tiện PCCC và CNCH. Qua kiểm tra hiện đang sử dụng bình thường.

12. Việc tổ chức thực tập phương án chữa cháy của cơ sở và phương án cứu nạn, cứu hộ của cơ sở

12.1. Ưu điểm: Công ty đã tổ chức thực tập phương án chữa cháy và cứu nạn, cứu hộ cơ sở định kỳ năm 2022 (ngày 22/4/2022). Kết quả đạt yêu cầu.

12.2. Tồn tại: Không.

IV. Kết luận:

Qua kiểm tra tại cơ sở, Tổ kiểm tra nhận thấy tại thời điểm kiểm tra cơ sở thực hiện đầy đủ các điều kiện an toàn PCCC và CNCH theo quy định.

Biên bản được lập xong hồi 16 giờ 00 ngày 18 tháng 8 năm 2023, gồm 05 trang được lập thành 02 bản, mỗi bên liên quan giữ 01 bản, đã đọc lại cho mọi người cùng nghe, công nhận đúng và nhất trí ký tên dưới đây/.

ĐẠI DIỆN CƠ SỞ



Trần Thị Kim Châu

**ĐẠI DIỆN
ĐƠN VỊ, CÁ NHÂN
CÓ LIÊN QUAN**

**ĐẠI DIỆN ĐOÀN KIỂM
TRA/NGƯỜI ĐƯỢC PHÂN
CÔNG KIỂM TRA**

Thượng úy Nguyễn Hoài Sang

**BIÊN BẢN KIỂM TRA
AN TOÀN VỀ PHÒNG CHÁY VÀ CHỮA CHÁY THEO CHẾ ĐỘ ĐỊNH KỲ**

Hồi 09 giờ 45 ngày 01 tháng 12 năm 2023, tại Văn phòng Công ty TNHH Phú Quang,

Địa chỉ: Lô 100 và 101, Đường số 4, Khu chế xuất và công nghiệp Linh Trung III, phường An Tịnh, thị xã Trảng Bàng, tỉnh Tây Ninh.

Chúng tôi gồm:

Đại diện: **Phòng Cảnh sát PCCC và CNCH - Công an tỉnh Tây Ninh.**

- Thượng úy Nguyễn Hoài Sang; Chức vụ: Cán bộ.

- Thượng úy Phạm Hải Đăng; Chức vụ: Cán bộ.

Đã tiến hành kiểm tra an toàn PCCC đối với: Nhà máy sản xuất Phú Quang thuộc Công ty TNHH Phú Quang.

Đại diện: **Công ty TNHH Phú Quang.**

- Bà: Trần Thị Kim Châu; Chức vụ: Quản lý (có ủy quyền).

- Bà: Vương Thị Mộng Tuyền; Chức vụ: Kế toán – Phụ trách PCCC.

- Ông: Nguyễn Văn Hoi; Chức vụ: Đội trưởng Đội PCCC cơ sở.

Tình hình và kết quả kiểm tra như sau:

Thực hiện Kế hoạch số 299/KH-PCCC&CNCH ngày 14/02/2023 của Phòng Cảnh sát PCCC và CNCH kế hoạch kiểm tra an toàn PCCC và CNCH định kỳ đối với các cơ sở thuộc diện quản lý về PCCC trên địa bàn tỉnh năm 2023; Kế hoạch số 3357/KH-PCCC&CNCH ngày 10/11/2023 của Phòng Cảnh sát PCCC và CNCH về kiểm tra an toàn PCCC và CNCH định kỳ tháng 11/2023.

Qua kiểm tra thực tế tại Nhà máy sản xuất Phú Quang thuộc Công ty TNHH Phú Quang. Tổ kiểm tra ghi nhận tại thời điểm kiểm tra như sau:

I. PHẢN TRÌNH BÀY CỦA CƠ SỞ:

- Trong thời gian qua Công ty chúng tôi duy trì tốt các điều kiện đảm bảo an toàn về PCCC theo quy định như: định kỳ tổ chức tự kiểm tra điều kiện an toàn PCCC và CNCH tại công ty, thường xuyên bảo dưỡng các hệ thống, trang thiết bị về PCCC và CNCH; báo cáo kết quả công tác PCCC định kỳ theo quy định; thường xuyên tuyên truyền, nhắc nhở công nhân, người lao động chấp hành nghiêm các quy định đảm bảo an toàn về PCCC trong quá trình sản xuất, kinh doanh.

- Công ty chuyên sản xuất, gia công một xấp các loại, có vốn đầu tư 100% Hàn Quốc, hiện có khoảng 46 công nhân, làm việc 01 ca/ngày.

II. HỒ SƠ QUẢN LÝ, THEO DÕI HOẠT ĐỘNG PCCC

1. Ưu điểm:

- Hồ sơ được lưu giữ và bổ sung các văn bản, thông tin liên quan đến công tác PCCC và CNCH theo quy định. Cơ sở có lập hồ sơ quản lý, theo dõi hoạt động PCCC và CNCH theo qui định tại khoản 1, Điều 4 Thông tư số 149/2020/TT-BCA và khoản 1 Điều 9 Thông tư số 08/2018/TT-BCA.

- Bảo hiểm cháy, nổ bắt buộc: Có hợp đồng và giấy chứng nhận bảo hiểm cháy, nổ bắt buộc đúng theo quy định. Đơn vị kinh doanh bảo hiểm: Tổng Công ty cổ phần bảo hiểm ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam – Công ty Bảo hiểm VietinBank Gia Định, thời hạn bảo hiểm cháy, nổ đến ngày 11/7/2024.

2. Tồn tại: Không.

III. KIỂM TRA THỰC TẾ

1. Trách nhiệm của người đứng đầu cơ sở

- Việc phân công chức trách, nhiệm vụ trong thực hiện công tác PCCC: Có ban hành quyết định phân công nhiệm vụ PCCC và CNCH.

- Việc thành lập, quản lý, bảo đảm điều kiện hoạt động của lực lượng PCCC cơ sở: Có quyết định thành lập Đội PCCC cơ sở kèm theo danh sách đội viên Đội PCCC gồm 15 người, đã được cấp chứng nhận huấn luyện nghiệp vụ PCCC.

- Việc ban hành nội quy, biện pháp về PCCC và CNCH: Có quyết định và nội quy PCCC và CNCH của cơ sở do người đứng đầu cơ sở ban hành phù hợp với điều kiện, tính chất hoạt động của công ty.

- Tổ chức thực hiện, kiểm tra, giám sát việc chấp hành quy định về PCCC và CNCH: Định kỳ hàng tháng có tự kiểm tra; có báo cáo kết quả kiểm tra an toàn về PCCC định kỳ 06 tháng cho Cơ quan Cảnh sát PCCC và CNCH theo quy định.

- Việc bảo đảm kinh phí cho hoạt động PCCC, CNCH; trang bị và duy trì hoạt động của phương tiện PCCC: Có dự trù kinh phí cho hoạt động PCCC hàng năm, kiểm tra, bảo dưỡng phương tiện PCCC.

- Việc xây dựng, thực tập phương án chữa cháy, phương án CNCH: Phương án chữa cháy, phương án CNCH của cơ sở được xây dựng, phê duyệt đúng thẩm quyền theo quy định.

2. Giao thông phục vụ chữa cháy

2.1. Ưu điểm:

- Giao thông bên ngoài: Khu vực cổng vào của cơ sở không bị cản trở gồm 01 cổng chính tiếp giáp đường số 4, Khu chế xuất và công nghiệp Linh Trung III, đảm bảo cho phương tiện tiếp cận, triển khai các hoạt động chữa cháy và CNCH khi cần thiết.

- Giao thông nội bộ: thông thoáng, đảm bảo phục vụ cho công tác chữa cháy khi có cháy, nổ xảy ra.

2.2. Tồn tại: Không.

3. Nguồn nước phục vụ chữa cháy

3.1. Ưu điểm:

- Bể nước phục vụ chữa cháy gồm 02 bể ngầm có tổng khối tích 270m³. Tại thời điểm kiểm tra nguồn nước đảm bảo theo quy định.

- Bên ngoài cơ sở trên đường số 4, có trụ nước chữa cháy hạ tầng Khu chế xuất và công nghiệp Linh Trung III cách cơ sở khoảng 50m và 01 hồ nước tự nhiên của hạ tầng Khu chế xuất và công nghiệp Linh Trung III cách cơ sở khoảng 900m.

3.2. Tồn tại: Không.

4. Quy mô công trình, công năng sử dụng

4.1. Quy mô công trình:

- Kiến trúc xây dựng gồm: Không thay đổi so với lần kiểm tra trước.
- Tại thời điểm kiểm tra hạng mục công trình bên trong cơ sở được sử dụng theo đúng công năng thiết kế đã được thẩm duyệt, nghiệm thu về PCCC.

4.2. Tồn tại: Không.

5. Khoảng cách PCCC

5.1. Ưu điểm:

- Khoảng cách giữa các hạng mục công trình trong cơ sở: duy trì đảm bảo theo thiết kế đã được thẩm duyệt, nghiệm thu về PCCC.
- Khoảng cách đến công trình xung quanh: tại thời điểm kiểm tra đảm bảo khoảng cách theo quy định.

5.2. Tồn tại: Không.

6. Hệ thống thoát nạn

6.1. Ưu điểm: Cơ sở duy trì tốt điều kiện thoát nạn tại các hạng mục theo đúng theo thiết kế được phê duyệt. Bố trí, sắp xếp vật tư, hàng hóa không cản trở lối thoát nạn.

6.2. Tồn tại: Không.

7. Điều kiện ngăn cháy

7.1. Ưu điểm: Cơ sở duy trì khoảng cách ngăn cháy lan giữa các khoang cháy, công năng khác nhau. Các điều kiện ngăn cháy khác duy trì theo quy định.

7.2. Tồn tại: Không.

8. Phương tiện PCCC

8.1. Ưu điểm:

- Hệ thống báo cháy tự động: Công trình trang bị 01 trung tâm báo cháy lắp đặt tại phòng bảo vệ, có người thường trực theo quy định. Tại thời điểm kiểm tra, thử xác suất 01 cặp đầu báo Beam tại Nhà xưởng 1, 01 cặp đầu báo Beam tại Nhà xưởng 3 và 02 nút nhấn báo cháy ghi nhận đầu báo cháy hiện hoạt động bình thường, chuông báo cháy to, rõ.

- Hệ thống chữa cháy vách tường: Qua kiểm tra mở 02 họng nước chữa cháy trong nhà tại Nhà xưởng 2, nhận thấy hệ thống hiện hoạt động bình thường, đảm bảo chiều cao tia nước đặc theo quy định, máy bơm chữa cháy duy trì ở chế độ tự động.

- Hệ thống cấp nước chữa cháy ngoài nhà: Các trụ nước chữa cháy ngoài nhà kiểm tra và thử nghiệm đảm bảo hoạt động tốt.

- Hệ thống chữa cháy tự động Sprinkler: Kiểm tra áp lực nước trên hệ thống qua đồng hồ áp lực nhận thấy hệ thống được duy trì áp lực đảm bảo. Khi hạ áp lực trên đường ống cụm bơm chữa cháy tự kích hoạt, hoạt động bình thường.

- Trang bị bình chữa cháy xách tay: Kiểm tra thực tế các bình chữa cháy được bố trí tại nơi dễ thấy, dễ sử dụng, không bị cản trở, đảm bảo tính năng tác dụng.

- Phương tiện chiếu sáng sự cố, chỉ dẫn lối thoát nạn: Kiểm tra xác suất các đèn chiếu sáng sự cố, chỉ dẫn thoát nạn hiện hoạt động bình thường.

8.2. Tồn tại: Không.

9. Tổ hợp bơm chữa cháy

9.1. Ưu điểm:

Tiến hành kiểm tra cụm bơm chữa cháy:

- Trạm bơm được duy trì giải pháp ngăn cháy, ngăn khói với khu vực xung quanh theo như thiết kế ban đầu.

- Công trình lắp đặt 01 cụm bơm: Số lượng máy bơm tại cơ sở có 02 bơm điện, 02 bơm Diesel và 01 bơm bù áp. Qua kiểm tra, nhận thấy máy bơm chữa cháy đang hoạt động bình thường, duy trì hoạt động ở chế độ tự động, đảm bảo nhiên liệu.

- Bể nước chữa cháy dự trữ đủ nước chữa cháy theo quy định.

9.2. Tồn tại: Không.

10. Hệ thống điện, chống sét

10.1. Ưu điểm:

- Hệ thống điện, chống sét, tiếp địa: Tại thời điểm kiểm tra nhận thấy cơ sở bố trí, lắp đặt hệ thống điện, các thiết bị điện tại các hạng mục đảm bảo theo yêu cầu, có bố trí cầu dao, aptomat cho từng khu vực và từng thiết bị, các dây dẫn điện đi trong ống bảo vệ. Hệ thống điện: Được lấy từ nguồn ưu tiên cho hệ thống PCCC.

- Cơ sở duy trì hệ thống chống sét, tiếp địa các thiết bị theo quy định. Đã đo điện trở chống sét và kết quả đo đạt yêu cầu theo quy định (có biên bản kết quả kiểm tra đo ngày 26/6/2023, kết quả đo đạt yêu cầu).

10.2. Tồn tại: Không.

11. Hoạt động của lực lượng PCCC cơ sở; Việc trang bị phương tiện PCCC và CNCH cho đội PCCC cơ sở

- Đội PCCC cơ sở được thành lập gồm 15 thành viên, các thành viên được huấn luyện nghiệp vụ về PCCC và cấp giấy chứng nhận huấn luyện nghiệp vụ PCCC theo quy định (cấp ngày ngày 25/4/2022), ban đêm có 02 bảo vệ thường trực. Qua kiểm tra lực lượng PCCC và CNCH cơ sở nắm, biết và sử dụng được các phương tiện PCCC và CNCH được trang bị.

- Tại cơ sở trang bị đầy đủ các dụng cụ, phương tiện PCCC và CNCH. Qua kiểm tra hiện đang sử dụng bình thường.

12. Việc tổ chức thực tập phương án chữa cháy của cơ sở và phương án cứu nạn, cứu hộ của cơ sở

12.1. Ưu điểm: Công ty đã tổ chức thực tập phương án chữa cháy và cứu nạn, cứu hộ cơ sở định kỳ năm 2022 (ngày 22/4/2022). Kết quả đạt yêu cầu.

12.2. Tồn tại: Không.

IV. Kết luận:

Qua kiểm tra tại cơ sở, Tổ kiểm tra nhận thấy tại thời điểm kiểm tra cơ sở thực hiện đầy đủ các điều kiện an toàn PCCC và CNCH theo quy định.

Biên bản được lập xong hồi 11 giờ 30 ngày 01 tháng 12 năm 2023, gồm 05 trang được lập thành 02 bản, mỗi bên liên quan giữ 01 bản, đã đọc lại cho mọi người cùng nghe, công nhận đúng và nhất trí ký tên dưới đây./.

ĐẠI DIỆN CƠ SỞ



Trần Thị Kim Châu

**ĐẠI DIỆN
ĐƠN VỊ, CÁ NHÂN
CÓ LIÊN QUAN**

**ĐẠI DIỆN ĐOÀN KIỂM
TRA/NGƯỜI ĐƯỢC PHÂN
CÔNG KIỂM TRA**

Thượng úy Nguyễn Hoài Sang

**BIÊN BẢN KIỂM TRA
VỀ PHÒNG CHÁY, CHỮA CHÁY, CỨU NẠN, CỨU HỘ**

Hồi 09 giờ 30 ngày 28 tháng 5 năm 2024, tại Công ty TNHH Phú Quang.

Địa chỉ: Lô 100 và 101, Đường số 4, Khu chế xuất và công nghiệp Linh Trung III, phường An Tịnh, thị xã Trảng Bàng, tỉnh Tây Ninh.

Chúng tôi gồm:

Đại diện: Phòng Cảnh sát PCCC và CNCH - Công an tỉnh Tây Ninh.

- Ông: Nguyễn Hoài Sang, Chức vụ: Cán bộ.

- Ông: Lê Hoàng Khải, Chức vụ: Cán bộ.

Đã tiến hành kiểm tra an toàn PCCC và CNCH đối với Nhà máy sản xuất Phú Quang thuộc Công ty TNHH Phú Quang.

Đại diện: Công ty TNHH Phú Quang.

- Bà: Trần Thị Kim Châu, Chức vụ: Quản lý (có ủy quyền).

- Bà: Vương Thị Mộng Tuyền, Chức vụ: Nhân viên - Phụ trách PCCC.

- Ông: Nguyễn Văn Hoi, Chức vụ: Đội trưởng Đội PCCC cơ sở.

- Ông: Nguyễn Ngọc Ty, Chức vụ: Đội phó Đội PCCC cơ sở.

Tình hình và kết quả kiểm tra như sau:

Thực hiện Kế hoạch số 87/KH-PCCC&CNCH ngày 07/5/2024 của Phòng Cảnh sát phòng cháy, chữa cháy và cứu nạn, cứu hộ (PCCC và CNCH) Công an tỉnh Tây Ninh về việc kiểm tra an toàn PCCC và CNCH định kỳ tháng 6 năm 2024 đối với các cơ sở thuộc diện quản lý về PCCC năm 2024.

Qua kiểm tra thực tế tại Nhà máy sản xuất Phú Quang thuộc Công ty TNHH Phú Quang. Tổ kiểm tra nhận thấy như sau:

I. TRÌNH BÀY CỦA CƠ SỞ

- Công ty chúng tôi định kỳ tổ chức thực hiện và duy trì đầy đủ các điều kiện đảm bảo an toàn về PCCC theo quy định, tự kiểm tra điều kiện an toàn PCCC và CNCH tại công ty, thường xuyên bảo dưỡng phương tiện, hệ thống về PCCC và CNCH; tuyên truyền, nhắc nhở công nhân, người lao động chấp hành nghiêm các quy định về PCCC.

- Công ty chuyên sản xuất mũt xỏp các loại, có vốn đầu tư 100% Hàn Quốc, có khoảng 50 công nhân làm việc 01 ca/ngày.

II. HỒ SƠ QUẢN LÝ, THEO DÕI HOẠT ĐỘNG PCCC VÀ CNCH**1. Ưu điểm:**

- Cơ sở có lập hồ sơ quản lý, theo dõi hoạt động PCCC và CNCH theo qui định tại khoản 1, Điều 4 Thông tư số 149/2020/TT-BCA và khoản 1 Điều 9 Thông tư số 08/2018/TT-BCA. Hồ sơ được lưu giữ, cập nhật và bổ sung các văn bản, tài liệu liên quan đến công tác PCCC và CNCH theo quy định.

- Bảo hiểm cháy, nổ bắt buộc: Đã mua theo quy định, thời hạn bảo hiểm cháy, nổ đến ngày 11/7/2024. Đơn vị kinh doanh bảo hiểm: Tổng Công ty cổ phần Bảo hiểm ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam – Công ty Bảo hiểm ViettinBank Gia Định.

2. Tồn tại: Không.

III. KIỂM TRA THỰC TẾ

1. Trách nhiệm của người đứng đầu cơ sở

- Việc phân công chức trách, nhiệm vụ trong thực hiện công tác PCCC: Có ban hành quyết định phân công nhiệm vụ PCCC và CNCH.

- Việc thành lập, quản lý, bảo đảm điều kiện hoạt động của lực lượng PCCC cơ sở: Có quyết định thành lập Đội PCCC cơ sở kèm theo danh sách đội viên Đội PCCC gồm 15 thành viên, được cấp chứng nhận huấn luyện nghiệp vụ PCCC theo quy định.

- Việc ban hành nội quy, biện pháp về PCCC và CNCH: Có quyết định và nội quy PCCC và CNCH của cơ sở do người đứng đầu cơ sở ban hành phù hợp với điều kiện, tính chất hoạt động của công ty và tổ chức tuyên truyền cho công nhân, người lao động chấp hành quy định PCCC và CNCH.

- Tổ chức thực hiện, kiểm tra, giám sát việc chấp hành quy định về PCCC và CNCH: Định kỳ hàng tháng có tự kiểm tra; có báo cáo kết quả kiểm tra an toàn về PCCC định kỳ 06 tháng cho Cơ quan Cảnh sát PCCC và CNCH theo quy định.

- Việc bảo đảm kinh phí cho hoạt động PCCC, CNCH; trang bị và duy trì hoạt động của phương tiện PCCC: Có dự trù kinh phí cho hoạt động PCCC hàng năm, kiểm tra, bảo dưỡng phương tiện PCCC.

- Việc xây dựng, thực tập phương án chữa cháy, phương án CNCH: Phương án chữa cháy, phương án CNCH của cơ sở được xây dựng, phê duyệt đúng thẩm quyền theo quy định, có tổ chức thực tập phương án định kỳ theo quy định.

2. Giao thông phục vụ chữa cháy

2.1. Ưu điểm:

- Giao thông bên ngoài: Khu vực cổng vào của cơ sở không bị cản trở, gồm 01 cổng chính tiếp giáp đường số 4, Khu Chế xuất và công nghiệp Linh Trung III rộng thoáng, đảm bảo cho phương tiện triển khai các hoạt động chữa cháy và CNCH khi cần thiết.

- Giao thông nội bộ: thông thoáng, đảm bảo phục vụ cho công tác chữa cháy khi có cháy, nổ xảy ra.

2.2. Tồn tại: Không.

3. Nguồn nước phục vụ chữa cháy

3.1. Ưu điểm:

- Bên trong cơ sở: Bể nước phục vụ chữa cháy gồm 02 bể ngầm có tổng khối tích 270m³. Tại thời điểm kiểm tra nguồn nước phục vụ chữa cháy tại cơ sở đảm bảo theo quy định.

- Bên ngoài cơ sở trên đường số 4, có trụ nước chữa cháy hạ tầng Khu Chế xuất và công nghiệp Linh Trung III cách cơ sở khoảng 50m và 01 hồ nước tự nhiên của hạ tầng Khu Chế xuất và công nghiệp Linh Trung III cách cơ sở khoảng 900m.

3.2. Tồn tại: Không.

4. Quy mô công trình, công năng sử dụng

4.1. Quy mô công trình:

- Không thay đổi gồm: Nhà xưởng 1 diện tích 2.940m^2 (01 tầng), Nhà xưởng 2 diện tích 4.536m^2 (01 tầng), Nhà xưởng 3 diện tích 2.940m^2 (01 tầng), Nhà văn phòng diện tích 150m^2 (01 tầng), 01 bồn gas (LPG) 5 tấn và các hạng mục phụ gồm: Ký túc xá chuyên gia, nhà ăn, nhà xe, nhà bảo vệ, trạm điện.

- Tại thời điểm kiểm tra hạng mục công trình bên trong cơ sở được sử dụng theo đúng công năng thiết kế đã được thẩm duyệt, nghiệm thu về PCCC.

4.2. Tồn tại: Không.

5. Khoảng cách PCCC

5.1. Ưu điểm:

- Khoảng cách hạng mục công trình trong cơ sở duy trì đảm bảo theo thiết kế đã được thẩm duyệt, nghiệm thu về PCCC.

- Khoảng cách đến công trình xung quanh; tại thời điểm kiểm tra đảm bảo khoảng cách theo quy định.

5.2. Tồn tại: Không.

6. Hệ thống thoát nạn

6.1. Ưu điểm:

- Cơ sở duy trì tốt điều kiện thoát nạn theo thiết kế ban đầu được phê duyệt, các đường, hành lang thoát nạn và cửa ra thoát nạn đúng quy định.

- Bố trí máy móc đảm bảo lối đi lại, không cản trở lối và cửa thoát nạn.

6.2. Tồn tại: Không.

7. Điều kiện ngăn cháy

7.1. Ưu điểm: Cơ sở duy trì các điều kiện ngăn cháy đã được thẩm duyệt, nghiệm thu về PCCC theo quy định.

7.2. Tồn tại: Không.

8. Phương tiện PCCC

8.1. Ưu điểm:

- Hệ thống báo cháy tự động: Tại thời điểm kiểm tra, tủ trung tâm báo cháy duy trì ở chế độ thường trực, không báo lỗi; thử xác suất mỗi nhà xưởng 02 cặp đầu báo cháy Beam và 02 nút nhấn báo cháy, nhận thấy hệ thống hiện hoạt động bình thường, loa báo cháy to, rõ.

- Hệ thống chữa cháy vách tường: Mở đồng thời 02 họng nước trong nhà tại nhà xưởng 1 và 01 họng nước trong nhà tại xưởng 2, nhận thấy hệ thống hoạt động bình thường, duy trì hoạt động ở chế độ tự động, chiều cao tia nước đặc đảm bảo theo quy định.

- Hệ thống cấp nước chữa cháy ngoài nhà: Các trụ nước chữa cháy ngoài nhà kiểm tra và thử nghiệm đảm bảo hoạt động tốt.

- Hệ thống chữa cháy tự động Sprinkler: Kiểm tra áp lực nước trên hệ thống qua đồng hồ áp lực nhận thấy hệ thống được duy trì áp lực đảm bảo. Khi hạ áp lực trên đường ống cụm bơm chữa cháy hoạt động bình thường.

- Phương tiện chữa cháy và CNCH ban đầu: Tại thời điểm kiểm tra bố trí tại nơi dễ thấy, dễ sử dụng, không bị cản trở hay che khuất, đảm bảo còn tính năng tác dụng (có bảng thống kê kèm theo).

- Phương tiện chiếu sáng sự cố, chỉ dẫn lối thoát nạn: Kiểm tra xác suất 02 đèn chiếu sáng sự cố, 02 đèn chỉ dẫn thoát nạn hoạt động bình thường.

8.2. Tồn tại: Không.

9. Tổ hợp bơm chữa cháy

9.1. Ưu điểm:

Tiến hành kiểm tra cụm bơm chữa cháy:

- Trạm bơm được duy trì giải pháp ngăn cháy với khu vực xung quanh theo như thiết kế ban đầu.

- Công trình lắp đặt 01 cụm bơm chữa cháy: Số lượng máy bơm chữa cháy tại cơ sở gồm 02 bơm điện, 02 bơm Diesel và 01 bơm bù áp. Qua kiểm tra, nhận thấy máy bơm chữa cháy đang hoạt động bình thường, hoạt động ở chế độ tự động, đảm bảo nhiên liệu.

- Bể nước chữa cháy dự trữ đủ nước chữa cháy theo quy định.

9.2. Tồn tại: Không.

10. Hệ thống điện, chống sét

10.1. Ưu điểm:

- Hệ thống điện, chống sét, tiếp địa: Tại thời điểm kiểm tra nhận thấy cơ sở bố trí, lắp đặt hệ thống điện, các thiết bị điện tại các hạng mục đảm bảo theo yêu cầu, có bố trí cầu dao, aptomat cho từng khu vực và từng thiết bị, các dây dẫn điện đi trong ống bảo vệ. Hệ thống điện: Được lấy từ nguồn ưu tiên cho hệ thống PCCC.

- Cơ sở duy trì hệ thống chống sét, tiếp địa các thiết bị theo quy định. Đã đo điện trở chống sét và kết quả đo đạt yêu cầu theo quy định (biên bản đo ngày 26/6/2023).

10.2. Tồn tại: Không.

11. Hoạt động của lực lượng PCCC cơ sở; Việc trang bị phương tiện PCCC và CNCH cho đội PCCC cơ sở

11.1. Ưu điểm:

- Đội PCCC cơ sở được thành lập gồm 15 thành viên, các thành viên được huấn luyện nghiệp vụ về PCCC và cấp giấy chứng nhận huấn luyện nghiệp vụ PCCC theo quy định (cấp ngày 25/4/2022), đã tổ chức bồi dưỡng nghiệp vụ về PCCC năm 2023 ngày 23/12/2023, ban đêm có 02 bảo vệ thường trực. Qua kiểm tra lực lượng PCCC và CNCH cơ sở nắm, biết và sử dụng được các phương tiện PCCC và CNCH được trang bị.

- Tại cơ sở trưng bị đầy đủ các dụng cụ, phương tiện PCCC và CNCH. Qua kiểm tra hiện đang sử dụng bình thường.

11.2. Tồn tại: Không.

12. Việc tổ chức thực tập phương án chữa cháy của cơ sở và phương án cứu nạn, cứu hộ của cơ sở

12.1. Ưu điểm: Công ty đã tự tổ chức thực tập phương án chữa cháy cơ sở, phương án CNCH cơ sở định kỳ năm 2023 (ngày 23/12/2023). Kết quả đạt yêu cầu.

12.2. Tồn tại: Không.

IV. Kết luận:

Qua kiểm tra tại cơ sở, Tổ kiểm tra nhận thấy tại thời điểm kiểm tra cơ sở thực hiện đầy đủ các điều kiện an toàn PCCC và CNCH theo quy định.

Biên bản lập xong hồi 11 giờ 30 phút, ngày 28 tháng 5 năm 2024. Gồm 05 trang được lập thành 02 bản, mỗi bên liên quan giữ 01 bản đã được đọc lại cho mọi người nghe, công nhận đúng và nhất trí ký tên dưới đây /.

ĐẠI DIỆN CƠ SỞ



Trần Thị Kim Châu

**ĐẠI DIỆN
ĐƠN VỊ, CÁ NHÂN
CÓ LIÊN QUAN**

**ĐẠI DIỆN ĐOÀN KIỂM
TRA/NGƯỜI ĐƯỢC PHÂN
CÔNG KIỂM TRA**

Thượng úy Nguyễn Hoài Sang

HỢP ĐỒNG
Thu gom, vận chuyển và chuyển giao xử lý rác

Số 28 / HDTX.2024

- Căn cứ Bộ Luật Dân sự số 91/2013/QH13 ngày 24/11/2013 của Quốc Hội Nước Cộng Hòa Xã Hội Chủ Nghĩa Việt Nam.
- Căn cứ Luật Bảo vệ Môi Trường số 72/2020/QH14 ngày 17/11/2020 của Quốc Hội Nước Cộng Hòa Xã Hội Chủ Nghĩa Việt Nam.
- Căn cứ nhu cầu và khả năng của hai bên

Hôm nay, ngày 26/12/2023, chúng tôi gồm:

Bên A: CÔNG TY TNHH MÔI TRƯỜNG TRỜI XANH
(BÊN THU GOM, VẬN CHUYỂN)

- Địa chỉ: Đường A, KCX & CN Linh Trung 3, Khu Phố Suối Sầu, Phường An Tịnh, Thị Xã Trảng Bàng, Tỉnh Tây Ninh
- Mã số thuế: 3901046012
- Tài khoản: (VND) 114000087000 tại Vietinbank, Chi nhánh khu công nghiệp Trảng Bàng
- Đại diện: Ông Đoàn Bình Dương - Chức vụ: Giám Đốc

Bên B: CÔNG TY TNHH PHÚ QUANG
(CHỦ NGUỒN THẢI)

- Địa chỉ: Lô số 100 và 101, KCX & CN Linh Trung III, Phường An Tịnh, Thị Xã Trảng Bàng, Tỉnh Tây Ninh
- Điện thoại: 0263399430
- Mã số thuế: 3900743633
- Đại diện: ông BARK CHUNG VI - Chức vụ: Tổng giám đốc

Hai bên đồng ý ký kết hợp đồng thu gom, vận chuyển và chuyển giao xử lý rác với các điều khoản sau:

ĐIỀU 1: NỘI DUNG HỢP ĐỒNG

- Bên A nhận thu gom, vận chuyển và chuyển giao xử lý rác sinh hoạt của Bên B.
- Địa điểm tiếp nhận chất thải: tại thùng chứa rác bên trong khu vực nhà máy của Bên B
- Thời gian thực hiện: Thực hiện trong giờ hành chính từ thứ Hai đến thứ Bảy; nghỉ ngày Lễ, Tết và Chủ nhật.

ĐIỀU 2: GIÁ PHÍ VÀ PHƯƠNG THỨC THANH TOÁN

2.1 Giá phí (chưa bao gồm thuế VAT):

- 2.1.1 Rác thu gom được kiểm, đo theo thể tích (m^3) rồi quy đổi thành tấn theo mức bình quân như sau:
 - Rác sinh hoạt: 10 thùng (loại thùng 240 lít) = 2,4 m^3 quy đổi thành 1 tấn.

- 2.1.2 Mức thu tối thiểu hàng tháng là 949.000 đồng trong tháng sau khi quy đổi nhỏ hơn hoặc bằng 01 tấn.
- 2.1.3 Lượng rác sinh hoạt thu gom trong tháng sau khi quy đổi trên 01 tấn: thu 949.000 đồng/tấn.
- 2.1.4 Trong trường hợp có sự thay đổi về giá, Bên A sẽ thông báo trước cho Bên B trước khi áp dụng giá mới.

2.2 Thanh toán:

- 2.2.1 Bên A lập sổ để ghi nhận việc dọn rác hàng ngày cho Bên B. Bên B có trách nhiệm cử người kiểm tra và ký nhận vào sổ của Bên A. Thời điểm chốt số lượng rác được thu gom trong tháng là vào khoảng ngày 25 mỗi tháng. Từ ngày 25 đến ngày 30 hàng tháng, hai bên sẽ đối chiếu quyết toán khối lượng rác đã thu gom trong tháng để Bên B thanh toán tiền thu gom rác cho Bên A.
- 2.2.2 Bên B thanh toán cho Bên A 100% số tiền trong vòng 07 ngày kể từ ngày nhận giấy báo thu và hóa đơn của Bên A. Nếu Bên B chậm thanh toán cho Bên A kể từ ngày đến hạn, Bên B phải trả tiền lãi trên số tiền nợ:
- a) Chậm đến tối đa mười lăm (15) ngày: tính thêm tiền lãi chậm thanh toán theo lãi suất tiền gửi có kỳ hạn Việt Nam đồng tương ứng thời hạn chậm thanh toán do Vietinbank, chi nhánh Khu công nghiệp Tráng Bàng quy định.
 - b) Chậm từ mười sáu (16) ngày đến tối đa ba mươi (30) ngày: tính thêm tiền lãi chậm thanh toán bằng 150% của lãi suất tiền gửi có kỳ hạn Việt Nam đồng tương ứng thời hạn chậm thanh toán do Vietinbank, chi nhánh Khu công nghiệp Tráng Bàng quy định.
 - c) Nếu quá ba mươi (30) ngày mà Bên B vẫn không thanh toán tiền nợ thì tính thêm tiền lãi chậm thanh toán bằng 150% của lãi suất tiền gửi kỳ hạn 1 (một) tháng Việt Nam đồng do Vietinbank, chi nhánh Khu công nghiệp Tráng Bàng quy định kể từ ngày hết hạn đến thời điểm thanh toán thực tế. Bên A sẽ tiến hành ngưng dọn rác. Việc thu gom rác chỉ sẽ được tiếp tục sau khi Bên B thanh toán đầy đủ các khoản phải trả cho Bên A.

ĐIỀU 3: TRÁCH NHIỆM HAI BÊN

3.1 Trách nhiệm của Bên A:

- a) Thu gom rác tại nhà máy của Bên B theo như các điều kiện hợp đồng.
- b) Đảm bảo rác thu gom được chuyển giao xử lý theo đúng quy định.
- c) Thu gom và vận chuyển gọn, không làm rơi rớt rác để đảm bảo vệ sinh và mỹ quan khu vực.
- d) Báo ngay cho Bên B nếu trong lúc thu gom rác mà có phát hiện các sự việc có thể gây nguy hiểm cháy, nổ... để Bên B có thể ngăn chặn và xử lý kịp thời.

3.2 Trách nhiệm của Bên B:

- a) Bên B tự trang bị thùng nhựa với loại 240 lít để đựng rác, hoặc có thể thuê từ Bên A.
(Đối với các Bên B đã được Công ty TNHH Seprone – Linh Trung (Việt Nam) trang bị các thùng rác miễn phí trước đây, Bên B được tiếp tục sử dụng miễn phí các thùng rác đó và có trách nhiệm tự sửa chữa thùng rác này khi hư hỏng. Khi các thùng rác này không còn sử dụng được nữa, Bên B tự trang bị thùng mới hoặc có thể thuê thùng mới từ Bên A.)
- b) Tự trang bị bỏ, bồn chứa dư lượng rác thải. Các bồn, bồn này phải có mái che hoặc nắp đậy để tránh bị ướt nước và được đặt tại vị trí thuận tiện cho việc thu gom, vận chuyển rác ra khỏi nhà máy.
- c) Phải lưu chứa rác thành các loại riêng biệt: phân biệt rác thải sinh hoạt và rác thải công nghiệp; phân biệt rác kim loại và không kim loại. Các loại rác có mùi hôi phải được chứa đựng riêng trong các túi nylon.
- d) Nếu có các loại chất thải nguy hại, hoặc có nguy cơ ô nhiễm lẫn lộn trong rác thải thông thường, Bên A có quyền từ chối thu gom.

Trong trường hợp Bên B để lẫn bừa các chất thải nguy hại, chất ô nhiễm nguy hiểm lẫn lộn trong hỗn hợp rác làm nguy hại cho nhân viên thu gom và hoặc tài sản của Bên A, Bên A sẽ lập biên bản sự việc và Bên B chịu trách nhiệm bồi thường.

- e) Phải luôn cảnh giác đối với các loại rác thải công nghiệp dễ cháy nổ. Cần phải chứa rác xa các nguồn gây lửa, điện, không để gần lối đi, cầu thang hay kho hàng. Bên B phải luôn nhắc nhở nhân viên của mình về ý thức và kiến thức về phòng cháy.
- f) Các loại bình, lon chứa khí gas thường dùng như bình gas đốt, xịt muỗi, xịt phòng... dù đã sử dụng hết, các loại hóa chất, các loại chất có thể tự gây cháy... dù đang ở bất cứ trạng thái nào, Bên B phải để riêng biệt và xử lý đúng quy định, không được thải vào chung nơi chứa rác thu gom.
- g) Các loại vật lạ mà không rõ xuất xứ, không rõ tác dụng. Bên B phải để riêng biệt và báo cho nhân viên thu gom biết để cùng phối hợp giải quyết.
- h) Bên B phải luôn quét dọn, cọ rửa khu lưu chứa rác sau khi rác đã được thu gom sạch để đảm bảo vệ sinh khu vực.
- i) Các loại chất thải nguy hại hoặc độc hại của Bên B phải được xử lý theo quy định của Pháp luật.

ĐIỀU 4: ĐIỀU KHOẢN CHUNG

- 4.1 Các bên cam kết thực hiện đúng các điều khoản trong hợp đồng. Nếu có gì cần sửa đổi, bổ sung, các bên sẽ thỏa thuận bằng phụ lục hợp đồng.
- 4.2 Trong quá trình thực hiện nếu có xảy ra tranh chấp liên quan đến việc giải thích hoặc thực hiện hợp đồng, hai bên sẽ giải quyết bằng hình thức thương lượng hòa giải. Trong trường hợp tranh chấp không giải quyết được bằng hình thức thương lượng hòa giải trong vòng 30 (ba mươi) ngày, mỗi bên có quyền khởi kiện ra tòa án có thẩm quyền để xét xử theo quy định của Pháp Luật Việt Nam.
- 4.3 Hợp đồng này có hiệu lực kể từ ngày 26/12/2023 đến ngày 25/12/2024
- 4.4 Hợp đồng được lập thành bốn (04) bản, có giá trị pháp lý như nhau. Mỗi bên giữ hai (02) bản.



Park Chung Up



ĐOÀN BÌNH DƯƠNG



BỘ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG
TỔNG CỤC MÔI TRƯỜNG

10-23/TKN-TCMT

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Hà Nội, ngày 23 tháng 1 năm 2013

GIẤY XÁC NHẬN
VIỆC BẢ THỰC HIỆN CÁC CÔNG TRÌNH, BIỆN PHÁP
BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG PHỤC VỤ GIAI ĐOẠN VẬN HÀNH
của Dự án "Xây dựng cơ sở hạ tầng Khu chế xuất và công nghiệp Linh Trung III"
tại xã An Tịnh, huyện Trảng Bàng, tỉnh Tây Ninh

TỔNG CỤC TRƯỞNG TỔNG CỤC MÔI TRƯỜNG

Căn cứ Luật Bảo vệ môi trường ngày 29 tháng 11 năm 2006;

Căn cứ Nghị định số 31/2013/NĐ-CP ngày 04 tháng 3 năm 2013 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Tài nguyên và Môi trường;

Căn cứ Nghị định số 29/2011/NĐ-CP ngày 18 tháng 4 năm 2011 của Chính phủ quy định về đánh giá môi trường chiến lược, đánh giá tác động môi trường, cam kết bảo vệ môi trường;

Căn cứ Quyết định số 132/2008/QĐ-TTg ngày 30 tháng 9 năm 2008 của Thủ tướng Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Tổng cục Môi trường trực thuộc Bộ Tài nguyên và Môi trường;

Căn cứ Thông tư số 26/2011/TT-BTNMT ngày 18 tháng 7 năm 2011 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết một số điều của Nghị định số 29/2011/NĐ-CP ngày 18 tháng 4 năm 2011 của Chính phủ quy định về đánh giá môi trường chiến lược, đánh giá tác động môi trường, cam kết bảo vệ môi trường;

Căn cứ kết quả kiểm tra việc thực hiện các công trình, biện pháp bảo vệ môi trường phục vụ giai đoạn vận hành của Dự án "Xây dựng cơ sở hạ tầng Khu chế xuất và công nghiệp Linh Trung III" tại xã An Tịnh, huyện Trảng Bàng, tỉnh Tây Ninh thực hiện vào ngày 25 tháng 01 năm 2013;

Theo đề nghị của Cục trưởng Cục Thẩm định và Đánh giá tác động môi trường,

XÁC NHẬN

Biểu 1, Công ty TNHH Septone - Linh Trung Việt Nam (sau đây gọi là "Công ty") đã thực hiện các công trình, biện pháp bảo vệ môi trường phục vụ giai đoạn vận

hình của Dự án "Xây dựng cơ sở hạ tầng Khu chế xuất và công nghiệp Linh Trung III" tại xã An Tịnh, huyện Trảng Bàng, tỉnh Tây Ninh sau đây:

1. Công trình, thiết bị, biện pháp thu gom, xử lý nước thải:

- Đã xây dựng hệ thống thu gom nước mưa tách biệt với hệ thống thu gom nước thải.
- Đã đầu tư xây dựng nhà máy xử lý nước thải tập trung giai đoạn 1 và 2 với công suất 10.000 m³/ngày đêm:

- Giai đoạn 1: công suất 3.000 m³/ngày đêm, hoạt động từ tháng 10 năm 2010.

- Giai đoạn 2: công suất 3.000 m³/ngày đêm, hoạt động từ tháng 3 năm 2011.

- Đã đầu tư lắp đặt và quản lý hệ thống quan trắc tự động chất lượng nước thải trước cửa và trạm xử lý nước thải tập trung để kiểm soát các thông số: lưu lượng, màu, COD, pH, TSS, DO.

2. Công trình, thiết bị, biện pháp lưu giữ, thu gom, vận chuyển, xử lý chất thải nguy hại, chất thải rắn thông thường:

- Đã được Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Tây Ninh cấp Giấy đăng ký thu nhận chất thải nguy hại số QLCTNH- 7300042.T lần 1 ngày 17 tháng 8 năm 2009 và lần 2 ngày 10 tháng 10 năm 2012 cho Công ty TNHH Sepsons - Linh Trung Việt Nam.

- Đã ký hợp đồng xử lý chất thải nguy hại số 01/T3-HSXLLTH ngày 01 tháng 01 năm 2013 với Công ty CP Môi trường xanh VN.

- Đã ký hợp đồng thuê nhà rác và hợp tác thu dọn rác trong Khu chế xuất và công nghiệp Linh Trung III số 219/HDLT.2012 ngày 01 tháng 5 năm 2012 với Công ty TNHH Môi trường Trời Xanh (Công ty Trời Xanh).

- Đã ký hợp đồng thu gom, vận chuyển, xử lý bùn từ hệ thống xử lý nước thải số 14/2013 ngày 25 tháng 01 năm 2013 với Công ty TNHH Môi trường - Công nghệ xanh CMC.

3. Kế hoạch, biện pháp và các thiết bị để phòng, chống sự cố môi trường:

- Kế hoạch an phòng cháy chữa cháy của Khu chế xuất - công nghiệp Linh Trung III được Công an tỉnh Tây Ninh phê duyệt.

Điều 2. Chủ dự án có trách nhiệm thực hiện các yêu cầu bổ sung sau đây trong giai đoạn tiếp theo của Dự án:

1. Tự chịu trách nhiệm đối với các công trình, biện pháp bảo vệ môi trường đã được thực hiện có thay đổi, điều chỉnh so với báo cáo đánh giá tác động môi trường được phê duyệt đã nêu tại Điều 1. Chấn sác nhận này, đảm bảo các quy định, tiêu

chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật có liên quan của pháp luật hiện hành.

2. Vận hành các công trình xử lý chất thải đã được nêu tại Điều 1 Giấy xác nhận này theo đúng thiết kế, đảm bảo các quy trình, quy phạm kỹ thuật.

3. Tiếp tục thực hiện các biện pháp bảo vệ môi trường, đảm bảo các quy định, quy chuẩn, tiêu chuẩn môi trường có liên quan của pháp luật hiện hành.

4. Chủ động xử lý, khắc phục kịp thời các sự cố và các tình huống bất lợi xảy ra gây ảnh hưởng tiêu cực đến môi trường trong suốt quá trình vận hành của Dự án và báo cáo ngay cho cơ quan quản lý nhà nước về bảo vệ môi trường và các cơ quan nhà nước có liên quan khác để được hướng dẫn, hỗ trợ.

5. Chịu sự kiểm tra, giám sát của các cơ quan quản lý nhà nước về bảo vệ môi trường theo quy định của pháp luật hiện hành.

Điều 3. Giấy xác nhận này có giá trị kể từ ngày ký.

Nơi nhận:

- Công ty TNHH Separe - Linh Trung Việt Nam;
- Sở Tài nguyên và Môi trường;
- Sở Công nghiệp và Thương mại;
- UBND xã Tây Ninh;
- Ủy ban MTTW tại Tây Ninh;
- Ủy ban VT, TB, Hư hỏng.

[Chữ ký]

TỔNG CỤC TRƯỞNG

[Chữ ký]
Bùi Cách Tuyên

[Chữ ký]

QUYẾT ĐỊNH

**Phê duyệt báo cáo đánh giá tác động môi trường Dự án nâng
công suất Nhà máy sản xuất Phú Quang của Công ty TNHH Phú Quang**

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Bảo vệ môi trường ngày 23 tháng 6 năm 2014;

Căn cứ Nghị định số 18/2015/NĐ-CP ngày 14 tháng 02 năm 2015 của Chính phủ quy định về quy hoạch môi trường, đánh giá môi trường chiến lược, đánh giá tác động môi trường và kế hoạch bảo vệ môi trường;

Căn cứ Thông tư số 27/2015/TT-BTNMT ngày 29 tháng 5 năm 2015 của Bộ Tài nguyên và Môi trường về đánh giá môi trường chiến lược, đánh giá tác động môi trường và kế hoạch bảo vệ môi trường;

Theo đề nghị của Hội đồng thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường của Dự án nâng công suất Nhà máy sản xuất Phú Quang do Công ty TNHH Phú Quang làm Chủ dự án họp vào ngày 10 tháng 9 năm 2018;

Xét nội dung báo cáo đánh giá tác động môi trường của Dự án nâng công suất Nhà máy sản xuất Phú Quang đã được chỉnh sửa, bổ sung kèm theo Văn bản giải trình số 02/CV ngày 06 tháng 01 năm 2019 của Công ty TNHH Phú Quang;

Xét đề nghị của Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường tại Tờ trình số: 226/TTr-STNMT ngày 11 tháng 01 năm 2019,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt báo cáo đánh giá tác động môi trường của Dự án nâng công suất Nhà máy sản xuất Phú Quang tại Khu chế xuất và công nghiệp Linh Trung III, xã An Tịnh, huyện Trảng Bàng, tỉnh Tây Ninh được lập bởi Công ty TNHH Phú Quang (Chủ dự án) với các nội dung chủ yếu sau đây:

1. Phạm vi, quy mô, công suất của Dự án:

- Sản xuất, gia công mứt xốp các loại, quy mô 1.000 tấn/năm;
- Sản xuất bao bì plastic, quy mô 1,36 tấn/năm (sử dụng nội bộ).

2. Yêu cầu bảo vệ môi trường đối với Dự án:

2.1. Tuân thủ các quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về môi trường có liên quan và các yêu cầu về an toàn, vệ sinh môi trường trong suốt quá trình triển khai thực hiện Dự án.

2.2. Thiết kế, xây dựng hệ thống thu gom nước mưa riêng biệt với hệ thống thu gom nước thải sinh hoạt; thu gom, xử lý toàn bộ nước thải sinh hoạt phát sinh từ hoạt động của Dự án đạt tiêu chuẩn đầu nổi của Khu chế xuất và công nghiệp Linh Trung III trước khi xả thải ra bể ga thu gom nước thải của Khu.

2.3. Thiết kế, lắp đặt và vận hành hệ thống thu gom, xử lý khí thải, bụi phát sinh đảm bảo xử lý đạt QCVN 19:2009/BTNMT, cột B; QCVN 20:2009/BTNMT và các tiêu chuẩn, quy chuẩn hiện hành có liên quan khác bắt buộc áp dụng trước khi thải ra môi trường.

2.4. Thực hiện đầy đủ các biện pháp giảm thiểu các nguồn phát sinh bụi, khí thải đảm bảo môi trường không khí xung quanh đạt QCVN 05:2013/BTNMT, QCVN 06:2009/BTNMT và đáp ứng các yêu cầu về tiếng ồn, độ rung được quy định tại QCVN 26:2010/BTNMT, QCVN 27:2010/BTNMT và các tiêu chuẩn, quy chuẩn hiện hành có liên quan.

2.5. Bố trí diện tích đất trồng cây xanh trong khuôn viên đất của Dự án theo đúng tỷ lệ quy định của pháp luật.

2.6. Thu gom, xử lý các loại chất thải rắn và chất thải nguy hại phát sinh theo quy định của Nghị định số 38/2015/NĐ-CP ngày 24/4/2015 của Chính phủ về quản lý chất thải và phế liệu và Thông tư số 36/2015/TT-BTNMT ngày 30/6/2015 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định về quản lý chất thải nguy hại.

2.7. Thực hiện các yêu cầu về vệ sinh công nghiệp, phòng chống cháy, nổ, an toàn lao động và các rủi ro sự cố môi trường khác trong quá trình triển khai thực hiện Dự án đảm bảo theo đúng các quy định của pháp luật hiện hành có liên quan.

2.8. Đảm bảo kinh phí để thực hiện các hoạt động bảo vệ môi trường của Dự án. Thực hiện đầy đủ chương trình quản lý và giám sát môi trường như đã trình bày trong báo cáo đánh giá tác động môi trường được phê duyệt.

Điều 2. Chủ dự án có các trách nhiệm sau đây:

1. Lập và gửi kế hoạch quản lý môi trường của Dự án để niêm yết công khai theo quy định của pháp luật.

2. Thực hiện nghiêm túc các yêu cầu về bảo vệ môi trường, các điều kiện nêu tại Điều 1 Quyết định này và các nội dung bảo vệ môi trường khác đã đề xuất trong báo cáo đánh giá tác động môi trường.

3. Báo cáo kết quả thực hiện các công trình bảo vệ môi trường để được kiểm tra, xác nhận hoàn thành trước khi đưa Dự án vào vận hành chính thức theo quy định pháp luật hiện hành về bảo vệ môi trường.

4. Trong quá trình thực hiện nếu Dự án có những thay đổi so với các Khoản 1 và 2, Điều 1 của Quyết định này, Chủ dự án phải có văn bản báo cáo và chỉ được thực hiện những thay đổi sau khi có văn bản chấp thuận của UBND tỉnh Tây Ninh.

Điều 3. Quyết định phê duyệt báo cáo đánh giá tác động môi trường của Dự án là căn cứ để cấp thẩm quyền xem xét, quyết định các bước tiếp theo của Dự án theo quy định tại Khoản 2 Điều 25 Luật Bảo vệ môi trường.

Điều 4. Ủy nhiệm Sở Tài nguyên và Môi trường thực hiện kiểm tra các nội dung bảo vệ môi trường trong báo cáo đánh giá tác động môi trường đã được phê duyệt tại Quyết định này.

Điều 5. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký ./.

Nơi nhận: 

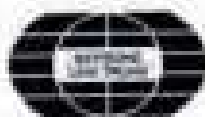
- Chủ dự án;
- CT, các PCT UBND tỉnh;
- Sở TN&MT;
- BQL khu kinh tế tỉnh Tây Ninh;
- Chi nhánh Công ty TNHH Sepzone - Linh Trung (Việt Nam) - KCK và CN Linh Trung III;
- PCVP Hồng Nhung, CVK;
- Lưu: VT, VP ĐBHQ/L, HDND và UBND Tỉnh.



**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**



Trần Văn Chiến



CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc
-----oOo-----

Số: 276.110/HDLT.2022

HỢP ĐỒNG CUNG CẤP DỊCH VỤ THOÁT NƯỚC VÀ XỬ LÝ NƯỚC THẢI

Căn cứ:

- Bộ Luật Dân Sự số 91/2015/QH13 được Quốc Hội Nước CHXHCN Việt Nam thông qua ngày 24/11/2015;
- Luật Bảo vệ môi trường số 55/2014/QH13 được Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 23/6/2014;
- Nghị định số 80/2014/NĐ-CP ngày 06/8/2014 của Chính phủ về thoát nước và xử lý nước thải;
- Nghị định 53/2020/NĐ-CP ngày 05/05/2020 của Chính phủ về Phí bảo vệ môi trường đối với nước thải;
- Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải công nghiệp QCVN 40:2011/BTNMT;
- Hợp đồng cung cấp sử dụng nước sạch số 276.109/HDLT.2022 ngày 01/11/2022 ký giữa Chi Nhánh Công Ty TNHH Sepzone - Linh Trung (Việt Nam) - Khu Chế Xuất và Công Nghiệp Linh Trung III và CÔNG TY TNHH PHÚ QUANG;
- Căn cứ vào nhu cầu của Doanh nghiệp và khả năng tiếp nhận, xử lý nước thải của nhà máy xử lý nước thải tập trung tại KCX&CN Linh Trung III;

Hôm nay, ngày 01 tháng 11 năm 2022, hai bên gồm:

BÊN A: CHI NHÁNH CÔNG TY TNHH SEPZONE - LINH TRUNG (VIỆT NAM) - KHU CHẾ XUẤT VÀ CÔNG NGHIỆP LINH TRUNG III

- Địa chỉ: khu phố Suối Sầu, phường An Tịnh, thị xã Trảng Bàng, tỉnh Tây Ninh, Việt Nam.
- Điện thoại: (0276) 3896600 - Fax : (0276) 3896391
- Tài khoản số: (VND) 1904201074976 tại Ngân hàng Agribank – Chi nhánh Miền Đông
- Mã số thuế: 0300742098-001
- Đại diện: Ông LE HOANG MINH - Chức vụ: Tổng Giám Đốc
Ông YANG KAI YONG - Chức vụ: Phó Tổng Giám Đốc Thứ Nhất

BÊN B: CÔNG TY TNHH PHÚ QUANG

- Địa chỉ: Lô số 100 và 101, KCX & CN Linh Trung III, phường An Tịnh, thị xã Trảng Bàng, tỉnh Tây Ninh, Việt Nam.
- Mã số thuế: 3900745635
- Đại diện: Ông PARK CHUNGUP - Chức vụ: Giám Đốc

Hai bên thỏa thuận ký Hợp đồng cung cấp dịch vụ thoát nước và xử lý nước thải theo các



ĐIỀU 1: ĐỐI TƯỢNG CỦA HỢP ĐỒNG

Bên A đồng ý cho Bên B đấu nối hệ thống thoát nước thải sản xuất và sinh hoạt của Bên B vào hệ thống thu gom nước thải tập trung của Bên A tại KCX & CN Linh Trung III,

ĐIỀU 2: KHỐI LƯỢNG - PHƯƠNG THỨC THỰC HIỆN

- 2.1. Bên A tiếp nhận nước thải của Bên B thông qua hố ga đầu nối nằm ngoài hàng rào nhà máy của Bên B và hệ thống công ngầm chung của KCX & CN Linh Trung III dẫn về nhà máy xử lý nước thải tập trung của Bên A để xử lý với yêu cầu mức độ ô nhiễm của nước thải Bên B phải nằm trong giới hạn quy định bởi Bên A (Bảng tiêu chuẩn nước thải quy định đính kèm).
- 2.2. Nước thải của Bên B được hiểu là nước thải ra sau khi Bên B sử dụng nguồn nước sạch được cung cấp của Bên A căn cứ vào **Hợp đồng cung cấp sử dụng nước sạch số 276.109/HDLT.2022 ngày 01/11/2022** để sử dụng trong quá trình sản xuất, sinh hoạt của Bên B.
- 2.3. Khối lượng nước thải được tính bằng 80% lượng nước sạch tiêu thụ ghi nhận qua đồng hồ.

ĐIỀU 3: ĐƠN GIÁ XỬ LÝ (chưa bao gồm thuế GTGT)

- 3.1. Đơn giá xử lý $1m^3$ nước thải đạt Bảng tiêu chuẩn tiếp nhận nước thải của KCX & CN Linh Trung III **7.500 VND/ m^3** . Đơn giá này sẽ được điều chỉnh vào đầu mỗi năm cho phù hợp với tình hình biến động giá thực tế.
- 3.2. Khi có thay đổi về giá, Bên A sẽ thông báo bằng văn bản cho Bên B trước khi áp dụng giá mới. Thông báo này được coi như là một phụ lục đính kèm Hợp đồng này.

ĐIỀU 4: PHƯƠNG THỨC THANH TOÁN

Bên B đồng ý thanh toán tiền nước sử dụng trong tháng cho Bên A theo thể thức:

- 4.1. Loại tiền thanh toán: bằng đồng Việt Nam
- 4.2. Hình thức thanh toán: bằng tiền mặt hoặc bằng chuyển khoản cho Bên A theo tài khoản (VND) 1904201074976 tại Ngân hàng Agribank – Chi nhánh Miền Đông đầy đủ và đúng hạn, căn cứ trên giấy báo hàng tháng.
- 4.3. Nếu quá thời gian qui định bảy (07) ngày tính từ ngày nhận thông báo thanh toán của Bên A, Bên B vẫn không thanh toán cho Bên A, thì Bên B phải chịu tiền lãi chậm thanh toán như sau:
 - a) Chậm đến tối đa mười lăm (15) ngày, tính thêm tiền lãi phạt như sau:
 $\text{Lãi chậm thanh toán} = \text{Nợ gốc chưa trả} \times \text{lãi chậm trả (5\%/năm)} \times \text{số ngày chậm trả}$
 - b) Chậm từ mười sáu (16) ngày đến tối đa ba mươi (30) ngày, tính thêm tiền lãi phạt như sau:
 $\text{Lãi chậm thanh toán} = \text{Nợ gốc chưa trả} \times \text{lãi chậm trả (6.5\%/năm)} \times \text{số ngày chậm trả}$
 - c) Nếu quá ba mươi (30) ngày mà Bên B vẫn không thanh toán tiền nợ, tính thêm tiền lãi phạt như sau:
 $\text{Lãi chậm thanh toán} = \text{nợ gốc chưa trả} \times \text{lãi chậm trả (8\%/năm)} \times \text{số ngày chậm trả}$

Đồng thời, Bên A buộc phải ngưng cung cấp nước sạch cho Bên B và ngừng tiếp nhận xử lý nước thải của bên B cho đến khi việc thanh toán tiền nợ và tiền lãi chậm thanh toán được giải quyết xong.

ĐIỀU 5: QUYỀN VÀ NGHĨA VỤ CỦA BÊN A

- 5.1. Chịu trách nhiệm xử lý nước thải đạt quy chuẩn quy định trước khi xả thải ra môi trường.
- 5.2. Ghi chỉ số đồng hồ nước hàng tháng vào khoảng ngày 20-25 để làm cơ sở thu phí xử lý nước thải của Bên B.
- 5.3. Bên B đồng ý và không gây cản trở việc bên A được quyền kiểm tra và thực hiện các nghiệp vụ đầu nổi – thu gom – xử lý nước thải tại nhà máy của bên B định kỳ thường xuyên và đột xuất trong trường hợp xảy ra sự cố có thể gây ảnh hưởng đến hệ thống thoát nước – xử lý nước thải của khu Chế xuất và Công nghiệp Linh Trung III. Bảo trì, sửa chữa những hư hỏng khách quan của đồng hồ nước.
- 5.4. Kiểm tra việc xử lý nước thải tại nhà máy của Bên B thường xuyên và đột xuất.
- 5.5. Tiếp nhận và giải quyết các khiếu nại, thắc mắc của Bên B về các vấn đề có liên quan đến đầu nổi - xử lý nước thải.
- 5.6. Thông báo trực tiếp đến Bên B trước hai (02) ngày khi tạm ngưng tiếp nhận nước thải hoặc dịch vụ xử lý nước thải của Bên B để phục vụ công tác sửa chữa, duy tu, bảo dưỡng định kỳ, trừ trường hợp xảy ra sự cố đột xuất.
- 5.7. Tại điểm tiếp nhận nước thải của Bên B, Bên A có trách nhiệm lắp đặt một van kiểm soát để điều khiển đóng mở nhằm tiếp nhận hoặc không tiếp nhận nước thải của Bên B trong các tình huống sự cố môi trường.
- 5.8. Ngưng thực hiện dịch vụ xử lý nước thải hoặc ngưng tiếp nhận nước thải của Bên B trong các trường hợp sau:
 - a) Theo yêu cầu bằng văn bản của Bên B.
 - b) Do bên B vi phạm thời hạn thanh toán hoặc các nghĩa vụ đã cam kết trong hợp đồng và các quy định của pháp luật có liên quan.
 - c) Khi nước thải của Bên B có ít nhất 01 (một) thông số vượt tiêu chuẩn cho phép.

ĐIỀU 6: QUYỀN VÀ NGHĨA VỤ BÊN B

- 6.1. Thanh toán tiền xử lý nước thải đầy đủ và đúng hạn theo Điều 4 của Hợp đồng này.
- 6.2. Đảm bảo tuân thủ các qui định hiện hành của Nhà nước về bảo vệ môi trường.
- 6.3. Yêu cầu Bên A xác nhận việc đầu nổi hệ thống thoát nước của Bên B vào hệ thống thu gom và thoát nước của Bên A.
- 6.4. Yêu cầu Bên A tạm ngưng tiếp nhận nước thải trong một thời gian nhất định, Bên B phải trả các chi phí phát sinh về việc đóng, mở van thoát nước thải (nếu có).
- 6.5. Không được cho đơn vị khác đầu nổi thoát nước vào hệ thống thoát nước nếu không có văn bản đồng ý của Bên A.
- 6.6. Bên B có nghĩa vụ phối hợp và tạo điều kiện thuận lợi để Bên A và các cơ quan quản lý nhà nước thực hiện việc kiểm tra hoạt động thoát nước định kỳ hoặc đột xuất tại nhà máy của Bên B.

- 6.7. Đảm bảo nước thải không có mức ô nhiễm vượt quá tiêu chuẩn cho phép nêu tại Điều 2 trước khi thải vào đường thoát nước chung. Trong mọi trường hợp, thời điểm mà nước thải có mức ô nhiễm vượt quá tiêu chuẩn cho phép, Bên B phải tự xử lý cục bộ cho đến khi đạt mới được thải vào đường thoát nước thải chung.
- 6.8. Bên B phải đảm bảo hệ thống thoát nước thải hoạt động ổn định và an toàn trong thời gian hoạt động của nhà máy.
- 6.9. Bên B phải tổ chức thu gom nước thải và nước mưa vào hai hệ thống cống riêng biệt và xả vào các vị trí quy định, không để tình trạng nước mưa hoặc chất thải rắn thoát vào hệ thống thoát nước thải hoặc chất thải (rắn, lỏng) thất thoát ra môi trường hoặc thoát vào hệ thống thoát nước mưa.
- 6.10. Bên B không được để chất thải rắn hoặc chất thải lỏng (không đạt yêu cầu tại Bảng tiêu chuẩn nước thải của Hợp đồng này hoặc trái với quy định của pháp luật) thoát ra môi trường hoặc thoát vào hệ thống thoát nước mưa, hệ thống thoát nước thải của Bên A. Trường hợp Bên B vi phạm nội dung này thì:
- Căn cứ vào tình trạng vi phạm của Bên B, Bên A có quyền ngay lập tức áp dụng các biện pháp cần thiết để cô lập nguồn ô nhiễm hoặc tạm ngưng dịch vụ thoát nước của Bên B.
 - Bên A sẽ thông báo bằng văn bản cho Bên B để Bên B khắc phục vi phạm trong vòng 24 giờ kể từ khi nhận được thông báo. Bên A có quyền áp dụng các biện pháp như tại điểm (a) Điều này cho đến khi khắc phục được vi phạm.
 - Bên B có nghĩa vụ thanh toán tất cả chi phí mà Bên A áp dụng để xử lý những thiệt hại được phát sinh trực tiếp hay gián tiếp mà nguyên nhân xuất phát từ vi phạm của Bên B. Bao gồm các chi phí tái lập đường ống đầu nổi, chi phí xử lý tăng cường, chi phí thu gom xử lý chất thải, chi phí khắc phục sự cố môi trường... và các khoản phạt do cơ quan quản lý môi trường xử phạt Bên A do ảnh hưởng từ sự vi phạm của Bên B.
 - Bên A sẽ báo cáo sự việc vi phạm của Bên B cho cơ quan Nhà nước có thẩm quyền.
- 6.11. Được Bên A cung cấp thông tin về các sự cố liên quan đến đầu nổi - xử lý nước thải; kế hoạch sửa chữa, duy tu, bảo dưỡng hệ thống xử lý nước thải tập trung; các quy định môi liên quan đến đầu nổi - xử lý nước thải.
- 6.12. Bên B có trách nhiệm cung cấp cho Bên A các tài liệu sau:
- Báo cáo kết quả quan trắc định kỳ (bản scan hoặc photo) chậm nhất sau 30 ngày kể từ ngày kết thúc đợt quan trắc định kỳ.
 - Tổng khối lượng bùn thải từ hoạt động xử lý nước thải cục bộ phát sinh và chuyển giao xử lý hàng tháng (nếu có).
- 6.13. Bên B không được khoan, khai thác giếng ngầm. Nếu Bên B khoan giếng ngầm:
- Bên A sẽ lập biên bản thu giữ các thiết bị liên quan đến việc khai thác nước ngầm.
 - Bên B phải lập tức lấp giếng, chấm dứt việc khai thác nước ngầm ngay sau khi nhận được thông báo của Bên A và có nghĩa vụ thanh toán cho Bên A tiền xử lý nước thải cho lượng nước mà Bên B khai thác từ giếng ngầm, cụ thể như sau:
$$\text{Tiền xử lý nước thải} = \text{Khối lượng nước ngầm khai thác} \times 80\% \times \text{Giá xử lý nước thải.}$$

- Khối lượng nước khai thác = Lưu lượng nước tối đa của máy bơm/giờ x 24 giờ x thời gian khai thác,
 - Thời gian khai thác tính từ khi Bên B khoan giếng đến khi bị phát hiện. Nếu không xác định được thời điểm khoan giếng, thời gian khai thác sẽ tính là một (01) năm
 - Giá xử lý nước thải được tính theo biểu giá từng thời điểm cụ thể.
- c) Nếu Bên B không thực hiện trả tiền xử lý nước thải từ giếng khoan trái phép và bồi thường các thiệt hại cho Bên A do việc khoan giếng của bên B, Bên A sẽ ngưng tiếp nhận xử lý nước thải của Bên B sau khi thông báo cho bên B ít nhất 15 ngày. Bên A sẽ không chịu trách nhiệm bất cứ thiệt hại nào cho bên B do việc ngưng tiếp nhận xử lý nước thải của Bên B.
- d) Bên A chỉ tiếp nhận xử lý nước thải trở lại cho Bên B sau khi Bên B thực hiện bồi thường đầy đủ các thiệt hại gây ra cho Bên A.
- 6.14. Trong Trường Hợp Bên B vi phạm bất kỳ nghĩa vụ nào của Hợp đồng này thì bên B có nghĩa vụ bồi thường thiệt hại cho Bên A và bên thứ ba (nếu có). Đồng thời Bên B phải chi trả các khoản phạt do cơ quan Nhà nước có thẩm quyền xử phạt Bên A do ảnh hưởng từ sự vi phạm Hợp đồng hoặc vi phạm pháp luật của Bên B.

ĐIỀU 7: GIẢI QUYẾT SỰ CỐ

- 7.1. Trường hợp đồng hồ nước bị trục trặc, kẹt số, hư hỏng không phản ánh được số nước tiêu thụ, hai bên sẽ lập biên bản xác nhận lượng nước tiêu thụ căn cứ vào lượng nước tiêu thụ bình quân của hai (02) tháng liền kề trước đó để làm cơ sở tính tiền.
- 7.2. Trường hợp đồng hồ nước chạy sai hoặc có sự tính toán nhầm lẫn, hai bên cùng kiểm tra xác nhận để hoàn lại hoặc bù trả tiền vào tháng sau. Trong thời gian chờ giải quyết, Bên B vẫn phải thanh toán theo giấy báo của Bên A.

ĐIỀU 8: CHẤM DỨT HỢP ĐỒNG

- 8.1. Hợp đồng có thể chấm dứt trong các trường hợp sau:

- a) Hợp đồng đã được hoàn thành;
- b) Theo thỏa thuận chấm dứt bằng văn bản của các bên;
- c) Một trong các bên phá sản, giải thể;
- d) Một bên đơn phương chấm dứt Hợp Đồng do lỗi của Bên còn lại.

- 8.2. Quyền đơn phương chấm dứt hợp đồng:

- a) Một bên có quyền đơn phương chấm dứt hợp đồng khi bên kia vi phạm bất kỳ nghĩa vụ nào đã được các bên thỏa thuận trong hợp đồng hoặc pháp luật có quy định. Bên vi phạm sẽ phải bồi thường toàn bộ thiệt hại phát sinh đối với Bên còn lại và bên thứ ba (nếu có).
- b) Trường hợp một bên đơn phương chấm dứt hợp đồng mà không phải do lỗi của bên kia gây ra, thì bên chấm dứt hợp đồng phải bồi thường thiệt hại cho bên kia.

- 8.3. Trước khi chấm dứt hợp đồng, các bên phải thông báo cho bên kia trước 30 ngày, nếu không thông báo mà gây thiệt hại cho bên kia, thì bên chấm dứt hợp đồng phải bồi thường thiệt hại cho bên kia;

ĐIỀU 9: ĐIỀU KHOẢN CHUNG

- 9.1. Hai bên cam kết thực hiện đầy đủ các điều khoản đã ký, nếu có gì khó khăn, thay đổi trong quá trình thực hiện hai bên sẽ thỏa thuận giải quyết và được thể hiện bằng phụ kiện hợp đồng.
- 9.2. Khi có tranh chấp hợp đồng, hai bên sẽ giải quyết bằng hình thức thương lượng, trong trường hợp không thỏa thuận được với nhau các bên có quyền chuyển hồ sơ đến Tòa án có thẩm quyền để xét xử theo quy định của Pháp luật Việt Nam.
- 9.3. Hợp đồng này có hiệu lực từ ngày **01/01/2023** đến ngày **31/12/2027**. Khi hợp đồng hết hạn, hai bên có thể thỏa thuận gia hạn hợp đồng.
- 9.4. Hợp đồng được lập thành 04 bản (02 tiếng Việt và 02 tiếng Anh), mỗi bên giữ 02 bản (01 tiếng Việt và 01 tiếng Anh) có giá trị pháp lý như nhau. Trong trường hợp có sự không tương hợp giữa phần tiếng Việt và tiếng Anh thì bản tiếng Việt sẽ là bản được ưu tiên tham chiếu khi thực hiện hợp đồng và phân xử.

**PARK CHUNGUP****Phó Tổng Giám Đốc****YANG KAI YONG****Tổng Giám Đốc****LÊ HOÀNG MINH**

TIÊU CHUẨN TIẾP NHẬN NƯỚC THẢI CỦA KCX & CN LINH TRUNG III

STT	Thông số	Đơn vị	Quy định tiêu chuẩn đầu ra các nhà máy	Quy chuẩn xả của NMXLNT TT
			Giá trị giới hạn (C _u)	QCVN 40:2011/BTNMT Cột A, K _u & K _f =0,9
1	Nhiệt độ	°C	40	40
2	Màu	Pt-Co	150	50
3	pH	-	5,5 - 12	5,5 - 9
4	BOD ₅ (20°C)	mg/l	500	27
5	COD	mg/l	600	67,5
6	Chất rắn lơ lửng	mg/l	150	45
7	Asen	mg/l	0,1	0,045
8	Thủy ngân	mg/l	0,01	0,0045
9	Chì	mg/l	0,5	0,09
10	Cadimi	mg/l	0,1	0,045
11	Crôm (VI)	mg/l	0,1	0,045
12	Crôm (III)	mg/l	1	0,18
13	Đồng	mg/l	2	1,8
14	Kẽm	mg/l	3	2,7
15	Niken	mg/l	0,5	0,18
16	Mangan	mg/l	1	0,45
17	Sắt	mg/l	5	0,9
18	Tổng Xianua	mg/l	0,1	0,063
19	Tổng Phenol	mg/l	0,5	0,09
20	Tổng dầu mỡ khoáng	mg/l	10	4,5
21	Sulfua	mg/l	0,5	0,18
22	Florua	mg/l	10	4,5
23	Amoni (tính theo N)	mg/l	10	4,5
24	Nitơ tổng	mg/l	40	18
25	Tổng photpho (tính theo P)	mg/l	6	3,6
26	Clorua	mg/l	1.000	450
27	Clo dư	mg/l	2	0,9
28	Tổng hóa chất bảo vệ thực vật clo hữu cơ	mg/l	0,1	0,045
29	Tổng hóa chất bảo vệ thực vật photpho hữu cơ	mg/l	1	0,27
30	Tổng PCB	mg/l	0,01	0,0027
31	Coliform	MPN/100ml	-	3.000
32	Tổng hoạt độ phóng xạ α	Bq/l	0,1	0,1
33	Tổng hoạt độ phóng xạ β	Bq/l	1	1



Phó Tổng Giám Đốc Thứ Nhất

BÊN A



Tổng Giám Đốc

**CÔNG TY TNHH MTV MÔI TRƯỜNG
XANH HUẾ PHƯƠNG VN**

**Ấp Bến Rộng, Xã Thanh Đức, Huyện Gò
Dầu, Tây Ninh**

Số: HP 159/24/HDXLTN-PQ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Tây Ninh, ngày 08 tháng 10 năm 2024

HỢP ĐỒNG

(V/v: Thu gom, vận chuyển, xử lý chất thải nguy hại)

- Căn cứ Bộ Luật Dân sự số 91/2015/QH13 ngày 24 tháng 11 năm 2015 của Quốc hội nước CHXHCN Việt Nam;
- Căn cứ Luật Thương mại số 36/2005/QH11 ngày 14/06/2005 của Quốc hội nước CHXHCN Việt Nam;
- Căn cứ Luật Bảo vệ môi trường số 72/2020/QH14 ngày 17 tháng 11 năm 2020 của nước CHXHCN Việt Nam;
- Căn cứ Thông tư số 02/2021/TT-BTNMT ngày 10 tháng 01 năm 2021 của Bộ Tài nguyên quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật bảo vệ môi trường;
- Căn cứ Nghị định 08/2022/NĐ-CP của Chính Phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo Vệ Môi Trường ngày 10 tháng 01 năm 2022;
- Căn cứ chức năng, lĩnh vực hoạt động và khả năng của Công Ty TNHH MTV Môi Trường Xanh Huế Phương VN;
- Căn cứ vào nhu cầu của Công ty TNHH Phú Quang.
- Tại địa điểm: Công Ty TNHH MTV Môi Trường Xanh Huế Phương VN.

Đại diện hai bên gồm:

BÊN A: CÔNG TY TNHH MTV MÔI TRƯỜNG XANH HUẾ PHƯƠNG VN

- Địa chỉ: Tổ 5, Ấp Bến Rộng, Xã Thanh Đức, Huyện Gò Dưa, Tây Ninh.

- Điện thoại: 02763 855 345

Fax: 0276 3 855 234

- Tài khoản số: 050023401158 Mở tại Ngân hàng Sacombank PGD Trảng Bàng, tỉnh Tây Ninh

- Mã số thuế: 3900995360

- Đại diện: Ông LÊ THIÊN TỬ

Chức vụ: Phó Giám Đốc

BÊN B: CÔNG TY TNHH PHÚ QUANG

- Địa chỉ: Lô số 100 và 101, Khu chế xuất và công nghiệp Linh Trung III, Phường An Tịnh, Thị xã Trảng Bàng, Tỉnh Tây Ninh, Việt Nam.

- Điện thoại: 02763899435

Fax: 02763899436

- Mã số thuế: 3900745635

- Đại diện: Ông PARK CHUNGUP

Chức vụ: Tổng Giám Đốc

Sau khi thảo luận, hai bên thống nhất ký hợp đồng với các điều khoản như sau:

Điều 1. Nội dung công việc.

Bên B đồng ý giao cho Bên A thu gom, vận chuyển và xử lý toàn bộ chất thải nguy hại (sau đây gọi tắt là CTNH) phát sinh trong quá trình sản xuất của Bên B với chủng loại theo danh mục sau:

♦ Danh mục chất thải nguy hại xử lý:

STT	Tên chất thải	Trạng thái	Mã CTNH
1	Dầu động cơ, hộp số và bôi trơn tổng hợp thải	Lỏng	17 02 03
2	Hộp mực in thải	Rắn	08 02 04
3	Mực in thải có các thành phần nguy hại	Lỏng	08 02 01
4	Bóng đèn huỳnh quang thải	Rắn	16 01 06

5	Bao bì cứng thái bằng nhựa	Rắn	18 01 03
6	Bao tay, giẻ lau, vải bảo vệ nhiễm các thành phần nguy hại	Rắn	18 02 01
7	Bao bì cứng bằng kim loại bao gồm cả bình chứa áp suất bảo đảm rỗng hoàn toàn	Rắn	18 01 02
8	Bao bì mềm thái	Rắn	18 01 01

Điều 2. Phương thức và địa điểm giao nhận.

- Bên B giao chất thải cho bên A tại kho của bên B theo địa chỉ: Lô số 100 và 101, Khu chế xuất và công nghiệp Linh Trung III, Phường An Tĩnh, Thị xã Trảng Bàng, Tỉnh Tây Ninh, Việt Nam
- Hai bên phải đối chiếu từng loại số lượng chất thải nguy hại và ký xác nhận vào biên bản giao nhận (hoặc phiếu xuất kho) và chứng từ chất thải nguy hại theo mẫu của Bộ Tài nguyên & Môi trường ban hành.
- Bên A sẽ thu gom và xử lý chất thải cho Bên B 01 (một) lần/năm. Hai bên thỏa thuận về thời gian thu gom hoặc Bên B báo trước cho Bên A 04 ngày để bên A sắp xếp công việc.
- Khi Bên A và Bên B giao nhận chất thải nguy hại, Bên A chỉ nhận đúng chủng loại chất thải có trong danh mục tại Điều 1.
- Đối với các loại chất thải nguy hại phát sinh ngoài danh mục trên thì hai bên sẽ thương lượng mức giá và ký phụ lục hợp đồng bổ sung.

Điều 3. Giá cả và Phương thức thanh toán.

3.1. Giá cả thanh toán.

- Giá hợp đồng trọn gói thu gom, vận chuyển, xử lý chất thải là: **5.500.000 VND/Năm**.
- Nếu tổng số lượng chất thải nguy hại (các loại như trong danh mục ở Điều 1) phát sinh trong năm ít hơn hoặc bằng 20Kg thì bên A sẽ thu gom, vận chuyển và xử lý nhưng không thu thêm chi phí xử lý CTNH.

- Trường hợp khối lượng chất thải phát sinh trong năm trên 20Kg thì mỗi kg vượt hơn sẽ tính với đơn giá 8.000 VND/Kg chung cho các loại chất thải nguy hại.
- Chi phí vận chuyển phát sinh từ chuyến thứ 02 (Hai) trở lên (nếu có) trong 01 Năm là: 1.000.000VND/Chuyến.
- Đơn giá trên chưa bao gồm thuế VAT theo quy định hiện hành (Đối với doanh nghiệp chế xuất thuế VAT = 0%).
- Đơn giá trên đã bao gồm chi phí thu gom, vận chuyển và xử lý CTNH.

3.2. Phương thức thanh toán.

- Sau khi hợp đồng này có hiệu lực Bên B thanh toán 50% giá trị hợp đồng cho Bên A; 50% còn lại Bên B sẽ thanh toán sau khi Bên A hoàn tất việc thu gom, xử lý cho Bên B.
- Bên A căn cứ chứng từ chất thải giao nhận CTNH thực tế, Bên A sẽ phát hành hóa đơn thu thêm tiền xử lý số lượng chất thải chênh lệch trên định mức nếu có.
- Thời hạn thanh toán không quá 15 ngày kể từ ngày Bên B nhận được hóa đơn tài chính do Bên A phát hành. Trường hợp quá thời gian nêu trên nếu Bên B vẫn chưa thanh toán cho Bên A thì Bên B phải trả thêm tiền lãi theo lãi suất tiết kiệm hiện tại của ngân hàng Sacombank PGD Trảng Bàng, Tây Ninh.
- Hình thức thanh toán bằng chuyển khoản. Ngoài hình thức chuyển khoản vào số tài khoản trên, Bên A không chấp nhận hình thức thanh toán bằng tiền mặt hoặc hình thức thanh toán nào khác. Nếu vi phạm điều này Bên B hoàn toàn chịu trách nhiệm về chi phí chưa được chuyển khoản vào số tài khoản của Bên A.

Điều 4. Trách nhiệm của hai bên.

4.1. Trách nhiệm bên A.

- Bên A thu gom, vận chuyển và xử lý CTNH của Bên B theo đúng pháp luật hiện hành, khi Bên A vận chuyển CTNH ra khỏi kho của Bên B thì mọi vấn đề về môi trường sẽ thuộc trách nhiệm của bên A.
- Khi thu gom vận chuyển CTNH Bên A chỉ sử dụng các xe vận chuyển nằm trong danh mục được cấp phép vận chuyển CTNH của Bên A do Bộ Tài Nguyên & Môi Trường cấp.

- Trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày giao nhận CTNH, Bên A chịu trách nhiệm hoàn tất toàn bộ chứng từ CTNH mà Bên B đã chuyển giao cho Bên A.

4.2. Trách nhiệm bên B.

- Bên B chịu trách nhiệm phân loại và quản lý CTNH tại kho của Bên B theo đúng quy định pháp luật.

- Bên B có trách nhiệm tạo mọi điều kiện thuận lợi cho Bên A trong quá trình giao nhận CTNH tại kho bên B.

- Khi giao nhận chất thải nguy hại Bên B có trách nhiệm xuất chứng từ CTNH cho Bên A theo mẫu của Bộ Tài nguyên & Môi trường ban hành.

- Trong thời hạn hợp đồng Bên B không được giao CTNH cho đơn vị khác xử lý hoặc tự ý xử lý. Nếu bên B vi phạm hợp đồng sẽ chịu trách theo đúng quy định pháp luật.

Điều 5. Hiệu lực của hợp đồng.

- Hợp đồng có hiệu lực kể từ ngày 08/10/2024 đến hết ngày 08/10/2025.

Điều 6. Điều khoản bất khả kháng

- Trong trường hợp xảy ra các sự kiện như hỏa hoạn, lũ lụt, động đất, sóng thần, chiến tranh, bạo loạn, cấm vận, bao vây hoặc các hạn chế khác của chính phủ về xuất khẩu hay nhập khẩu và các sự kiện bất khả kháng khác, là những sự kiện xảy ra sau thời điểm ký kết hợp đồng này, mà các bên không có khả năng dự đoán, kiểm soát và ngăn chặn, làm cho Bên A không thể bốc xếp toàn bộ hoặc một phần hoặc trì hoãn việc bốc xếp hàng thì Bên A sẽ không phải chịu trách nhiệm về việc này.

Điều 7. Điều khoản chung.

- Trong trường hợp 02 Bên thay đổi thông tin về chủ nguồn thải hoặc giấy phép kinh doanh thì một trong hai (02) Bên phải thông báo bằng văn bản cho Bên còn lại biết.

- Hai bên cam kết thực hiện nghiêm túc các điều khoản đã thoả thuận trong hợp đồng, nếu có vấn đề gì thay đổi hai bên sẽ cùng nhau bàn bạc giải quyết trên tinh thần hợp tác. Bất kỳ sự thay đổi nào đều phải được lập thành văn bản có ký kết của hai bên.

- Trong thời gian thực hiện hợp đồng, nếu Bên B không giao chất thải cho Bên A và thanh toán dựn theo Điều 1 và Điều 3 của hợp đồng thì Bên A có quyền đơn phương chấm dứt hợp đồng và có văn

bản gửi cho Bên B trước 15 ngày. Bên B vẫn phải thanh toán tiền xử lý chất thải cho Bên A dựa trên Điều 3.

- Trường hợp hai bên không thống nhất được với nhau sau khi đã có thảo luận thì mọi khiếu nại sẽ được giải quyết tại tòa án có thẩm quyền. Quyết định của tòa án có thẩm quyền sẽ là quyết định cuối cùng. Mọi chi phí trong quá trình giải quyết tranh chấp sẽ do bên có lỗi chịu trách nhiệm thanh toán.

- Các bản phụ lục hợp đồng (nếu có) ký kết về sau sẽ là một bộ phận không thể tách rời của hợp đồng.

- Hợp đồng này được lập thành 04 bản, có giá trị pháp lý như nhau, mỗi bên giữ 02 bản/.

ĐẠI DIỆN BÊN A

PHÓ GIÁM ĐỐC



LÊ THIÊN TÚ

ĐẠI DIỆN BÊN B

TỔNG GIÁM ĐỐC



PARK CHUNGUP

CTY TNHH PHÚ QUANG
DNTN NGUYỄN VĂN HUỠNH
Số: 01/2024/HĐPL-PQ-NVH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

HỢP ĐỒNG THU GOM PHÉ LIỆU VÀ VẬN CHUYỂN RÁC CÔNG NGHIỆP THÔNG THƯỜNG

Căn cứ pháp lệnh hợp đồng kinh tế của Hội đồng Nhà nước, nước CHXHCN VN ban hành ngày 25/09/1989.

Căn cứ vào nghị định số 17/HĐBT của Hội đồng bộ trưởng ban hành ngày 16/01/1990 quy định về thủ hành pháp lệnh hợp đồng kinh tế.

Hôm nay, ngày 01 tháng 01 năm 2024, tại văn phòng CÔNG TY TNHH PHÚ QUANG. Đại diện 2 bên gồm:

BÊN A: CÔNG TY TNHH PHÚ QUANG.

- Địa chỉ: Lô 100-101, KCX&CN Linh Trung III, phường An Tịnh, thị xã Trảng Bàng, tỉnh Tây Ninh, Việt Nam.

- Điện thoại: 02763.899435

- Mã số thuế: 3900745635.

- Đại diện: PARK CHUNG UP

- Chức vụ: Giám đốc.

BÊN B: DNTN NGUYỄN VĂN HUỠNH.

- Địa chỉ: Tổ 10, khu phố An Bình, phường An Tịnh, thị xã Trảng Bàng, tỉnh Tây Ninh, Việt Nam.

- Điện thoại: 0903.692.514

- Mã số thuế: 3901206795.

- Đại diện: ông NGUYỄN VĂN HUỠNH - Chức vụ: Chủ DN.

Sau khi thỏa thuận, hai bên đã nhất trí ký hợp đồng này gồm các khoản sau:

Điều 01: Tên hàng, số lượng và đơn giá:

- Tên hàng: tất cả phế liệu phát sinh trong quá trình sản xuất của bên A.

- Đơn giá: bên A phải thanh toán tiền thu gom vận chuyển rác cho bên B số tiền là: 10.000.000VNĐ/01 tháng (mười triệu đồng một tháng).

- Bên A đồng ý để bên B thu gom phế liệu và vận chuyển rác công nghiệp thông thường không nguy hại của bên A phát sinh trong quá trình sản xuất.

- Bên B chịu trách nhiệm thu gom toàn bộ rác công nghiệp thông thường và phế liệu phát sinh trong quá trình sản xuất của bên A tại kho Công ty TNHH Phú Quang.

Điều 02: Thanh toán :

- Bên A sẽ thanh toán bằng tiền mặt hoặc chuyển khoản vào ngày cuối tháng cho bên B.

Điều 03: Quyền lợi và trách nhiệm:

- Bên A thanh toán tiền đầy đủ và đúng ngày cho bên B.
- Bên A tạo điều kiện tốt cho bên B mỗi khi bên B đến thu gom vận chuyển rác phế liệu thông thường.
- Các giấy tờ liên quan đến nhà nước bên B chịu trách nhiệm hoàn toàn.
- Bên B có nghĩa vụ thu gom vận chuyển tất cả các loại phế liệu do bên A phát sinh trong quá trình sản xuất. Bên B phải đảm bảo không làm ảnh hưởng đến cảnh quan môi trường của nhà máy bên A. Nếu bên B vi phạm phải bồi thường thiệt hại cho bên A.
- Bên A không được để phế liệu và rác thông thường cho bên khác lấy ngoài bên B. Nếu bên B phát hiện thì bên A phải chịu trách nhiệm bồi thường cho bên A theo pháp luật hiện hành của nhà nước Việt Nam. Và bên B có thể tự ý chấm dứt hợp đồng với bên A nếu bên A vi phạm hợp đồng.

Điều 04: Cam kết chung:

- Hai bên cam kết thực hiện đúng những điều khoản đã đăng ký, nếu có khó khăn phát sinh trong quá trình thực hiện thì hai bên sẽ thỏa thuận giải quyết bằng văn bản trên tinh thần hợp tác đôi bên cùng có lợi. Nếu bên nào vi phạm những điều khoản và điều kiện trong hợp đồng thì bên đó hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về thiệt hại do bên đó gây ra.

- Hợp đồng có hiệu lực đến hết ngày 31/12/2024

- Hợp đồng này lập thành 02 (hai) bản có giá trị như nhau, mỗi bên giữ 01 (một) bản có giá trị pháp lý như nhau.

ĐẠI DIỆN BÊN A



Phan Chung Up

ĐẠI DIỆN BÊN B



Nguyễn Văn Hùng

Fax: 0276.389639

Mã của cơ quan thuế: 009FC3A49B124C4DE18BED4791451F9A4

3900745635

(Hóa đơn điện tử được tra cứu trực tuyến tại: <https://slt3-tt78.vnpt-invoice.com.vn> - Mã tra cứu hóa đơn : A01DV00000044021

Fax: 0276.389639

Mã của cơ quan thuế: 006743824DA83848668C3BA56A25FB7171

3900745635

(Hóa đơn điện tử được tra cứu trực tuyến tại: <https://slt3-tt78.vnpt-invoice.com.vn> - Mã tra cứu hóa đơn : A01DV00000043886

Điện thoại (Tel) : KCX Linh Trung 3 - 0276.3896602

Fax: 0276.389639

Ký hiệu (Serial) : **1C24TLT**

Số (No) : 00002263

Mã của cơ quan thuế: 00A63B291FFEEF41079BB43B87E1943343

Họ tên người mua hàng (*Full name of the buyer*) :

Tên đơn vị (*Organization*) : CÔNG TY TNHH Phú Quang

Địa chỉ (Address) : Lô 100 và 101, KCX & CN Linh Trung III, P. An Tĩnh, TX. Trảng Bàng, T. Tây Ninh, Việt Nam

Số tài khoản (Bank A/C) :

Hình thức thanh toán (*Method of Payment*) : TM/CK Mã số thuế (*Tax code*) :

3900745635

Số tiền viết bằng chữ (*Amount in words*) : Một trăm mười hai triệu bảy trăm mười hai nghìn không trăm linh chín đồng chẵn

Người bán hàng (Seller)
(Digital signature)

Signature Valid
Ký bởi: CN=TỔNG CỤC THUẾ, O=BỘ TÀI CHÍNH, L=Hà Nội, C=VN
Ký ngày: 25/04/2024 20:33:06

Signature Valid

Ký bởi: CHI NHÁNH CÔNG TY
TNHH SEPZONE - LINH TRUNG
(VIỆT NAM) - KHU CHẾ XUẤT
VÀ CÔNG NGHIỆP LINH TRUNG
III

Ký ngày: 25/04/2024 20:32:14

(Hóa đơn điện tử được tra cứu trực tuyến tại: <https://slt3-tt78.vnpt-invoice.com.vn> - Mã tra cứu hóa đơn : A01DV00000045774

Fax: 0276.389639

Mã của cơ quan thuế: 00AF7846FF787C48EA81C181CA3C1D221

3900745635

Signature Valid
Ký bởi: CHI NHÁNH CÔNG TY
TNHH SEPZONE - LINH TRUNG
(VIỆT NAM) - KHU CHẾ XUẤT
VÀ CÔNG NGHIỆP LINH TRUNG
III
Ký ngày: 25/04/2024 20:32:53

(Hóa đơn điện tử được tra cứu trực tuyến tại: <https://slt3-tt78.vnpt-invoice.com.vn> - Mã tra cứu hóa đơn : A01DV00000045905

Fax: 0276.389639

Mã của cơ quan thuế: 007F50817AA17E4021B86E96891B41D3A1

3900745635

Số tiền viết bằng chữ (*Amount in words*) : Một trăm mười một triệu một trăm bốn mươi sáu nghìn không trăm tám mươi lăm đồng chẵn

Signature Valid

Ký bởi: CHI NHÁNH CÔNG TY
TNHH SEPZONE - LINH TRUNG
(VIỆT NAM) - KHU CHẾ XUẤT
VÀ CÔNG NGHIỆP LINH TRUNG
III

Ký ngày: 24/05/2024 20:53:59

(Hóa đơn điện tử được tra cứu trực tuyến tại: <https://slt3-tt78.vnpt-invoice.com.vn> - Mã tra cứu hóa đơn : A01DV00000047206

Fax: 0276.389639

Mã của cơ quan thuế: 0044FBD2B7BD4649F385C948E51174F10.

3900745635

Signature Valid
Ký bởi: CHI NHÁNH CÔNG TY
TNHH SEPZONE - LINH TRUNG
(VIỆT NAM) - KHU CHẾ XUẤT
VÀ CÔNG NGHIỆP LINH TRUNG
III
Ký ngày: 24/05/2024 20:54:53

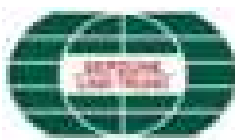
(Hóa đơn điện tử được tra cứu trực tuyến tại: <https://slt3-tt78.vnpt-invoice.com.vn> - Mã tra cứu hóa đơn : A01DV00000047338

Fax: 0276.389639

Mã của cơ quan thuế: 00F2FC658042D24ED5B13B9AC9093A942D

3900745635

(Hóa đơn điện tử được tra cứu trực tuyến tại: <https://slt3-tt78.vnpt-invoice.com.vn> - Mã tra cứu hóa đơn : A01DV00000048200



CHI NHÁNH CÔNG TY TNHH SEPZONE - LINH TRUNG (VIỆT NAM) - KHU CHẾ XUẤT VÀ CÔNG NGHIỆP LINH TRUNG III

Mã số thuế (Tax code) : **0300742098-001**

Địa chỉ (Address) : Khu phố Suối Sâu, phường An Tịnh, thị xã Trảng Bàng, tỉnh Tây Ninh, Việt Nam

Điện thoại (Tel) : KCX Linh Trung 3 - 0276.3896602

Fax: 0276.3896391

**HÓA ĐƠN GIÁ TRỊ GIA TĂNG
(VAT INVOICE)**

Ký hiệu (Serial) : **1C24TLT**

Số (No) : **00003195**

Ngày (Day) **25** tháng (Month) **06** năm (Year) **2024**

Mã của cơ quan thuế: **00C7E0B3B19DA54403B76B627C87BA6D1C**

Họ tên người mua hàng (Full name of the buyer) :

Tên đơn vị (Organization) : **CÔNG TY TNHH Phú Quang**

Địa chỉ (Address) : **Lô 100 và 101, KCX & CN Linh Trung III, P. An Tịnh, TX. Trảng Bàng, T. Tây Ninh, Việt Nam**

Số tài khoản (Bank A/C) :

Hình thức thanh toán (Method of Payment) : **TM/CK**

Mã số thuế (Tax code) :

3900745635

STT (No)	Tên hàng hóa, dịch vụ (Description)	Đơn vị tính (Unit)	Số lượng (Quantity)	Đơn giá (Unit Price)	Thành tiền (Amount)
1	2	3	4	5	6=4x5
1	Tiền đầu tư và bảo trì lưới điện từ ngày 21/05/2024 đến ngày 20/06/2024	Tháng	1	9.175.386	9.175.386

Cộng tiền hàng (Sub Total) : **9.175.386**

Thuế suất thuế GTGT (VAT rate) : **8%**

Tiền thuế GTGT (VAT) : **734.031**

Tổng Cộng tiền thanh toán (Grand Total) : **9.909.417**

Số tiền viết bằng chữ (Amount in words) : **Chín triệu chín trăm linh chín nghìn bốn trăm mười bảy đồng chẵn**

Người mua hàng (Buyer)
(Digital signature)

Cơ quan thuế (Tax Department)
(Digital signature)

Người bán hàng (Seller)
(Digital signature)

Signature Valid

Ký bởi: CN=TỔNG CỤC THUẾ, O=

BỘ TÀI CHÍNH, I=Hà Nội, C=VN

Ký ngày: 25/06/2024 19:53:40

Signature Valid

Ký bởi: CHI NHÁNH CÔNG TY
TNHH SEPZONE - LINH TRUNG
(VIỆT NAM) - KHU CHẾ XUẤT
VÀ CÔNG NGHIỆP LINH TRUNG
III

Ký ngày: 25/06/2024 19:51:32

(Hóa đơn điện tử được tra cứu trực tuyến tại: <https://slt3-tt78.vnpt-invoice.com.vn> - Mã tra cứu hóa đơn : A01DV00000048330)

Điện thoại (Tel) : KCX Linh Trung 3 - 0276.3896602

Fax: 0276.389639

Ký hiệu (Serial) : **1C24TL**

Số (No) : 0000373

Ngày (Day)**25** tháng (Month)**07** năm (Year)**2024**

Mã của cơ quan thuế: 00B25BA390E1644F658C13B50F6BAD35F5

Họ tên người mua hàng (*Full name of the buyer*) :

Tên đơn vị (*Organization*) : CÔNG TY TNHH Phú Quang

Địa chỉ (*Address*) : Lô 100 và 101, KCX & CN Linh Trung III, P. An Tịnh, TX. Trảng Bàng, T. Tây Ninh, Việt Nam

Số tài khoản (Bank A/C) :

Hình thức thanh toán (*Method of Payment*) : TM/CK Mã số thuế (*Tax code*)

3900745635

Số tiền viết bằng chữ (*Amount in words*) : Một trăm mười ba triệu ba trăm sáu mươi nghìn chín trăm sáu mươi tư đồng chẵn

Người bán hàng (Seller)
(Digital signature)

Signature Valid

Ký bởi: CN=TỔNG CỤC THUẾ, O=
BỘ TÀI CHÍNH LL=Hà Nội, C=VN

Ký ngày: 25/07/2024 20:08:05

Signature Valid

Ký bởi: CHI NHÁNH CÔNG TY
TNHH SEPZONE - LINH TRUNG
(VIỆT NAM) - KHU CHẾ XUẤT
VÀ CÔNG NGHIỆP LINH TRUNG
III

Ký ngày: 25/07/2024 20:06:10

(Hóa đơn điện tử được tra cứu trực tuyến tại: <https://slt3-tt78.vnpt-invoice.com.vn> - Mã tra cứu hóa đơn : A01DV00000051077)

Fax: 0276.389639

Mã của cơ quan thuế: 00CEE2B881BE444F6F9FCEC017772BE2

3900745635

(Hóa đơn điện tử được tra cứu trực tuyến tại: <https://slt3-tt78.vnpt-invoice.com.vn> - Mã tra cứu hóa đơn : A01DV00000051210

Fax: 0276.389639

Mã của cơ quan thuế: 003115C9BDB0F74CDEA79918022C8CD371

3900745635

Số tiền viết bằng chữ (*Amount in words*) : Một trăm mười hai triệu bảy trăm hai mươi bảy nghìn hai trăm sáu mươi bảy đồng chẵn

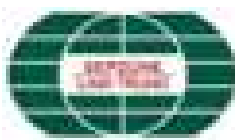
(Hóa đơn điện tử được tra cứu trực tuyến tại: <https://slt3-tt78.vnpt-invoice.com.vn> - Mã tra cứu hóa đơn : A01DV00000054240

Fax: 0276.389639

Mã của cơ quan thuế: 0085E60FB4165C4DB8BF5A620C7DF36ADC

3900745635

(Hóa đơn điện tử được tra cứu trực tuyến tại: <https://slt3-tt78.vnpt-invoice.com.vn> - Mã tra cứu hóa đơn : A01DV00000054371



CHI NHÁNH CÔNG TY TNHH SEPZONE - LINH TRUNG (VIỆT NAM) - KHU CHẾ XUẤT VÀ CÔNG NGHIỆP LINH TRUNG III

Mã số thuế (Tax code) : **0300742098-001**

Địa chỉ (Address) : Khu phố Suối Sâu, phường An Tịnh, thị xã Trảng Bàng, tỉnh Tây Ninh, Việt Nam

Điện thoại (Tel) : KCX Linh Trung 3 - 0276.3896602

Fax: 0276.3896391

**HÓA ĐƠN GIÁ TRỊ GIA TĂNG
(VAT INVOICE)**

Ký hiệu (Serial) : **1C24TLT**

Số (No) : **00001358**

Ngày (Day) **25** tháng (Month) **03** năm (Year) **2024**

Mã của cơ quan thuế: **008484BEA8A46B479D88E7EEA356E0CD6D**

Họ tên người mua hàng (Full name of the buyer) :

Tên đơn vị (Organization) : **CÔNG TY TNHH Phú Quang**

Địa chỉ (Address) : **Lô 100 và 101, KCX & CN Linh Trung III, P. An Tịnh, TX. Trảng Bàng, T. Tây Ninh, Việt Nam**

Số tài khoản (Bank A/C) :

Hình thức thanh toán (Method of Payment) : **TM/CK**

Mã số thuế (Tax code) :

3900745635

STT (No)	Tên hàng hóa, dịch vụ (Description)	Đơn vị tính (Unit)	Số lượng (Quantity)	Đơn giá (Unit Price)	Thành tiền (Amount)
1	2	3	4	5	6=4x5
1	Tiền nước tháng 03/2024	M3	286	8.591	2.457.026

Cộng tiền hàng (Sub Total) : **2.457.026**

Thuế suất thuế GTGT (VAT rate) : **5%**

Tiền thuế GTGT (VAT) : **122.851**

Tổng Cộng tiền thanh toán (Grand Total) : **2.579.877**

Số tiền viết bằng chữ (Amount in words) : **Hai triệu năm trăm bảy mươi chín nghìn tám trăm bảy mươi bảy đồng chẵn**

Người mua hàng (Buyer)
(Digital signature)

Cơ quan thuế (Tax Department)
(Digital signature)

Người bán hàng (Seller)
(Digital signature)

Signature Valid

Ký bởi: CN=TỔNG CỤC THUẾ, O=

BỘ TÀI CHÍNH, L=Hà Nội, C=VN

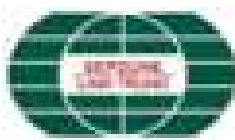
Ký ngày: 25/03/2024 19:46:36

Signature Valid

Ký bởi: CHI NHÁNH CÔNG TY
TNHH SEPZONE - LINH TRUNG
(VIỆT NAM) - KHU CHẾ XUẤT
VÀ CÔNG NGHIỆP LINH TRUNG
III

Ký ngày: 25/03/2024 19:44:42

(Hóa đơn điện tử được tra cứu trực tuyến tại: <https://slt3-tt78.vnpt-invoice.com.vn> - Mã tra cứu hóa đơn : A01DV00000044126)



CHI NHÁNH CÔNG TY TNHH SEPZONE - LINH TRUNG (VIỆT NAM) - KHU CHẾ XUẤT VÀ CÔNG NGHIỆP LINH TRUNG III

Mã số thuế (Tax code) : **0300742098-001**

Địa chỉ (Address) : Khu phố Suối Sâu, phường An Tịnh, thị xã Trảng Bàng, tỉnh Tây Ninh, Việt Nam

Điện thoại (Tel) : KCX Linh Trung 3 - 0276.3896602

Fax: 0276.3896391

**HÓA ĐƠN GIÁ TRỊ GIA TĂNG
(VAT INVOICE)**

Ký hiệu (Serial) : **1C24TLT**

Số (No) : **00001953**

Ngày (Day) **25** tháng (Month) **04** năm (Year) **2024**

Mã của cơ quan thuế: **00C914CF1AECAD47889163BF53E01AFD93**

Họ tên người mua hàng (Full name of the buyer) :

Tên đơn vị (Organization) : **CÔNG TY TNHH Phú Quang**

Địa chỉ (Address) : **Lô 100 và 101, KCX & CN Linh Trung III, P. An Tịnh, TX. Trảng Bàng, T. Tây Ninh, Việt Nam**

Số tài khoản (Bank A/C) :

Hình thức thanh toán (Method of Payment) : **TM/CK** Mã số thuế (Tax code) :

3900745635

STT (No)	Tên hàng hóa, dịch vụ (Description)	Đơn vị tính (Unit)	Số lượng (Quantity)	Đơn giá (Unit Price)	Thành tiền (Amount)
1	2	3	4	5	6=4x5
1	Tiền nước tháng 04/2024	M3	323	8.591	2.774.893

Cộng tiền hàng (Sub Total) : **2.774.893**

Thuế suất thuế GTGT (VAT rate) : **5%** Tiền thuế GTGT (VAT) : **138.745**

Tổng Cộng tiền thanh toán (Grand Total) : **2.913.638**

Số tiền viết bằng chữ (Amount in words) : **Hai triệu chín trăm mười ba nghìn sáu trăm ba mươi tám đồng chẵn**

Người mua hàng (Buyer)
(Digital signature)

Cơ quan thuế (Tax Department)
(Digital signature)

Người bán hàng (Seller)
(Digital signature)

Signature Valid

Ký bởi: CN=TỔNG CỤC THUẾ, O=

BỘ TÀI CHÍNH, L=Hà Nội, C=VN

Ký ngày: 25/04/2024 20:27:43

Signature Valid

Ký bởi: CHI NHÁNH CÔNG TY
TNHH SEPZONE - LINH TRUNG
(VIỆT NAM) - KHU CHẾ XUẤT
VÀ CÔNG NGHIỆP LINH TRUNG
III

Ký ngày: 25/04/2024 20:25:47

(Hóa đơn điện tử được tra cứu trực tuyến tại: <https://slt3-tt78.vnpt-invoice.com.vn> - Mã tra cứu hóa đơn : A01DV00000046471)



CHI NHÁNH CÔNG TY TNHH SEPZONE - LINH TRUNG (VIỆT NAM) - KHU CHẾ XUẤT VÀ CÔNG NGHIỆP LINH TRUNG III

Mã số thuế (Tax code) : **0300742098-001**

Địa chỉ (Address) : Khu phố Suối Sâu, phường An Tịnh, thị xã Trảng Bàng, tỉnh Tây Ninh, Việt Nam

Điện thoại (Tel) : KCX Linh Trung 3 - 0276.3896602

Fax: 0276.3896391

**HÓA ĐƠN GIÁ TRỊ GIA TĂNG
(VAT INVOICE)**

Ký hiệu (Serial) : **1C24TLT**

Số (No) : **00002726**

Ngày (Day) **25** tháng (Month) **05** năm (Year) **2024**

Mã của cơ quan thuế: **002C544DC3B476492EABF175CB4B9B6691**

Họ tên người mua hàng (Full name of the buyer) :

Tên đơn vị (Organization) : **CÔNG TY TNHH Phú Quang**

Địa chỉ (Address) : **Lô 100 và 101, KCX & CN Linh Trung III, P. An Tịnh, TX. Trảng Bàng, T. Tây Ninh, Việt Nam**

Số tài khoản (Bank A/C) :

Hình thức thanh toán (Method of Payment) : **TM/CK** Mã số thuế (Tax code) :

3900745635

STT (No)	Tên hàng hóa, dịch vụ (Description)	Đơn vị tính (Unit)	Số lượng (Quantity)	Đơn giá (Unit Price)	Thành tiền (Amount)
1	2	3	4	5	6=4x5
1	Tiền nước tháng 05/2024	M3	294	8.591	2.525.754

Cộng tiền hàng (Sub Total) : **2.525.754**

Thuế suất thuế GTGT (VAT rate) : **5%** Tiền thuế GTGT (VAT) : **126.288**

Tổng Cộng tiền thanh toán (Grand Total) : **2.652.042**

Số tiền viết bằng chữ (Amount in words) : **Hai triệu sáu trăm năm mươi hai nghìn không trăm bốn mươi hai đồng chẵn**

Người mua hàng (Buyer)
(Digital signature)

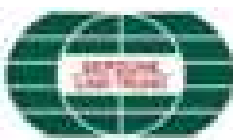
Cơ quan thuế (Tax Department)
(Digital signature)

Người bán hàng (Seller)
(Digital signature)

Signature Valid
Ký bởi: CN=TỔNG CỤC THUẾ, O=
BỘ TÀI CHÍNH, L=Hà Nội, C=VN
Ký ngày: 25/05/2024 16:05:56

Signature Valid
Ký bởi: CHI NHÁNH CÔNG TY
TNHH SEPZONE - LINH TRUNG
(VIỆT NAM) - KHU CHẾ XUẤT
VÀ CÔNG NGHIỆP LINH TRUNG
III
Ký ngày: 25/05/2024 16:05:08

(Hóa đơn điện tử được tra cứu trực tuyến tại: <https://slt3-tt78.vnpt-invoice.com.vn> - Mã tra cứu hóa đơn : A01DV00000047452)



CHI NHÁNH CÔNG TY TNHH SEPZONE - LINH TRUNG (VIỆT NAM) - KHU CHẾ XUẤT VÀ CÔNG NGHIỆP LINH TRUNG III

Mã số thuế (Tax code) : 0300742098-001

Địa chỉ (Address) : Khu phố Suối Sâu, phường An Tịnh, thị xã Trảng Bàng, tỉnh Tây Ninh, Việt Nam

Điện thoại (Tel) : KCX Linh Trung 3 - 0276.3896602

Fax: 0276.3896391

HÓA ĐƠN GIÁ TRỊ GIA TĂNG (VAT INVOICE)

Ký hiệu (Serial) : 1C24TLT

Số (No) : 00003570

Ngày (Day) 25 tháng (Month) 06 năm (Year) 2024

Mã của cơ quan thuế: 00CD436AF891E64759B0DDD708E2F02FDC

Họ tên người mua hàng (Full name of the buyer) :

Tên đơn vị (Organization) : CÔNG TY TNHH Phú Quang

Địa chỉ (Address) : Lô 100 và 101, KCX & CN Linh Trung III, P. An Tịnh, TX. Trảng Bàng, T. Tây Ninh, Việt Nam

Số tài khoản (Bank A/C) :

Hình thức thanh toán (Method of Payment) : TM/CK

Mã số thuế (Tax code) :

3900745635

STT (No)	Tên hàng hóa, dịch vụ (Description)	Đơn vị tính (Unit)	Số lượng (Quantity)	Đơn giá (Unit Price)	Thành tiền (Amount)
1	2	3	4	5	6=4x5
1	Tiền nước tháng 06/2024	M3	307	8.591	2.637.437

Cộng tiền hàng (Sub Total) : 2.637.437

Thuế suất thuế GTGT (VAT rate) : 5%

Tiền thuế GTGT (VAT) : 131.872

Tổng Cộng tiền thanh toán (Grand Total) : 2.769.309

Số tiền viết bằng chữ (Amount in words) : Hai triệu bảy trăm sáu mươi chín nghìn ba trăm linh chín đồng chẵn

Người mua hàng (Buyer)
(Digital signature)

Cơ quan thuế (Tax Department)
(Digital signature)

Người bán hàng (Seller)
(Digital signature)

Signature Valid

Ký bởi: CN=TỔNG CỤC THUẾ, O=

BỘ TÀI CHÍNH, L=Hà Nội, C=VN

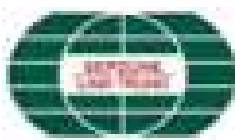
Ký ngày: 25/06/2024 20:08:40

Signature Valid

Ký bởi: CHI NHÁNH CÔNG TY
TNHH SEPZONE - LINH TRUNG
(VIỆT NAM) - KHU CHẾ XUẤT
VÀ CÔNG NGHIỆP LINH TRUNG
III

Ký ngày: 25/06/2024 20:03:33

(Hóa đơn điện tử được tra cứu trực tuyến tại: <https://slt3-tt78.vnpt-invoice.com.vn> - Mã tra cứu hóa đơn : A01DV00000048592)



CHI NHÁNH CÔNG TY TNHH SEPZONE - LINH TRUNG (VIỆT NAM) - KHU CHẾ XUẤT VÀ CÔNG NGHIỆP LINH TRUNG III

Mã số thuế (Tax code) : 0300742098-001

Địa chỉ (Address) : Khu phố Suối Sâu, phường An Tịnh, thị xã Trảng Bàng, tỉnh Tây Ninh, Việt Nam

Điện thoại (Tel) : KCX Linh Trung 3 - 0276.3896602

Fax: 0276.3896391

HÓA ĐƠN GIÁ TRỊ GIA TĂNG (VAT INVOICE)

Ký hiệu (Serial) : 1C24TLT

Số (No) : 00004153

Ngày (Day) 25 tháng (Month) 07 năm (Year) 2024

Mã của cơ quan thuế: 00874BDF11F55C4AB6AB500AFA67AF2F0B

Họ tên người mua hàng (Full name of the buyer) :

Tên đơn vị (Organization) : CÔNG TY TNHH Phú Quang

Địa chỉ (Address) : Lô 100 và 101, KCX & CN Linh Trung III, P. An Tịnh, TX. Trảng Bàng, T. Tây Ninh, Việt Nam

Số tài khoản (Bank A/C) :

Hình thức thanh toán (Method of Payment) : TM/CK

Mã số thuế (Tax code) :

3900745635

STT (No)	Tên hàng hóa, dịch vụ (Description)	Đơn vị tính (Unit)	Số lượng (Quantity)	Đơn giá (Unit Price)	Thành tiền (Amount)
1	2	3	4	5	6=4x5
1	Tiền nước Tháng 07/2024	M3	246	8.591	2.113.386

Cộng tiền hàng (Sub Total) : 2.113.386

Thuế suất thuế GTGT (VAT rate) : 5%

Tiền thuế GTGT (VAT) : 105.669

Tổng Cộng tiền thanh toán (Grand Total) : 2.219.055

Số tiền viết bằng chữ (Amount in words) : Hai triệu hai trăm mười chín nghìn không trăm năm mươi lăm đồng chẵn

Người mua hàng (Buyer)
(Digital signature)

Cơ quan thuế (Tax Department)
(Digital signature)

Người bán hàng (Seller)
(Digital signature)

Signature Valid

Ký bởi: CN=TỔNG CỤC THUẾ, O=

BỘ TÀI CHÍNH, L=Hà Nội, C=VN

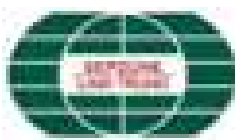
Ký ngày: 25/07/2024 20:54:00

Signature Valid

Ký bởi: CHI NHÁNH CÔNG TY
TNHH SEPZONE - LINH TRUNG
(VIỆT NAM) - KHU CHẾ XUẤT
VÀ CÔNG NGHIỆP LINH TRUNG
III

Ký ngày: 25/07/2024 20:49:25

(Hóa đơn điện tử được tra cứu trực tuyến tại: <https://slt3-tt78.vnpt-invoice.com.vn> - Mã tra cứu hóa đơn : A01DV00000049841)



CHI NHÁNH CÔNG TY TNHH SEPZONE - LINH TRUNG (VIỆT NAM) - KHU CHẾ XUẤT VÀ CÔNG NGHIỆP LINH TRUNG III

Mã số thuế (Tax code) : 0300742098-001

Địa chỉ (Address) : Khu phố Suối Sâu, phường An Tịnh, thị xã Trảng Bàng, tỉnh Tây Ninh, Việt Nam

Điện thoại (Tel) : KCX Linh Trung 3 - 0276.3896602

Fax: 0276.3896391

HÓA ĐƠN GIÁ TRỊ GIA TĂNG (VAT INVOICE)

Ký hiệu (Serial) : 1C24TLT

Số (No) : 00004628

Ngày (Day) 27 tháng (Month) 08 năm (Year) 2024

Mã của cơ quan thuế: 00B16EAC71CD614EF8B9F26C0CE2D4C767

Họ tên người mua hàng (Full name of the buyer) :

Tên đơn vị (Organization) : CÔNG TY TNHH Phú Quang

Địa chỉ (Address) : Lô 100 và 101, KCX & CN Linh Trung III, P. An Tịnh, TX. Trảng Bàng, T. Tây Ninh, Việt Nam

Số tài khoản (Bank A/C) :

Hình thức thanh toán (Method of Payment) : TM/CK

Mã số thuế (Tax code) :

3900745635

STT (No)	Tên hàng hóa, dịch vụ (Description)	Đơn vị tính (Unit)	Số lượng (Quantity)	Đơn giá (Unit Price)	Thành tiền (Amount)
1	2	3	4	5	6=4x5
1	Tiền nước Tháng 08/2024	M3	329	8.591	2.826.439

Cộng tiền hàng (Sub Total) : 2.826.439

Thuế suất thuế GTGT (VAT rate) : 5%

Tiền thuế GTGT (VAT) : 141.322

Tổng Cộng tiền thanh toán (Grand Total) : 2.967.761

Số tiền viết bằng chữ (Amount in words) : Hai triệu chín trăm sáu mươi bảy nghìn bảy trăm sáu mươi một đồng chẵn

Người mua hàng (Buyer)
(Digital signature)

Cơ quan thuế (Tax Department)
(Digital signature)

Người bán hàng (Seller)
(Digital signature)

Signature Valid

Ký bởi: CN=TỔNG CỤC THUẾ, O=

BỘ TÀI CHÍNH, L=Hà Nội, C=VN

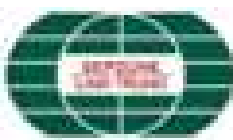
Ký ngày: 27/08/2024 16:05:11

Signature Valid

Ký bởi: CHI NHÁNH CÔNG TY
TNHH SEPZONE - LINH TRUNG
(VIỆT NAM) - KHU CHẾ XUẤT
VÀ CÔNG NGHIỆP LINH TRUNG
III

Ký ngày: 27/08/2024 15:59:44

(Hóa đơn điện tử được tra cứu trực tuyến tại: <https://slt3-tt78.vnpt-invoice.com.vn> - Mã tra cứu hóa đơn : A01DV00000054708)



CHI NHÁNH CÔNG TY TNHH SEPZONE - LINH TRUNG (VIỆT NAM) - KHU CHẾ XUẤT VÀ CÔNG NGHIỆP LINH TRUNG III

Mã số thuế (Tax code) : **0300742098-001**

Địa chỉ (Address) : Khu phố Suối Sâu, phường An Tịnh, thị xã Trảng Bàng, tỉnh Tây Ninh, Việt Nam

Điện thoại (Tel) : KCX Linh Trung 3 - 0276.3896602

Fax: 0276.3896391

HÓA ĐƠN GIÁ TRỊ GIA TĂNG (VAT INVOICE)

Ký hiệu (Serial) : **1C24TLT**

Số (No) : **00005209**

Ngày (Day) **25** tháng (Month) **09** năm (Year) **2024**

Mã của cơ quan thuế: **00339602CAB7FD402F8B5E702F99EC9964**

Họ tên người mua hàng (Full name of the buyer) :

Tên đơn vị (Organization) : **CÔNG TY TNHH Phú Quang**

Địa chỉ (Address) : **Lô 100 và 101, KCX & CN Linh Trung III, P. An Tịnh, TX. Trảng Bàng, T. Tây Ninh, Việt Nam**

Số tài khoản (Bank A/C) :

Hình thức thanh toán (Method of Payment) : **TM/CK** Mã số thuế (Tax code) :

3900745635

STT (No)	Tên hàng hóa, dịch vụ (Description)	Đơn vị tính (Unit)	Số lượng (Quantity)	Đơn giá (Unit Price)	Thành tiền (Amount)
1	2	3	4	5	6=4x5
1	Tiền nước Tháng 09/2024	M3	320	8.591	2.749.120

Cộng tiền hàng (Sub Total) : **2.749.120**

Thuế suất thuế GTGT (VAT rate) : **5%** Tiền thuế GTGT (VAT) : **137.456**

Tổng Cộng tiền thanh toán (Grand Total) : **2.886.576**

Số tiền viết bằng chữ (Amount in words) : **Hai triệu tám trăm tám mươi sáu nghìn năm trăm bảy mươi sáu đồng chẵn**

Người mua hàng (Buyer)
(Digital signature)

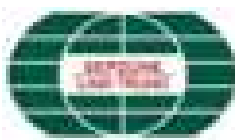
Cơ quan thuế (Tax Department)
(Digital signature)

Người bán hàng (Seller)
(Digital signature)

Signature Valid
Ký bởi: CN=TỔNG CỤC THUẾ, O=
BỘ TÀI CHÍNH, U=Hà Nội, C=VN
Ký ngày: 25/09/2024 20:28:09

Signature Valid
Ký bởi: CHI NHÁNH CÔNG TY
TNHH SEPZONE - LINH TRUNG
(VIỆT NAM) - KHU CHẾ XUẤT
VÀ CÔNG NGHIỆP LINH TRUNG
III
Ký ngày: 25/09/2024 20:28:00

(Hóa đơn điện tử được tra cứu trực tuyến tại: <https://slt3-tt78.vnpt-invoice.com.vn> - Mã tra cứu hóa đơn : A01DV00000055740)



CHI NHÁNH CÔNG TY TNHH SEPZONE - LINH TRUNG (VIỆT NAM) - KHU CHẾ XUẤT VÀ CÔNG NGHIỆP LINH TRUNG III

Mã số thuế (Tax code) : **0300742098-001**

Địa chỉ (Address) : Khu phố Suối Sâu, phường An Tịnh, thị xã Trảng Bàng, tỉnh Tây Ninh, Việt Nam

Điện thoại (Tel) : KCX Linh Trung 3 - 0276.3896602

Fax: 0276.3896391

**HÓA ĐƠN GIÁ TRỊ GIA TĂNG
(VAT INVOICE)**

Ký hiệu (Serial) : **1C24TLT**

Số (No) : **00006258**

Ngày (Day) **24** tháng (Month) **10** năm (Year) **2024**
Mã của cơ quan thuế: **00B88AD9669B854196A88806CDD258E208**

Họ tên người mua hàng (Full name of the buyer) :

Tên đơn vị (Organization) : **CÔNG TY TNHH Phú Quang**

Địa chỉ (Address) : **Lô 100 và 101, KCX & CN Linh Trung III, P. An Tịnh, TX. Trảng Bàng, T. Tây Ninh, Việt Nam**

Số tài khoản (Bank A/C) :

Hình thức thanh toán (Method of Payment) : **TM/CK** Mã số thuế (Tax code) :

3900745635

STT (No)	Tên hàng hóa, dịch vụ (Description)	Đơn vị tính (Unit)	Số lượng (Quantity)	Đơn giá (Unit Price)	Thành tiền (Amount)
1	2	3	4	5	6=4x5
1	Tiền nước Tháng 10/2024	M3	313	8.591	2.688.983

Cộng tiền hàng (Sub Total) : **2.688.983**

Thuế suất thuế GTGT (VAT rate) : **5%** Tiền thuế GTGT (VAT) : **134.449**

Tổng Cộng tiền thanh toán (Grand Total) : **2.823.432**

Số tiền viết bằng chữ (Amount in words) : **Hai triệu tám trăm hai mươi ba nghìn bốn trăm ba mươi hai đồng chẵn**

Người mua hàng (Buyer)
(Digital signature)

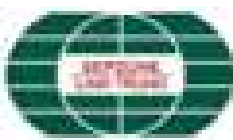
Cơ quan thuế (Tax Department)
(Digital signature)

Người bán hàng (Seller)
(Digital signature)

Signature Valid
Ký bởi: CN=TỔNG CỤC THUẾ, O=
BỘ TÀI CHÍNH, U=Hà Nội, C=VN
Ký ngày: 24/10/2024 19:50:44

Signature Valid
Ký bởi: CHI NHÁNH CÔNG TY
TNHH SEPZONE - LINH TRUNG
(VIỆT NAM) - KHU CHẾ XUẤT
VÀ CÔNG NGHIỆP LINH TRUNG
III
Ký ngày: 24/10/2024 19:49:16

(Hóa đơn điện tử được tra cứu trực tuyến tại: <https://slt3-tt78.vnpt-invoice.com.vn> - Mã tra cứu hóa đơn : A01DV00000057734)



CHI NHÁNH CÔNG TY TNHH SEPZONE - LINH TRUNG (VIỆT NAM) - KHU CHẾ XUẤT VÀ CÔNG NGHIỆP LINH TRUNG III

Mã số thuế (Tax code) : **0300742098-001**

Địa chỉ (Address) : Khu phố Suối Sâu, phường An Tịnh, thị xã Trảng Bàng, tỉnh Tây Ninh, Việt Nam

Điện thoại (Tel) : KCX Linh Trung 3 - 0276.3896602

Fax: 0276.3896391

**HÓA ĐƠN GIÁ TRỊ GIA TĂNG
(VAT INVOICE)**

Ký hiệu (Serial) : **1C24TLT**

Số (No) : **00001514**

Ngày (Day) **25** tháng (Month) **03** năm (Year) **2024**

Mã của cơ quan thuế: **00B978CDC2C17943729C8DE06B397ABE2E**

Họ tên người mua hàng (Full name of the buyer) :

Tên đơn vị (Organization) : **CÔNG TY TNHH Phú Quang**

Địa chỉ (Address) : **Lô 100 và 101, KCX & CN Linh Trung III, P. An Tịnh, TX. Trảng Bàng, T. Tây Ninh, Việt Nam**

Số tài khoản (Bank A/C) :

Hình thức thanh toán (Method of Payment) : **TM/CK** Mã số thuế (Tax code) :

3900745635

STT (No)	Tên hàng hóa, dịch vụ (Description)	Đơn vị tính (Unit)	Số lượng (Quantity)	Đơn giá (Unit Price)	Thành tiền (Amount)
1	2	3	4	5	6=4x5
1	Tiền xử lý nước thải Tháng 03/2024	M3	228,8	7.500	1.716.000

Cộng tiền hàng (Sub Total) : **1.716.000**

Thuế suất thuế GTGT (VAT rate) : **8%** Tiền thuế GTGT (VAT) : **137.280**

Tổng Cộng tiền thanh toán (Grand Total) : **1.853.280**

Số tiền viết bằng chữ (Amount in words) : **Một triệu tám trăm năm mươi ba nghìn hai trăm tám mươi đồng chẵn**

Người mua hàng (Buyer)
(Digital signature)

Cơ quan thuế (Tax Department)
(Digital signature)

Người bán hàng (Seller)
(Digital signature)

Signature Valid

Ký bởi: CN=TỔNG CỤC THUẾ, O=

BỘ TÀI CHÍNH, L=Hà Nội, C=VN

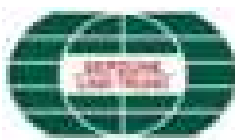
Ký ngày: 25/03/2024 19:51:15

Signature Valid

Ký bởi: CHI NHÁNH CÔNG TY
TNHH SEPZONE - LINH TRUNG
(VIỆT NAM) - KHU CHẾ XUẤT
VÀ CÔNG NGHIỆP LINH TRUNG
III

Ký ngày: 25/03/2024 19:48:40

(Hóa đơn điện tử được tra cứu trực tuyến tại: <https://slt3-tt78.vnpt-invoice.com.vn> - Mã tra cứu hóa đơn : A01DV00000044244)



CHI NHÁNH CÔNG TY TNHH SEPZONE - LINH TRUNG (VIỆT NAM) - KHU CHẾ XUẤT VÀ CÔNG NGHIỆP LINH TRUNG III

Mã số thuế (Tax code) : **0300742098-001**

Địa chỉ (Address) : Khu phố Suối Sâu, phường An Tịnh, thị xã Trảng Bàng, tỉnh Tây Ninh, Việt Nam

Điện thoại (Tel) : KCX Linh Trung 3 - 0276.3896602

Fax: 0276.3896391

**HÓA ĐƠN GIÁ TRỊ GIA TĂNG
(VAT INVOICE)**

Ký hiệu (Serial) : **1C24TLT**

Số (No) : **00002063**

Ngày (Day) **25** tháng (Month) **04** năm (Year) **2024**

Mã của cơ quan thuế: **00CA39F2EFF5BF4F85A48F0CC9D2385DE7**

Họ tên người mua hàng (Full name of the buyer) :

Tên đơn vị (Organization) : **CÔNG TY TNHH Phú Quang**

Địa chỉ (Address) : **Lô 100 và 101, KCX & CN Linh Trung III, P. An Tịnh, TX. Trảng Bàng, T. Tây Ninh, Việt Nam**

Số tài khoản (Bank A/C) :

Hình thức thanh toán (Method of Payment) : **TM/CK**

Mã số thuế (Tax code) :

3900745635

STT (No)	Tên hàng hóa, dịch vụ (Description)	Đơn vị tính (Unit)	Số lượng (Quantity)	Đơn giá (Unit Price)	Thành tiền (Amount)
1	2	3	4	5	6=4x5
1	Tiền xử lý nước thải Tháng 04/2024	M3	258,4	7.500	1.938.000

Cộng tiền hàng (Sub Total) : **1.938.000**

Thuế suất thuế GTGT (VAT rate) : **8%**

Tiền thuế GTGT (VAT) : **155.040**

Tổng Cộng tiền thanh toán (Grand Total) : **2.093.040**

Số tiền viết bằng chữ (Amount in words) : **Hai triệu không trăm chín mươi ba nghìn không trăm bốn mươi đồng chẵn**

Người mua hàng (Buyer)
(Digital signature)

Cơ quan thuế (Tax Department)
(Digital signature)

Người bán hàng (Seller)
(Digital signature)

Signature Valid

Ký bởi: CN=TỔNG CỤC THUẾ, O=

BỘ TÀI CHÍNH, L=Hà Nội, C=VN

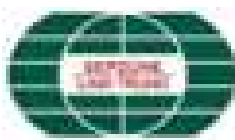
Ký ngày: 25/04/2024 20:30:17

Signature Valid

Ký bởi: CHI NHÁNH CÔNG TY
TNHH SEPZONE - LINH TRUNG
(VIỆT NAM) - KHU CHẾ XUẤT
VÀ CÔNG NGHIỆP LINH TRUNG
III

Ký ngày: 25/04/2024 20:27:00

(Hóa đơn điện tử được tra cứu trực tuyến tại: <https://slt3-tt78.vnpt-invoice.com.vn> - Mã tra cứu hóa đơn : A01DV00000046132)



CHI NHÁNH CÔNG TY TNHH SEPZONE - LINH TRUNG (VIỆT NAM) - KHU CHẾ XUẤT VÀ CÔNG NGHIỆP LINH TRUNG III

Mã số thuế (Tax code) : 0300742098-001

Địa chỉ (Address) : Khu phố Suối Sâu, phường An Tịnh, thị xã Trảng Bàng, tỉnh Tây Ninh, Việt Nam

Điện thoại (Tel) : KCX Linh Trung 3 - 0276.3896602

Fax: 0276.3896391

HÓA ĐƠN GIÁ TRỊ GIA TĂNG (VAT INVOICE)

Ký hiệu (Serial) : 1C24TLT

Số (No) : 00002866

Ngày (Day) 25 tháng (Month) 05 năm (Year) 2024
Mã của cơ quan thuế: 0027E0D9631E7E4336821EA6864E68D4C1

Họ tên người mua hàng (Full name of the buyer) :

Tên đơn vị (Organization) : CÔNG TY TNHH Phú Quang

Địa chỉ (Address) : Lô 100 và 101, KCX & CN Linh Trung III, P. An Tịnh, TX. Trảng Bàng, T. Tây Ninh, Việt Nam

Số tài khoản (Bank A/C) :

Hình thức thanh toán (Method of Payment) : TM/CK

Mã số thuế (Tax code) :

3900745635

STT (No)	Tên hàng hóa, dịch vụ (Description)	Đơn vị tính (Unit)	Số lượng (Quantity)	Đơn giá (Unit Price)	Thành tiền (Amount)
1	2	3	4	5	6=4x5
1	Tiền xử lý nước thải Tháng 05/2024	M3	235,2	7.500	1.764.000

Cộng tiền hàng (Sub Total) : 1.764.000

Thuế suất thuế GTGT (VAT rate) : 8%

Tiền thuế GTGT (VAT) : 141.120

Tổng Cộng tiền thanh toán (Grand Total) : 1.905.120

Số tiền viết bằng chữ (Amount in words) : Một triệu chín trăm linh năm nghìn một trăm hai mươi đồng chẵn

Người mua hàng (Buyer)
(Digital signature)

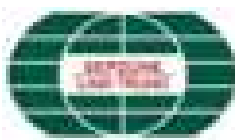
Cơ quan thuế (Tax Department)
(Digital signature)

Người bán hàng (Seller)
(Digital signature)

Signature Valid
Ký bởi: CN=TỔNG CỤC THUẾ, O=
BỘ TÀI CHÍNH, L=Hà Nội, C=VN
Ký ngày: 25/05/2024 16:12:17

Signature Valid
Ký bởi: CHI NHÁNH CÔNG TY
TNHH SEPZONE - LINH TRUNG
(VIỆT NAM) - KHU CHẾ XUẤT
VÀ CÔNG NGHIỆP LINH TRUNG
III
Ký ngày: 25/05/2024 16:06:26

(Hóa đơn điện tử được tra cứu trực tuyến tại: <https://slt3-tt78.vnpt-invoice.com.vn> - Mã tra cứu hóa đơn : A01DV00000047563)



CHI NHÁNH CÔNG TY TNHH SEPZONE - LINH TRUNG (VIỆT NAM) - KHU CHẾ XUẤT VÀ CÔNG NGHIỆP LINH TRUNG III

Mã số thuế (Tax code) : 0300742098-001

Địa chỉ (Address) : Khu phố Suối Sâu, phường An Tịnh, thị xã Trảng Bàng, tỉnh Tây Ninh, Việt Nam

Điện thoại (Tel) : KCX Linh Trung 3 - 0276.3896602

Fax: 0276.3896391

HÓA ĐƠN GIÁ TRỊ GIA TĂNG (VAT INVOICE)

Ký hiệu (Serial) : 1C24TLT

Số (No) : 00003441

Ngày (Day) 25 tháng (Month) 06 năm (Year) 2024

Mã của cơ quan thuế: 00AE246CF4AF284C589F036ACFCF47727A

Họ tên người mua hàng (Full name of the buyer) :

Tên đơn vị (Organization) : CÔNG TY TNHH Phú Quang

Địa chỉ (Address) : Lô 100 và 101, KCX & CN Linh Trung III, P. An Tịnh, TX. Trảng Bàng, T. Tây Ninh, Việt Nam

Số tài khoản (Bank A/C) :

Hình thức thanh toán (Method of Payment) : TM/CK

Mã số thuế (Tax code) :

3900745635

STT (No)	Tên hàng hóa, dịch vụ (Description)	Đơn vị tính (Unit)	Số lượng (Quantity)	Đơn giá (Unit Price)	Thành tiền (Amount)
1	2	3	4	5	6=4x5
1	Tiền xử lý nước thải Tháng 06/2024	M3	245,6	7.500	1.842.000

Cộng tiền hàng (Sub Total) : 1.842.000

Thuế suất thuế GTGT (VAT rate) : 8%

Tiền thuế GTGT (VAT) : 147.360

Tổng Cộng tiền thanh toán (Grand Total) : 1.989.360

Số tiền viết bằng chữ (Amount in words) : Một triệu chín trăm tám mươi chín nghìn ba trăm sáu mươi đồng chẵn

Người mua hàng (Buyer)
(Digital signature)

Cơ quan thuế (Tax Department)
(Digital signature)

Người bán hàng (Seller)
(Digital signature)

Signature Valid

Ký bởi: CN=TỔNG CỤC THUẾ, O=

BỘ TÀI CHÍNH, L=Hà Nội, C=VN

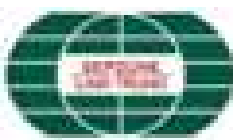
Ký ngày: 25/06/2024 20:01:08

Signature Valid

Ký bởi: CHI NHÁNH CÔNG TY
TNHH SEPZONE - LINH TRUNG
(VIỆT NAM) - KHU CHẾ XUẤT
VÀ CÔNG NGHIỆP LINH TRUNG
III

Ký ngày: 25/06/2024 19:59:28

(Hóa đơn điện tử được tra cứu trực tuyến tại: <https://slt3-tt78.vnpt-invoice.com.vn> - Mã tra cứu hóa đơn : A01DV00000048703)



CHI NHÁNH CÔNG TY TNHH SEPZONE - LINH TRUNG (VIỆT NAM) - KHU CHẾ XUẤT VÀ CÔNG NGHIỆP LINH TRUNG III

Mã số thuế (Tax code) : 0300742098-001

Địa chỉ (Address) : Khu phố Suối Sâu, phường An Tịnh, thị xã Trảng Bàng, tỉnh Tây Ninh, Việt Nam

Điện thoại (Tel) : KCX Linh Trung 3 - 0276.3896602

Fax: 0276.3896391

HÓA ĐƠN GIÁ TRỊ GIA TĂNG (VAT INVOICE)

Ký hiệu (Serial) : 1C24TLT

Số (No) : 00004032

Ngày (Day) 25 tháng (Month) 07 năm (Year) 2024
Mã của cơ quan thuế: 008914BA44F140452D85C527E3447CA149

Họ tên người mua hàng (Full name of the buyer) :

Tên đơn vị (Organization) : CÔNG TY TNHH Phú Quang

Địa chỉ (Address) : Lô 100 và 101, KCX & CN Linh Trung III, P. An Tịnh, TX. Trảng Bàng, T. Tây Ninh, Việt Nam

Số tài khoản (Bank A/C) :

Hình thức thanh toán (Method of Payment) : TM/CK

Mã số thuế (Tax code) :

3900745635

STT (No)	Tên hàng hóa, dịch vụ (Description)	Đơn vị tính (Unit)	Số lượng (Quantity)	Đơn giá (Unit Price)	Thành tiền (Amount)
1	2	3	4	5	6=4x5
1	Tiền xử lý nước thải Tháng 07/2024	M3	196,8	7.500	1.476.000

Cộng tiền hàng (Sub Total) : 1.476.000

Thuế suất thuế GTGT (VAT rate) : 8% Tiền thuế GTGT (VAT) : 118.080

Tổng Cộng tiền thanh toán (Grand Total) : 1.594.080

Số tiền viết bằng chữ (Amount in words) : Một triệu năm trăm chín mươi tư nghìn không trăm tám mươi đồng chẵn

Người mua hàng (Buyer)
(Digital signature)

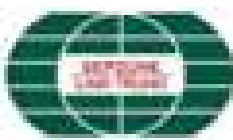
Cơ quan thuế (Tax Department)
(Digital signature)

Người bán hàng (Seller)
(Digital signature)

Signature Valid
Ký bởi: CN=TỔNG CỤC THUẾ, O=
BỘ TÀI CHÍNH, L=Hà Nội, C=VN
Ký ngày: 25/07/2024 20:44:55

Signature Valid
Ký bởi: CHI NHÁNH CÔNG TY
TNHH SEPZONE - LINH TRUNG
(VIỆT NAM) - KHU CHẾ XUẤT
VÀ CÔNG NGHIỆP LINH TRUNG
III
Ký ngày: 25/07/2024 20:42:52

(Hóa đơn điện tử được tra cứu trực tuyến tại: <https://slt3-tt78.vnpt-invoice.com.vn> - Mã tra cứu hóa đơn : A01DV00000049952)



CHI NHÁNH CÔNG TY TNHH SEPZONE - LINH TRUNG (VIỆT NAM) - KHU CHẾ XUẤT VÀ CÔNG NGHIỆP LINH TRUNG III

Mã số thuế (Tax code) : 0300742098-001

Địa chỉ (Address) : Khu phố Suối Sâu, phường An Tịnh, thị xã Trảng Bàng, tỉnh Tây Ninh, Việt Nam

Điện thoại (Tel) : KCX Linh Trung 3 - 0276.3896602

Fax: 0276.3896391

HÓA ĐƠN GIÁ TRỊ GIA TĂNG (VAT INVOICE)

Ký hiệu (Serial) : 1C24TLT

Số (No) : 00004760

Ngày (Day) 27 tháng (Month) 08 năm (Year) 2024

Mã của cơ quan thuế: 002EBF70C3DCFA48D2AC911958E88E85E3

Họ tên người mua hàng (Full name of the buyer) :

Tên đơn vị (Organization) : CÔNG TY TNHH Phú Quang

Địa chỉ (Address) : Lô 100 và 101, KCX & CN Linh Trung III, P. An Tịnh, TX. Trảng Bàng, T. Tây Ninh, Việt Nam

Số tài khoản (Bank A/C) :

Hình thức thanh toán (Method of Payment) : TM/CK

Mã số thuế (Tax code) :

3900745635

STT (No)	Tên hàng hóa, dịch vụ (Description)	Đơn vị tính (Unit)	Số lượng (Quantity)	Đơn giá (Unit Price)	Thành tiền (Amount)
1	2	3	4	5	6=4x5
1	Tiền xử lý nước thải Tháng 08/2024	M3	263,2	7.500	1.974.000

Cộng tiền hàng (Sub Total) : 1.974.000

Thuế suất thuế GTGT (VAT rate) : 8%

Tiền thuế GTGT (VAT) : 157.920

Tổng Cộng tiền thanh toán (Grand Total) : 2.131.920

Số tiền viết bằng chữ (Amount in words) : Hai triệu một trăm ba mươi một nghìn chín trăm hai mươi đồng chẵn

Người mua hàng (Buyer)
(Digital signature)

Cơ quan thuế (Tax Department)
(Digital signature)

Người bán hàng (Seller)
(Digital signature)

Signature Valid

Ký bởi: CN=TỔNG CỤC THUẾ, O=

BỘ TÀI CHÍNH, L=Hà Nội, C=VN

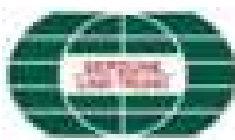
Ký ngày: 27/08/2024 16:08:27

Signature Valid

Ký bởi: CHI NHÁNH CÔNG TY
TNHH SEPZONE - LINH TRUNG
(VIỆT NAM) - KHU CHẾ XUẤT
VÀ CÔNG NGHIỆP LINH TRUNG
III

Ký ngày: 27/08/2024 16:05:01

(Hóa đơn điện tử được tra cứu trực tuyến tại: <https://slt3-tt78.vnpt-invoice.com.vn> - Mã tra cứu hóa đơn : A01DV00000054827)



CHI NHÁNH CÔNG TY TNHH SEPZONE - LINH TRUNG (VIỆT NAM) - KHU CHẾ XUẤT VÀ CÔNG NGHIỆP LINH TRUNG III

Mã số thuế (Tax code) : **0300742098-001**

Địa chỉ (Address) : Khu phố Suối Sâu, phường An Tịnh, thị xã Trảng Bàng, tỉnh Tây Ninh, Việt Nam

Điện thoại (Tel) : KCX Linh Trung 3 - 0276.3896602

Fax: 0276.3896391

**HÓA ĐƠN GIÁ TRỊ GIA TĂNG
(VAT INVOICE)**

Ký hiệu (Serial) : **1C24TLT**

Số (No) : **00005331**

Ngày (Day) **25** tháng (Month) **09** năm (Year) **2024**

Mã của cơ quan thuế: **00D13E15622224D8FB75AE5F808148C95**

Họ tên người mua hàng (Full name of the buyer) :

Tên đơn vị (Organization) : **CÔNG TY TNHH Phú Quang**

Địa chỉ (Address) : **Lô 100 và 101, KCX & CN Linh Trung III, P. An Tịnh, TX. Trảng Bàng, T. Tây Ninh, Việt Nam**

Số tài khoản (Bank A/C) :

Hình thức thanh toán (Method of Payment) : **TM/CK** Mã số thuế (Tax code) :

3900745635

STT (No)	Tên hàng hóa, dịch vụ (Description)	Đơn vị tính (Unit)	Số lượng (Quantity)	Đơn giá (Unit Price)	Thành tiền (Amount)
1	2	3	4	5	6=4x5
1	Tiền xử lý nước thải Tháng 09/2024	M3	256	7.500	1.920.000

Cộng tiền hàng (Sub Total) : **1.920.000**

Thuế suất thuế GTGT (VAT rate) : **8%** Tiền thuế GTGT (VAT) : **153.600**

Tổng Cộng tiền thanh toán (Grand Total) : **2.073.600**

Số tiền viết bằng chữ (Amount in words) : **Hai triệu không trăm bảy mươi ba nghìn sáu trăm đồng chẵn**

Người mua hàng (Buyer)
(Digital signature)

Cơ quan thuế (Tax Department)
(Digital signature)

Người bán hàng (Seller)
(Digital signature)

Signature Valid

Ký bởi: CN=TỔNG CỤC THUẾ, O=

BỘ TÀI CHÍNH, L=Hà Nội, C=VN

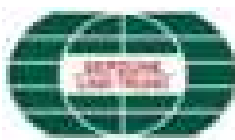
Ký ngày: 25/09/2024 20:46:07

Signature Valid

Ký bởi: CHI NHÁNH CÔNG TY
TNHH SEPZONE - LINH TRUNG
(VIỆT NAM) - KHU CHẾ XUẤT
VÀ CÔNG NGHIỆP LINH TRUNG
III

Ký ngày: 25/09/2024 20:43:13

(Hóa đơn điện tử được tra cứu trực tuyến tại: <https://slt3-tt78.vnpt-invoice.com.vn> - Mã tra cứu hóa đơn : A01DV00000055855)



CHI NHÁNH CÔNG TY TNHH SEPZONE - LINH TRUNG (VIỆT NAM) - KHU CHẾ XUẤT VÀ CÔNG NGHIỆP LINH TRUNG III

Mã số thuế (Tax code) : **0300742098-001**

Địa chỉ (Address) : Khu phố Suối Sâu, phường An Tịnh, thị xã Trảng Bàng, tỉnh Tây Ninh, Việt Nam

Điện thoại (Tel) : KCX Linh Trung 3 - 0276.3896602

Fax: 0276.3896391

**HÓA ĐƠN GIÁ TRỊ GIA TĂNG
(VAT INVOICE)**

Ký hiệu (Serial) : **1C24TLT**

Số (No) : **00006102**

Ngày (Day) **24** tháng (Month) **10** năm (Year) **2024**

Mã của cơ quan thuế: **00E82D892709534DFC943EDI6E8E981861**

Họ tên người mua hàng (Full name of the buyer) :

Tên đơn vị (Organization) : **CÔNG TY TNHH Phú Quang**

Địa chỉ (Address) : **Lô 100 và 101, KCX & CN Linh Trung III, P. An Tịnh, TX. Trảng Bàng, T. Tây Ninh, Việt Nam**

Số tài khoản (Bank A/C) :

Hình thức thanh toán (Method of Payment) : **TM/CK** Mã số thuế (Tax code) :

3900745635

STT (No)	Tên hàng hóa, dịch vụ (Description)	Đơn vị tính (Unit)	Số lượng (Quantity)	Đơn giá (Unit Price)	Thành tiền (Amount)
1	2	3	4	5	6=4x5
1	Tiền xử lý nước thải Tháng 10/2024	M3	250,4	7.500	1.878.000

Cộng tiền hàng (Sub Total) : **1.878.000**

Thuế suất thuế GTGT (VAT rate) : **8%** Tiền thuế GTGT (VAT) : **150.240**

Tổng Cộng tiền thanh toán (Grand Total) : **2.028.240**

Số tiền viết bằng chữ (Amount in words) : **Hai triệu không trăm hai mươi tám nghìn hai trăm bốn mươi đồng chẵn**

Người mua hàng (Buyer)
(Digital signature)

Cơ quan thuế (Tax Department)
(Digital signature)

Người bán hàng (Seller)
(Digital signature)

Signature Valid

Ký bởi: CN=TỔNG CỤC THUẾ, O=

BỘ TÀI CHÍNH, L=Hà Nội, C=VN

Ký ngày: 24/10/2024 19:48:36

Signature Valid

Ký bởi: CHI NHÁNH CÔNG TY
TNHH SEPZONE - LINH TRUNG
(VIỆT NAM) - KHU CHẾ XUẤT
VÀ CÔNG NGHIỆP LINH TRUNG
III

Ký ngày: 24/10/2024 19:47:51

(Hóa đơn điện tử được tra cứu trực tuyến tại: <https://slt3-tt78.vnpt-invoice.com.vn> - Mã tra cứu hóa đơn : A01DV00000057849)

Trung Tâm Tư Vấn Công Nghệ Môi Trường và An Toàn Vệ Sinh Lao Động



BÁO CÁO KẾT QUẢ THỰC HIỆN QUAN TRẮC MÔI TRƯỜNG LAO ĐỘNG

(Đo theo yêu cầu của doanh nghiệp)

Ngày 07 tháng 12 năm 2022

Tại

CÔNG TY TNHH PHÚ QUANG

Địa chỉ: Lô 100 và 101, khu Chế Xuất và Công Nghiệp Linh Trung III
xã An Tịnh, huyện Trảng Bàng, tỉnh Tây Ninh, Việt Nam

Thành phố Hồ Chí Minh, năm 2022

**TRUNG TÂM TƯ VẤN CÔNG NGHỆ MÔI
TRƯỜNG VÀ AN TOÀN VỆ SINH LAO ĐỘNG**

Số : 849-TT/22-3.1 / KQPT

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 14 tháng 12 năm 2022

Thực hiện Nghị định 44/2016/NĐ-CP ngày 15/05/2016 của Chính phủ.

Trung tâm Tư vấn Công nghệ Môi trường và An toàn Vệ sinh Lao động

Địa chỉ: 286/8A Tô Hiến Thành, Phường 15, Quận 10, Thành phố Hồ Chí Minh

Điện thoại: 028.38680842

Do ông: Bùi Mạnh Hiệp làm đại diện đã tiến hành quan trắc môi trường lao động tại CÔNG TY TNHH PHÚ QUANG (Lô 100 và 101, khu Chế Xuất và Công Nghiệp Linh Trung III xã An Tịnh, huyện Trảng Bàng, tỉnh Tây Ninh, Việt Nam) ngày 07 tháng 12 năm 2022

Phương pháp:

Đo các chỉ số vi khí hậu, tiếng ồn, ánh sáng, bụi, hơi khí độc tại các vị trí kỹ thuật theo phương pháp:

- Yếu tố vi khí hậu:
 - ✓ Nhiệt độ: TCVN 5508:2009
 - ✓ Độ ẩm: TCVN 5508:2009
 - ✓ Tốc độ gió: TCVN 5508:2009
- Ánh sáng: TCVN 5176:1990
- Tiếng ồn: TCVN 9799:2013 (ISO 9612:2009)
- Bụi các loại:
 - ✓ Bụi toàn phần: QCVN 02:2019/BYT
- Hơi khí độc:
 - ✓ CO: SOP – K01
 - ✓ SO₂: TCVN 5971:1995
 - ✓ NO₂: TCVN 6137: 2009

Thiết bị đo:

- Đo vi khí hậu:
 - ✓ Máy đo nhiệt độ, ẩm độ KESTREL 4400
 - ✓ Máy đo tốc độ gió KESTREL 4400
- Đo cường độ ánh sáng: TENMARS TM-201 LUX/FC

- Tiếng ồn
 - ✓ Máy đo độ ồn tích phân ACO TYPE 6236 - NHẬT
- Bụi:
 - ✓ Máy đo bơm SIBATA HV-500R
 - ✓ Máy đo bụi hiện số HAZ DUST EPAM - 5000
- Hơi khí độc:
 - ✓ Túi lấy mẫu khí
 - ✓ Dung ống hấp thụ
 - ✓ Máy bơm SIBATA MP-Σ300 NH

Thực hiện quan trắc các yếu tố có hại đã được người sử dụng lao động ghi trong Hồ sơ vệ sinh lao động bao gồm:

- Yếu tố vi khí hậu: Nhiệt độ, độ ẩm, tốc độ gió
- Yếu tố vật lý: Tiếng ồn, tiếng ồn giải tần, Ánh sáng
- Bụi: Bụi toàn phần- Hơi khí độc: CO, NO₂, SO₂

Qua rà soát quy trình công nghệ, nguyên vật liệu và các chất được sử dụng trong quá trình sản xuất, cung cấp dịch vụ, đề nghị bổ sung việc quan trắc các yếu tố có hại sau (các yếu tố có hại này đề nghị bổ sung vào Hồ sơ vệ sinh lao động): Không đề nghị

Tiêu chuẩn tham chiếu theo các quy định hiện hành và có kết quả đo như sau:

I. CÁC YẾU TỐ VI KHÍ HẬU

Giới hạn cho phép QCVN 26:2016/BYT		Nhiệt độ (°C)		Độ ẩm (%)		Tốc độ gió (m/s)	
		18 - 32		40 - 80		0,2 - 1,5	
STT	Vị trí quan trắc	Số mẫu đạt	Số mẫu không đạt	Số mẫu đạt	Số mẫu không đạt	Số mẫu đạt	Số mẫu không đạt
	Ngôi trời, ngày: 07/12/2022	32,7		78,9		0,8	
1	Khu vực văn phòng	28,8		73,6		0,2	
2	Khu vực nhà xưởng 1	30,6		72,3		0,6	
3	Khu vực nhà xưởng 2	31,2		71,1		0,3	
4	Khu vực nhà xưởng 3	31,8		69,3		0,4	
Tổng cộng		4	00	4	00	4	00

Tổng hợp kết quả quan trắc: Tổng số mẫu nhiệt độ: 04 mẫu

Tổng số mẫu nhiệt độ vượt giới hạn cho phép: 00 mẫu

Tổng số mẫu độ ẩm: 04 mẫu

Tổng số mẫu độ ẩm vượt giới hạn cho phép: 00 mẫu

Tổng số mẫu tốc độ gió: 04 mẫu

Tổng số mẫu tốc độ gió vượt giới hạn cho phép: 00 mẫu

II. CÁC YẾU TỐ VẬT LÝ

1. Ánh sáng (Lux)

Giới hạn cho phép		Ánh sáng (Lux)		QCVN 22:2016/BYT
STT	Vị trí quan trắc	Số mẫu đạt	Số mẫu không đạt	
1	Khu vực văn phòng	376		≥ 300
2	Khu vực nhà xưởng 1	384		
3	Khu vực nhà xưởng 2	347		
4	Khu vực nhà xưởng 3	412		
Tổng cộng		04	00	

Tổng hợp kết quả quan trắc: Tổng số mẫu ánh sáng: 04 mẫu

Tổng số mẫu ánh sáng không đạt giới hạn cho phép: 00 mẫu

2. Tiếng ồn (dBA)

STT	Vị trí quan trắc	Mức âm hoặc mức âm tương đương không quá (dBA)	MỨC ÂM Ở CÁC ĐẠI TẦN (Hz)							
			63	125	250	500	1K	2K	4K	8K
1	Khu vực văn phòng	58	43,0	51,8	55,2	58,0	51,2	50,1	52,9	51,0
2	Khu vực nhà xưởng 1	78	56,8	63,4	60,7	64,7	78,9	75,1	73,4	69,5
3	Khu vực nhà xưởng 2	81	62,4	68,5	65,4	67,2	79,4	77,3	70,3	71,2
4	Khu vực nhà xưởng 3	77	59,7	62,4	61,3	65,3	72,5	70,2	69,5	68,8
Giới hạn cho phép QCVN 24:2016/BYT										
1. Tại vị trí làm việc, lao động, sản xuất trực tiếp		≤ 85	≤ 99	≤ 92	≤ 86	≤ 83	≤ 80	≤ 78	≤ 76	≤ 74
2. Các phòng chức năng, hành chính, kế toán, lễ nghi.		≤ 65	≤ 83	≤ 74	≤ 68	≤ 63	≤ 60	≤ 57	≤ 55	≤ 54

Tổng hợp kết quả quan trắc: Tổng số mẫu ồn chung: 04 mẫu

Tổng số mẫu ồn chung vượt giới hạn cho phép: 00 mẫu

Tổng số mẫu ồn tích phân: 04 mẫu

Tổng số mẫu ồn tích phân vượt giới hạn cho phép: 00 mẫu

III. BỤI CÁC LOẠI

I. Bụi không chứa Silic

Giới hạn cho phép QCVN 03:2019/BYT ^(a)		Bụi toàn phần (mg/m ³)	
		≤ 6,25	
STT	Vị trí quan trắc	Số mẫu đạt	Số mẫu không đạt
1	Khu vực văn phòng	0,22	
2	Khu vực nhà xưởng 1	0,58	
3	Khu vực nhà xưởng 2	0,50	
4	Khu vực nhà xưởng 3	0,43	
Tổng cộng		04	00

(a) Giá trị giới hạn tiếp xúc ca làm việc tính theo thời lượng tiếp xúc thực tế của công ty (48 giờ/tuần)

Tổng hợp kết quả quan trắc: Tổng số mẫu bụi toàn phần: 04 mẫu

Tổng số mẫu bụi toàn phần vượt giới hạn cho phép: 00 mẫu

IV. HƠI KHÍ ĐỘC

Giới hạn cho phép QCVN 03:2019/BYT ^(a)		CO (mg/m ³)		SO ₂ (mg/m ³)		NO ₂ (mg/m ³)	
		≤ 15,625		≤ 3,90625		≤ 3,90625	
STT	Vị trí quan trắc	Số mẫu đạt	Số mẫu không đạt	Số mẫu đạt	Số mẫu không đạt	Số mẫu đạt	Số mẫu không đạt
1	Khu vực nhà xưởng 1	3,31		0,077		0,041	
2	Khu vực nhà xưởng 2	3,68		0,096		0,049	
3	Khu vực nhà xưởng 3	3,45		0,081		0,045	
Tổng cộng		03	00	03	00	03	00

(a) Giá trị giới hạn tiếp xúc ca làm việc tính theo thời lượng tiếp xúc thực tế của công ty (48 giờ/tuần)

Tổng hợp kết quả quan trắc: Tổng số mẫu CO: 03 mẫu

Tổng số mẫu CO vượt giới hạn cho phép: 00 mẫu

Tổng số mẫu SO₂: 03 mẫu

Tổng số mẫu SO₂ vượt giới hạn cho phép: 00 mẫu

Tổng số mẫu NO₂: 03 mẫu

Tổng số mẫu NO₂ vượt giới hạn cho phép: 00 mẫu

Giới hạn cho phép		Styren (mg/m ³)	
Tiêu chuẩn vệ sinh lao động (Quyết định 3733/2002/ QĐ-BYT - 10/10/2002)		≤ 85	
STT	Vị trí quan trắc	Số mẫu đạt	Số mẫu không đạt
1	Khu vực nhà xưởng 1	0,86	
2	Khu vực nhà xưởng 2	0,51	
3	Khu vực nhà xưởng 3	1,03	
Tổng cộng		03	00

(b) Giá trị giới hạn tiếp xúc ca làm việc tính theo thời lượng tiếp xúc thực tế của công ty (48 giờ/tuần)

Tổng hợp kết quả quan trắc: Tổng số mẫu Styren: 03 mẫu

Tổng số mẫu Styren vượt giới hạn cho phép: 00 mẫu

TỔNG HỢP KẾT QUẢ QUAN TRẮC MÔI TRƯỜNG LAO ĐỘNG

TT	Yếu tố đo, kiểm tra	Tổng số mẫu		Số mẫu đạt		Số mẫu không đạt	
1	Nhiệt độ	04		04		00	
2	Độ ẩm	04		04		00	
3	Tốc độ gió	04		04		00	
4	Ánh sáng	04		04		00	
5	Bụi	Silic	Khác	Silic	Khác	Silic	Khác
	- Bụi toàn phần	-	04	-	04	-	00
6	Ồn						
	-Ồn chung	04		04		00	
	-Ồn tích phân	04		04		00	
7	Hơi khí						
	- CO	03		03		00	
	- NO ₂	03		03		00	
	- SO ₂	03		03		00	
	- Styren	03		03		00	
Tổng cộng		40		40		00	

KHUYẾN NGHỊ GIẢI PHÁP KHẮC PHỤC

1. Giải pháp về biện pháp kĩ thuật

- Xây dựng và tổ chức thực hiện quy phạm, quy trình kĩ thuật an toàn, tiêu chuẩn vệ sinh lao động cũng với quy phạm, quy trình kĩ thuật sản xuất;
- Đẩy mạnh công tác nghiên cứu khoa học và kĩ thuật bảo hộ lao động trong sản xuất;
- Kiểm tra, kiểm định các thiết bị máy móc định kỳ. Thay thế các khâu sản xuất nguy hiểm bằng các khâu ít nguy hiểm hoặc tiến hành tự động hoá các khâu đó;
- Sử dụng thêm các chất phụ trợ, các chất chống cháy nổ trong sản xuất ...

2. Giải pháp về biện pháp về tổ chức lao động

- Một bằng, đường đi lại, không gian sản xuất thông thoáng;
- Vệ sinh nơi làm việc, diện tích nơi làm việc;
- Tổ chức thời gian làm việc và nghỉ ngơi hợp lý;
- Chăm sóc sức khoẻ người lao động, bồi dưỡng, điều dưỡng...

3. Giải pháp về biện pháp về y tế và sức khoẻ

- Tổ chức khám sức khoẻ định kỳ cho người lao động;
- Lập kế hoạch giám sát và cải thiện sức khoẻ người lao động và quản lý bệnh nghề nghiệp, tai nạn lao động từ đó đưa ra các biện pháp khắc phục các yếu tố có hại trong sản xuất;
- Tổ chức huấn luyện an toàn vệ sinh lao động và tuyên truyền cho cán bộ công nhân viên ...

4. Giải pháp về biện pháp về phương tiện bảo hộ lao động

- Trang bị và bắt buộc sử dụng trong các khu vực yêu cầu trang thiết bị bảo hộ lao động;
- Trang bị phương tiện bảo hộ lao động phù hợp không gian sản xuất và đúng chức năng của thiết bị;
- Định kỳ kiểm tra và thay thế các phương tiện không đảm bảo tính năng an toàn.

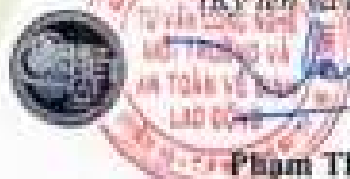
5. Các giải pháp khác

- Thường xuyên cập nhật và cải tiến công tác an toàn vệ sinh trong doanh nghiệp;
- Thực hiện tốt chế độ khai báo điều tra và thống kê báo cáo tai nạn lao động ...

Người chịu trách nhiệm chuyên môn
(Ký và ghi rõ họ tên)


Dương Hải Quân

Lãnh đạo tổ chức quan trắc MTLĐ
(Ký tên và đóng dấu)


Phạm Thị Loan

TÀI LIỆU THAM KHẢO

Tài liệu kỹ thuật nghiệp vụ và tiêu chuẩn áp dụng:

- Tiêu chuẩn Vệ sinh Lao động: Quyết định số 3733/2002/QĐ – BHYT;
- Thường quy kỹ thuật sức khỏe nghề nghiệp và môi trường: Nhà xuất bản Y học Hà Nội-2015;
- Tiêu chuẩn vi khí hậu nơi làm việc: TCVN 5508:2009 -BKHCN
- Quy định quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chiếu sáng: QCVN 22:2016/BYT;
- Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn: QCVN 24:2016/BYT;
- Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về vi khí hậu: QCVN 26:2016/BYT;
- Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về bụi: QCVN 02:2019/BYT;
- Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia giá trị giới hạn tiếp xúc cho phép của 50 yếu tố hóa học tại nơi làm việc: QCVN 03:2019/BYT;

**CÔNG TY TNHH KHOA HỌC CÔNG NGHỆ VÀ PHÂN TÍCH MÔI TRƯỜNG
PHƯƠNG NAM**

Trụ sở : 1358/71 Đường Quang Trung, phường 14, Quận Gò Vấp, TP.HCM
Tel : 028.62959784 – Fax : 028.62959783
Hot line : 0919797284 – 0919986829
E-mail : moitruongphuongnam@gmail.com
Website : www.moitruongphuongnam.com



**VIMCERTS
039**



**BÁO CÁO KẾT QUẢ THỰC HIỆN
QUAN TRẮC MÔI TRƯỜNG LAO ĐỘNG**

**CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN
PHÚ QUANG**

**Địa chỉ: Lô số 100 và 101, Khu chế xuất và công nghiệp Linh Trung III,
Phường An Tịnh, Thị xã Trảng Bàng, Tỉnh Tây Ninh**

Tháng 07/2023

**CÔNG TY TNHH KHOA HỌC CÔNG
NGHỆ VÀ PHÂN TÍCH MÔI TRƯỜNG
PHƯƠNG NAM**



CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

—o—o—o—

Tp.HCM, ngày 05 tháng 07 năm 2023

Số: 56/MTLB-2023

KẾT QUẢ QUAN TRẮC MÔI TRƯỜNG LAO ĐỘNG

- Thực hiện theo Nghị định số 44/2016/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2016 của Chính Phủ.
- Thi hành Bộ luật Lao động ngày 10/2012/QH13 ban hành ngày 18/6/2012, chính thức có hiệu lực ngày 1/5/2013; nghị định 45/2013/NĐ-CP của Thủ tướng Chính phủ ngày 1/7/2013 và Nghị Định 39/2016/NĐ-CP của Chính Phủ, ban hành ngày 15/5/2016.
- Công văn số 3730/SYT-NVY ngày 15/07/2019 của Sở Y tế Thành phố Hồ Chí Minh về việc đồng ý với nội dung công bố đủ điều kiện thực hiện quan trắc môi trường lao động cho Công ty TNHH Khoa học Công nghệ và Phân tích Môi trường Phương Nam.
- Công văn số 5204/SYT-NVY ngày 30/11/2021 của Sở Y tế Thành phố Hồ Chí Minh về việc công bố đủ điều kiện thực hiện quan trắc môi trường lao động cho Công ty TNHH Khoa học Công nghệ và Phân tích Môi trường Phương Nam.
- Căn cứ theo yêu cầu của CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN PHÚ QUANG

CÔNG TY TNHH KHOA HỌC CÔNG NGHỆ VÀ PHÂN TÍCH MÔI TRƯỜNG PHƯƠNG NAM

Địa chỉ: 1358/21/5G đường Quang Trung, phường 14, quận Gò Vấp, TP. HCM

Điện thoại: 028.62959784 – Fax : 028.62959783

Hotline: 0919797284 – 0919986829

Do Bà: Nguyễn Thị Ngọc Báu Chức vụ: Giám đốc làm đại diện.

Vào ngày 29 tháng 06 năm 2023, đã tiến hành quan trắc môi trường lao động tại:

CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN PHÚ QUANG

Địa chỉ: Lô số 100 và 101, Khu chế xuất và công nghiệp Linh Trung III, Phường An Tịnh, Thị xã Trảng Bàng, Tỉnh Tây Ninh

Lĩnh vực hoạt động: Sản xuất và gia công một xốp các loại, sản xuất bao bì từ plastic

I. PHƯƠNG PHÁP LẤY MẪU:

Quan trắc các chỉ số vi khí hậu, ánh sáng, tiếng ồn, bụi tại vị trí làm việc của nhân viên trong **CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN PHÚ QUANG**, theo QCVN 22:2016/BYT, QCVN 24:2016/BYT, QCVN 26:2016/BYT, QCVN 02:2019/BYT, QCVN 03:2019/BYT và TCVS 3733/2002/QĐ-BYT.

II. PHƯƠNG PHÁP QUAN TRẮC, PHÂN TÍCH VÀ THIẾT BỊ:

a. Thiết bị lấy mẫu và quan trắc tại hiện trường:

Các thiết bị lấy mẫu và quan trắc tại hiện trường được trình bày tại bảng sau:

STT	Chỉ tiêu	Phương pháp lấy mẫu/ quan trắc	Tên thiết bị	Mã thiết bị	Nơi sản xuất	Tình trạng hiệu chuẩn
1 Vi khí hậu	+ Nhiệt độ + Độ ẩm + Tốc độ gió	TCVN 5508:2009	Thiết bị đo vi khí hậu	37TB	Lutron - Taiwan	Còn hiệu lực
2 Yếu tố vật lý	Ánh sáng	TCVN 5176:1990	Thiết bị đo ánh sáng	37TB	Lutron - Taiwan	Còn hiệu lực
	Tiếng ồn	TCVN 7878-2:2018	Thiết bị đo tiếng ồn tích phân	16TB	Mỹ	Còn hiệu lực
3	Bụi	TCVN 5067:1995	Máy lấy mẫu bụi thể tích lớn cầm tay	71TB	Sibata	Còn hiệu lực

b. Thiết bị phân tích tại Phòng Thí Nghiệm:

- Bụi được xác định theo phương pháp đo bụi trọng lượng, cân phân tích 220g của AS 82/220.R2, RADWA; độ nhạy: 0,0001g.

III. TIÊU CHUẨN ÁP DỤNG ĐÁNH GIÁ:

- Tiêu chuẩn Vệ sinh Lao động: Quyết định số 3733/2002/QĐ – BYT.
- QCVN 22:2016/BYT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chiếu sáng – Mức cho phép chiếu sáng nơi làm việc.
- QCVN 24:2016/BYT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia tiếng ồn – Mức tiếp xúc cho phép tiếng ồn tại nơi làm việc.
- QCVN 26:2016/BYT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về vi khí hậu – Giá trị cho phép vi khí hậu tại nơi làm việc.
- QCVN 02:2019/BYT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về bụi amiăng, bụi chứa silic, bụi không chứa silic, bụi bông và bụi than .

IV. KẾT QUẢ QUAN TRẮC MÔI TRƯỜNG LAO ĐỘNG:

1. CÁC YẾU TỐ VI KHÍ HẬU:

QCVN 26:2016/BYT Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về vi khí hậu- Giá trị cho phép của vi khí hậu tại nơi làm việc		NHIỆT ĐỘ (°C)		ĐỘ ẨM (%)		TỐC ĐỘ GIÓ (m/s)	
		18 – 32		40 – 80		0,2 – 1,5	
TT	VỊ TRÍ QUAN TRẮC	Số mẫu đạt QCVN	Số mẫu không đạt QCVN	Số mẫu đạt QCVN	Số mẫu không đạt QCVN	Số mẫu đạt QCVN	Số mẫu không đạt QCVN
1	Khu vực văn phòng	29,8	-	67,1	-	< 0,4	-
2	Khu vực nhà xưởng 1	30,1	-	67,4	-	< 0,4	-
3	Khu vực nhà xưởng 2	30,5	-	66,3	-	< 0,4	-
4	Khu vực nhà xưởng 3	31,6	-	65,8	-	< 0,4	-
Tổng số		04	00	04	00	04	00

2. CÁC YẾU TỐ VẬT LÝ:

2.1. ÁNH SÁNG:

TT	VỊ TRÍ QUAN TRẮC	ÁNH SÁNG (Lux)		QCVN 22:2016/BYT Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về chiếu sáng
		Số mẫu đạt QCVN	Số mẫu không đạt QCVN	
1	Khu vực văn phòng	635	-	≥ 300
2	Khu vực nhà xưởng 1	571	-	≥ 300
3	Khu vực nhà xưởng 2	586	-	≥ 300
4	Khu vực nhà xưởng 3	593	-	≥ 300
Tổng số		04	00	-

2.2. TIẾNG ỒN:

QCVN 24:2016/BYT Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về tiếng ồn		TIẾNG ỒN (dBA)	
		≤ 85	
STT	VỊ TRÍ QUAN TRẮC	Số mẫu đạt QCVN	Số mẫu không đạt QCVN
1	Khu vực văn phòng	57,3	-
2	Khu vực nhà xưởng 1	68,5	-
3	Khu vực nhà xưởng 2	65,8	-
4	Khu vực nhà xưởng 3	64,3	-
Tổng số		04	00

3. BỤI

Tiêu chuẩn cho phép (theo QCVN 02:2019/BYT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về bụi amiang, bụi chứa silic, bụi không chứa silic, bụi bông và bụi than - Giá trị giới hạn tiếp xúc cho phép bụi tại nơi làm việc)		BỤI TOÀN PHẦN (mg/m ³)	
STT	VỊ TRÍ QUAN TRẮC	≤ 8	
		Số mẫu đạt TCVS	Số mẫu không đạt TCVS
1	Khu vực văn phòng	0,165	-
2	Khu vực nhà xưởng 1	0,360	-
3	Khu vực nhà xưởng 2	0,371	-
4	Khu vực nhà xưởng 3	0,378	-
Tổng số		04	00

TỔNG HỢP KẾT QUẢ QUAN TRẮC MÔI TRƯỜNG LAO ĐỘNG

TT	Yếu tố quan trắc	Tổng số mẫu	Số mẫu đạt	Số mẫu không đạt
1	Nhiệt độ	04	04	00
2	Độ ẩm	04	04	00
3	Tốc độ gió	04	04	00
4	Ánh sáng	04	04	00
5	Tiếng ồn chung	04	04	00
6	Bụi toàn phần	04	04	00
TỔNG CỘNG		24	24	00

NHẬN XÉT VÀ KIẾN NGHỊ

I. NHẬN XÉT

Vào thời điểm lấy mẫu, quan trắc môi trường lao động tại **CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN PHÚ QUANG**, chúng tôi có một số nhận xét như sau:

1. **Đối với vi khí hậu:** Nhiệt độ, độ ẩm, tốc độ gió: Tại 04/04 điểm đo trong Công ty đạt giới hạn cho phép của quy chuẩn QCVN 26:2016/BYT.
2. **Đối với ánh sáng:** Độ rọi sáng 04/04 điểm đo trong Công ty đạt yêu cầu chiếu sáng theo quy chuẩn QCVN 22:2016/BYT: Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về chiếu sáng- Mức cho phép chiếu sáng nơi làm việc.
3. **Đối với tiếng ồn:**
 - *Tiếng ồn chung:* Tại 04/04 điểm đo trong Công ty đạt quy chuẩn QCVN 24:2016/BYT: Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về tiếng ồn- Mức tiếp xúc cho phép của tiếng ồn tại nơi làm việc.
4. **Đối với nồng độ bụi:** Nồng độ bụi được thu mẫu tại 04/04 điểm đo trong Công ty nằm trong tiêu chuẩn vệ sinh lao động (QCVN 02:2019/BYT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về bụi amiăng, bụi chứa silic, bụi không chứa silic, bụi bông và bụi than).

II. KIẾN NGHỊ:

Để duy trì điều kiện lao động hiện nay, nhằm đảm bảo sức khỏe và phòng chống bệnh nghề nghiệp cho nhân viên và người lao động, Công ty cần có kế hoạch quan trắc môi trường lao động định kỳ. Cụ thể cho từng yếu tố như sau:

1. **Vi khí hậu:** Cơ sở cần thường xuyên bảo trì và tăng cường hệ thống thông gió nhân tạo (quạt làm mát) và hệ thống các quạt công nghiệp hút hơi khí độc.
2. **Ánh sáng:** Tăng cường chiếu sáng và duy trì công tác định kỳ vệ sinh lau chùi bóng đèn, thay thế bóng đèn hư cũ để đảm bảo độ chiếu sáng đáp ứng cho từng công việc. Bố trí đèn hợp lý, sao cho cường độ chiếu sáng hướng trực tiếp vào vị trí đang thao tác công việc và tránh hiện tượng bị sập bóng (phía trước mặt bị che tối).
3. **Tiếng ồn:**
 - a. *Biện pháp cá nhân:* Luân chuyển công việc cho nhân viên làm việc tại những nơi có tiếng ồn cao nhằm tránh gây thương tổn đến thính giác và thần kinh.
 - b. *Biện pháp kỹ thuật:*
 - Cần thường xuyên bảo trì, bảo dưỡng máy móc nhằm giảm cường độ ồn phát sinh trong quá trình hoạt động.
 - Che chắn hoặc cách ly các nguồn có phát sinh tiếng ồn cao nhằm tránh ảnh hưởng đến các mọi người xung quanh.
 - c. *Biện pháp y tế:*
 - Với những nơi có tiếng ồn cao, nên bố trí nhân viên có sức khỏe tốt làm việc ở những nơi này. Sắp xếp nghỉ giải lao giữa giờ và cần thiết có khu vực nghỉ giải lao yên tĩnh.
 - Ngoài việc khám sức khỏe định kỳ hàng năm, những nhân viên làm việc tiếp xúc tiếng ồn cao cần được kiểm tra thính lực định kỳ 1 năm/lần theo TT 15/2016/TT-BYT

ngày 15/05/2016 và TT 28/2016 ngày 30/06/2016 của BYT nhằm phát hiện bệnh nghề nghiệp.

4. Bụi:

a. Biện pháp cá nhân:

- Thường xuyên nhắc nhở nhân viên mang khẩu trang.
- Luân chuyển công việc cho nhân viên làm việc tại những nơi có nồng độ bụi cao nhằm tránh gây thương tổn đến phổi.

b. Biện pháp kỹ thuật: Cần thường xuyên bảo trì, bảo dưỡng các hệ thống hút bụi, vệ sinh hút bụi trên máy móc thiết bị và nhà xưởng.

c. Biện pháp y tế: Với những nhân viên làm việc tiếp xúc thường xuyên trong môi trường có nồng độ bụi cao, cần khám sức khỏe định kỳ hàng năm.

❖ ĐỐI VỚI CÔNG TY:

- Tiếp tục duy trì khám sức khỏe định kỳ hàng năm cho nhân viên, đặc biệt chú ý khám phát hiện bệnh nghề nghiệp cho nhân viên làm việc thường xuyên tiếp xúc các yếu tố nguy hại. Tiếp tục lập hồ sơ vệ sinh lao động xí nghiệp (Phụ lục 1, Nghị Định 39/2016/NĐ-CP của Chính Phủ, ban hành ngày 15/5/2016) hàng năm để quản lý công tác an toàn vệ sinh lao động của đơn vị.
- Tiếp tục duy trì quan trắc môi trường lao động định kỳ, huấn luyện sơ cấp cứu tai nạn lao động, huấn luyện An toàn lao động theo Bộ Luật lao động số 10/2012/QH13 ngày 18/6/2012
- Tại các vị trí có các yếu tố độc hại đề nghị đơn vị có trách nhiệm xem xét các kiến nghị, thường xuyên theo dõi điều kiện làm việc cho người lao động theo quy định Điều 137- 138 Bộ luật Lao động (số 10/2012/QH13 ngày 18/6/2012).
- Giải quyết chế độ bồi dưỡng bằng hiện vật cho người tiếp xúc độc hại theo TT 25/2013 của Bộ LĐ TBXH ngày 18/10/2013 và theo Nghị định 45/2013 ngày 10/05/2013 của Thủ tướng Chính phủ về thời giờ làm việc, thời giờ nghỉ ngơi và an toàn lao động, vệ sinh lao động.

Phụ trách nhóm đo đạc

Trưởng phòng phân tích

Giám đốc



Nguyễn Hữu Phú Hòa



Ngô Thị Bích Thuận



Nguyễn Thị Ngọc Sơn

CÔNG TY TNHH PHÚ QUANG

— 02 * 80 —

Số: _____	
ĐẾN	Ngày 05/10/2023
Chuyển: _____	

BAN QUẢN LÝ KINH TẾ TỈNH TÂY NINH	
Số: _____	
ĐẾN	Ngày: _____
Chuyển: _____	
Lưu hồ sơ tại: _____	

BÁO CÁO CÔNG TÁC BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG CÔNG TY TNHH PHÚ QUANG

Địa chỉ: Lô số 100 và 101, Khu chế xuất và công nghiệp Linh Trung III,
Phường An Tịnh, Thị xã Trảng Bàng, Tỉnh Tây Ninh

NĂM 2022

PHÒNG TN & MT	
Số: 405	
ĐẾN	Ngày 6/Tháng 1/ Năm 2024
Chuyển: P.P. Mĩ	

Tây Ninh, tháng 12 năm 2022

CÔNG TY TNHH PHÚ QUANG

—04 * 20—

BÁO CÁO CÔNG TÁC BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG CÔNG TY TNHH PHÚ QUANG

Địa chỉ: Lô số 100 và 101, Khu chế xuất và công nghiệp Linh Trung III,
Phường An Tịnh, Thị xã Trảng Bàng, Tỉnh Tây Ninh

(Từ ngày 01/01/2022 đến ngày 31/12/2022)

Cơ quan chủ quản

CÔNG TY TNHH PHÚ QUANG

Tổng Giám đốc



Pack Chung Up

Tây Ninh, tháng 12 năm 2022

QUẢN LÝ KHU CÔNG NGHIỆP TÂY NINH

Số.....

ĐẾN Ngày 04/12/2023

Chuyến.....

Tên tài xế.....

CÔNG TY TNHH PHÚ QUANG

— QR * 90 —

QUẢN LÝ KHU CÔNG NGHIỆP TÂY NINH

Số.....

ĐẾN Ngày 14/12/23

Chuyến.....

PHONG TN & MT

Số.....

ĐẾN Ngày 14 tháng 12 năm 2023

Chuyến Tg MT

BÁO CÁO CÔNG TÁC BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG CÔNG TY TNHH PHÚ QUANG

Địa chỉ: Lô số 100 và 101, Khu chế xuất và công nghiệp Linh Trung III,
Phường An Tịnh, Thị xã Trảng Bàng, Tỉnh Tây Ninh

NĂM 2023

Tây Ninh, tháng 12 năm 2023

CÔNG TY TNHH PHÚ QUANG

— QR * 20 —

HỢP ĐỒNG / CHỨNG TỪ	
HKS - CH LNH TRUNG 3	
Số	
ĐẾN	Ngày 02/01/2024
	Từ năm 2023
	Cho đến 31/12/2023

**BÁO CÁO
CÔNG TÁC BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG
CÔNG TY TNHH PHÚ QUANG**

Địa chỉ: Lô số 100 và 101, Khu chế xuất và công nghiệp Linh Trung III,
Phường An Tịnh, Thị xã Trảng Bàng, Tỉnh Tây Ninh

(Từ ngày 01/01/2023 đến ngày 31/12/2023)

**Cơ quan chủ quản
CÔNG TY TNHH PHÚ QUANG**



Tây Ninh, tháng 12 năm 2023



Trụ sở : 1358/21/5G Đường Quang Trung, P. 14, Q. Gò Vấp, TP. HCM

Tel : 028.62959784 - Fax: 028.62959783

Hotline : 0919797284 - 0919986829

E-mail : maimuongphuongnam@gmail.comWebsite : www.maimuongphuongnam.com

PHÒNG THÍ NGHIỆM PHÂN TÍCH ĐẠT CHỨNG NHẬN VIMCERTS 039 & VILAS 682

PHIẾU KẾT QUẢ KIỂM NGHIỆM

Mã số phiếu: 22.1141-1

1. Tên khách hàng : CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN PHÚ QUANGĐịa chỉ: Lô số 100 và 101, Khu chế xuất và Công nghiệp Linh Trung III, Phường An Tịnh,
Thị xã Trảng Bàng, Tỉnh Tây Ninh2. Phân loại mẫu : Môi trường không khí xung quanh3. Ngày nhận mẫu : 29/06/20224. Ngày trả kết quả : 06/07/2022

Điểm đo	Chỉ tiêu	Nhiệt độ °C	Độ ẩm %	Tốc độ gió m/s	Ánh sáng Lux	Độ ồn dBA
K1: Khu vực cổng bảo vệ		29,7	65,5	< 0,4	ASTN	61,0
Phương pháp đo, xác định	QCVN 46:2012/BTNMT					TCVN 7878-2:2018
QCVN 26:2010/BTNMT		-	-	-	-	6h-21h: 70
Khu vực thông thường (6 - 21h)		-	-	-	-	21h-6h: 55
QCVN 22:2016/BYT		-	-	-	≥ 200	-
Điểm đo	Chỉ tiêu	Bụi mg/m ³	SO ₂ mg/m ³	NO ₂ mg/m ³	CO mg/m ³	
K1: Khu vực cổng bảo vệ		0,241	0,085	0,072	< 8,3	
Phương pháp đo, xác định		TCVN 5067:1995	TCVN 5871:1995	TCVN 6137:2009	HD 85-PTCO	
QCVN 05:2013/BTNMT		0,3	0,35	0,2	30	

Trưởng phòng phân tích

Ngô Thị Bích Thuận



Nguyễn Thị Ngọc Báu

Ghi chú:

- Các kết quả phân tích chỉ có giá trị đối với mẫu thử phân tích đã nêu trên.
- Không được trích sao một phần hay toàn bộ kết quả phân tích của khách có sự đồng ý bằng văn bản của công ty.
- (-): Thông số không quy định giới hạn. KPH: Không Phát Hiện. LOD: Giới hạn phát hiện.
- QCVN 05:2013/BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng không khí xung quanh.
- QCVN 26:2010/BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn.



Trụ sở : 1358/21/5G Đường Quang Trung, P. 14, Q. Gò Vấp, TP. HCM

Tel : 028.62959784 - Fax: 028.62959783

Hot line : 0919797284 - 0919986829

E-mail : moitruongphuongnam@gmail.comWebsite : www.moitruongphuongnam.com

VILAS 682

PHÒNG THÍ NGHIỆM PHÂN TÍCH ĐẠT CHỨNG NHẬN VIMCERTS 039 & VILAS 682

PHIẾU KẾT QUẢ KIỂM NGHIỆM

Mã số phiếu: 22.1141-2

1. Tên khách hàng : CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN PHÚ QUANGĐịa chỉ: Lô số 100 và 101, Khu chế xuất và Công nghiệp Linh Trung III, Phường An Tịnh,
Thị xã Trảng Bàng, Tỉnh Tây Ninh2. Phân loại mẫu : Môi trường không khí sản xuất3. Ngày nhận mẫu : 29/06/20224. Ngày trả kết quả : 05/07/2022

Chi tiêu	Nhiệt độ °C	Độ ẩm %	Tốc độ gió m/s	Ánh sáng Lux	Độ ồn dBA
Điểm đo					
K2: Khu vực hoạt động	30,3	64,8	< 0,4	465	71,2
Phương pháp đo, xác định	QCVN 46:2012/ĐTNMT				TCVN TR8-2:2018
QCVN 22:2016/BYT	-	-	-	≥ 300	-
QCVN 24:2016/BYT	-	-	-	-	≤ 85
QCVN 26:2016/BYT	20 – 34	40 – 80	0,1 – 1,5	-	-
Chi tiêu	Bụi mg/m ³	SO ₂ mg/m ³	NO ₂ mg/m ³	CO mg/m ³	
Điểm đo					
K2: Khu vực hoạt động	0,337	0,132	0,095	< 8,3	
Phương pháp đo, xác định	TCVN 5067:1995	TCVN 3971-1995	TCVN 6137:2009	HD 85-PTCO	
QCVN 02:2019/BYT	8	-	-	-	
QCVN 03:2019/BYT	-	10	10	40	

Trưởng phòng phân tích

Ngô Thị Bích Thuận



Nguyễn Thị Ngọc Báu

Ghi chú:

- Các kết quả phân tích chỉ có giá trị đối với mẫu thử phân tích đã rút ra như trên
- Không được trích xuất mẫu phân tích hoặc lấy kết quả phân tích nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của công ty
- 1-1) Thông số không quy định giới hạn KPH: Không Phát Hiện LOD: Giới hạn phát hiện
- QCVN 22:2016/BYT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chiếu sáng - Mức cho phép chiếu sáng nơi làm việc
- QCVN 24:2016/BYT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn - Mức tiếp xúc cho phép tăng lên tại nơi làm việc
- QCVN 26:2016/BYT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về vi khí hậu - Giá trị cho phép vi khí hậu tại nơi làm việc
- QCVN 02:2019/BYT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về bụi mịn, bụi siêu mịn, bụi không chứa silica, bụi tổng và bụi than
- QCVN 03:2019/BYT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia - Giá trị giới hạn tiếp xúc cho phép đối với 50 yếu tố hóa học tại nơi làm việc



Trụ sở : 1358/21/5G Đường Quang Trung, P. 14, Q. Gò Vấp, TP. HCM
 Tel : 028.62959784 - Fax: 028.62959783
 Hot line : 0919797284 - 0919986829
 E-mail : moitruongphuongnam@gmail.com
 Website : www.moitruongphuongnam.com



VIỆN SÚC

PHÒNG THÍ NGHIỆM PHÂN TÍCH ĐẠT CHỨNG NHẬN VIMCERTS 039 & VILAS 682

PHIẾU KẾT QUẢ KIỂM NGHIỆM

Mã số phiếu: 22.1141-3

1. **Tên khách hàng** : CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN PHÚ QUANG

Địa chỉ: Lô số 100 và 101, Khu chế xuất và Công nghiệp Linh Trung III, Phường An Tịnh,
 Thị xã Trảng Bàng, Tỉnh Tây Ninh

2. **Phân loại mẫu** : Nước thải

3. **Thông tin mẫu** : Nước thải tại hồ gas cuối

4. **Ngày nhận mẫu** : 29/06/2022

5. **Ngày trả kết quả** : 05/07/2022

STT	Chỉ tiêu phân tích	Đơn vị	Kết quả	Tiêu chuẩn tiếp nhận KCX-CN Linh Trung III	Phương pháp phân tích
2	pH	-	7,32	5,5-12	TCVN 4402:2011
3	BOD ₅ (20°C)	mg/l	43	500	TCVN 6031-1:2008
4	Sulfua (tính theo H ₂ S)	mg/l	0,12	0,5	US EPA Method 176.2
5	TSS	mg/l	45	150	TCVN 6623:2000
6	N - NH ₄ ⁺	mg/l	6,7	10	TCVN 3988:1995
7	N - NO ₃ ⁻	mg/l	8,9	-	SM/WW 4500-NOS-E:2017
8	P - PO ₄ ³⁻	mg/l	1,9	-	SM/WW 4500-P-E:2017
10	Coliform	MPN /100ml	1,2 x 10 ³	-	TCVN 6187-2:1996

Trưởng phòng phân tích

Ngô Thị Bích Thuận



Nguyễn Thị Ngọc Báu

Ghi chú:

- Các kết quả phân tích chỉ có giá trị đối với mẫu thử phân tích đã trả hóa đơn trên
- Không được trích sao một phần hay toàn bộ kết quả phân tích nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của công ty
- Thời gian trả mẫu: 7 ngày kể từ ngày trả kết quả (đối thời gian lưu mẫu, PTN không giải quyết việc khiếu nại kết quả phân tích)
- KPH: Đường phát trực: LOD: Giới hạn phát hiện

**CÔNG TY TNHH KHOA HỌC CÔNG NGHỆ VÀ PHÂN TÍCH MÔI TRƯỜNG
PHƯƠNG NAM**



Trụ sở : 1358/21/5G Đường Quang Trung, P. 14, Q. Gò Vấp, TP. HCM
Tel : 028.62959784 - Fax: 028.62959783
Hot line : 0919797284 - 0919086829
E-mail : moitruongphuongnam@gmail.com
Website : www.moitruongphuongnam.com



PHÒNG THÍ NGHIỆM PHÂN TÍCH ĐẠT CHỨNG NHẬN VIMCERTS 039 & VILAS 682

PHIẾU KẾT QUẢ KIỂM NGHIỆM

Mã số phiếu: 22.7902

1. Tên khách hàng : CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN PHÚ QUANG

Địa chỉ: Lô số 100 và 101, Khu chế xuất và Công nghiệp Linh Trung III, Phường An Tịnh,
Thị xã Trảng Bàng, Tỉnh Tây Ninh

2. Phân loại mẫu : Môi trường không khí xung quanh

3. Ngày lấy mẫu : 21/11/2022

4. Ngày trả kết quả : 28/11/2022

Điểm đo	Chỉ tiêu	Nhiệt độ °C	Độ ẩm %	Tốc độ gió m/s	Ánh sáng Lux	Độ ồn dBA
K1: Khu vực cổng bảo vệ		30,1	63,5	< 0,4	468	63,0
Phương pháp đo, xác định	QCVN 46:2012/BTNMT					TCVN 7878-2:2018
QCVN 26:2010/BTNMT	-	-	-	-	-	6h-21h: 70 21h-6h: 55
QCVN 22:2016/BYT	-	-	-	-	≥ 200	-
Điểm đo	Chỉ tiêu	Bụi mg/m ³	SO ₂ mg/m ³	NO ₂ mg/m ³	CO mg/m ³	
K1: Khu vực cổng bảo vệ		0,235	0,088	0,070	< 8,3	
Phương pháp đo, xác định		TCVN 5067:1995	TCVN 5971:1995	TCVN 8137:2009	HD 85-PTCO	
QCVN 05:2013/BTNMT		0,3	0,35	0,2	30	

Trưởng phòng phân tích

Ngô Thị Bích Thuận



Nguyễn Thị Ngọc Báu

Ghi chú :

- Các kết quả phân tích chỉ có giá trị đối với mẫu thử phân tích đã mô tả hóa đơn thử.
- Không được trích sao một phần hay toàn bộ kết quả phân tích nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của công ty.
- (-) Thông số không quy định giới hạn KPH: Không Phát Hiện LOE: Giới hạn phát hiện
- QCVN 05:2013/BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng không khí xung quanh
- QCVN 26:2010/BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn

**CÔNG TY TNHH KHOA HỌC CÔNG NGHỆ VÀ PHÂN TÍCH MÔI TRƯỜNG
PHƯƠNG NAM**



Trụ sở : 1358/21/SG Đường Quang Trung, P. 14, Q. Gò Vấp, TP. HCM
Tel : 028.62959784 - Fax: 028.62959783
Hot line : 0919797284 - 0919986829
E-mail : tuoiuongphuongnam@gmail.com
Website : www.moitruongphuongnam.com



PHÒNG THÍ NGHIỆM PHÂN TÍCH ĐẠT CHỨNG NHẬN VIMCERTS 039 & VILAS 682

PHIẾU KẾT QUẢ KIỂM NGHIỆM

Mã số phiếu: 22.7903

1. Tên khách hàng : CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN PHÚ QUANG

Địa chỉ: Lô số 100 và 101, Khu chế xuất và Công nghiệp Linh Trung III, Phường An Tịnh,
Thị xã Trảng Bàng, Tỉnh Tây Ninh

2. Phân loại mẫu : Môi trường không khí sản xuất

3. Ngày lấy mẫu : 21/11/2022

4. Ngày trả kết quả : 28/11/2022

Điểm đo	Chỉ tiêu	Nhiệt độ °C	Độ ẩm %	Tốc độ gió m/s	Ánh sáng Lux	Độ ồn dBA
K2: Khu vực hoạt động		30,1	63,5	< 0,4	468	72,0
Phương pháp đo, xác định	QCVN 48:2012/BTNMT					TCVN 7878-2:2018
QCVN 22:2016/BYT	-	-	-	-	≥ 300	-
QCVN 24:2016/BYT	-	-	-	-	-	≤ 85
QCVN 26:2016/BYT	20 – 34	40 – 80	0,1 – 1,5	-	-	-
Điểm đo	Chỉ tiêu	Bụi mg/m ³	SO ₂ mg/m ³	NO ₂ mg/m ³	CO mg/m ³	
K2: Khu vực hoạt động		0,335	0,127	0,102	< 8,3	
Phương pháp đo, xác định		TCVN 5067:1993	TCVN 3971-1:1993	TCVN 6137:2009	HD 85-PTCO	
QCVN 02:2019/BYT	8	-	-	-	-	
QCVN 03:2019/BYT	-	10	10	40		

Trưởng phòng phân tích

Ngô Thị Bích Thuận



Nguyễn Thị Ngọc Báu

Ghi chú :

- Các kết quả phân tích chỉ có giá trị đối với mẫu thử phân tích đã mô tả như trên
- Không được trích sao một phần hay toàn bộ kết quả phân tích nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của công ty
- T-C: Thông số không quy định giới hạn KPH: Không Phát Hiện LOT: Gói hạn phát hiện
- QCVN 22:2016/BYT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chiếu sáng - Mức cho phép chiếu sáng nơi làm việc
- QCVN 24:2016/BYT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn - Mức tiếp xúc cho phép tổng đo tại nơi làm việc
- QCVN 26:2016/BYT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về vi khí hậu - Giá trị cho phép vi khí hậu tại nơi làm việc
- QCVN 02:2019/BYT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về bụi lơ lửng, bụi siêu mịn, bụi không siêu mịn, bụi tổng và bụi than
- QCVN 03:2019/BYT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia - Giá trị giới hạn tiếp xúc cho phép đối với 39 chất ô nhiễm tại nơi làm việc



Tọa sở : 1358/21/5G Đường Quang Trung, P. 14, Q. Gò Vấp, TP. HCM

Tel : 028.62959784 - Fax: 028.62959783

Hot line : 0919797284 - 0919986829

E-mail : moitruongphuongnam@gmail.com

Website : www.moitruongphuongnam.com



PHÒNG THÍ NGHIỆM PHÂN TÍCH ĐẠT CHỨNG NHẬN VIMCERTS 039 & VILAS 682

PHIẾU KẾT QUẢ KIỂM NGHIỆM

Mã số phiếu: 22.7904

1. **Tên khách hàng** : CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN PHÚ QUANG

Địa chỉ: Lô số 100 và 101, Khu chế xuất và Công nghiệp Linh Trung III, Phường An Tịnh,
Thị xã Trảng Bàng, Tỉnh Tây Ninh

2. **Phân loại mẫu** : Nước thải

3. **Thông tin mẫu** : Nước thải tại hồ gas cuối

4. **Ngày nhận mẫu** : 21/11/2022

5. **Ngày trả kết quả** : 28/11/2022

STT	Chỉ tiêu phân tích	Đơn vị	Kết quả	Tiêu chuẩn tiếp nhận KCX-CN Linh Trung III	Phương pháp phân tích
1	pH	-	7,22	5,5-12	TCVN 6492:2011
2	BOD ₅ (20°C)	mg/l	38	500	TCVN 6081-1:2008
3	Sunfua	mg/l	0,15	0,5	US EPA Method 376.2
4	TSS	mg/l	42	150	TCVN 6613:2008
5	N - NH ₄ ⁺	mg/l	6,2	10	TCVN 5088:1999
6	N - NO ₃ ⁻	mg/l	9,7	-	SMEWW 4500-NO ₃ -E:2017
7	P - PO ₄ ³⁻	mg/l	1,8	-	SMEWW 4500-P-E:2017
8	Coliform	MPN/100ml	1,1 x 10 ⁵	-	TCVN 6187-2:1996

Trưởng phòng phân tích

Ngô Thị Bích Thuận



Nguyễn Thị Ngọc Báu

Ghi chú:

- Các kết quả phân tích chỉ có giá trị nếu với mẫu đại diện phân tích đã nêu trên như trên.
- Không được trình cáo một phân tích toàn bộ kết quả phân tích nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của công ty.
- Thời gian lưu mẫu: 7 ngày kể từ ngày trả kết quả (Đến thời gian lưu mẫu, PTN không giải quyết việc khiếu nại kết quả phân tích).
- KPI: Không phát hiện; LOD: Giới hạn phát hiện

CÔNG TY TNHH KHOA HỌC CÔNG NGHỆ VÀ PHÂN TÍCH MÔI TRƯỜNG PHƯƠNG NAM



Trụ sở : 1358/21/5G Đường Quang Trung, P. 14, Q. Gò Vấp, TP. HCM
 Hotline : 0917797284 - 0919986829
 E-mail : moitruongphuongnam@gmail.com
 Website : www.moitruongphuongnam.com

PHÒNG THÍ NGHIỆM ĐẠT CHỨNG NHẬN VIMCETS 039 & ISO/IEC 17025:2017

PHIẾU KẾT QUẢ KIỂM NGHIỆM

Mã số phiếu: 23.7055

1. Địa điểm lấy mẫu : CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN PHÚ QUANG

Địa chỉ: Lô số 100 và 101, Khu chế xuất và công nghiệp Linh Trung III, Phường An Tịnh,
 Thị xã Trảng Bàng, Tỉnh Tây Ninh

2. Phân loại mẫu : Môi trường không khí xung quanh

3. Ngày lấy mẫu : 29/06/2023

4. Ngày trả kết quả : 05/07/2023

Chi tiêu	Nhiệt độ °C	Độ ẩm %	Tốc độ gió m/s	Ánh sáng Lux	Độ ồn dBA
Điểm đo					
K1: Khu vực công bảo vệ	29,5	63,7	< 0,4	476	61,5
Phương pháp đo, xác định	QCVN 46:2012/BTNMT				TCVN 7878-3:2018
QCVN 26:2010/BTNMT					
Khu vực thông thường (6 - 21h)	-	-	-	-	≤ 70

Chi tiêu	Bụi mg/m ³	SO ₂ mg/m ³	NO ₂ mg/m ³	CO mg/m ³
Điểm đo				
K1: Khu vực công bảo vệ	0,257	0,083	0,071	< 8,3
Phương pháp đo, xác định	TCVN 5067:1995	TCVN 5971:1995	TCVN 6137:2009	HD 85-PTCO
QCVN 05:2013/BTNMT	0,3	0,35	0,2	30

Trưởng phòng phân tích

Ngô Thị Bích Thuận



Giám đốc

Nguyễn Thị Ngọc Báu

Ghi chú:

- Các kết quả phân tích chỉ có giá trị đối với mẫu thử phân tích đã mô tả bên trên.
- Không được trích sao một phần hay toàn bộ kết quả phân tích nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của công ty.
- (-): Thông số không quy định giới hạn KPH: Không Phát Hiện LOD: Giới hạn phát hiện
- QCVN 05:2013/BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng không khí xung quanh
- QCVN 26:2010/BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn

CÔNG TY TNHH KHOA HỌC CÔNG NGHỆ VÀ PHÂN TÍCH MÔI TRƯỜNG PHƯƠNG NAM



Trụ sở : 1358/21/5G Đường Quang Trung, P. 14, Q. Gò Vấp, TP. HCM
 Hotline : 0919797204 - 0919986829
 E-mail : moitruongphuongnam@gmail.com
 Website : www.moitruongphuongnam.com

PHÒNG THÍ NGHIỆM ĐẠT CHỨNG NHẬN VIMCERTS 039 & ISO/IEC 17025:2017

PHIẾU KẾT QUẢ KIỂM NGHIỆM

Mã số phiếu: 23.7056 - 23.7057

1. Địa điểm lấy mẫu : CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN PHÚ QUANG

Địa chỉ: Lô số 100 và 101, Khu chế xuất và công nghiệp Linh Trung III, Phường An Tịnh, Thị xã Trảng Bàng, Tỉnh Tây Ninh

2. Phân loại mẫu : Môi trường không khí sản xuất

3. Ngày lấy mẫu : 29/06/2023

4. Ngày trả kết quả : 05/07/2023

Chỉ tiêu	Nhiệt độ °C	Độ ẩm %	Tốc độ gió m/s	Ánh sáng Lux	Độ ồn dBA
Điểm đo					
K2: Khu vực sản xuất 1	30,3	64,8	< 0,4	465	71,0
K3: Khu vực sản xuất 2	30,7	65,2	< 0,4	472	72,3
Phương pháp đo, xác định	QCVN 46:2012/BTNMT				TCVN 7878-2:2018
QCVN 22:2016/BYT	-	-	-	≥ 300	-
QCVN 24:2016/BYT	-	-	-	-	≤ 85
QCVN 26:2016/BYT	20 - 34	40 - 80	0,1 - 1,5	-	-
Chỉ tiêu	Bụi mg/m ³	SO ₂ mg/m ³	NO ₂ mg/m ³	CO mg/m ³	
Điểm đo					
K2: Khu vực sản xuất 1	0,345	0,145	0,092	< 8,3	
K3: Khu vực sản xuất 2	0,337	0,138	0,087	< 8,3	
Phương pháp đo, xác định	TCVN 5067:1995	TCVN 5971:1995	TCVN 6137:2009	HD 85-PTCO	
QCVN 02:2019/BYT	8	-	-	-	
QCVN 03:2019/BYT	-	10	10	40	

Trưởng phòng phân tích

Ngô Thị Bích Thuận



Giám đốc

Nguyễn Thị Ngọc Báu

Giải thích:

- Các kết quả phân tích chỉ có giá trị đối với mẫu thử được phân tích và chỉ có giá trị tạm thời.
- Không được trích sao chép, phân hủy toàn bộ kết quả phân tích nếu không có sự đồng ý bằng văn bản từ Công ty.
- (-): Trường hợp không quy định giới hạn KPH: Không Phải Hợp LOD: Giới hạn phát hiện
- QCVN 22:2016/BYT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chiếu sáng - Mức cho phép chiếu sáng tối thiểu
- QCVN 24:2016/BYT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn - Mức tiếp xúc cho phép tổng ồn tại nơi làm việc
- QCVN 26:2016/BYT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về vi khí hậu - Giá trị cho phép vi khí hậu tại nơi làm việc
- QCVN 02:2019/BYT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về bụi ăn mòn, bụi chứa axit, bụi không chứa axit, bụi tổng và bụi than
- QCVN 03:2019/BYT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia - Giá trị giới hạn tiếp xúc cho phép đối với 50 yếu tố hóa học tại nơi làm việc

**CÔNG TY TNHH KHOA HỌC CÔNG NGHỆ VÀ PHÂN TÍCH MÔI TRƯỜNG
PHƯƠNG NAM**



Trụ sở : 1358/21/5G Đường Quang Trung, P. 14, Q. Gò Vấp, TP. HCM
 Hotline : 0919797284 - 0919986829
 E-mail : moitruongphuongnam@gmail.com
 Website : www.moitruongphuongnam.com

PHÒNG THÍ NGHIỆM ĐẠT CHỨNG NHẬN VIMCERTS 039 & ISO/IEC 17025:2017

PHIẾU KẾT QUẢ KIỂM NGHIỆM

Mã số phiếu: 23.7058

1. **Tên khách hàng** : CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN PHÚ QUANG
 Địa chỉ: Lô số 100 và 101, Khu chế xuất và công nghiệp Linh Trung III, Phường An Tịnh, Thị xã Trảng Bàng, Tỉnh Tây Ninh
2. **Phân loại mẫu** : Nước thải
3. **Thông tin mẫu** : Nước thải tại hồ gas cuối
4. **Ngày nhận mẫu** : 29/06/2023
5. **Ngày trả kết quả** : 05/07/2023

STT	Chỉ tiêu phân tích	Đơn vị	Kết quả	Tiêu chuẩn tiếp nhận KCX-CN Linh Trung III	Phương pháp phân tích
2	pH	-	7,45	5,5 -12	TCVN 6812:2011
3	BOD ₅ (20°C)	mg/l	52	500	TCVN 6801-1:2008
4	Sulfua (tính theo H ₂ S)	mg/l	0,24	0,5	US EPA Method 376.2
5	TSS	mg/l	78	150	TCVN 6625:2000
6	N - NH ₄ ⁺	mg/l	6,3	10	TCVN 5888:1993
7	N - NO ₃ ⁻	mg/l	1,5	-	SMWW 4500-NO3-E:2017
8	P - PO ₄ ³⁻	mg/l	2,2	-	SMWW 4500-P-E:2017
10	Coliform	MPN/100ml	2,1 x 10 ³	-	TCVN 6187-2:1996

Trưởng phòng phân tích

Ngô Thị Bích Thuận



Giám đốc

Nguyễn Thị Ngọc Bình

Ghi chú:

- Các kết quả phân tích chỉ có giá trị đối với mẫu thử phân tích đã nêu hóa chất trên
- Không được trích sao một phần hay toàn bộ kết quả phân tích nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của công ty
- Thời gian lưu mẫu: 7 ngày kể từ ngày trả kết quả (Nếu thời gian lưu mẫu, PTN không giải quyết việc khiếu nại kết quả phân tích)
- KPH: Không phát hiện; LOD: Giới hạn phát hiện

PHƯƠNG NAM



Trụ sở : 1358/21/5G Đường Quang Trung, P. 14, Q. Gò Vấp, TP. HCM

Hot line : 0919797284 - 0919986829

E-mail : moitruongphuongnam@gmail.com

Website : www.moitruongphuongnam.com

PHÒNG THÍ NGHIỆM ĐẠT CHỨNG NHẬN VIMCERTS 039 & ISO/IEC 17025:2017

PHIẾU KẾT QUẢ KIỂM NGHIỆM

Mã số phiếu: 23.14028

1. Địa điểm lấy mẫu : CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN PHÚ QUANG

Địa chỉ: Lô số 100 và 101, Khu chế xuất và công nghiệp Linh Trung III, Phường An Tịnh,
Thị xã Trảng Bàng, Tỉnh Tây Ninh

2. Phân loại mẫu : Môi trường không khí xung quanh

3. Ngày lấy mẫu : 20/11/2023

4. Ngày trả kết quả : 27/11/2023

Chỉ tiêu	Nhiệt độ °C	Độ ẩm %	Tốc độ gió m/s	Ánh sáng Lux	Độ ồn dBA
Điểm đo					
K1: Khu vực cổng bảo vệ	30,1	62,4	< 0,4	485	60,3
Phương pháp đo, xác định	QCVN 46:2012/BTNMT				TCVN 7878-2:2018
QCVN 26:2010/BTNMT Khu vực thông thường (6 – 21b)	-	-	-	-	≤ 70
Chỉ tiêu	Bụi mg/Nm ³	SO ₂ mg/Nm ³	NO ₂ mg/Nm ³	CO mg/Nm ³	
Điểm đo					
K1: Khu vực cổng bảo vệ	0,225	0,071	0,068	< 8,3	
Phương pháp đo, xác định	TCVN 5067:1995	TCVN 5971:1995	TCVN 4137:2009	HD 85-PTCO	
QCVN 05:2023/BTNMT	0,3	0,35	0,2	30	

KT. Trưởng phòng phân tích

Phạm Lê Hoàng Duy



Giám đốc

Nguyễn Thị Ngọc Báu

Ghi chú :

- Các kết quả phân tích chỉ có giá trị đối với mẫu thử phân tích đã mô tả hóa như trên
- Không được trích vào một phần hay toàn bộ kết quả phân tích nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của công ty.
- (-): Thông số không quy định giới hạn KPH: Không Phát Hiện LOD: Giới hạn phát hiện
- QCVN 05:2012/BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng không khí xung quanh
- QCVN 26:2010/BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn



Trụ sở : 1358/21/5G Đường Quang Trung, P. 14, Q. Gò Vấp, TP. HCM

Hot line : 0919797284 - 0919986829

E-mail : moitruongphuongnam@gmail.com

Website : www.moitruongphuongnam.com

PHÒNG THÍ NGHIỆM ĐẠT CHỨNG NHẬN VIMCERTS 039 & ISO/IEC 17025:2017

PHIẾU KẾT QUẢ KIỂM NGHIỆM

Mã số phiếu: 23.14029 - 23.14030

1. Địa điểm lấy mẫu : CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN PHÚ QUANG

Địa chỉ: Lô số 100 và 101, Khu chế xuất và công nghiệp Linh Trung III, Phường An Tịnh,
Thị xã Trảng Bàng, Tỉnh Tây Ninh

2. Phân loại mẫu : Môi trường không khí sản xuất

3. Ngày lấy mẫu : 20/11/2023

4. Ngày trả kết quả : 27/11/2023

Chỉ tiêu	Nhiệt độ °C	Độ ẩm %	Tốc độ gió m/s	Ánh sáng Lux	Độ ồn dBA
Điểm đo					
K2: Khu vực sản xuất 1	30,5	65,7	< 0,4	473	70,3
K3: Khu vực sản xuất 2	30,4	62,3	< 0,4	477	71,5
Phương pháp đo, xác định	QCVN 44:2012/BTNMT				TCVN 7878-2:2018
Tham khảo QCVN 22:2016/BYT	-	-	-	≥ 300	-
Tham khảo QCVN 24:2016/BYT	-	-	-	-	≤ 85
Tham khảo QCVN 26:2016/BYT	20 - 34	40 - 80	0,1 - 1,5	-	-
Chỉ tiêu	Bụi mg/m ³	SO ₂ mg/m ³	NO ₂ mg/m ³	CO mg/m ³	
Điểm đo					
K2: Khu vực sản xuất 1	0,327	0,155	0,083	< 8,3	
K3: Khu vực sản xuất 2	0,326	0,131	0,084	< 8,3	
Phương pháp đo, xác định	TCVN 5967:1995	TCVN 5971:1995	TCVN 6137:2009	HD 85-PTCO	
Tham khảo QCVN 02:2019/BYT	8	-	-	-	
Tham khảo QCVN 03:2019/BYT	-	10	10	40	

KT. Trưởng phòng phân tích

Phạm Lê Hoàng Duy

Giám đốc



Nguyễn Thị Ngọc Báu

Ghi chú :

- Các kết quả phân tích chỉ có giá trị đối với mẫu thử phân tích đã xử lý theo yêu cầu.
- Không được trích sao một phần hay toàn bộ kết quả phân tích nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của phòng thí nghiệm.
- (-): Thông số không quy định giới hạn. KPH: Không Phát Hiện. LOD: Giới hạn phát hiện.
- QCVN 22:2016/BYT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chiếu sáng - Mẫu cho phép chiếu sáng nơi làm việc.
- QCVN 24:2016/BYT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn - Mẫu tiếp xúc cho phép tiếng ồn tại nơi làm việc.
- QCVN 26:2016/BYT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về vi khí hậu - Giá trị cho phép vi khí hậu tại nơi làm việc.
- QCVN 02:2019/BYT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về bụi tổng hợp, bụi phổi矽, bụi phổi than.
- QCVN 03:2019/BYT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia - Giá trị giới hạn tiếp xúc cho phép đối với 20 yếu tố hóa học tại nơi làm việc.

**PHƯƠNG NAM**

Trụ sở : 1358/21/5G Đường Quang Trung, P. 14, Q. Gò Vấp, TP. HCM

Hotline : 0919797284 - 0919986829

E-mail : moitruongphuongnam@gmail.comWebsite : www.moitruongphuongnam.com**PHÒNG THÍ NGHIỆM ĐẠT CHỨNG NHẬN VIMCERTS 039 & ISO/IEC 17025:2017****PHIẾU KẾT QUẢ KIỂM NGHIỆM**

Mã số phiếu: 23.14031

1. **Tên khách hàng** : CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN PHÚ QUANGĐịa chỉ: Lô số 100 và 101, Khu chế xuất và công nghiệp Linh Trung III, Phường An Tịnh,
Thị xã Trảng Bàng, Tỉnh Tây Ninh2. **Phân loại mẫu** : Nước thải3. **Thông tin mẫu** : Nước thải tại hố gas cuối4. **Ngày nhận mẫu** : 20/11/20235. **Ngày trả kết quả** : 27/11/2023

STT	Chỉ tiêu phân tích	Đơn vị	Kết quả	Tiêu chuẩn tiếp nhận KCX-CN Linh Trung III	Phương pháp phân tích
1	pH	-	7,52	5,5-12	TCVN 6492:2011
2	BOD ₅ (20°C)	mg/l	64	500	TCVN 6601-1:2008
3	Sulfua	mg/l	0,12	0,5	US EPA Method 376.2
4	TSS	mg/l	47	150	TCVN 6621:2008
5	N - NH ₄ ⁺	mg/l	7,2	10	TCVN 5888:1995
6	N - NO ₃ ⁻	mg/l	6,1	-	SM/WW 4505-NO3-E:2017
7	P - PO ₄ ³⁻	mg/l	1,3	-	SM/WW 4500-P-E:2017
8	Coliform	MPN/100ml	1,5 x 10 ³	-	TCVN 6187-2:1996

KT. Trưởng phòng phân tích

Phạm Lê Hoàng Duy



Nguyễn Thị Ngọc Bân

GNBHI:

- Các kết quả phân tích chỉ có giá trị đối với mẫu thử phân tích đã trả hóa như trên
- Không được trích ra một phần hay toàn bộ kết quả phân tích nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của công ty
- Thời gian lưu mẫu: 7 ngày kể từ ngày trả kết quả (ĐMT phải giao lưu mẫu, PTN không giải quyết việc khiếu nại kết quả phân tích)
- EPN: Không phát hiện; LOD: Giới hạn phát hiện



BIÊN BẢN NGHIỆM THU HOÀN THÀNH LẮP ĐẶT HỆ THỐNG XỬ LÝ KHÍ THẢI

Số: 2924/01/NTLO/2025

Tây Ninh, ngày 25 tháng 01 năm 2025

Công trình: Hệ thống xử lý khí thải Công ty TNHH Phú Quang

Hạng mục: Thiết kế, thi công xây dựng và cung cấp lắp đặt thiết bị hệ thống xử lý khí thải Công ty TNHH Phú Quang.

Địa điểm: Lô số 100 và 101, Khu chế xuất và công nghiệp Linh Trung III, Phường An Tịnh, Thị xã Trảng Bàng, Tỉnh Tây Ninh, Việt Nam.

Căn cứ vào hợp đồng thi công số: 2924/2024/HDXLKT/HN về việc thực hiện gói thầu "Thiết kế, thi công xây dựng và cung cấp lắp đặt thiết bị hệ thống xử lý khí thải Công ty TNHH Phú Quang", được ký giữa Công Ty Cổ Phần Xây Dựng Và Công Nghệ Môi Trường Hợp Nhất và Công ty TNHH Phú Quang

1. Thành phần tham gia nghiệm thu:

ĐẠI DIỆN (BÊN A): CÔNG TY TNHH PHÚ QUANG

- Ông (Bà): Đào Thị Kim Sơn Chức vụ: Giám lý
- Ông (Bà): Chức vụ:

ĐẠI DIỆN (BÊN B): CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG VÀ CÔNG NGHỆ MÔI TRƯỜNG HỢP NHẤT

- Ông (Bà): Nguyễn Văn Triều Chức vụ: Chỉ huy trưởng
- Ông (Bà): Chức vụ:

2. Thời gian nghiệm thu:

- Bắt đầu : 09 giờ 00 phút, ngày 15 tháng 01 năm 2025.
- Kết thúc : 10 giờ 00 phút, ngày 15 tháng 01 năm 2025.

3. Đánh giá hạng mục công trình

a) Tài liệu căn cứ nghiệm thu:

- Hợp đồng thi công số: 2924/2024/HDXLKT/HN.

b) Các bên cùng tiến hành kiểm tra xác nhận các công việc hoàn thành tại công trình.

STT	NỘI DUNG	THÔNG SỐ KỸ THUẬT	XUẤT XỨ	ĐƠN VỊ	SỐ LƯỢNG	GHI CHÚ
I	HẠNG MỤC THIẾT BỊ					
1	Hệ thống thu khí					
1.1	Chụp hút	Thông số kỹ thuật - Kích thước: 2500x1000mm - Vật liệu: Tole mạ kẽm	Việt Nam	Bộ	3	
1.2	Quạt hút đồng trục	Thông số kỹ thuật: - Kiểu: Đồng trục - Lưu lượng: 2,000 - 3000 (max) m ³ /h - Điện áp: 220V/380V/50Hz - Công suất: 0,37kW	Châu Á	Bộ	3	Đang thiết kế theo hồ sơ môi trường
1.3	Đường ống thu gom khí thải	Thông số kỹ thuật: - Vật liệu: tôn mạ kẽm dày 0,75mm - Dạng: ống tròn - Kích thước theo thiết kế chi tiết	Việt Nam	Hệ	1	
1.4	Phụ kiện kết nối	Thông số kỹ thuật: - Mặt bích, ty ren, cụm treo, khung đỡ - Vật liệu: Thép mạ kẽm. - Support đỡ đường ống, thiết bị: thép tráng kẽm - Theo bản vẽ thiết kế	Việt Nam	Hệ	1	
2	Thiết bị xử lý					
2.1	Quạt hút ly tâm	Thông số kỹ thuật: Quạt hút ly tâm: - Lưu lượng: 4,000 - 6000 (max) m ³ /h - Điện áp: 220V/380V/50Hz - Công suất: 7,5HP	Châu Á	Bộ	1	Đang thiết kế theo hồ sơ môi trường
2.2	Tháp hấp phụ	Thông số kỹ thuật: - Kích thước: D x H = 1,2 x 2,0m, dày 3mm- Vật liệu: thép CT3, sơn epoxy chống rỉ- Chi tiết theo bản vẽ thiết kế- Bao gồm than hoạt tính xử lý khí	Việt Nam	Bộ	1	

STT	NỘI DUNG	THÔNG SỐ KỸ THUẬT	XUẤT XỨ	ĐƠN VỊ	SỐ LƯỢNG	GHI CHÚ
2.3	Sàn thao tác lấy mẫu	<i>Thông số kỹ thuật:</i> - Vật liệu: thép CT3, sơn epoxy chống rỉ - Chi tiết theo bản vẽ thiết kế	Việt Nam	Bộ	1	Theo Thông tư 10/2021/TT-BTNMT
III	HẠNG MỤC ĐIỆN ĐIỀU KHIỂN					
1	Tủ điều khiển tự động	<i>Thông số kỹ thuật</i> Thông số kỹ thuật: MCB, Contactor, Relay nhiệt: LS Bộ điều khiển Timer: Châu Á Công tắc, đèn báo, nút nhấn khẩn cấp, bộ bảo vệ pha, còi báo Dây điện: Việt Nam Phụ kiện, support đồng bộ	Hợp Nhất	Bộ	1	CĐT cấp nguồn đến tủ điện, tủ điện đặt ngay gần tháp xử lý, trường hợp CĐT yêu cầu đặt tủ điện ở xa, chi phí bổ sung cho dây dẫn và các phát sinh khác sẽ được tính toán dựa trên thực tế thi công
2	Hệ thống cáp và bảo vệ dây điện	<i>Thông số kỹ thuật</i> - Dây điện: Cadivi (hoặc tương đương) - Ống luồn dây điện PVC - Phụ kiện, support đồng bộ	Châu Á	Hệ	1	

4. Kết luận:

- Hai bên đồng ý nghiệm thu hoàn thành lắp đặt thiết bị tại công trình.

Biên bản được lập thành 04 bản, mỗi bên giữ 02 bản có giá trị như nhau

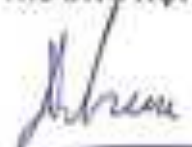
ĐẠI DIỆN (BÊN A)

CÔNG TY TNHH PHÚ QUANG


Trần Thị Kim Châu

ĐẠI DIỆN (BÊN B)

CÔNG TY CP XÂY DỰNG VÀ CÔNG NGHỆ
MÔI TRƯỜNG HỢP NHẤT


Nguyễn Văn Triều



CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG VÀ CÔNG NGHỆ MÔI TRƯỜNG HỢP NHẤT



HƯỚNG DẪN VẬN HÀNH

DỰ ÁN	: CÔNG TY TNHH PHÚ QUANG
HẠNG MỤC	: HỆ THỐNG XỬ LÝ KHÍ THẢI
ĐỊA ĐIỂM	: LÔ 100 – 101, KHU CHẾ XUẤT VÀ CÔNG NGHIỆP LINH TRUNG III, PHƯỜNG AN TỊNH, TX. TRĂNG BÀNG, T. TÂY NINH
CHỦ ĐẦU TƯ	: CÔNG TY TNHH PHÚ QUANG
ĐƠN VỊ THI CÔNG	: CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG VÀ CÔNG NGHỆ MÔI TRƯỜNG HỢP NHẤT

TP. HCM, Tháng 02 năm 2025



CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG VÀ CÔNG NGHỆ MÔI TRƯỜNG HỢP NHẤT



HƯỚNG DẪN VẬN HÀNH

DỰ ÁN	: CÔNG TY TNHH PHÚ QUANG
HẠNG MỤC	: HỆ THỐNG XỬ LÝ KHÍ THẢI
ĐỊA ĐIỂM	: LÔ 100 – 101, KHU CHẾ XUẤT VÀ CÔNG NGHIỆP LINH TRUNG III, PHƯỜNG AN TỊNH, TX. TRẢNG BÀNG, T. TÂY NINH
CHỦ ĐẦU TƯ	: CÔNG TY TNHH PHÚ QUANG
ĐƠN VỊ THI CÔNG	: CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG VÀ CÔNG NGHỆ MÔI TRƯỜNG HỢP NHẤT

ĐẠI DIỆN ĐƠN VỊ THI CÔNG
CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG VÀ CÔNG NGHỆ
MÔI TRƯỜNG HỢP NHẤT



MỤC LỤC

DANH MỤC BẢNG BIỂU	2
DANH MỤC HÌNH ẢNH.....	3
GIỚI THIỆU.....	4
PHẦN 1: GIỚI THIỆU VỀ HỆ THỐNG XỬ LÝ KHÍ THẢI.....	5
1.1. QUY TRÌNH CÔNG NGHỆ	5
1.1.1. Sơ đồ công nghệ hệ thống xử lý khí thải.....	5
1.1.2. Thuyết minh công nghệ hệ thống xử lý khí thải	5
1.2. THÔNG SỐ CỦA CỤM MODULE XỬ LÝ.....	8
PHẦN 2: VẬN HÀNH HỆ THỐNG	9
2.1. KIỂM TRA TỬ ĐIỆN ĐIỀU KHIỂN TRƯỚC KHI VẬN HÀNH	9
2.2. QUY TRÌNH HOẠT ĐỘNG CỦA CÁC THIẾT BỊ THEO TỬ ĐIỆN ĐIỀU KHIỂN	12
PHẦN 3: BẢO TRÌ – BẢO DƯỠNG THIẾT BỊ VÀ KHẮC PHỤC SỰ CỐ.....	14
3.1. MỤC ĐÍCH	14
3.2. NGUYÊN TẮC CHUNG	14
3.3. BẢO DƯỠNG THIẾT BỊ.....	14
3.3.1. Kiểm tra định kỳ và bảo trì bảo dưỡng	14
3.4. LỖI VẬN HÀNH VÀ KHẮC PHỤC SỰ CỐ	15
3.4.1. Quạt ly tâm – quạt đồng trục.....	16
3.4.2. Tủ điện điều khiển.....	17
PHẦN 4: AN TOÀN VẬN HÀNH	18

TRUNG THỰC - CHẤT LƯỢNG - NIỀM TIN



DANH MỤC BẢNG BIỂU

Bảng 1.1. Thông số của cụm module xử lý	8
Bảng 2.1. Quy trình hoạt động của các thiết bị theo tủ điện điều khiển	12
Bảng 3.1. Lịch kiểm tra định kỳ và bảo trì bảo dưỡng	14
Bảng 3.2. Kiểm tra sự cố và cách khắc phục quạt ly tâm – quạt đồng trục.....	16
Bảng 3.3. Kiểm tra sự cố và cách khắc phục tủ điện điều khiển.....	17





DANH MỤC HÌNH ẢNH

Hình 1.1. Sơ đồ khối công nghệ hệ thống xử lý khí thải	5
Hình 1.2. 3D views cụm module xử lý khí thải.....	6
Hình 1.3. Bố trí thiết bị thực tế bên trong xưởng.....	6
Hình 1.4. Bố trí thiết bị thực tế bên ngoài xưởng.....	7
Hình 2.1. Kiểm tra điện áp cung cấp vào tủ điện điều khiển.....	9
Hình 2.2. Đèn báo đủ pha	9
Hình 2.3. MCB đang ở trạng thái đóng (có điện).....	10
Hình 2.4. Đo dòng điện của thiết bị hoạt động bình thường	11
Hình 2.5. Tủ điện điều khiển ở chế độ AUTO tự động.....	11
Hình 3.1. Đèn báo lỗi thiết bị (TRIP)	15
Hình 4.1. Nút dừng khẩn cấp EMERGENCY.....	18
Hình 4.2. Cảnh báo đang bảo trì điện	19





GIỚI THIỆU

Cuốn tài liệu vận hành này được dùng cho chủ đầu tư là **Công Ty TNHH Phú Quang**.

Được biên soạn bởi nhà thầu: **Công Ty Cổ Phần Xây Dựng Và Công Nghệ Môi Trường Hợp Nhất**.

Mục đích: Tài liệu này được Công ty chúng tôi biên soạn với tiêu chí đơn giản, rõ ràng và đầy đủ nhất. Làm cơ sở để những quý anh chị đang trực tiếp vận hành hệ thống xử lý khí thải có được những nắm bắt cơ bản trong quá trình vận hành hệ thống, đồng thời kịp thời khắc phục, sửa chữa các sự cố có thể xảy ra trong quá trình theo dõi hệ thống.

Tài liệu được biên soạn bao gồm 4 phần, cụ thể:

- **PHẦN 1:** Giới thiệu về hệ thống xử lý khí thải
- **PHẦN 2:** Quy trình vận hành
- **PHẦN 3:** Bảo trì – bảo dưỡng thiết bị và khắc phục sự cố
- **PHẦN 4:** An toàn vận hành

Nhà thầu chúng tôi mong muốn được quý anh chị hoan nghênh đón nhận và phối hợp tìm hiểu nghiêm túc, trao đổi cụ thể hơn với kỹ sư nhà thầu các thắc mắc chưa hiểu rõ để hệ thống luôn hoạt động ổn định.

Trân trọng cảm ơn!

Best Regards!

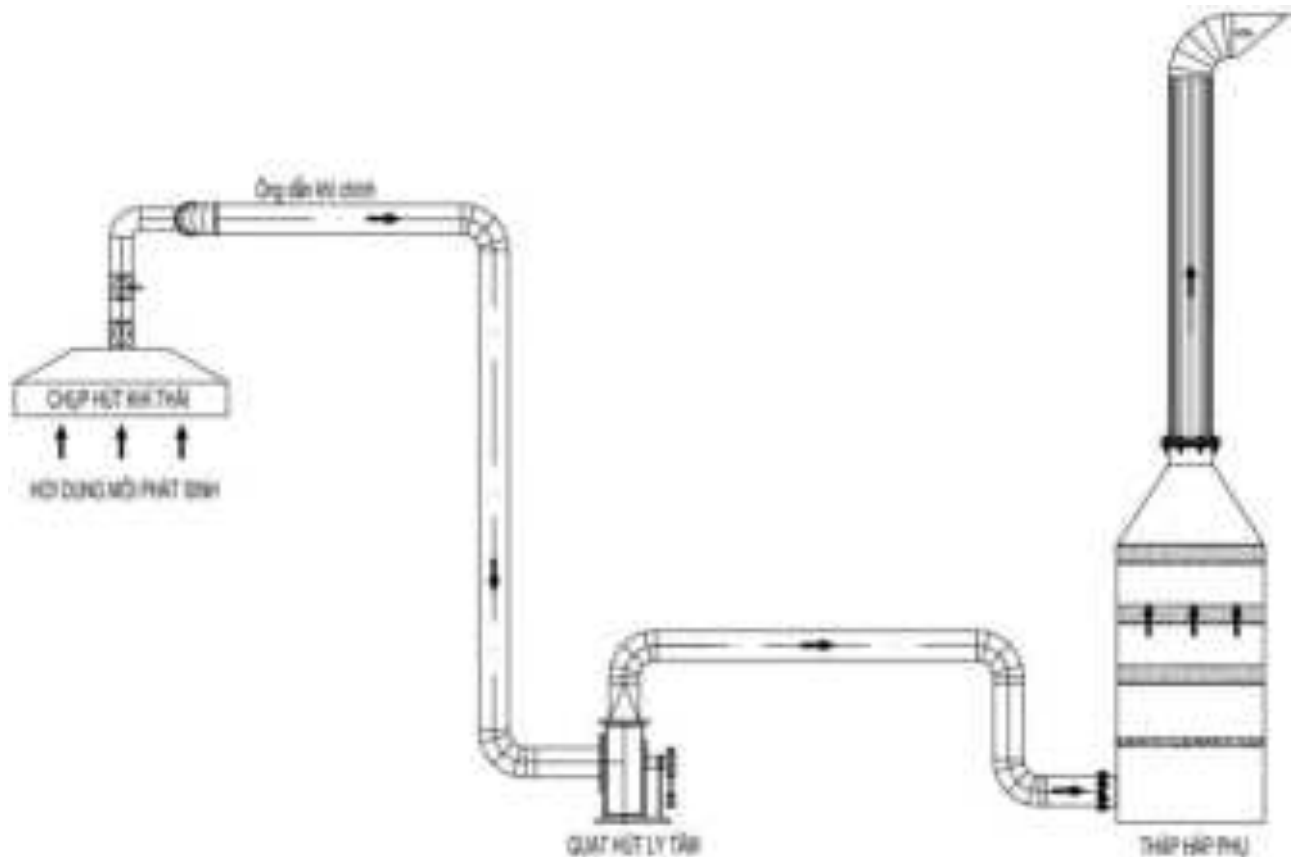




PHẦN 1: GIỚI THIỆU VỀ HỆ THỐNG XỬ LÝ KHÍ THẢI

1.1. QUY TRÌNH CÔNG NGHỆ

1.1.1. Sơ đồ công nghệ hệ thống xử lý khí thải



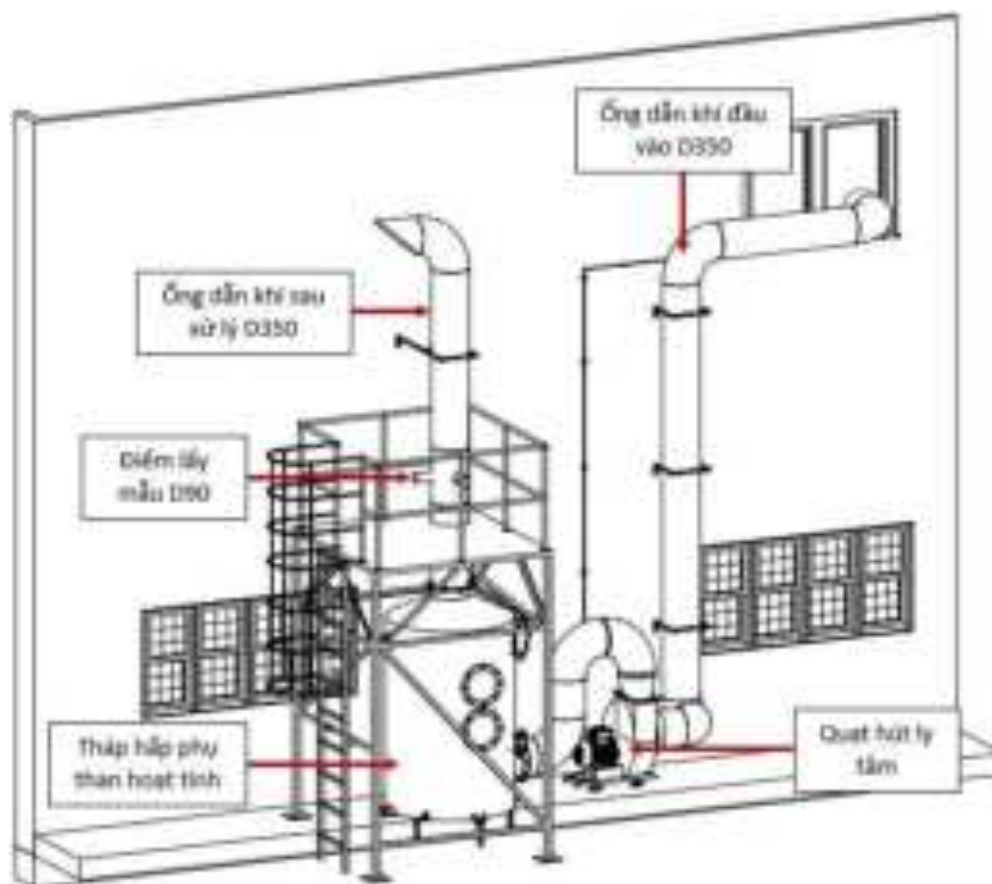
Hình 1.1. Sơ đồ khối công nghệ hệ thống xử lý khí thải

1.1.2. Thuyết minh công nghệ hệ thống xử lý khí thải

Dưới tác động lực hút của các đồng trục và quạt hút ly tâm, dòng khí thải được dẫn vào tháp hấp phụ. Tại đây không khí sẽ được đi qua các tầng chứa than hoạt tính để loại bỏ các tạp chất gây mùi. Vị trí lắp đặt tầng chứa than hoạt tính được bố trí sao cho có thể lọc tất cả các dòng khí nằm trong tiết diện của buồng lọc. Ngay cả những vi khuẩn gây hại vô tình bay trong luồng khí cũng bị than hoạt tính giữ chặt lại.

Hệ thống xử lý khí thải bằng than hoạt tính thường được sử dụng để hấp phụ (Adsorption) các chất hữu cơ dễ bay hơi VOCs, Ketone, Aldehyde, Ester, axit hữu cơ, khử các chất độc hại có chứa nito hoặc lưu huỳnh, xử lý mùi hóa chất... theo quy chuẩn khí thải quốc gia QCVN 20: 2009/BTNMT.

Sau khoảng thời gian nhất định 6-12 tháng, than hoạt tính sẽ “no” (bão hòa) và không hấp phụ được nữa. Đến lúc đó cần thay mới lớp than hoạt tính này để đảm bảo quá trình xử lý khí thải.



Hình 1.2. 3D views cụm module xử lý khí thải



Hình 1.3. Bố trí thiết bị thực tế bên trong xưởng



Hình 1.4. Bố trí thiết bị thực tế bên ngoài xưởng

HOP NHAT
TRUNG THỰC - CHẤT LƯỢNG - NIỀM TIN



1.2. THÔNG SỐ CỦA CỤM MODULE XỬ LÝ

Bảng 1.1. Thông số của cụm module xử lý

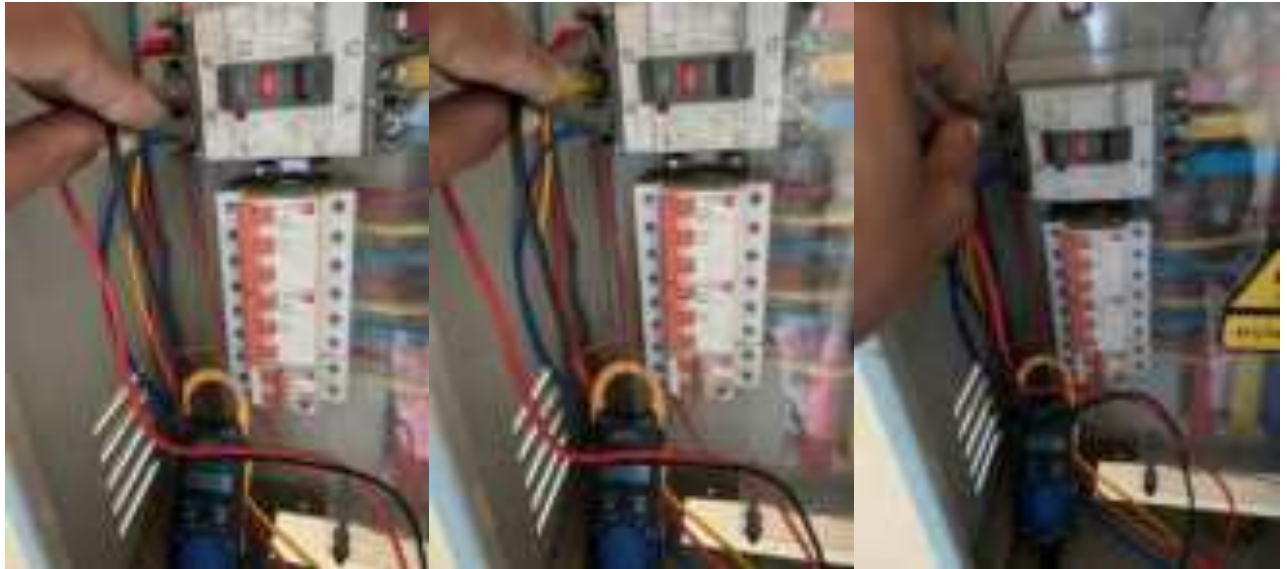
STT	Ký hiệu	Hạng mục	Thông số kỹ thuật	Đơn vị	Số lượng	Vật liệu
1	-	Chụp hút	- Kích thước: = 2500 × 1000 (mm) - Xuất xứ: Việt Nam	Bộ	3	Tôn mạ kẽm
2	-	Quạt hút đồng trục	- Kiểu: đồng trục - Lưu lượng: 2000 – 3000 (max) m ³ /h - Điện áp: 220V/380V, 50Hz - Công suất: 0.37kW - Xuất xứ: Châu Á	Bộ	3	-
3	-	Quạt hút ly tâm	- Lưu lượng: 4000 – 6000 (max) m ³ /h - Điện áp: 220V/380V/50Hz - Công suất: 7.5HP	Bộ	1	-
4	-	Tháp hấp phụ	- Kích thước: D × H = 1.2 × 2.0, dày 3mm - Xuất xứ: Việt Nam	Bộ	1	Thép CT3 sơn epoxy chống rỉ



PHẦN 2: VẬN HÀNH HỆ THỐNG

2.1. KIỂM TRA TỬ ĐIỆN ĐIỀU KHIỂN TRƯỚC KHI VẬN HÀNH

- Kiểm tra điện áp 3 pha của nguồn cấp điện vào cho tủ điện điều khiển.



Hình 2.1. Kiểm tra điện áp cung cấp vào tủ điện điều khiển

Ghi chú: Trong điều kiện bình thường, độ lệch điện áp cho phép trong khoảng $\pm 5\%$ so với điện áp danh định của lưới điện

- Kiểm tra đèn báo pha có đủ số pha không.



Hình 2.2. Đèn báo đủ pha



- Khi các điều kiện trên đã đáp ứng được yêu cầu thì tiến hành đóng MCB trong tủ điều khiển. Đóng lần lượt các MCB và CB cấp nguồn động lực 3 pha cho các thiết bị dùng điện trong hệ thống.



Hình 2.3. MCB đang ở trạng thái đóng (có điện)

- Bật công tắc cho động cơ hoạt động để kiểm tra dòng điện có nằm trong giới hạn cho phép.





Hình 2.4. Đo dòng điện của thiết bị hoạt động bình thường

- Khi không có sự cố nào về điện hãy chuyển công tắc điều khiển về vị trí AUTO để hệ thống tự động vận hành. Đảm bảo tất cả nút gạt được chuyển sang chế độ tự động AUTO.



Hình 2.5. Tủ điện điều khiển ở chế độ AUTO tự động



2.2. QUY TRÌNH HOẠT ĐỘNG CỦA CÁC THIẾT BỊ THEO TỬ ĐIỆN ĐIỀU KHIỂN

Bảng 2.1. Quy trình hoạt động của các thiết bị theo tử điện điều khiển

STT	Tên thiết bị	Số lượng	Nguyên lý hoạt động
1	Quạt hút ly tâm - Điện áp: 3 phases/380V/50Hz - Công suất: 7.5 HP - Lưu lượng: 4000 – 6000 (max) m ³ /h	01	1. Chế độ MAN - Điều khiển bằng tay
			2. Chế độ OFF - Tắt thiết bị, ngưng hoạt động
			3. Chế độ AUTO - Chạy theo tín hiệu timer TM1 thời gian thực từ 8h00-16h00. - Hoạt động 45 phút, nghỉ 15 phút.
			

TRUNG THỰC - CHẤT LƯỢNG - NIỀM TIN



2	Quạt hút đồng trục - Điện áp: 3 phases/380V/50Hz - Công suất: 0.5 HP - Lưu lượng: 2000 – 3000 (max) m³/h - Xuất xứ: Việt Nam/ Châu Á	03	1. Chế độ MAN - Điều khiển bằng tay 2. Chế độ OFF - Tắt thiết bị, ngưng hoạt động 3. Chế độ AUTO - Chạy theo tín hiệu timer TM2 thời gian thực từ 8h00-16h00. - Hoạt động 45 phút, nghỉ 15 phút. 
---	--	----	---





PHẦN 3: BẢO TRÌ – BẢO DƯỠNG THIẾT BỊ VÀ KHẮC PHỤC SỰ CỐ

3.1. MỤC ĐÍCH

- Bảo trì thiết bị máy móc được tiến hành theo định kỳ để đảm bảo sự vận hành các thiết bị máy móc được liên tục.
- Việc bảo trì nhằm hạn chế, phòng ngừa những sự cố rủi ro do máy móc thiết bị gây nên, làm ảnh hưởng đến việc vận hành hệ thống.
- Thực hiện các công tác kiểm tra bảo dưỡng định kỳ sẽ giúp bảo quản máy tốt và không làm ảnh hưởng đến quá trình vận hành của máy.

3.2. NGUYÊN TẮC CHUNG

- Kiểm tra thiết bị máy móc trước khi khởi động.
- Kiểm tra tủ điện trước khi khởi động thiết bị.

3.3. BẢO DƯỠNG THIẾT BỊ

3.3.1. Kiểm tra định kỳ và bảo trì bảo dưỡng

Bảng 3.1. Lịch kiểm tra định kỳ và bảo trì bảo dưỡng

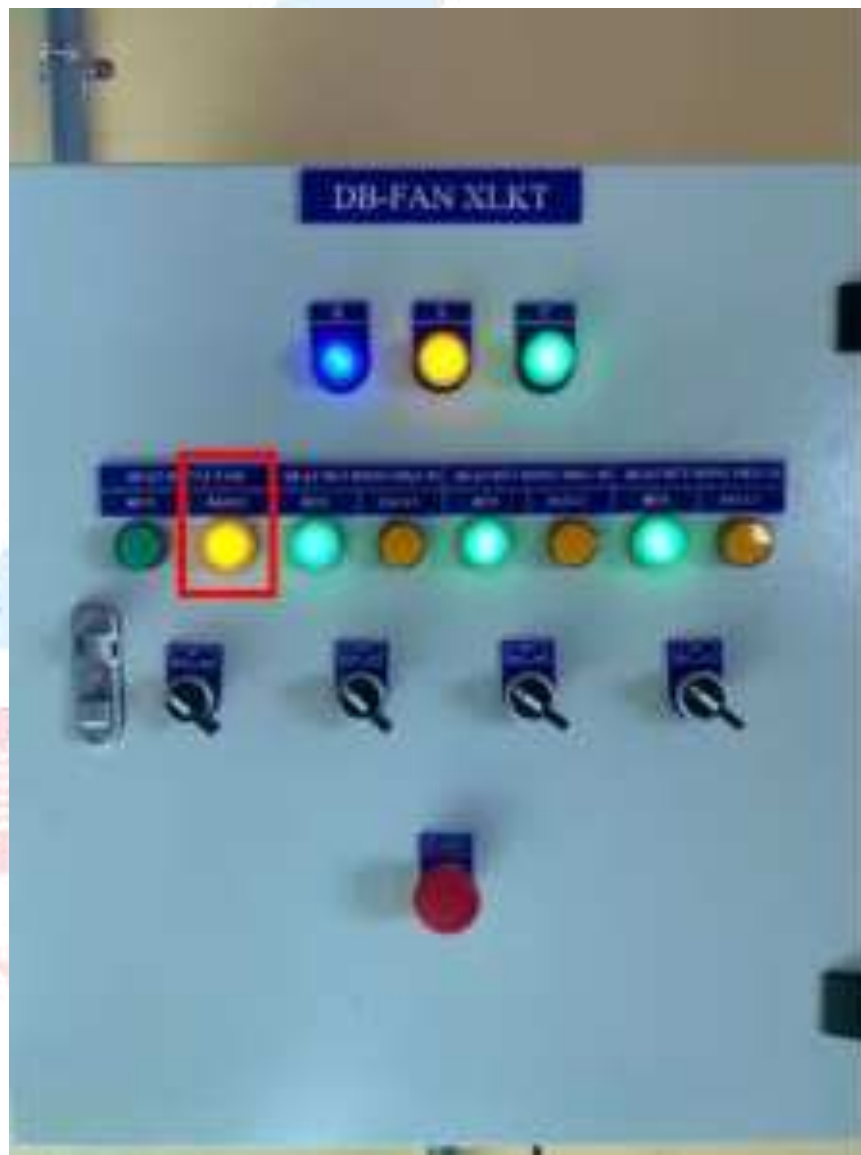
STT	Nội dung/hạng mục bảo trì	Tần suất
A	Phần tháp hấp phụ	
1	Thay than hoạt tính cho tháp hấp phụ	1 lần/6-12 tháng
B	Phần đường ống	
1	Kiểm tra sự rò rỉ	1 lần/tháng
2	Kiểm tra siết chặt giá đỡ đảm bảo đủ chắc chắn	1 lần/tháng
C	Phần thiết bị	
1	Motor quạt hút, quạt đồng trục + Siết chặt toàn bộ bulong, đai ốc + Siết lại cầu đấu của động cơ quạt + Kiểm tra độ rung lắc, tiếng ồn khi hoạt động + Đo cường độ dòng điện của thiết bị trong giới hạn cho phép + Kiểm tra đo cách điện: Pha-vỏ máy lớn hơn 0.5 MΩ.	1 lần/3 tháng
D	Phần điện và điều khiển	
1	Kiểm tra chức năng tủ trung tâm, mức độ an toàn tương thích của hệ thống khi chuyển hoạt động giữa các động cơ	1 lần/ngày



2	Kiểm tra tình trạng hoạt động của các phao báo tín hiệu	1 lần/ngày
3	Kiểm tra, đo kẹp chỉ số A, V khi hệ thống hoạt động	1 lần/1 tháng
4	Kiểm tra siết lại ốc các thiết bị trong tủ (khi OFF)	1 lần/1 tháng
5	Kiểm tra contactor xem các tiếp điểm có đóng ngắt tốt không.	1 lần/1 tháng
6	Vệ sinh tủ	1 lần/1 tháng

3.4. LỖI VẬN HÀNH VÀ KHẮC PHỤC SỰ CỐ

Khi động cơ hoạt động quá tải đèn vàng báo lỗi sẽ sáng.



Hình 3.1. Đèn báo lỗi thiết bị (TRIP)



3.4.1. Quạt ly tâm – quạt đồng trục

Bảng 3.2. Kiểm tra sự cố và cách khắc phục quạt ly tâm – quạt đồng trục

Stt	Sự cố	Nguyên nhân	Cách khắc phục
1	Máy làm việc nhưng có tiếng kêu gầm	Điện nguồn mất pha đưa vào motor	Kiểm tra và khắc phục lại nguồn điện.
		Bị chèn các vật cứng cánh quạt khí.	Tháo các vật bị chèn cứng ra khỏi cánh quạt khí.
		Cánh quạt khí bị lệch va chạm vào nhau.	Mang đi sửa chữa khắc phục.
		Ổ bi bị hư.	Thay mới ổ bi.
2	Máy hoạt động nhưng không có khí thoát ra hoặc lưu lượng khí ra bị giảm	Ngược chiều quay.	Đảo lại chiều quay.
		Cánh quạt bị hư hỏng	Sửa chữa hoặc thay mới.
		Nguồn điện cung cấp không đúng.	Kiểm tra nguồn điện và khắc phục.
3	Máy làm việc với dòng điện vượt quá giá trị ghi trên nhãn máy	Điện áp thấp.	Tắt máy, khắc phục lại tình trạng điện áp.
		Độ cách điện của bơm giảm quá quy định, nhỏ hơn 0.5 MΩ.	Sấy nâng cao độ cách điện.
		Bị sự cố cơ khí: bánh răng, vòng bi,...	Phát hiện chỗ hư hỏng về cơ khí để khắc phục.

HỢP NHẤT
 TRUNG THỰC - CHẤT LƯỢNG - NIỀM TIN



3.4.2. Tủ điện điều khiển

Bảng 3.3. Kiểm tra sự cố và cách khắc phục tủ điện điều khiển

Stt	Sự cố	Nguyên nhân	Cách khắc phục
1	Tủ điện bị hở/rò điện	Đầu cos không được siết chặt.	Kiểm tra và siết chặt đầu cos.
		Vỏ tủ cách điện không tốt.	Kiểm tra tiếp địa.
2	Rơ le nhiệt, CB, khởi động tự hỏng	Do quá tải, quá nhiệt, ngắn mạch ở các thiết bị dẫn đến dòng cao đột ngột gây hỏng rơ le nhiệt	Thay thiết bị mới
		Do sự không ổn định của điện áp cấp cho tủ điều khiển	Kiểm tra và khắc phục
3	Cầu chì, rơ le trung gian, đèn tín hiệu bị hỏng	Do sự không ổn định của điện áp cấp cho tủ điều khiển	Thay thiết bị mới
4	Tủ không tự động ngắt khi sụt áp, mất pha hay đảo pha	Thiết bị bảo vệ sụt áp, đảo pha đã bị hỏng	Kiểm tra và thay mới
5	Tủ điện bị mất pha, không đủ điện áp	Nguồn điện cấp vào không đủ pha, điện áp	Kiểm tra nguồn điện





PHẦN 4: AN TOÀN VẬN HÀNH

Các thiết bị tiêu thụ điện, dù tốt vẫn không tránh khỏi các rủi ro, ngay cả khi sử dụng đúng chính xác, người sử dụng dễ bị chủ quan không kiểm tra kỹ trước khi thao tác dẫn đến tai nạn.

Một số rủi ro thường xảy ra là:

- Rủi ro khi nối thiết bị với nguồn cung cấp điện.
- Rủi ro do sự rò rỉ điện.

An toàn về điện:

- Tủ điện điều khiển phải luôn đóng để tránh nước có thể bắn vào.
- Tránh để các vật có khả năng gây cháy nổ trong tủ điện điều khiển.
- Tránh để hóa chất bám vào các máng bảo vệ cáp điện, chân tủ điện và tủ điện điều khiển, gây ăn mòn vật liệu bảo vệ tuyến cáp điện.
- Khi ngừng hệ thống để sửa chữa nên tắt các CB điều khiển các thiết bị và MCB tổng. Đặt các biển báo cho người khác biết là thiết bị đang được vệ sinh, bảo dưỡng cấm được đóng điện chạy máy...
- Khi đóng mở các công tắc hay CB điều khiển, tay người vận hành phải thật khô ráo.
- Khi có sự cố như cháy, nổ, chập điện thì người vận hành phải lập tức nhấn nút EMERGENCY trên mặt tủ điện để ngừng ngay hoạt động. Sau đó ngắt CB tổng ở bên trong tủ điện.



Hình 4.1. Nút dừng khẩn cấp EMERGENCY



- Nếu phát hiện có thiết bị điện không hoạt động thì không được phép tự ý dùng bất cứ dụng cụ gì để sửa chữa trong khi hệ thống đang hoạt động. Khi đó, người vận hành phải tắt ngay nguồn cấp điện và báo cáo ngay cho người quản lý.

Khi xảy ra tai nạn điện giật, người vận hành cần thực hiện như sau:

- Ngắt ngay nguồn điện.
- Đưa người bị nạn đến nơi thông thoáng, thực hiện sơ cứu bằng hô hấp nhân tạo và gọi bác sĩ hoặc đưa ngay tới bệnh viện gần nhất.

Để thực hiện công việc bảo trì an toàn phải tuân theo các tiến trình sau:

- Cử nhân viên có kinh nghiệm và thành thạo trong công việc thay thế và sửa chữa các thiết bị điện cũng như các chi tiết về cơ khí của thiết bị tiêu thụ điện.
- Phải đảm bảo tuyệt đối là thiết bị đã được cách ly khỏi nguồn cung cấp điện.
- Có bảng báo hiệu để thông báo về việc sửa chữa.



Hình 4.2. Cảnh báo đang bảo trì điện



CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG VÀ CÔNG NGHỆ MÔI TRƯỜNG HỢP NHẤT

Địa chỉ văn phòng: 965/16/23L Quang Trung, P. 14, Q. Gò Vấp, TP. Hồ Chí Minh

Chi Nhánh Bình Định: Đường Nguyễn Quý Đức, P. Nhơn Bình, Tp. Quy Nhơn, Tỉnh. Bình Định

Chi Nhánh Cà Mau: Số 8 Nguyễn Văn Trỗi, Phường.5, TP.Cà Mau

Hotline: 028 38 315 423 - 0938.857.768 - 0938 089 368 MST: 0312298568

Website: www.moitruonghopnhat.com Email: congthongtin@moitruonghopnhat.com

PHÚ QUANG CO.,LTD

TRUNG THỰC - CHẤT LƯỢNG - NIỀM TIN

BẢN VẼ HOÀN CÔNG

<u>DỰ ÁN</u>	: HỆ THỐNG XỬ LÝ KHÍ THẢI CÔNG TY TNHH PHÚ QUANG
<u>CÔNG TRÌNH</u>	: THIẾT KẾ, THI CÔNG HỆ THỐNG XỬ LÝ KHÍ THẢI
<u>ĐỊA ĐIỂM</u>	: KCX VÀ CN LINH TRUNG III, XÃ AN TỊNH, HUYỆN TRẢNG BÀNG, TỈNH TÂY NINH
<u>CHỦ ĐẦU TƯ</u>	: CÔNG TY TNHH PHÚ QUANG
<u>NHÀ THẦU</u>	: CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG VÀ CÔNG NGHỆ MÔI TRƯỜNG HỢP NHẤT

Tây Ninh, tháng 1 / 2025



CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG VÀ CÔNG NGHỆ MÔI TRƯỜNG HỢP NHẤT

Địa chỉ văn phòng: 965/16/23L Quang Trung, P. 14, Q. Gò Vấp, TP. Hồ Chí Minh

Chi Nhánh Bình Định: Đường Nguyễn Quý Đức, P. Nhơn Bình, Tp. Quy Nhơn, Tỉnh. Bình Định

Chi Nhánh Cà Mau: Số 8 Nguyễn Văn Trỗi, Phường.5, TP.Cà Mau

Hotline: 028 38 315 423 - 0938.857.768 - 0938 089 368 MST: 0312298568

Website: www.moitruonghopnhat.com Email: congthongtin@moitruonghopnhat.com

PHÚ QUANG CO.,LTD

TRUNG THỰC - CHẤT LƯỢNG - NIỀM TIN

BẢN VẼ HOÀN CÔNG

DỰ ÁN : HỆ THỐNG XỬ LÝ KHÍ THẢI CÔNG TY TNHH PHÚ QUANG

CÔNG TRÌNH : THIẾT KẾ, THI CÔNG HỆ THỐNG XỬ LÝ KHÍ THẢI

ĐỊA ĐIỂM : KCX VÀ CN LINH TRUNG III, XÃ AN TỊNH, HUYỆN TRẢNG BÀNG, TỈNH TÂY NINH

CHỦ ĐẦU TƯ : CÔNG TY TNHH PHÚ QUANG

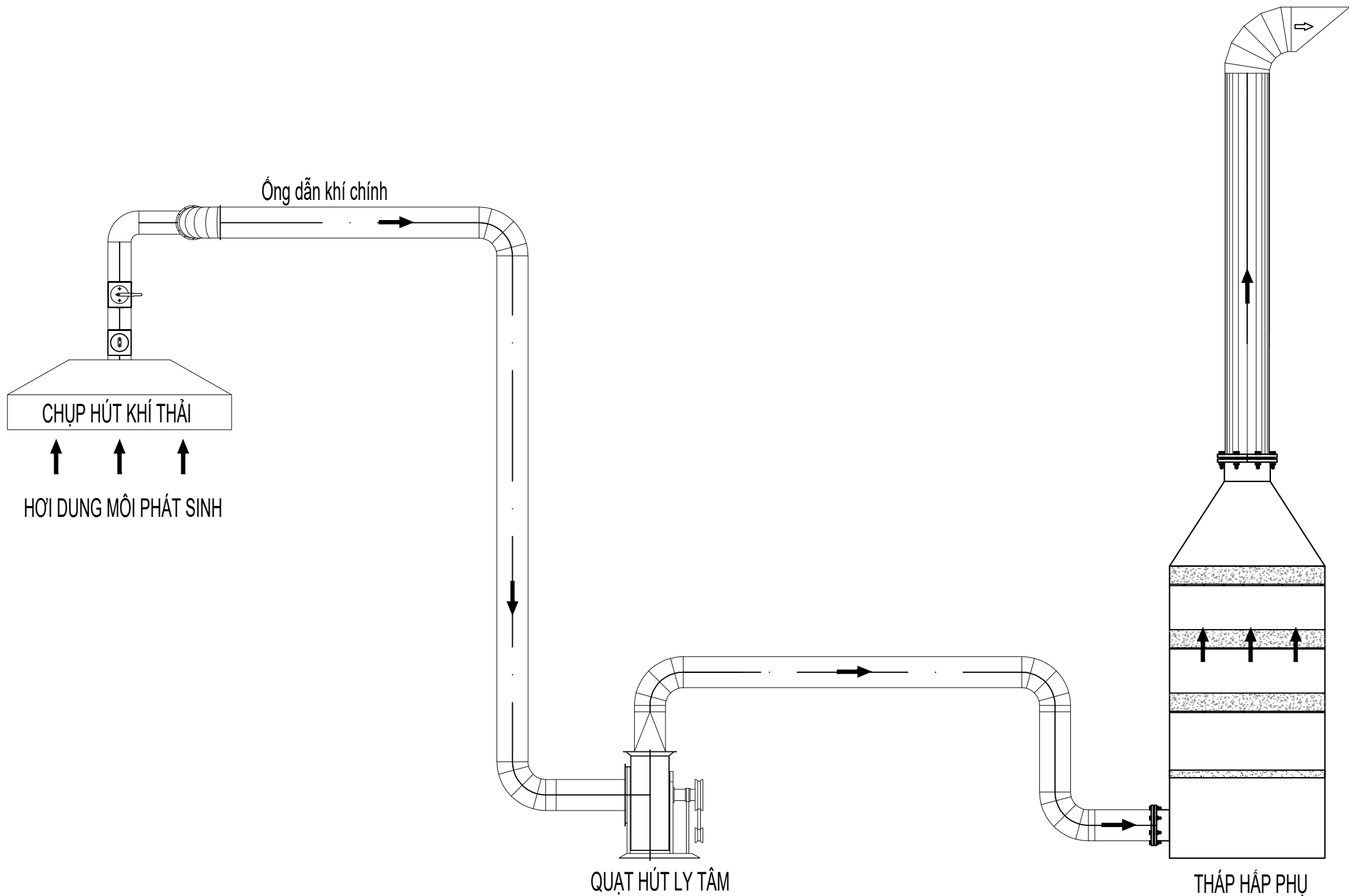
NHÀ THẦU : CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG VÀ CÔNG NGHỆ MÔI TRƯỜNG HỢP NHẤT

ĐẠI DIỆN CHỦ ĐẦU TƯ
CÔNG TY TNHH
PHÚ QUANG

ĐẠI DIỆN NHÀ THẦU
CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG & CÔNG NGHỆ MÔI TRƯỜNG
HỢP NHẤT

Tây Ninh, tháng 1 / 2025

SƠ ĐỒ CÔNG NGHỆ HỆ THỐNG XỬ LÝ KHÍ THẢI



Chủ đầu tư/Investor:

CÔNG TY TNHH PHÚ QUANG

Địa chỉ/Address: Lô số 100 và 101, Khu chế xuất và công nghiệp Linh Trung III, Xã An Thạnh, Huyện Trảng Bàng, Tỉnh Tây Ninh

Thẩm định thiết kế/Inspecting Authority:

Mục đích phát hành/Issued for:

BẢN VẼ HOÀN CÔNG

Ngày/Date:	Sửa/Rev:	Mô tả/Description:

Mặt bằng chỉ dẫn/Key plan:

Ghi chú/Notes:

Chỉ theo kích thước đã được xác định. Phải thông báo cho thiết kế những khác biệt về kích thước, nếu phát hiện được trước khi tiến hành.
Only figured dimension are to be worked from.
Discrepancies must be reported immediately to the designer before proceeding.

Tư vấn thiết kế/Consultant:



CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG & CÔNG NGHỆ MÔI TRƯỜNG
HỢP NHẤT

Địa chỉ: 965/16/23/L Quang Trung, P.14, Q.Gò Vấp, TP.HCM
Điện thoại: 028.38.315.423 - 0938.857.768
Email: congthongtin@moiuonghophat.com
Website: www.moiuonghophat.com - MST: 0312296568

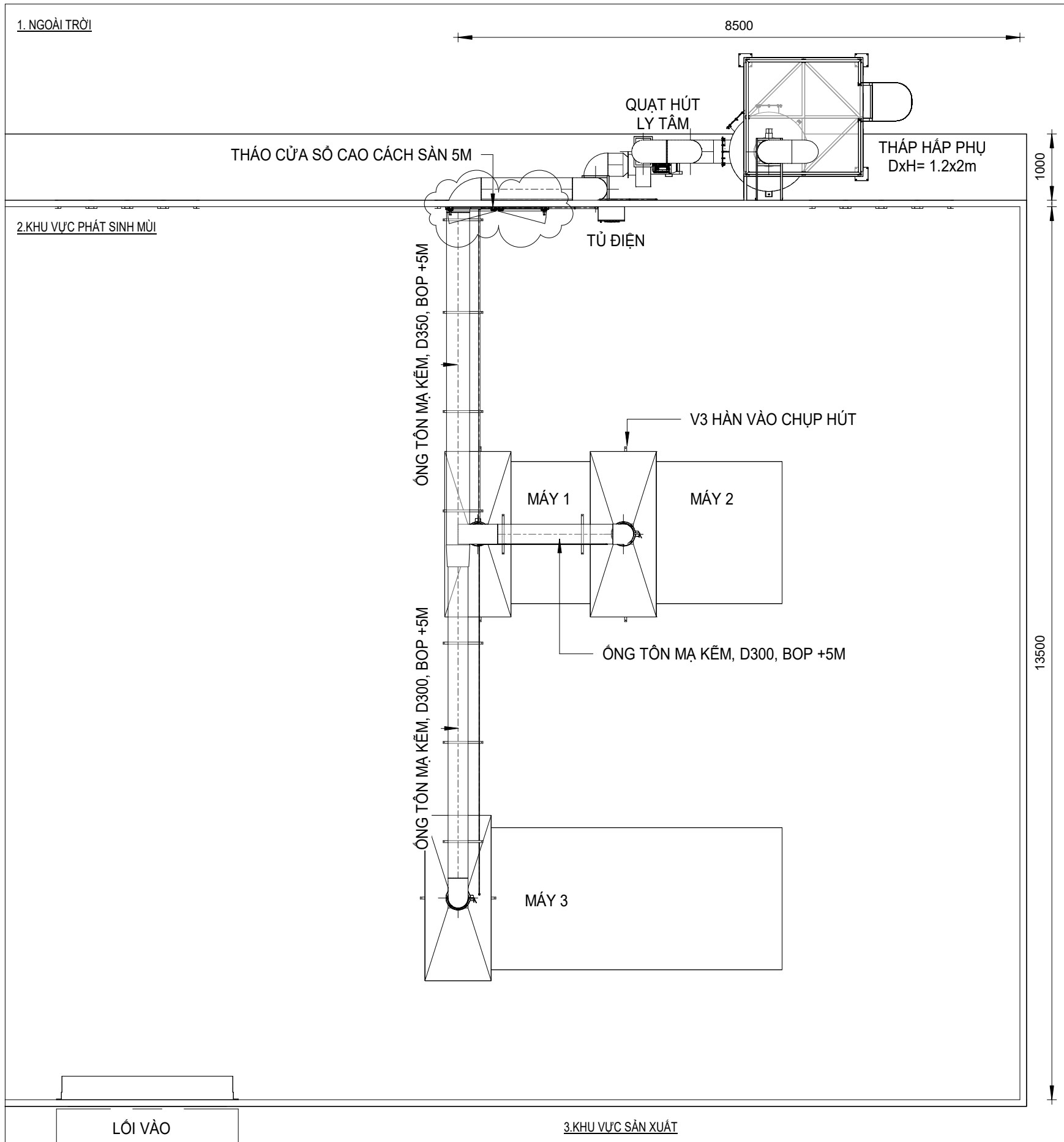
Tổng giám đốc/Director: PHAN THANH VŨ	
Chủ trì/Chief: HỒ ĐỨC SƠN	
Kiểm tra/Check by: HỒ ĐỨC SƠN	
Thiết kế/Designer by : LUƠNG TÂN QUANG	
Vẽ/Drawn by : TRƯƠNG THÀNH TÀI	

Tên dự án/Project name: HỆ THỐNG XỬ LÝ KHÍ THẢI CÔNG TY TNHH PHÚ QUANG
Địa điểm/Location: KHU CHẾ XUẤT VÀ CÔNG NGHIỆP LINH TRUNG III, XÃ AN THẠNH, HUYỆN TRẢNG BÀNG, TỈNH TÂY NINH
Hạng mục/Item: THIẾT KẾ, THI CÔNG HỆ THỐNG XỬ LÝ KHÍ THẢI

Tên bản vẽ/Drawing title: SƠ ĐỒ CÔNG NGHỆ

Tỉ lệ/Scale: NTS	Kích cỡ/Size: A3	Ngày/Date: 1/2025
Bản vẽ số/Drawing no: HN-HC-02	Tổng/Totat: 11	

MẶT BẰNG TỔNG THỂ HỆ THỐNG XỬ LÝ KHÍ THẢI



1. GHI CHÚ/NOTE (NGOÀI NHÀ):

- THIẾT BỊ QUẠT VÀ THÁP ĐẶT TRÊN BỤC XI-MĂNG NGOÀI TRỜI RỘNG 1M, LẤP ĐẶT BÔ SUNG CHỐNG V3 DƯỚI THÁP.
 - KẸP ĐỠ ỚNG ĐIỆN VÀ SUPPORT GIỮ ỚNG KHÍ.
 - CỖ ĐÌNH ỚNG KHÍ ĐẦU RA BẰNG CÁP VÀ TĂNG ĐỠ.
 - LẤP TƯỜNG GIẢ VÀ TRÉT SƠN HOÀN THIỆN VỊ TRÍ CỬA SỔ ĐÃ THẢO RA.
- * ĐƠN VỊ THI CÔNG KẾT HỢP, KIỂM TRA CÁC ĐIỀU KIỆN TỰ NHIÊN VÀ KINH NGHIỆM ĐỂ THI CÔNG ĐẢM BẢO KIỆN TOÀN.

2. GHI CHÚ/NOTE (TRONG NHÀ):

- VỊ TRÍ CHỤP HÚT NẪM Ở VỊ TRÍ ĐIỂM HÚT LÀ MÁY 1, 2, 3.
 - ỚNG KHÍ VÀ ĐIỆN TRONG NHÀ BẮT TY TREO TRẦN ĐẢM BẢO VỊ TRÍ ỚNG THEO THIẾT KẾ. (VỊ TRÍ BẮT TY THAY ĐỔI THEO TÌNH HÌNH THỰC TẾ NHƯNG ĐẢM BẢO SỐ LƯỢNG 9 CÁP)
 - HÀN V3 VÀ GẮN TY REN TREO TRẦN VÀO CHỤP HÚT.
 - XỊT FORM VÀ KIỂM TRA HỒ ỚNG SAU KHI HOÀN THIỆN.
- * ĐƠN VỊ THI CÔNG KẾT HỢP, KIỂM TRA CÁC ĐIỀU KIỆN TỰ NHIÊN VÀ KINH NGHIỆM ĐỂ THI CÔNG ĐẢM BẢO KIỆN TOÀN.

KÝ HIỆU/SIGN:
BOP=FFL+5000

CAO ĐỘ ỚNG

CAO ĐỘ SÀN HOÀN THIỆN/+0.000mm

CAO ĐỘ ĐÁY ỚNG

LƯU Ý/NOTE:

- FFL= +0.000 CỦA HỆ THỐNG ĐƯỜNG ỚNG ĐƯỢC QUY ƯỚC BẰNG FFL (MẶT ĐẤT) CỦA DỰ ÁN

Chủ đầu tư/Investor:

CÔNG TY TNHH PHÚ QUANG

PHÚ QUANG CO., LTD

Địa chỉ/Address: Lô số 100 và 101, Khu chế xuất và công nghiệp
Linh Trung III, Phường An Tịnh, Thị xã Trảng Bàng, Tỉnh Tây Ninh,
Việt Nam

Thẩm định thiết kế/Inspecting Authority:

Mục đích phát hành/Issued for:

BẢN VẼ HOÀN CÔNG

Ngày/Date:	Sửa/Rev:	Mô tả/Description:

Mặt bảng chỉ dẫn/Key plan:

Ghi chú/Notes:

Chỉ theo kích thước đã được xác định. Phải thông báo cho thiết kế
những khác biệt về kích thước, nếu phát hiện được trước khi tiến
hành.
Only figured dimension are to be worked from.
Discrepancies must be reported immediately to the designer before
proceeding.

Đơn vị tư vấn/Consultant:



CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG &
CÔNG NGHỆ MÔI TRƯỜNG
HỢP NHẤT

Địa chỉ: 965/16/23L Quang Trung, P.14, Q.Gò Vấp, TP.HCM
Điện thoại: 028.38.315.423 - 0938.857.768
Email: congthongtin@moiuonghopnhat.com
Website: www.moiuonghopnhat.com - MST: 0312298568

Tổng giám đốc/Director:	
PHAN THANH VŨ	
Chủ trì/Chief:	
HỒ ĐỨC SƠN	
Kiểm tra/Check by:	
Nguyễn Thanh Phong	
Thiết kế/Designer by :	
LƯƠNG TÂN QUANG	
Vẽ/Drawn by :	
TRƯƠNG THÀNH TÀI	

Tên dự án/Project name:

HỆ THỐNG XỬ LÝ KHÍ THẢI CÔNG TY TNHH PHÚ QUANG

Địa điểm/Location:

Lô số 100 và 101, Khu chế xuất và công nghiệp Linh Trung III,
Phường An Tịnh, Thị xã Trảng Bàng, Tỉnh Tây Ninh, Việt Nam

Hạng mục/Item:

THIẾT KẾ, THI CÔNG VÀ LẤP ĐẶT HỆ THỐNG XỬ LÝ KHÍ THẢI

Tên bản vẽ/Drawing title:

MẶT BẰNG TỔNG THỂ HỆ THỐNG XỬ LÝ
KHÍ THẢI

Tỉ lệ/Scale:
NTS

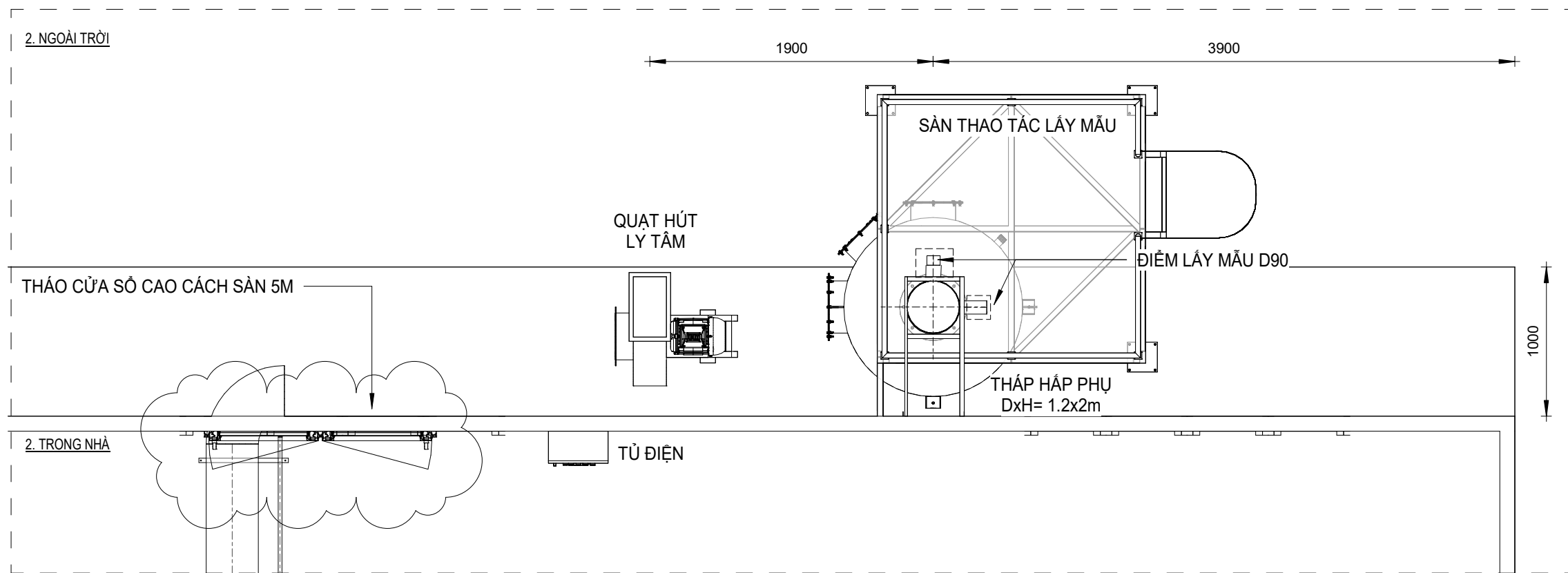
Kích cỡ/Size:
A3

Ngày/Date:
1/2025

Bản vẽ số/Drawing no:
HN-HC-03

Tổng/TOTAL:
11

MẶT BẰNG BỐ TRÍ THIẾT BỊ



1 MẶT BẰNG BỐ TRÍ THIẾT BỊ HỆ THỐNG XỬ LÝ

1 : 35

1. GHI CHÚ/NOTE (NGOÀI NHÀ):

- THIẾT BỊ QUẠT VÀ THÁP ĐẶT TRÊN BỤC XI-MĂNG NGOÀI TRỜI RỘNG 1M, LẮP ĐẶT BỐ SUNG CHÓNG V3 DƯỚI THÁP.
- KẸP ĐỠ ỚNG ĐIỆN VÀ SUPPORT GIỮ ỚNG KHÍ.
- CỐ ĐỊNH ỚNG KHÍ ĐẦU RA BẰNG CÁP VÀ TẮNG ĐỠ.
- LẮP TƯỜNG GIẢ VÀ TRÉT SƠN HOÀN THIỆN VỊ TRÍ CỬA SỔ ĐÃ THẢO RA.
- * ĐƠN VỊ THI CÔNG KẾT HỢP, KIỂM TRA CÁC ĐIỀU KIỆN TỰ NHIÊN VÀ KINH NGHIỆM ĐỂ THI CÔNG ĐẢM BẢO KIỆN TOÀN.

KÝ HIỆU/SIGN:
BOP=FFL+5000

CAO ĐỘ ỚNG

CAO ĐỘ SÀN HOÀN THIỆN/+0.000mm

CAO ĐỘ ĐÁY ỚNG

LƯU Ý/NOTE:

- FFL= +0.000 CỦA HỆ THỐNG ĐƯỜNG ỚNG ĐƯỢC QUY ƯỚC BẰNG FFL (MẶT ĐẤT) CỦA DỰ ÁN

Chủ đầu tư/Investor:

CÔNG TY TNHH PHÚ QUANG

PHÚ QUANG CO., LTD

Địa chỉ/Address: Lô số 100 và 101, Khu chế xuất và công nghiệp
Linh Trung III, Phường An Tịnh, Thị xã Trảng Bàng, Tỉnh Tây Ninh,
Việt Nam

Thẩm định thiết kế/Inspecting Authority:

Mục đích phát hành/Issued for:

BẢN VẼ HOÀN CÔNG

Ngày/Date:	Sửa/Rev:	Mô tả/Description:

Mặt bằng chỉ dẫn/Key plan:

Ghi chú/Notes:

Chỉ theo kích thước đã được xác định. Phải thông báo cho thiết kế
những khác biệt về kích thước, nếu phát hiện được trước khi tiến
hành.
Only figured dimension are to be worked from.
Discrepancies must be reported immediately to the designer before
proceeding.

Đơn vị tư vấn/Consultant:



CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG &
CÔNG NGHỆ MÔI TRƯỜNG
HỢP NHẤT

Địa chỉ: 965/16/23L Quang Trung, P.14, Q.Gò Vấp, TP.HCM
Điện thoại: 028.38.315.423 - 0938.857.768
Email: congthongtin@moitruonghopnhathat.com
Website: www.moitruonghopnhathat.com - MST: 0312298568

Tổng giám đốc/Director:	
PHAN THANH VŨ	
Chủ trì/Chief:	
HỒ ĐỨC SƠN	
Kiểm tra/Check by:	
Nguyễn Thanh Phong	
Thiết kế/Designer by :	
LƯƠNG TÂN QUANG	
Vẽ/Drawn by :	
TRƯƠNG THÀNH TÀI	

Tên dự án/Project name:

HỆ THỐNG XỬ LÝ KHÍ THẢI CÔNG TY TNHH PHÚ QUANG

Địa điểm/Location:

Lô số 100 và 101, Khu chế xuất và công nghiệp Linh Trung III,
Phường An Tịnh, Thị xã Trảng Bàng, Tỉnh Tây Ninh, Việt Nam

Hạng mục/Item:

THIẾT KẾ, THI CÔNG VÀ LẮP ĐẶT HỆ THỐNG XỬ LÝ KHÍ THẢI

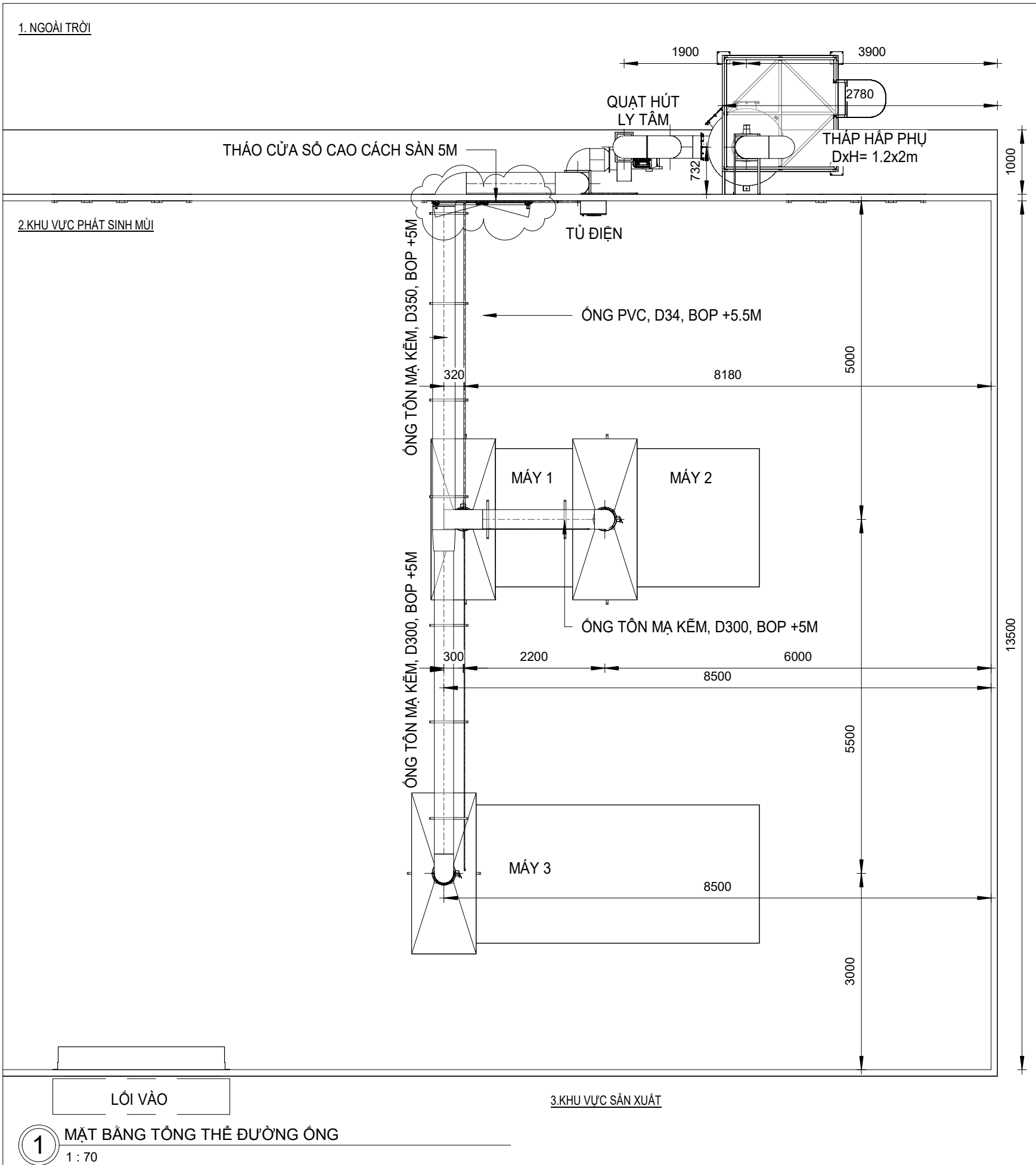
Tên bản vẽ/Drawing title:

MẶT BẰNG BỐ TRÍ THIẾT BỊ

Tỉ lệ/Scale:	Kích cỡ/Size:	Ngày/Date:
NTS	A3	1/2025

Bản vẽ số/Drawing no:	Tổng/Total:
HN-HC-04	11

MẶT BẰNG TỔNG THỂ ĐƯỜNG ỐNG



1. GHI CHÚ/NOTE (NGOÀI NHÀ):

- THIẾT BỊ QUẠT VÀ THÁP ĐẶT TRÊN BỤC XI-MĂNG NGOÀI TRỜI RỘNG 1M, LẮP ĐẶT BỘ SUNG CHỐNG V3 DƯỚI THÁP.
- KẸP ĐỠ ỚNG ĐIỆN VÀ SUPPORT GIỮ ỚNG KHÍ.
- CỐ ĐỊNH ỚNG KHÍ ĐẦU RA BẰNG CÁP VÀ TĂNG ĐỠ.
- LẮP TƯỜNG GIÁ VÀ TRÉT SƠN HOÀN THIỆN VỊ TRÍ CỬA SỔ ĐÃ THẢO RA.

* ĐƠN VỊ THI CÔNG KẾT HỢP, KIỂM TRA CÁC ĐIỀU KIỆN TỰ NHIÊN VÀ KINH NGHIỆM ĐỂ THI CÔNG ĐẢM BẢO KIỆN TOÀN.

2. GHI CHÚ/NOTE (TRONG NHÀ):

- VỊ TRÍ CHỤP HÚT NÀM Ở VỊ TRÍ ĐIỂM HÚT LÀ MÁY 1, 2, 3.
- ỚNG KHÍ VÀ ĐIỆN TRONG NHÀ BẮT TÝ TREO TRẦN ĐẢM BẢO VỊ TRÍ ỚNG THEO THIẾT KẾ . (VỊ TRÍ BẮT TÝ THAY ĐỔI THEO TÌNH HÌNH THỰC TẾ NHƯNG ĐẢM BẢO SỐ LƯỢNG 9 CÁI)
- HÀN V3 VÀ GẮN TÝ REN TREO TRẦN VÀO CHỤP HÚT.
- XỊT FORM VÀ KIỂM TRA HỖ ỚNG SAU KHI HOÀN THIỆN.

* ĐƠN VỊ THI CÔNG KẾT HỢP, KIỂM TRA CÁC ĐIỀU KIỆN TỰ NHIÊN VÀ KINH NGHIỆM ĐỂ THI CÔNG ĐẢM BẢO KIỆN TOÀN.

KÝ HIỆU/SIGN:

BOP=FFL+5000

CAO ĐỘ ỚNG

CAO ĐỘ SÀN HOÀN THIỆN/+0.000mm

CAO ĐỘ ĐÁY ỚNG

LƯU Ý/NOTE:

- FFL= +0.000 CỦA HỆ THỐNG ĐƯỜNG ỚNG ĐƯỢC QUY ƯỚC BẰNG FFL (MẶT ĐẤT) CỦA DỰ ÁN

Chủ đầu tư/Investor:

CÔNG TY TNHH PHÚ QUANG

PHÚ QUANG CO., LTD

Địa chỉ/Address: Lô số 100 và 101, Khu chế xuất và công nghiệp Linh Trung III, Phường An Tịnh, Thị xã Trảng Bàng, Tỉnh Tây Ninh, Việt Nam

Thẩm định thiết kế/Inspecting Authority:

Mục đích phát hành/Issued for:

BẢN VẼ HOÀN CÔNG

Ngày/Date:	Sửa/Rev:	Mô tả/Description:

Mặt bằng chỉ dẫn/Key plan:

Ghi chú/Notes:

Chỉ theo kích thước đã được xác định. Phải thông báo cho thiết kế những khác biệt về kích thước, nếu phát hiện được trước khi tiến hành.
Only figured dimension are to be worked from.
Discrepancies must be reported immediately to the designer before proceeding.

Đơn vị tư vấn/Consultant:



CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG & CÔNG NGHỆ MÔI TRƯỜNG HỢP NHẤT

Địa chỉ: 965/16/23L Quang Trung, P.14, Q.Gò Vấp, TP.HCM
Điện thoại: 028.38.315.423 - 0938.857.768
Email: congthongtin@moiuonghophat.com
Website: www.moiuonghophat.com - MST: 0312298568

Tổng giám đốc/Director:	
PHAN THANH VŨ	
Chủ trì/Chief:	
HỒ ĐỨC SƠN	
Kiểm tra/Check by:	
Nguyễn Thanh Phong	
Thiết kế/Designer by :	
LƯƠNG TÂN QUANG	
Vẽ/Drawn by :	
TRƯƠNG THÀNH TÀI	

Tên dự án/Project name:

HỆ THỐNG XỬ LÝ KHÍ THẢI CÔNG TY TNHH PHÚ QUANG

Địa điểm/Location:

Lô số 100 và 101, Khu chế xuất và công nghiệp Linh Trung III, Phường An Tịnh, Thị xã Trảng Bàng, Tỉnh Tây Ninh, Việt Nam

Hạng mục/Item:

THIẾT KẾ, THI CÔNG VÀ LẮP ĐẶT HỆ THỐNG XỬ LÝ KHÍ THẢI

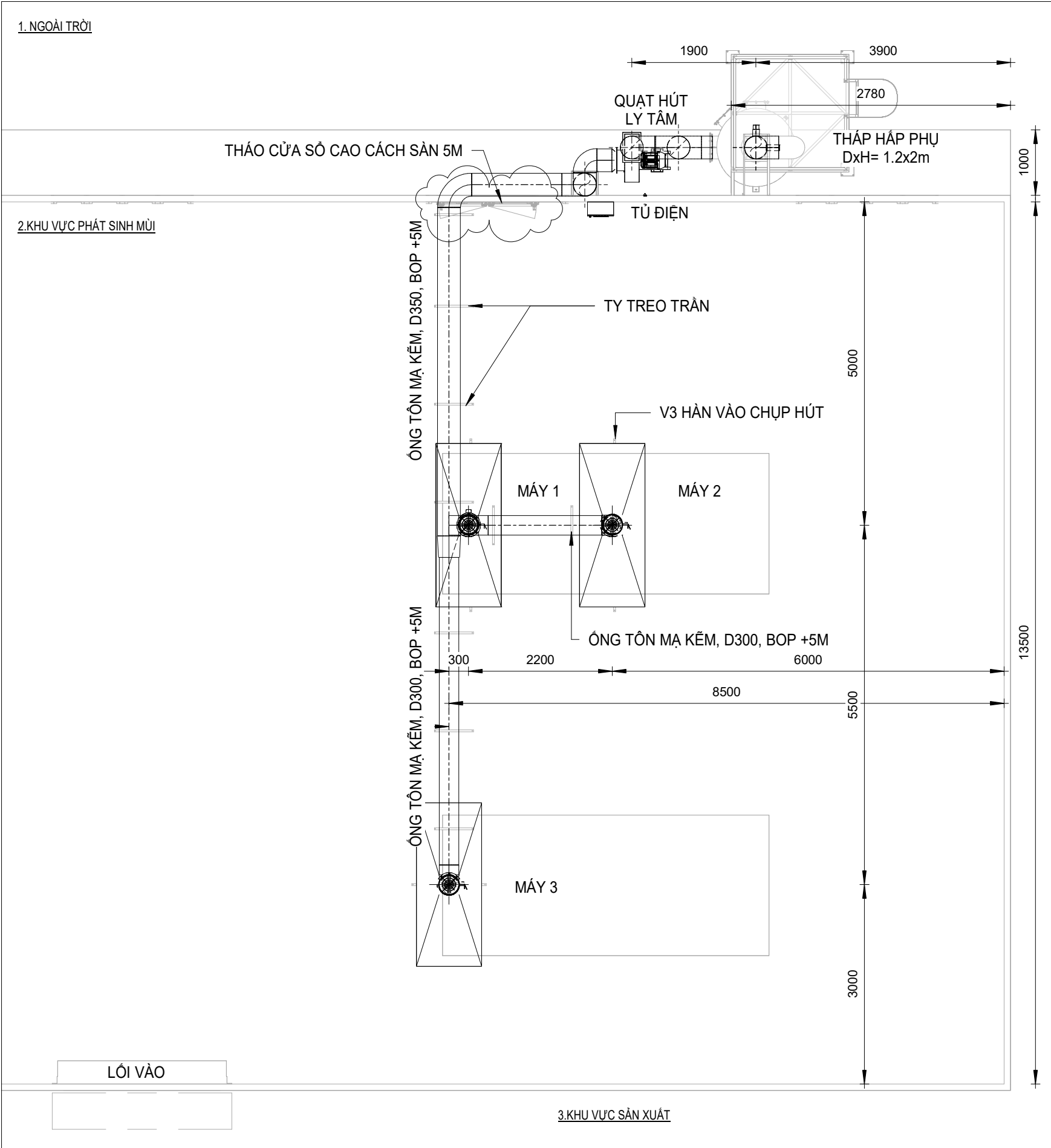
Tên bản vẽ/Drawing title:

MẶT BẰNG TỔNG THỂ ĐƯỜNG ỐNG

Tỉ lệ/Scale: NTS
Kích cỡ/Size: A3
Ngày/Date: 1/2025

Bản vẽ số/Drawing no: HN-HC-05
Tổng/Total: 11

MẶT BẰNG ĐƯỜNG ỐNG KHÍ



1. GHI CHÚ/NOTE (NGOÀI NHÀ):

- THIẾT BỊ QUẠT VÀ THÁP ĐẶT TRÊN BỤC XI-MĂNG NGOÀI TRỜI RỘNG 1M, LẤP ĐẶT BỐ SUNG CHỐNG V3 DƯỚI THÁP.
- KỆP ĐỠ ỚNG ĐIỆN VÀ SUPPORT GIỮ ỚNG KHÍ.
- CỖ ĐINH ỚNG KHÍ ĐẦU RA BẰNG CẤP VÀ TẶNG ĐỠ.
- LẤP TƯỜNG GIẢ VÀ TRÉT SƠN HOÀN THIỆN VỊ TRÍ CỬA SỔ ĐÃ THẢO RA.
- * ĐƠN VỊ THI CÔNG KẾT HỢP, KIỂM TRA CÁC ĐIỀU KIỆN TỰ NHIÊN VÀ KINH NGHIỆM ĐỂ THI CÔNG ĐẢM BẢO KIỆN TOÀN.

2. GHI CHÚ/NOTE (TRONG NHÀ):

- VỊ TRÍ CHỤP HÚT NẰM Ở VỊ TRÍ ĐIỂM HÚT LÀ MÁY 1, 2, 3.
- ỚNG KHÍ VÀ ĐIỆN TRONG NHÀ BẮT TY TREO TRẦN ĐẢM BẢO VỊ TRÍ ỚNG THEO THIẾT KẾ . (VỊ TRÍ BẮT TY THAY ĐỔI THEO TÌNH HÌNH THỰC TẾ NHƯNG ĐẢM BẢO SỐ LƯỢNG 9 CẢI)
- HÀN V3 VÀ GẮN TY REN TREO TRẦN VÀO CHỤP HÚT.
- XỊT FORM VÀ KIỂM TRA HỠ ỚNG SAU KHI HOÀN THIỆN.
- * ĐƠN VỊ THI CÔNG KẾT HỢP, KIỂM TRA CÁC ĐIỀU KIỆN TỰ NHIÊN VÀ KINH NGHIỆM ĐỂ THI CÔNG ĐẢM BẢO KIỆN TOÀN.

KÝ HIỆU/SIGN:
BOP=FFL+5000

CAO ĐỘ ỚNG

CAO ĐỘ SÀN HOÀN THIỆN/+0.000mm

CAO ĐỘ ĐÁY ỚNG

LƯU Ý/NOTE:

- FFL= +0.000 CỦA HỆ THỐNG ĐƯỜNG ỚNG ĐƯỢC QUY ỚC BẰNG FFL (MẶT ĐẤT) CỦA DỰ ÁN

Chủ đầu tư/Investor:

CÔNG TY TNHH PHÚ QUANG

PHÚ QUANG CO., LTD

Địa chỉ/Address: Lô số 100 và 101, Khu chế xuất và công nghiệp
Linh Trung III, Phường An Tịnh, Thị xã Trảng Bàng, Tỉnh Tây Ninh,
Việt Nam

Thẩm định thiết kế/Inspecting Authority:

Mục đích phát hành/Issued for:

BẢN VẼ HOÀN CÔNG

Ngày/Date:	Sửa/Rev:	Mô tả/Description:

Mặt bảng chỉ dẫn/Key plan:

Ghi chú/Notes:

Chỉ theo kích thước đã được xác định. Phải thông báo cho thiết kế
những khác biệt về kích thước, nếu phát hiện được trước khi tiến
hành.
Only figured dimension are to be worked from.
Discrepancies must be reported immediately to the designer before
proceeding.

Đơn vị tư vấn/Consultant:

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG &
CÔNG NGHỆ MÔI TRƯỜNG
HỢP NHẤT

Địa chỉ: 965/16/23L Quang Trung, P.14, Q.Gò Vấp, TP.HCM
Điện thoại: 028.38.315.423 - 0938.857.768
Email: congthongtin@moiuonghophat.com
Website: www.moiuonghophat.com - MST: 0312298568

Tổng giám đốc/Director:	
PHAN THANH VŨ	
Chủ trì/Chief:	
HỒ ĐỨC SƠN	
Kiểm tra/Check by:	
Nguyễn Thanh Phong	
Thiết kế/Designer by :	
LƯƠNG TÂN QUANG	
Vẽ/Drawn by :	
TRƯƠNG THÀNH TÀI	

Tên dự án/Project name:

HỆ THỐNG XỬ LÝ KHÍ THẢI CÔNG TY TNHH PHÚ QUANG

Địa điểm/Location:

Lô số 100 và 101, Khu chế xuất và công nghiệp Linh Trung III,
Phường An Tịnh, Thị xã Trảng Bàng, Tỉnh Tây Ninh, Việt Nam

Hạng mục/Item:

THIẾT KẾ, THI CÔNG VÀ LẮP ĐẶT HỆ THỐNG XỬ LÝ KHÍ THẢI

Tên bản vẽ/Drawing title:

MẶT BẰNG ĐƯỜNG ỐNG KHÍ

Tỉ lệ/Scale:	Kích cỡ/Size:	Ngày/Date:
NTS	A3	1/2025

Bản vẽ số/Drawing no:	Tổng/Total:
HN-HC-06	11

1 MẶT BẰNG ĐƯỜNG ỐNG KHÍ

1 : 70

MẶT BẰNG ĐƯỜNG ỐNG ĐIỆN

1. NGOÀI TRỜI

ỐNG PVC, D21, BOP +5.5M

THÁO CỬA SỔ CAO CÁCH SÀN 5M

QUẠT HÚT
LY TÂM

THÁP HẤP PHỤ
DxH= 1.2x2m

TỦ ĐIỆN

2.KHU VỰC PHÁT SINH MÙI

ỐNG PVC, D34, BOP +5.5M

MÁY 1

MÁY 2

380

1550

1930

ỐNG PVC, D21, BOP +5.5M

ỐNG PVC, D21, BOP +5.5M

MÁY 3

5100

10400

5300

LỐI VÀO

3.KHU VỰC SẢN XUẤT

1. GHI CHÚ/NOTE (NGOÀI NHÀ):

- THIẾT BỊ QUẠT VÀ THÁP ĐẶT TRÊN BỤC XI-MĂNG NGOÀI TRỜI RỘNG 1M, LẮP ĐẶT BỐ SUNG CHỐNG V3 DƯỚI THÁP.
- KẸP ĐỠ ỐNG ĐIỆN VÀ SUPPORT GIỮ ỐNG KHÍ.
- CỐ ĐỊNH ỐNG KHÍ ĐẦU RA BẰNG CÁP VÀ TẮNG ĐỠ.
- LẮP TƯỜNG GIÁ VÀ TRÉT SƠN HOÀN THIỆN VỊ TRÍ CỬA SỔ ĐÃ THÁO RA.
- * ĐƠN VỊ THI CÔNG KẾT HỢP, KIỂM TRA CÁC ĐIỀU KIỆN TỰ NHIÊN VÀ KINH NGHIỆM ĐỂ THI CÔNG ĐẢM BẢO KIỆN TOÀN.

2. GHI CHÚ/NOTE (TRONG NHÀ):

- VỊ TRÍ CHỤP HÚT NẪM Ở VỊ TRÍ ĐIỂM HÚT LÀ MÁY 1, 2, 3.
- ỐNG KHÍ VÀ ĐIỆN TRONG NHÀ BẮT TÝ TREO TRẦN ĐẢM BẢO VỊ TRÍ ỐNG THEO THIẾT KẾ . (VỊ TRÍ BẮT TÝ THAY ĐỔI THEO TÌNH HÌNH THỰC TẾ NHƯNG ĐẢM BẢO SỐ LƯỢNG 9 CẢI)
- HÀN V3 VÀ GẮN TÝ REN TREO TRẦN VÀO CHỤP HÚT.
- XỊT FORM VÀ KIỂM TRA HỖ ỐNG SAU KHI HOÀN THIỆN.
- * ĐƠN VỊ THI CÔNG KẾT HỢP, KIỂM TRA CÁC ĐIỀU KIỆN TỰ NHIÊN VÀ KINH NGHIỆM ĐỂ THI CÔNG ĐẢM BẢO KIỆN TOÀN.

KÝ HIỆU/SIGN:
BOP=FFL+5000

CAO ĐỘ ỐNG

CAO ĐỘ SÀN HOÀN THIỆN/+0.000mm

CAO ĐỘ ĐÁY ỐNG

LƯU Ý/NOTE:

- FFL= +0.000 CỦA HỆ THỐNG ĐƯỜNG ỐNG ĐƯỢC QUY ƯỚC BẰNG FFL (MẶT ĐẤT) CỦA DỰ ÁN

Chủ đầu tư/Investor:

CÔNG TY TNHH PHÚ QUANG

PHÚ QUANG CO., LTD

Địa chỉ/Address: Lô số 100 và 101, Khu chế xuất và công nghiệp
Linh Trung III, Phường An Tịnh, Thị xã Trảng Bàng, Tỉnh Tây Ninh,
Việt Nam

Thẩm định thiết kế/Inspecting Authority:

Mục đích phát hành/Issued for:

BẢN VẼ HOÀN CÔNG

Ngày/Date:	Sửa/Rev:	Mô tả/Description:

Mặt bằng chỉ dẫn/Key plan:

Ghi chú/Notes:

Chỉ theo kích thước đã được xác định. Phải thông báo cho thiết kế
những khác biệt về kích thước, nếu phát hiện được trước khi tiến
hành.
Only figured dimension are to be worked from.
Discrepancies must be reported immediately to the designer before
proceeding.

Đơn vị tư vấn/Consultant:



CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG &
CÔNG NGHỆ MÔI TRƯỜNG
HỢP NHẤT

Địa chỉ: 965/16/23L Quang Trung, P.14, Q.Gò Vấp, TP.HCM
Điện thoại: 028.38.315.423 - 0938.857.768
Email: congthongtin@moiuonghopnhathat.com
Website: www.moiuonghopnhathat.com - MST: 0312298568

Tổng giám đốc/Director:	
PHAN THANH VŨ	
Chủ trì/Chief:	
HỒ ĐỨC SƠN	
Kiểm tra/Check by:	
Nguyễn Thanh Phong	
Thiết kế/Designer by :	
LƯƠNG TÂN QUANG	
Vẽ/Drawn by :	
TRƯƠNG THÀNH TÀI	

Tên dự án/Project name:

HỆ THỐNG XỬ LÝ KHÍ THẢI CÔNG TY TNHH PHÚ QUANG

Địa điểm/Location:

Lô số 100 và 101, Khu chế xuất và công nghiệp Linh Trung III,
Phường An Tịnh, Thị xã Trảng Bàng, Tỉnh Tây Ninh, Việt Nam

Hạng mục/Item:

THIẾT KẾ, THI CÔNG VÀ LẮP ĐẶT HỆ THỐNG XỬ LÝ KHÍ THẢI

Tên bản vẽ/Drawing title:

MẶT BẰNG ĐƯỜNG ỐNG ĐIỆN

Tỉ lệ/Scale: NTS	Kích cỡ/Size: A3	Ngày/Date: 1/2025
---------------------	---------------------	----------------------

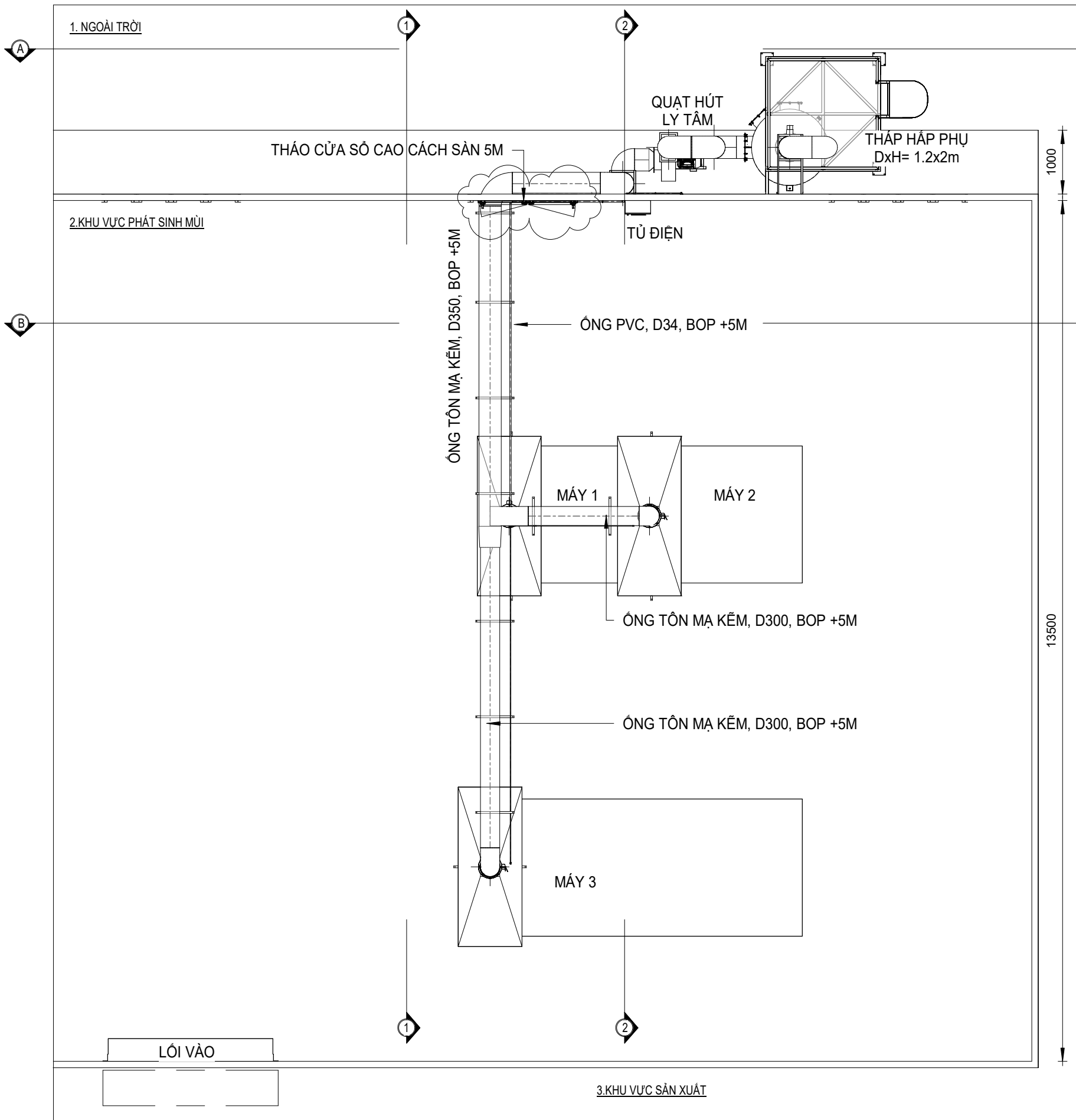
Bản vẽ số/Drawing no: HN-HC-07	Tổng/Total: 11
-----------------------------------	-------------------

1

MẶT BẰNG ĐƯỜNG ỐNG ĐIỆN

1 : 70

MẶT BẰNG MẶT CẮT



1. GHI CHÚ/NOTE (NGOÀI NHÀ):

- THIẾT BỊ QUẠT VÀ THÁP ĐẶT TRÊN BỤC XI-MĂNG NGOÀI TRỜI RỘNG 1M, LẤP ĐẶT BỎ SUNG CHÔNG V3 DƯỚI THÁP.
- KẸP ĐỠ ỚNG ĐIỆN VÀ SUPPORT GIỮ ỚNG KHÍ.
- CỎ ĐINH ỚNG KHÍ ĐẦU RA BẰNG CẤP VÀ TẦNG ĐỠ.
- LẤP TƯỜNG GIẢ VÀ TRÉT SƠN HOÀN THIỆN VỊ TRÍ CỬA SỔ ĐÃ THẢO RA.
- * ĐƠN VỊ THI CÔNG KẾT HỢP, KIỂM TRA CÁC ĐIỀU KIỆN TỰ NHIÊN VÀ KINH NGHIỆM ĐỂ THI CÔNG ĐẢM BẢO KIỆN TOÀN.

2. GHI CHÚ/NOTE (TRONG NHÀ):

- VỊ TRÍ CHỤP HÚT NẰM Ở VỊ TRÍ ĐIỂM HÚT LÀ MÁY 1, 2, 3.
- ỚNG KHÍ VÀ ĐIỆN TRONG NHÀ BẮT TỶ TREO TRẦN ĐẢM BẢO VỊ TRÍ ỚNG THEO THIẾT KẾ . (VỊ TRÍ BẮT TỶ THAY ĐỔI THEO TÌNH HÌNH THỰC TẾ NHƯNG ĐẢM BẢO SỐ LƯỢNG 9 CẢI)
- HÀN V3 VÀ GẮN TỶ REN TREO TRẦN VÀO CHỤP HÚT.
- XỊT FORM VÀ KIỂM TRA HỜ ỚNG SAU KHI HOÀN THIỆN.
- * ĐƠN VỊ THI CÔNG KẾT HỢP, KIỂM TRA CÁC ĐIỀU KIỆN TỰ NHIÊN VÀ KINH NGHIỆM ĐỂ THI CÔNG ĐẢM BẢO KIỆN TOÀN.

KÝ HIỆU/SIGN:
BOP=FFL+5000

CAO ĐỘ ỚNG

CAO ĐỘ SÀN HOÀN THIỆN/+0.000mm

CAO ĐỘ ĐÁY ỚNG

LƯU Ý/NOTE:

- FFL= +0.000 CỦA HỆ THỐNG ĐƯỜNG ỚNG ĐƯỢC QUY ƯỚC BẰNG FFL (MẶT ĐẤT) CỦA DỰ ÁN

Chủ đầu tư/Investor:

CÔNG TY TNHH PHÚ QUANG

PHÚ QUANG CO., LTD

Địa chỉ/Address: Lô số 100 và 101, Khu chế xuất và công nghiệp
Linh Trung III, Phường An Tịnh, Thị xã Trảng Bàng, Tỉnh Tây Ninh,
Việt Nam

Thẩm định thiết kế/Inspecting Authority:

Mục đích phát hành/Issued for:

BẢN VẼ HOÀN CÔNG

Ngày/Date:	Sửa/Rev:	Mô tả/Description:

Mặt bằng chỉ dẫn/Key plan:

Ghi chú/Notes:

Chỉ theo kích thước đã được xác định. Phải thông báo cho thiết kế
những khác biệt về kích thước, nếu phát hiện được trước khi tiến
hành.
Only figured dimension are to be worked from.
Discrepancies must be reported immediately to the designer before
proceeding.

Đơn vị tư vấn/Consultant:



**CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG &
CÔNG NGHỆ MÔI TRƯỜNG
HỢP NHẤT**

Địa chỉ: 965/16/23L Quang Trung, P.14, Q.Gò Vấp, TP.HCM
Điện thoại: 028.38.315.423 - 0938.857.768
Email: congthongtin@moitruonghopnhat.com
Website: www.moitruonghopnhat.com - MST: 0312298568

Tổng giám đốc/Director:	
PHAN THANH VŨ	
Chủ trì/Chief:	
HỒ ĐỨC SƠN	
Kiểm tra/Check by:	
Nguyễn Thanh Phong	
Thiết kế/Designer by :	
LƯƠNG TÂN QUANG	
Vẽ/Drawn by :	
TRƯƠNG THÁNH TÀI	

Tên dự án/Project name:

HỆ THỐNG XỬ LÝ KHÍ THẢI CÔNG TY TNHH PHÚ QUANG

Địa điểm/Location:

Lô số 100 và 101, Khu chế xuất và công nghiệp Linh Trung III,
Phường An Tịnh, Thị xã Trảng Bàng, Tỉnh Tây Ninh, Việt Nam

Hạng mục/Item:

THIẾT KẾ, THI CÔNG VÀ LẮP ĐẶT HỆ THỐNG XỬ LÝ KHÍ THẢI

Tên bản vẽ/Drawing title:

MẶT BẰNG MẶT CẮT

Tỉ lệ/Scale:	Kích cỡ/Size:	Ngày/Date:
NTS	A3	1/2025

Bản vẽ số/Drawing no:	Tổng/Total:
HN-HC-08	11

1 MẶT BẰNG MẶT CẮT

1 : 70

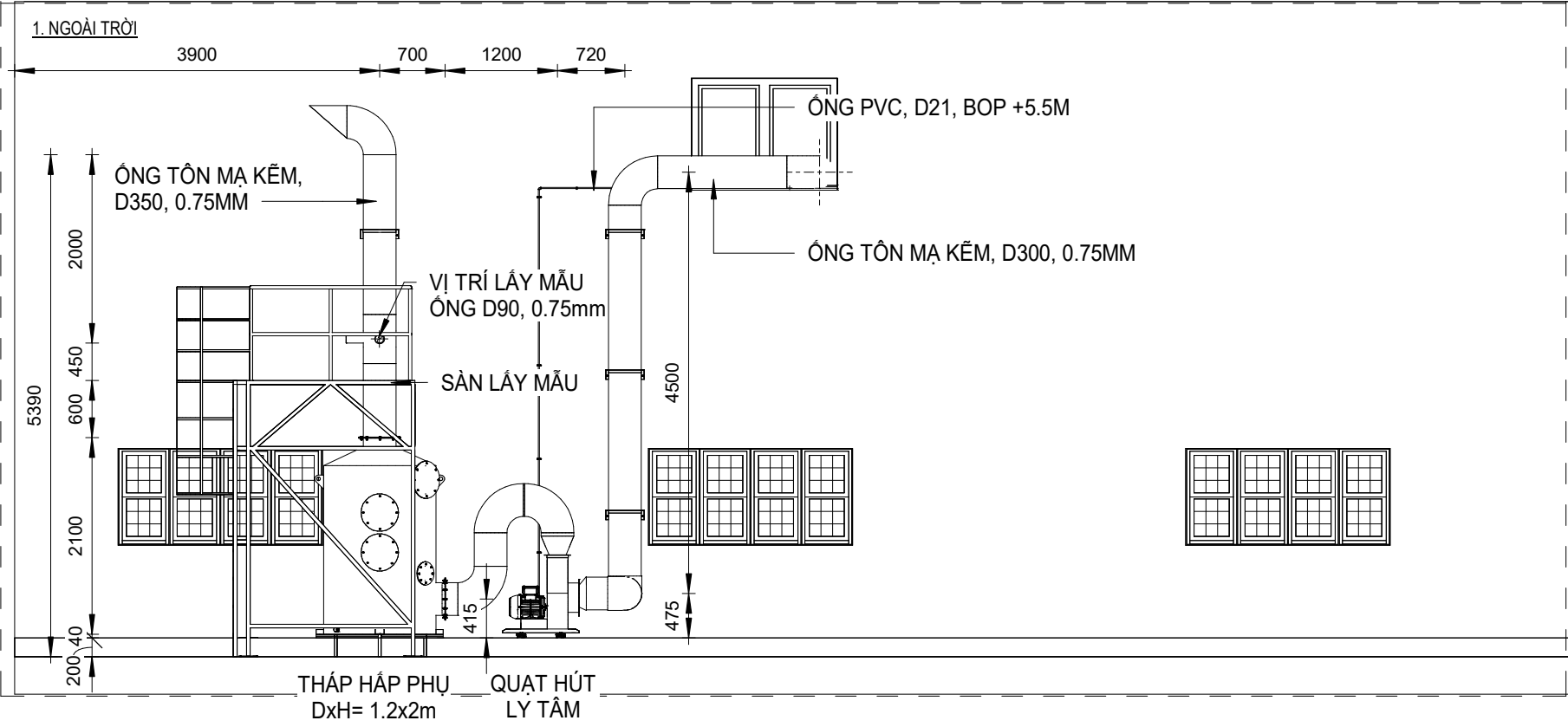
[illegible]

- FFL= +0.000 CỦA HỆ THỐNG ĐƯỜNG ống ĐƯỢC QUY ƯỚC BẰNG FFL (MẶT ĐẤT) CỦA DỰ ÁN

Bản vẽ số/Drawing no:
HN-HC-09

ing/Total:
11

MẶT CẮT A-A, B-B

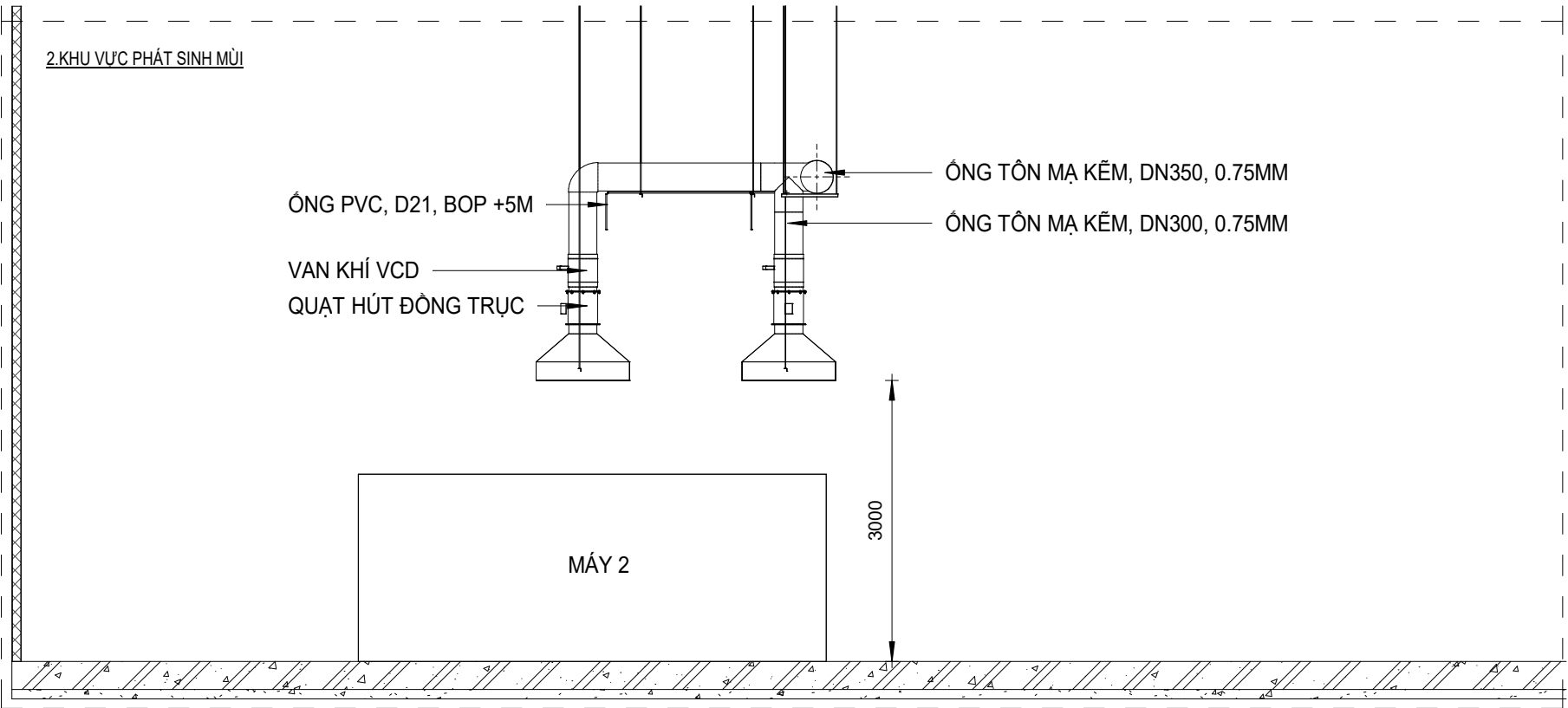


1. GHI CHÚ/NOTE (NGOÀI NHÀ):

- THIẾT BỊ QUẠT VÀ THÁP ĐẠT TRÊN BỤC XI-MĂNG NGOÀI TRỜI RỘNG 1M, LẮP ĐẶT BỔ SUNG CHỐNG V3 DƯỚI THÁP.
- KẸP ĐỠ ỚNG ĐIỆN VÀ SUPPORT GIỮ ỚNG KHÍ.
- CỐ ĐỊNH ỚNG KHÍ ĐẦU RA BẰNG CÁP VÀ TẮNG ĐỠ.
- LẮP TƯỜNG GIẢ VÀ TRÉT SƠN HOÀN THIỆN VỊ TRÍ CỬA SỔ ĐÃ THÁO RA.
- * ĐƠN VỊ THI CÔNG KẾT HỢP, KIỂM TRA CÁC ĐIỀU KIỆN TỰ NHIÊN VÀ KINH NGHIỆM ĐỂ THI CÔNG ĐẢM BẢO KIỆN TOÀN.

2 MẶT CẮT A-A

1 : 70



2. GHI CHÚ/NOTE (TRONG NHÀ):

- VỊ TRÍ CHỤP HÚT NẰM Ở VỊ TRÍ ĐIỂM HÚT LÀ MÁY 1, 2, 3.
- ỚNG KHÍ VÀ ĐIỆN TRONG NHÀ BẮT TY TREO TRẦN ĐẢM BẢO VỊ TRÍ ỚNG THEO THIẾT KẾ . (VỊ TRÍ BẮT TY THAY ĐỔI THEO TÌNH HÌNH THỰC TẾ NHƯNG ĐẢM BẢO SỐ LƯỢNG 9 CẢI)
- HẰN V3 VÀ GẮN TY REN TREO TRẦN VÀO CHỤP HÚT.
- XỊT FORM VÀ KIỂM TRA HỠ ỚNG SAU KHI HOÀN THIỆN.
- * ĐƠN VỊ THI CÔNG KẾT HỢP, KIỂM TRA CÁC ĐIỀU KIỆN TỰ NHIÊN VÀ KINH NGHIỆM ĐỂ THI CÔNG ĐẢM BẢO KIỆN TOÀN.

KÝ HIỆU/SIGN:

BOP=FFL+5000

CAO ĐỘ ỚNG

CAO ĐỘ SÀN HOÀN THIỆN/+0.000mm

CAO ĐỘ ĐÁY ỚNG

LƯU Ý/NOTE:

- FFL= +0.000 CỦA HỆ THỐNG ĐƯỜNG ỚNG ĐƯỢC QUY ƯỚC BẰNG FFL (MẶT ĐẤT) CỦA DỰ ÁN

1. GHI CHÚ/NOTE :

- QUẠT ĐỒNG TRỰC - VAN VCD - CHỤP HÚT LIÊN KẾT VỚI NHAU BẰNG MẶT BÍCH VÀ CỎ RON CAO SU.
- ỚNG KHÍ VÀ ĐIỆN TRONG NHÀ BẮT TY TREO TRẦN ĐẢM BẢO VỊ TRÍ ỚNG THEO THIẾT KẾ . (VỊ TRÍ BẮT TY THAY ĐỔI THEO TÌNH HÌNH THỰC TẾ NHƯNG ĐẢM BẢO SỐ LƯỢNG 9 CẢI)
- XỊT FORM VÀ KIỂM TRA HỠ ỚNG SAU KHI HOÀN THIỆN.
- * ĐƠN VỊ THI CÔNG KẾT HỢP, KIỂM TRA CÁC ĐIỀU KIỆN TỰ NHIÊN VÀ KINH NGHIỆM ĐỂ THI CÔNG ĐẢM BẢO KIỆN TOÀN.

1 MẶT CẮT B-B

1 : 70

Chủ đầu tư/Investor:

CÔNG TY TNHH PHÚ QUANG

PHÚ QUANG CO., LTD

Địa chỉ/Address: Lô số 100 và 101, Khu chế xuất và công nghiệp Linh Trung III, Phường An Tịnh, Thị xã Trảng Bàng, Tỉnh Tây Ninh, Việt Nam

Thẩm định thiết kế/Inspecting Authority:

Mục đích phát hành/Issued for:

BẢN VẼ HOÀN CÔNG

Ngày/Date:	Sửa/Rev:	Mô tả/Description:

Mặt bảng chỉ dẫn/Key plan:

Ghi chú/Notes:

Chỉ theo kích thước đã được xác định. Phải thông báo cho thiết kế những khác biệt về kích thước, nếu phát hiện được trước khi tiến hành.
Only figured dimension are to be worked from.
Discrepancies must be reported immediately to the designer before proceeding.

Đơn vị tư vấn/Consultant:



CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG & CÔNG NGHỆ MÔI TRƯỜNG HỢP NHẤT

Địa chỉ: 965/16/23L Quang Trung, P.14, Q.Gò Vấp, TP.HCM
Điện thoại: 028.38.315.423 - 0938.857.768
Email: congthongtin@moitruonghopnhat.com
Website: www.moitruonghopnhat.com - MST: 0312298568

Tổng giám đốc/Director:	
PHAN THANH VŨ	
Chủ trì/Chief:	
HỒ ĐỨC SƠN	
Kiểm tra/Check by:	
Nguyễn Thanh Phong	
Thiết kế/Designer by :	
LƯƠNG TÂN QUANG	
Vẽ/Drawn by :	
TRƯƠNG THÀNH TÀI	

Tên dự án/Project name:

HỆ THỐNG XỬ LÝ KHÍ THẢI CÔNG TY TNHH PHÚ QUANG

Địa điểm/Location:

Lô số 100 và 101, Khu chế xuất và công nghiệp Linh Trung III, Phường An Tịnh, Thị xã Trảng Bàng, Tỉnh Tây Ninh, Việt Nam

Hạng mục/Item:

THIẾT KẾ, THI CÔNG VÀ LẮP ĐẶT HỆ THỐNG XỬ LÝ KHÍ THẢI

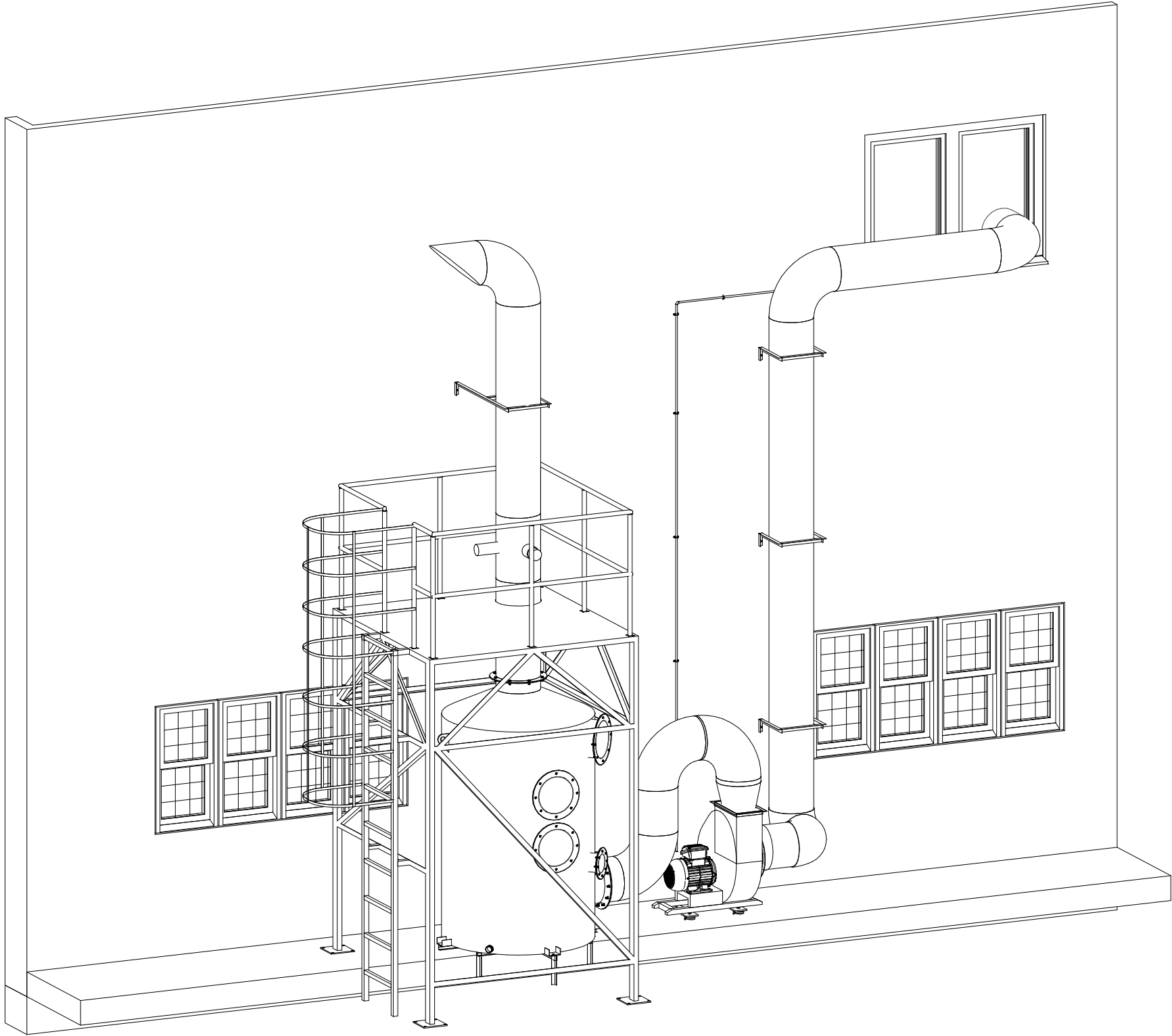
Tên bản vẽ/Drawing title:

MẶT CẮT A-A, B-B

Tỉ lệ/Scale:	Kích cỡ/Size:	Ngày/Date:
NTS	A3	1/2025

Bản vẽ số/Drawing no:	Tổng/Totat:
HN-HC-10	11

3D VIEW NGOÀI TRỜI



1 3D VIEW HỆ XỬ LÝ NGOÀI TRỜI

1. GHI CHÚ/NOTE (NGOÀI NHÀ):
- THIẾT BỊ QUẠT VÀ THÁP ĐẶT TRÊN BỤC XI-MĂNG NGOÀI TRỜI RỘNG 1M, LẮP ĐẶT BƠ SUNG CHỐNG V3 DƯỚI THÁP.
 - KẸP ĐỠ ỚNG ĐIỆN VÀ SUPPORT GIỮ ỚNG KHÍ.
 - CỐ ĐỊNH ỚNG KHÍ ĐẦU RA BẰNG CÁP VÀ TĂNG ĐƠ.
 - LẮP TƯỜNG GIÁ VÀ TRÉT SƠN HOÀN THIỆN VỊ TRÍ CỬA SỔ ĐÃ THÁO RA.
- * ĐƠN VỊ THI CÔNG KẾT HỢP, KIỂM TRA CÁC ĐIỀU KIỆN TỰ NHIÊN VÀ KINH NGHIỆM ĐỂ THI CÔNG ĐẢM BẢO KIỆN TOÀN.

Chủ đầu tư/Investor:
CÔNG TY TNHH PHÚ QUANG

PHÚ QUANG CO., LTD

Địa chỉ/Address: Lô số 100 và 101, Khu chế xuất và công nghiệp
Linh Trung III, Phường An Tịnh, Thị xã Trảng Bàng, Tỉnh Tây Ninh,
Việt Nam

Thẩm định thiết kế/Inspecting Authority:

Mục đích phát hành/Issued for:

BẢN VẼ HOÀN CÔNG

Ngày/Date:	Sửa/Rev:	Mô tả/Description:

Mặt bảng chỉ dẫn/Key plan:

Ghi chú/Notes:

Chỉ theo kích thước đã được xác định. Phải thông báo cho thiết kế
những khác biệt về kích thước, nếu phát hiện được trước khi tiến
hành.
Only figured dimension are to be worked from.
Discrepancies must be reported immediately to the designer before
proceeding.

Đơn vị tư vấn/Consultant:



CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG &
CÔNG NGHỆ MÔI TRƯỜNG
HỢP NHẤT

Địa chỉ: 965/16/23L Quang Trung, P.14, Q.Gò Vấp, TP.HCM
Điện thoại: 028.38.315.423 - 0938.857.768
Email: congthongtin@moiuonghophat.com
Website: www.moiuonghophat.com - MST: 0312298568

Tổng giám đốc/Director:	
PHAN THANH VŨ	
Chủ trì/Chief:	
HỒ ĐỨC SƠN	
Kiểm tra/Check by:	
Nguyễn Thanh Phong	
Thiết kế/Designer by :	
LƯƠNG TÂN QUANG	
Vẽ/Drawn by :	
TRƯƠNG THÀNH TÀI	

Tên dự án/Project name:

HỆ THỐNG XỬ LÝ KHÍ THẢI CÔNG TY TNHH PHÚ QUANG

Địa điểm/Location:

Lô số 100 và 101, Khu chế xuất và công nghiệp Linh Trung III,
Phường An Tịnh, Thị xã Trảng Bàng, Tỉnh Tây Ninh, Việt Nam

Hạng mục/Item:

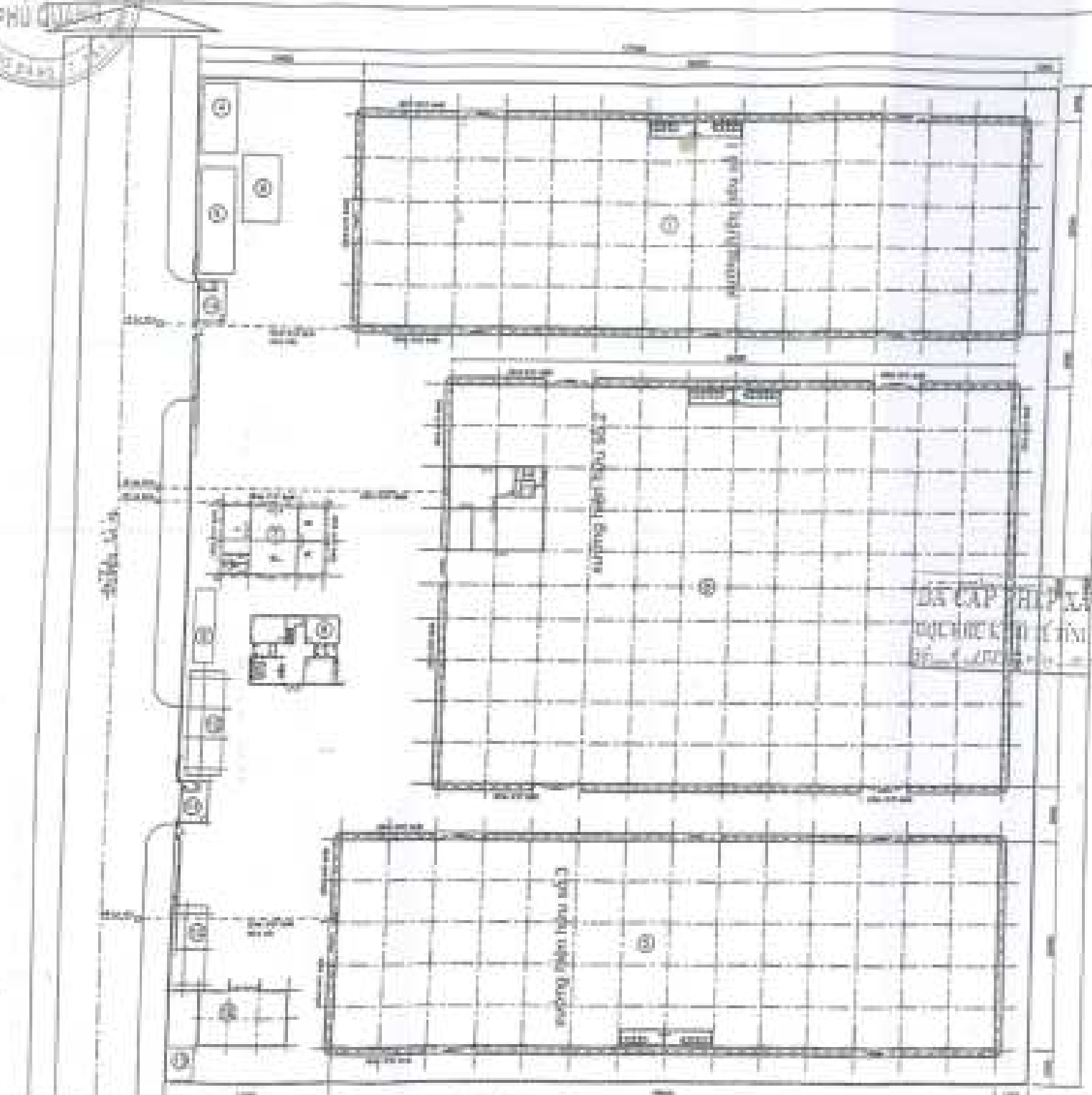
THIẾT KẾ, THI CÔNG VÀ LẮP ĐẶT HỆ THỐNG XỬ LÝ KHÍ THẢI

Tên bản vẽ/Drawing title:

3D VIEW NGOÀI TRỜI

Tỉ lệ/Scale: NTS	Kích cỡ/Size: A3	Ngày/Date: 1/2025
---------------------	---------------------	----------------------

Bản vẽ số/Drawing no: HN-HC-11	Tổng/Total: 11
-----------------------------------	-------------------

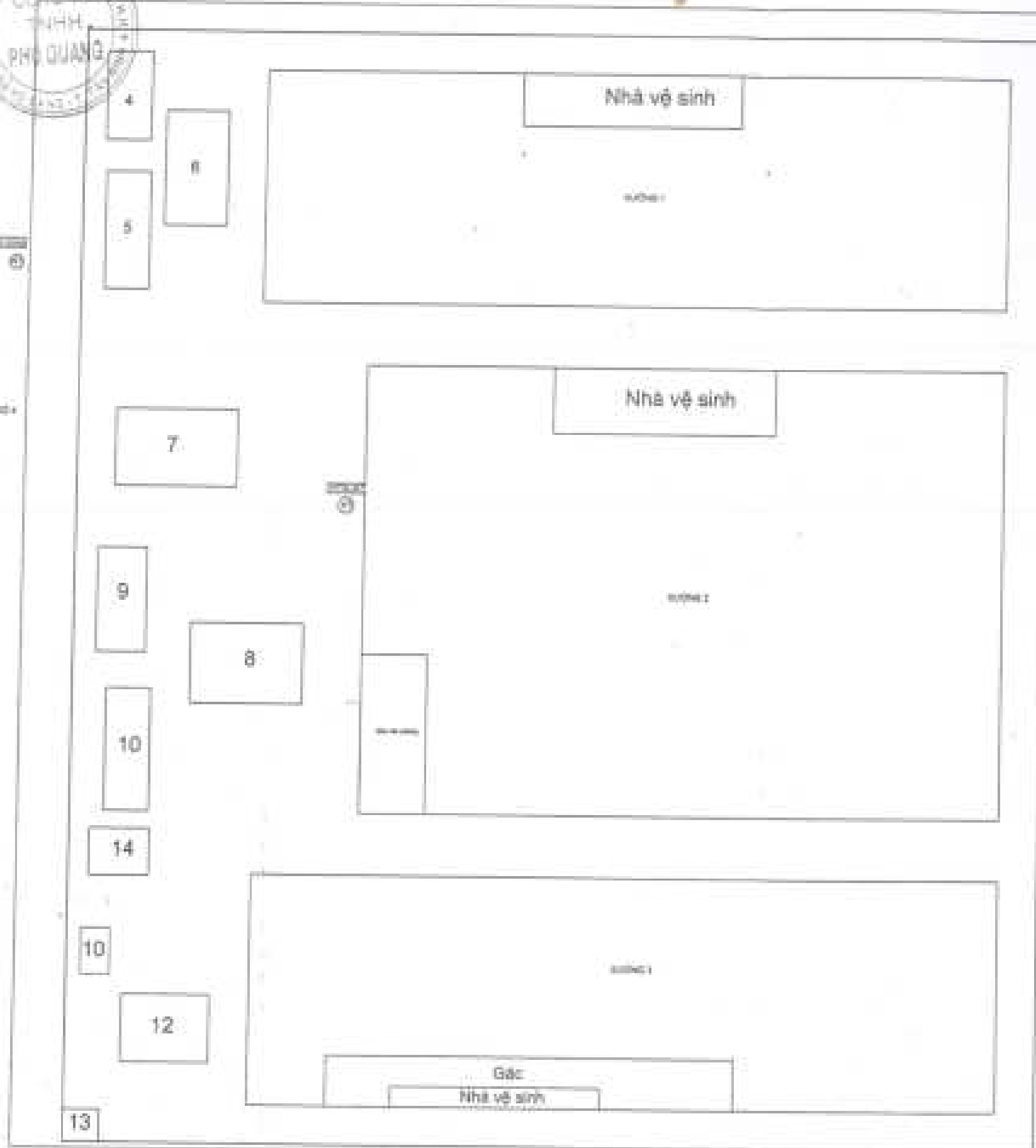
[illegible]

Scanned by CamScanner



ĐƯỜNG SỐ 1

ĐƯỜNG SỐ 1

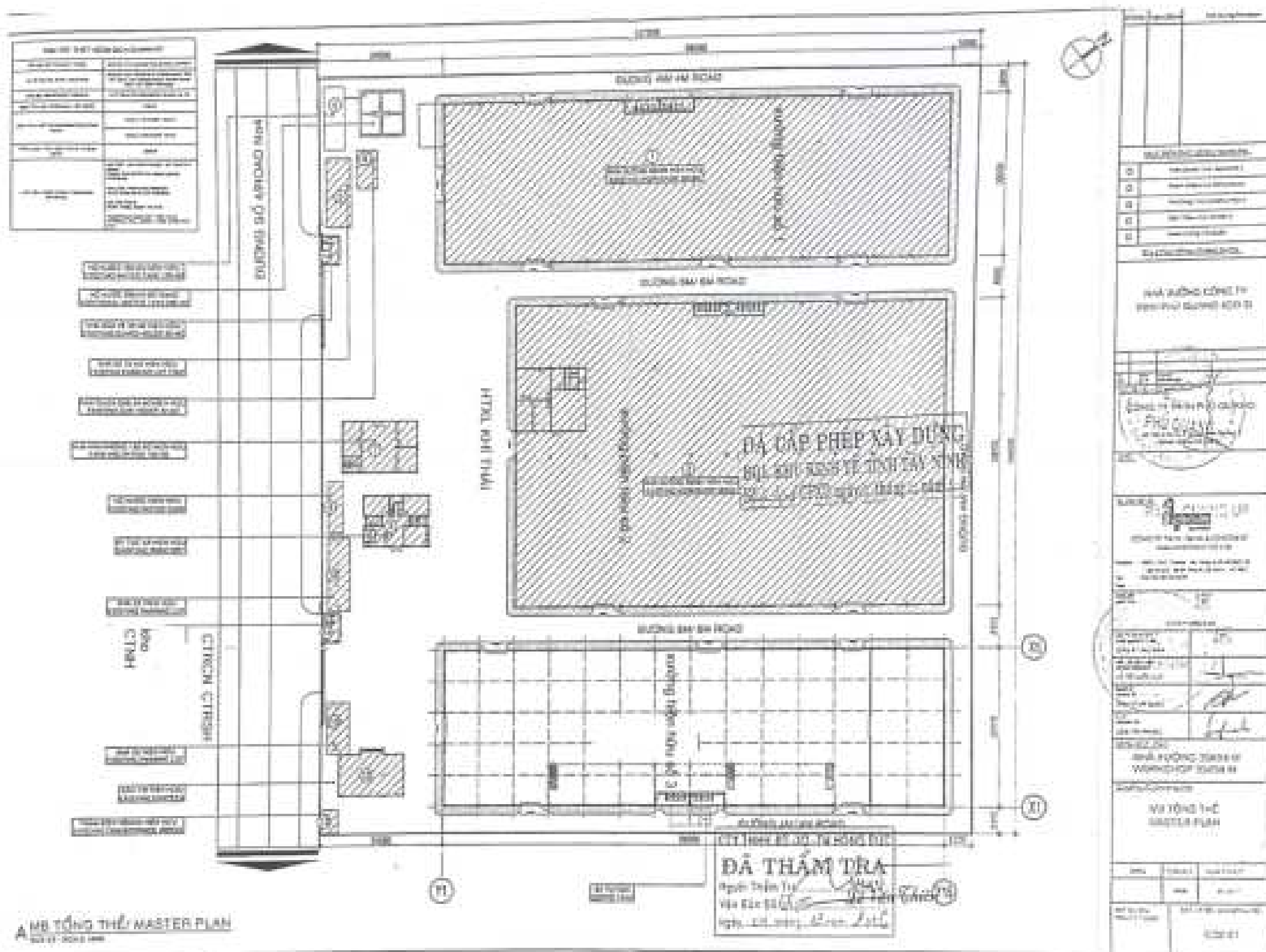


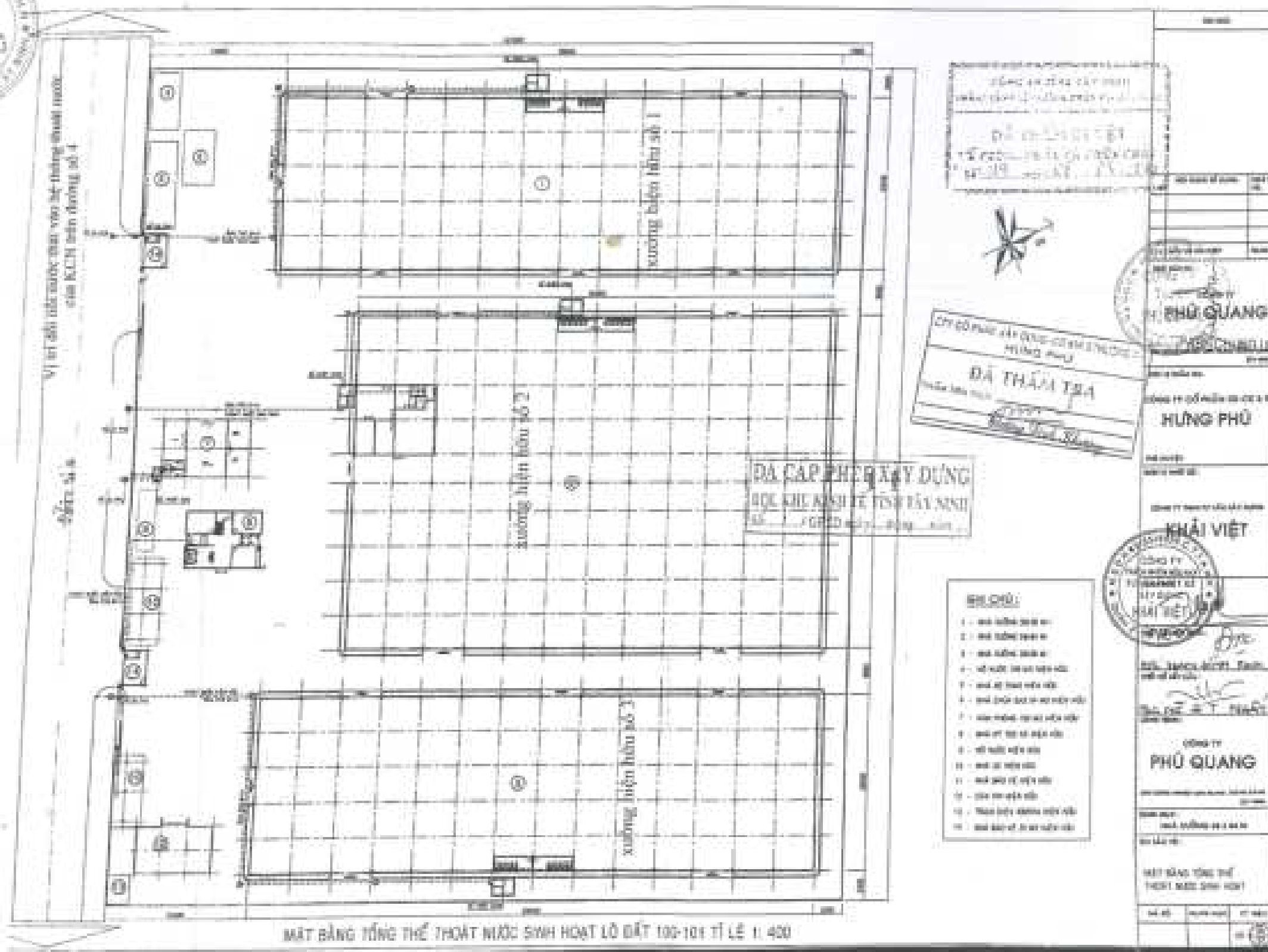
Vị trí các phòng và khu vực khác trong khuôn viên
Khu vực này được quy hoạch và xây dựng theo quy định của pháp luật về quy hoạch và xây dựng.

- Ghi chú:**
- 1 - Nhà xưởng 30x98
 - 2 - Nhà xưởng 58x84
 - 3 - Nhà xưởng 30x98
 - 4 - Hồ nước 120m³
 - 5, 10 - Nhà xe
 - 6 - Nhà chứa gas
 - 7 - Văn phòng
 - 8 - Nhà kỹ túc xá
 - 9 - Hồ nước
 - 11, 14 - Nhà bảo vệ
 - 12 - Căn tin
 - 13 - Trạm điện

GHI CHÚ	
CHỦ ĐẦU TƯ	Công ty TNHH Phú Quang
Địa chỉ	KCN LNH TRUNG 3, HUYỆN TRẢNG BÀNG, TỈNH TÂY NINH
Tên sản phẩm	VỊ TRÍ GIÁM SÁT GIAI ĐOẠN HOẠT ĐỘNG

1/2





CÔNG TY TNHH PCCC HOÀNG TỶ

Văn phòng : 38/3 K16, P.Tân Thới Nhất, Q12, Tp.HCM

Tel-Fax : (84-8) 7191844 - 7191038

Email : Ctyppcc_hoangty@yahoo.com

0911111111

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc Lập - Tự Do - Hạnh Phúc

200000

HỒ SƠ HOÀN CÔNG HỆ THỐNG PHÒNG CHÁY CHỮA CHÁY

CÔNG TRÌNH : CTY TNHH PHÚ QUANG

ĐỊA CHỈ : Lô Số 101, KTX và Công Nghiệp Linh Trung 3, H. Trảng Bàng, T. Tây Ninh

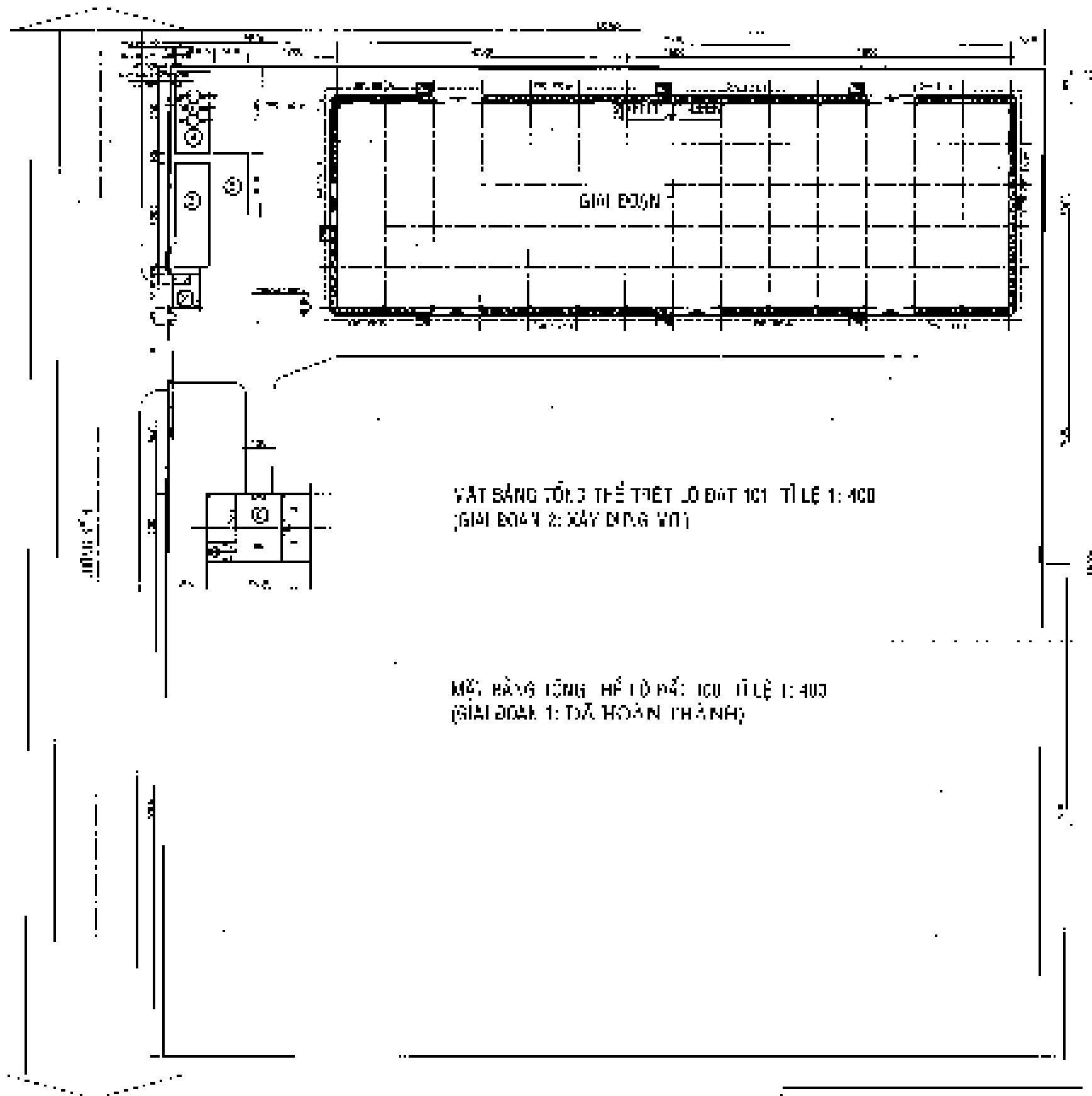
HẠNG MỤC : HỆ THỐNG CẤP NƯỚC CHỮA CHÁY

HỆ THỐNG BÁO CHÁY TỰ ĐỘNG

HỆ THỐNG BÁO CHÁY TỰ ĐỘNG

HỆ THỐNG CHỐNG BỊT

THÁNG 06, NĂM 2014



CHỈ CHỈ:

GIÁI ĐOÀN



GIÁI ĐOÀN 1: TÀI HOÀN THÀNH



GIÁI ĐOÀN 2: XÂY DỰNG VƯỜN



GIÁI ĐOÀN 3: XÂY DỰNG VƯỜN

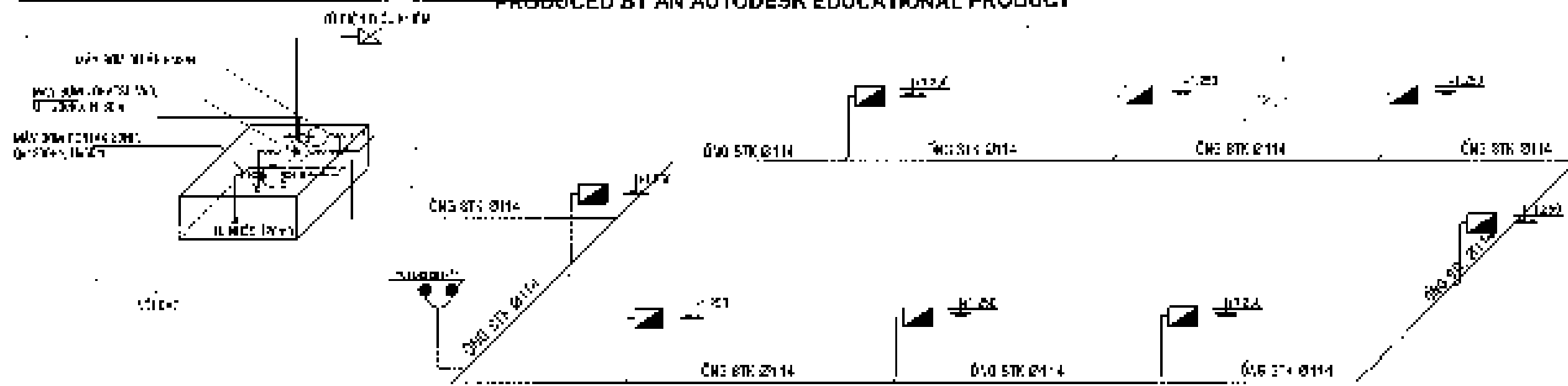
CHỈ CHỈ:

- 1. GIÁI ĐOÀN 1: TÀI HOÀN THÀNH
- 2. GIÁI ĐOÀN 2: XÂY DỰNG VƯỜN
- 3. GIÁI ĐOÀN 3: XÂY DỰNG VƯỜN
- 4. GIÁI ĐOÀN 4: XÂY DỰNG VƯỜN
- 5. GIÁI ĐOÀN 5: XÂY DỰNG VƯỜN
- 6. GIÁI ĐOÀN 6: XÂY DỰNG VƯỜN
- 7. GIÁI ĐOÀN 7: XÂY DỰNG VƯỜN
- 8. GIÁI ĐOÀN 8: XÂY DỰNG VƯỜN
- 9. GIÁI ĐOÀN 9: XÂY DỰNG VƯỜN
- 10. GIÁI ĐOÀN 10: XÂY DỰNG VƯỜN

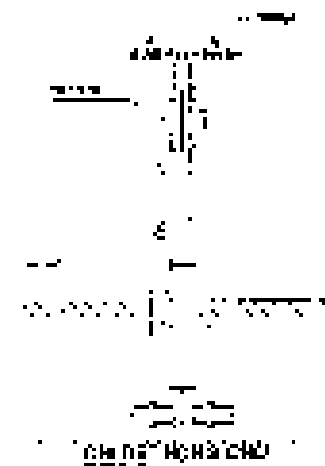
CHỈ CHỈ:

- 1. GIÁI ĐOÀN 1: TÀI HOÀN THÀNH
- 2. GIÁI ĐOÀN 2: XÂY DỰNG VƯỜN
- 3. GIÁI ĐOÀN 3: XÂY DỰNG VƯỜN
- 4. GIÁI ĐOÀN 4: XÂY DỰNG VƯỜN
- 5. GIÁI ĐOÀN 5: XÂY DỰNG VƯỜN
- 6. GIÁI ĐOÀN 6: XÂY DỰNG VƯỜN
- 7. GIÁI ĐOÀN 7: XÂY DỰNG VƯỜN
- 8. GIÁI ĐOÀN 8: XÂY DỰNG VƯỜN
- 9. GIÁI ĐOÀN 9: XÂY DỰNG VƯỜN
- 10. GIÁI ĐOÀN 10: XÂY DỰNG VƯỜN

HOANG TY CHU QUANG CHU QUANG		NGUYEN THI HOANG NGUYEN THI HOANG NGUYEN THI HOANG	NGUYEN THI HOANG NGUYEN THI HOANG NGUYEN THI HOANG
CHU QUANG CHU QUANG CHU QUANG		CHU QUANG CHU QUANG CHU QUANG	CHU QUANG CHU QUANG CHU QUANG



**SỔ ĐỒ KHÔNG GIAN HỆ THỐNG CẤP
NƯỚC CHỮA CHÁY VÁCH TƯỜNG**



THUYẾT MINH HỆ THỐNG CHỮA CHÁY

ΠΕ ΠΡΩΤΟ ΣΗΜΑ ΣΗΜΑ ΕΙΣΙΤΗΤΟΣ ΚΕ ΠΡΩΤΟ ΠΡΩΤΟ ΣΗΜΑΝΣΗ

TCYK 2522-1995: PHÒNG CHÁY CHỮA CHÁY CỬU NÚA VÀ CÔNG TRÌNH, YÊU CẦU TIẾT KIỆM

TUYỂN 3750-1992 HỆ THỐNG CẤP ĐIỆN CHỮA CHÁY, YÊU CẦU THIẾT KẾ.

TCVN 2739 - 1992 THIẾT LẬP CHỈ SỐ CHÁY ĐẮC NỔ.

ĐY 2000-4317 1986 NGUYỄN KIM, NGUYỄN VĂN TÁI (CƠ QUAN ĐỀ THIẾT KẾ

CỦA CÔNG THỨC, CỤM BƠM CHỨA CHÁY ĐẠO CỎM:

- 01 MÁY BƠM CHUCK CHÁY PUMPA X 30HP, Q=12KHQ, H=70m
- 01 MÁY BƠM CHUCK CHÁY TOSHIBA 50, Q=12KHQ, H=60m
- + 01 MÁY DƠM CHUCK CHÁY H&P 30HP
- + 01 TỦ ĐIỀU KHIỂN MÁY BƠM

NGHĨA BIÊN MÃY LÒA BƯỚC ĐÁI, NƠI GIỮ LƯU ĐIỆN CHÍNH

HỆ THỐNG CÔNG CHỨC ĐIỂM MẠCH VÙNG SẮC f 4/100

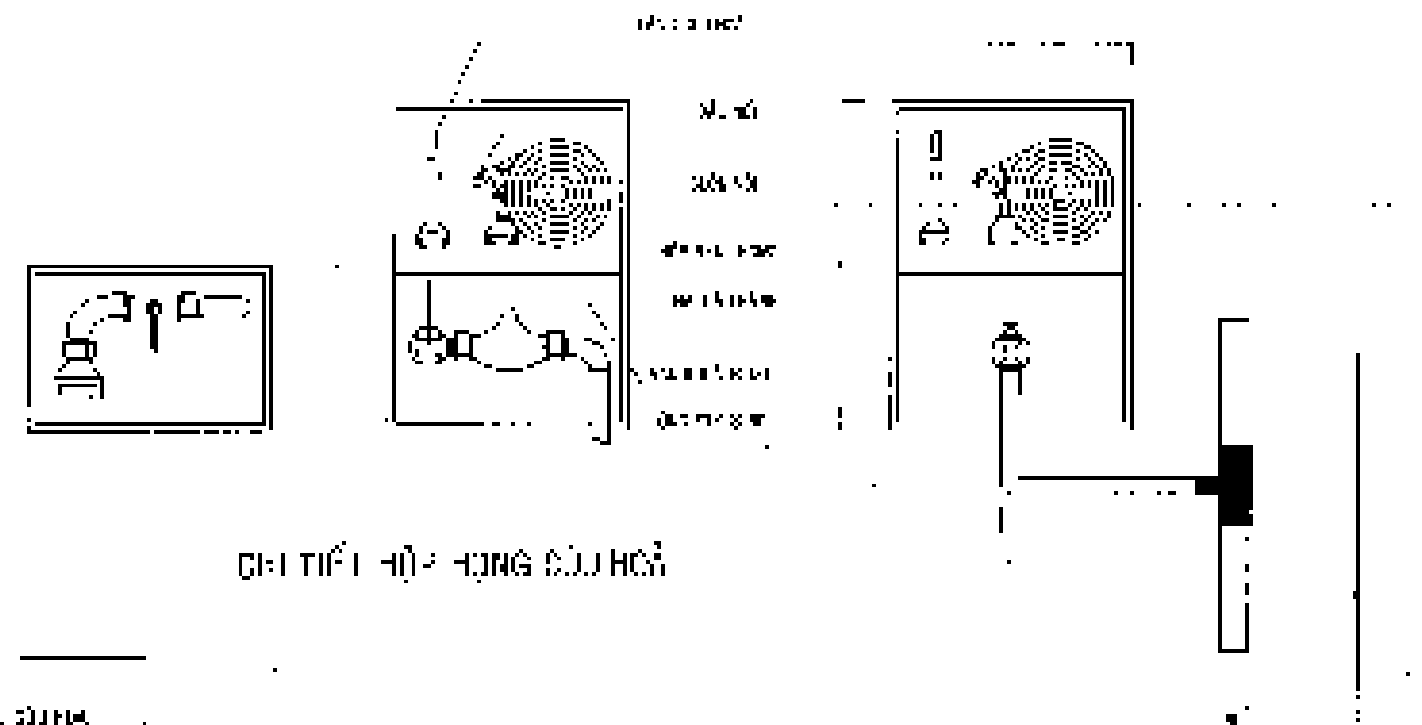
• HỖ TRỢ CHẾ ĐẠO NƯỚC CÁN VỚI 03 HỢP ĐỒNG CHỮA CHÁY

· ĐÁP BI TRÚC TIẾP NHẬN CHỮA PHÁY THUỘC CỦA CỘNG DƯ

MỘT HỢP HỌC CÙNG ĐỒNG ĐỘI:

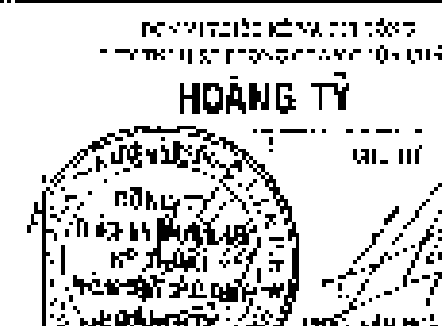
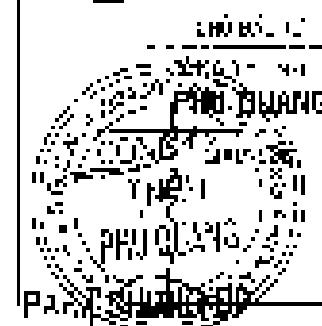
- 1 THÙNG VỎI GỐNG 400 x 230 (VN)
- + 0, 0 LƯỚI VỎI CỨT ĐỒA D50mm, $\pm$ - 20mm (H):
- 01 LĂNG PHẪU D (VN)
- 01 VÁN GỖ CỨT ĐỒA CHUYỂN ĐỔI NG 120mm

TÀI CỬA HỢP NHẤT HÒA BẤT CÁCH SÀN 25m

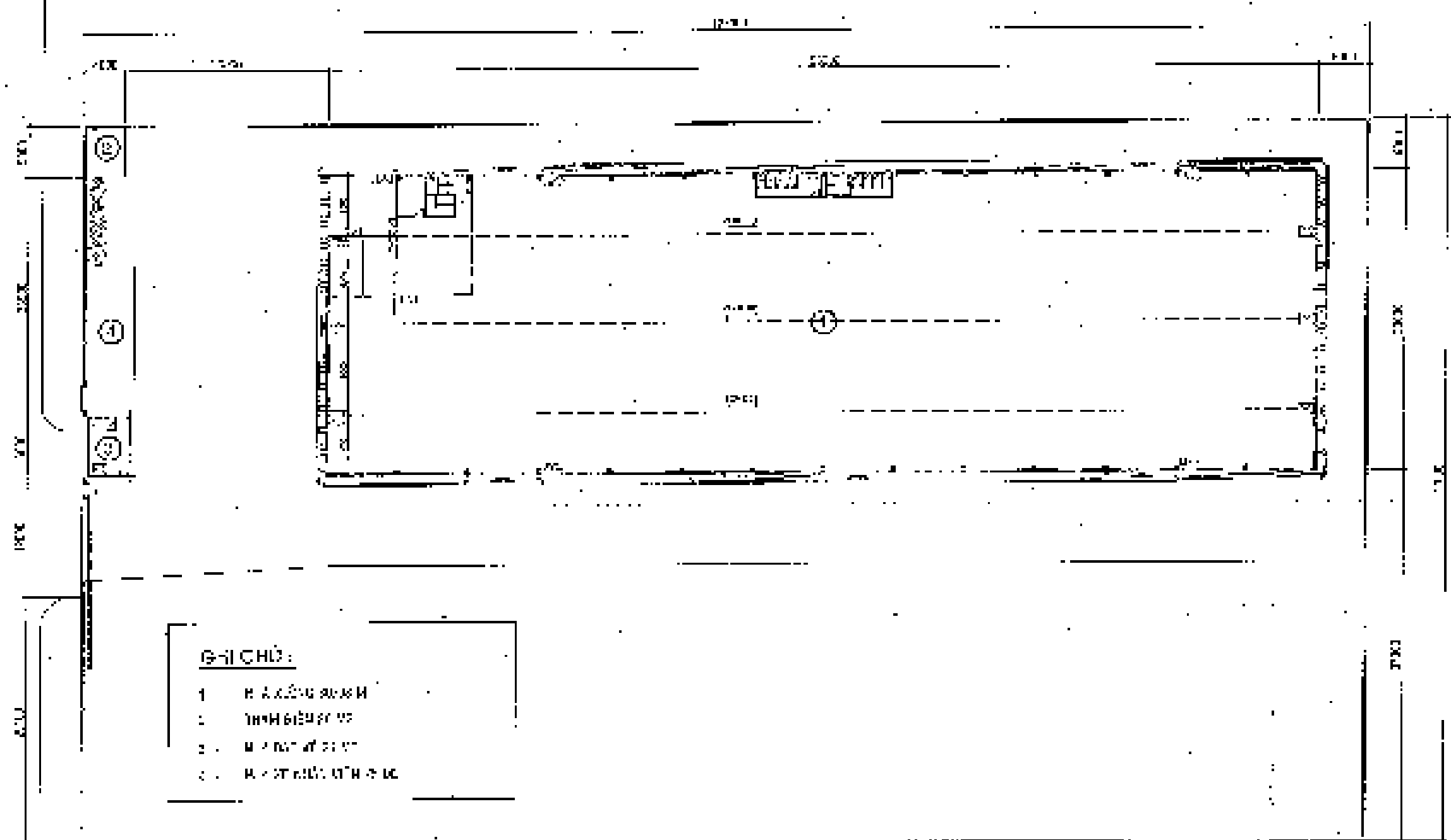


CHỦ THỊCH

- [illegible]



RECEIVED BY: <u>MR. J. H. HARRIS</u> OFFICE OF THE ATTORNEY GENERAL 1000 BANKERS BUILDING TOLSON, D. C. 20540	
DATE: <u>10/10/68</u> 	NAME: <u>JOHN H. HARRIS</u> TITLE: <u>ATTORNEY GENERAL</u> ADDRESS: <u>1000 BANKERS BUILDING</u> <u>TOLSON, D. C. 20540</u>



MẶT BẰNG TỔNG THỂ HỆ THỐNG BÁO CHÁY TỰ ĐỘNG TRỆT TỶ LỆ 1:400

1	H. A. L. O. N. G. S. O. N. H.	2	T. H. A. N. H. H. A. N. H. H.
3	M. A. N. H. A. T. A. T. A. T.	4	M. A. N. H. A. T. A. T. A. T.
5	M. A. N. H. A. T. A. T. A. T.		

CÔNG TY
THƯƠNG MẠI
HÀNG TỶ

CÔNG TY
THƯƠNG MẠI
HÀNG TỶ

CÔNG TY
THƯƠNG MẠI
HÀNG TỶ

CHỖ ĐÓNG CHỮ

CHỖ ĐÓNG CHỮ

CHỖ ĐÓNG CHỮ

CHỖ ĐÓNG CHỮ

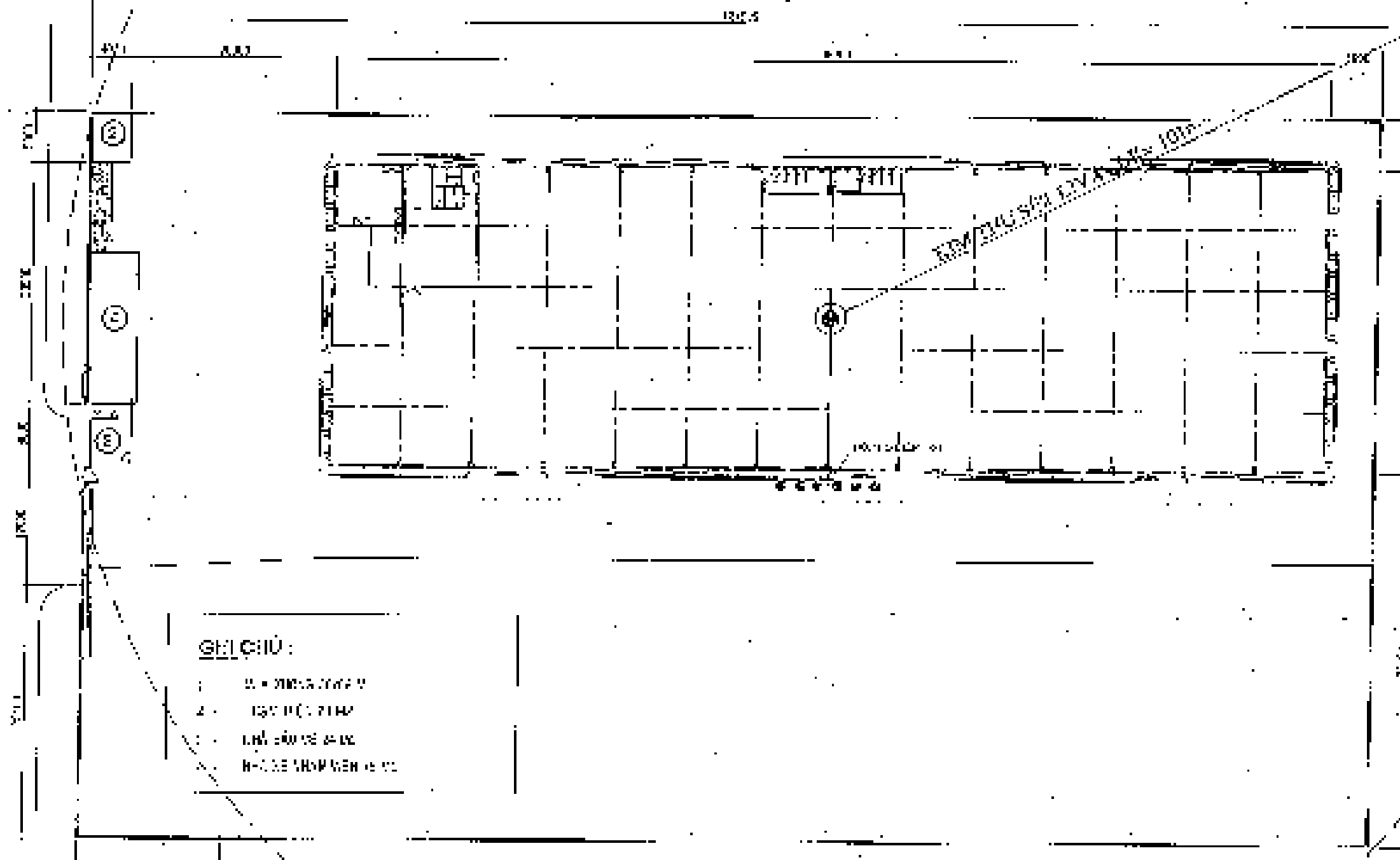
CHỖ ĐÓNG CHỮ

CHỖ ĐÓNG CHỮ

CHỖ ĐÓNG CHỮ

CHỖ ĐÓNG CHỮ

CHỖ ĐÓNG CHỮ



PHẠP BẢNG TỔNG THỂ HỆ THỐNG CHỐNG SÉT TỈ LỆ 1:400

GHI CHÚ

- 1. M. MANG CHẾ M
- 2. LƯỚI DÂY LƯỚI
- 3. LƯỚI DÂY LƯỚI
- 4. M. MANG CHẾ M

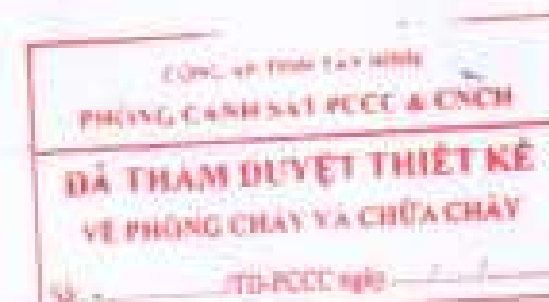
L. 0.000 L. 0.000 PHU QUANG		HOANG TY HOANG TY	
CH. 0.000 CH. 0.000 PHU QUANG		HOANG TY HOANG TY	
CH. 0.000 CH. 0.000 PHU QUANG		HOANG TY HOANG TY	
CH. 0.000 CH. 0.000 PHU QUANG		HOANG TY HOANG TY	



Add: 311/6E Nguyen Xi St, 13 Ward, Distric Binh Thanh, HCMC
Tel: (84-8) 5445 4121 Fax: (84-8) 5445 4120
Email: bmt.pccc@gmail.com

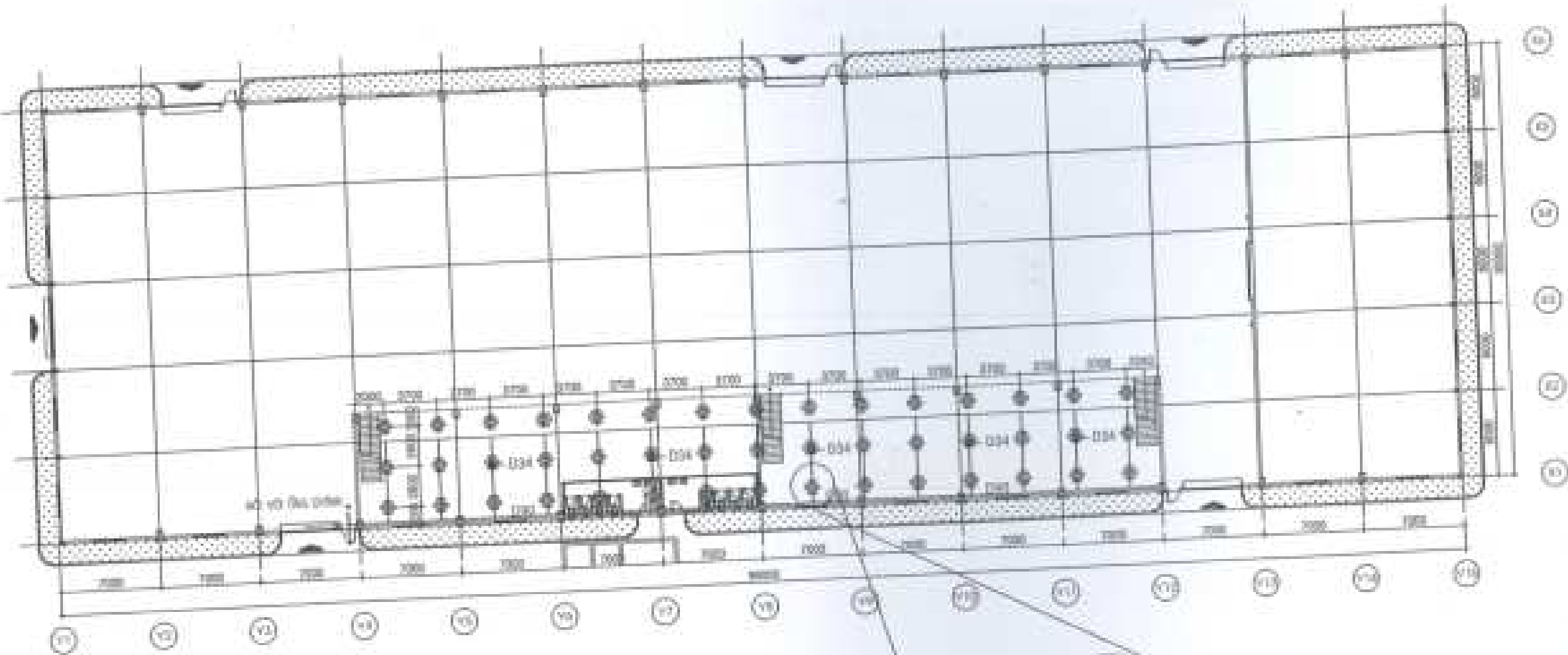
CÔNG TY TNHH
BA MUI TEN

DRAWING APPROVAL FOR CONSTRUCTION DESIGE BẢN VẼ TRÌNH DUYỆT THIẾT KẾ



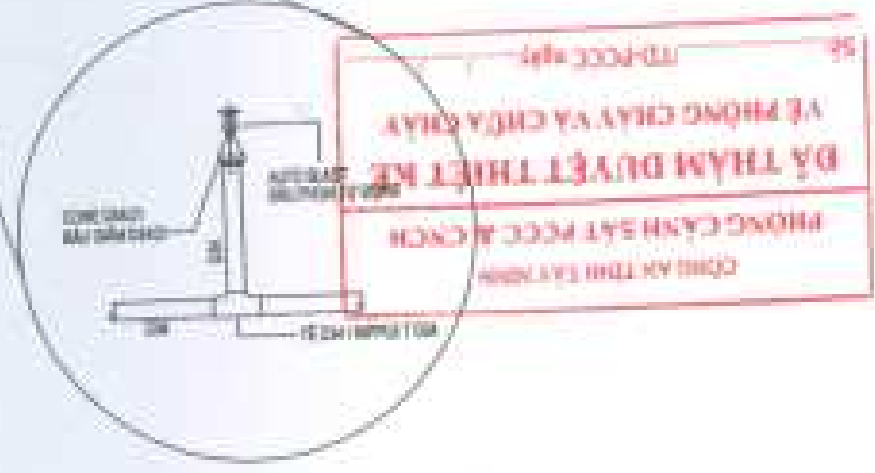
TÊN DỰ ÁN - PROJECT NAME: NHÀ XƯỞNG (GIAI ĐOẠN 3) - CTY TNHH PHÚ QUANG
CHỦ ĐẦU TƯ - INVESTOR : CÔNG TY TNHH PHÚ QUANG
ĐỊA ĐIỂM - ADD : LÔ 100-101 KCX-CN LINH TRUNG 3 - H. TRĂNG BÀNG - T. TÂY NINH
HẠNG MỤC :
HỆ THỐNG CẤP NƯỚC CHỮA CHÁY
HỆ THỐNG CHỮA CHÁY SPRINKLER
HỆ THỐNG BẢO CHÁY TỰ ĐỘNG

Tháng 10 năm 2016



EQUIPMENT SCHEDULE (THỐNG KÊ THIẾT BỊ)

SYMBOL (KÝ HIỆU)	DESCRIPTION (MÔ TẢ)	STANDARD (QUY CÁCH)	QTY (SỐ LƯỢNG)	MARK (HÃNG)
●	SPRINKLER HEAD - (UP TYPE) ĐẦU PHÂN MƯƠC TỰ ĐỘNG (HƯỚNG LÊN)	HOẠO 2% S.F (MILLAR)	210(SA)	SECO-KOREA



① MB HỆ THỐNG CHỮA CHÁY TỰ ĐỘNG NHÀ XƯỞNG TẦNG TRỆT
FACTORY GF - FIRE SPRINKLER SYSTEM PLAN
SCALE: A1: 1 / 200
A2: 1 / 400

PHU QUANG FACTORY WORKSHOP

MB HỆ THỐNG CHỮA CHÁY TỰ ĐỘNG NHÀ XƯỞNG TẦNG TRỆT

FACTORY GF - FIRE SPRINKLER SYSTEM PLAN

SCALE: A1: 1 / 200
A2: 1 / 400

DATE: 10/10/2023

DRAWN BY: NGUYEN VAN ANH

CHECKED BY: NGUYEN VAN BAO

APPROVED BY: NGUYEN VAN CANG

PROJECT NO: 101/2023

CLIENT: PHU QUANG FACTORY

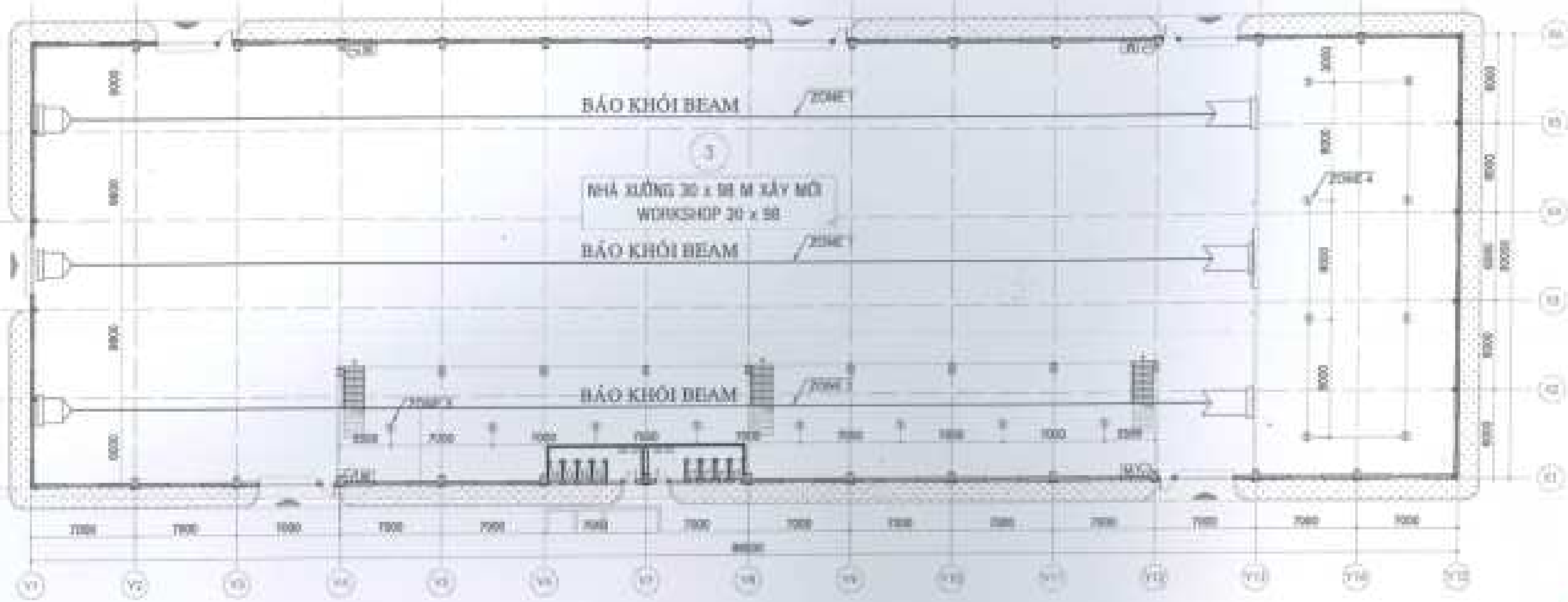
LOCATION: PHU QUANG, HUE, VIETNAM

DESIGNER: NGUYEN VAN ANH

CONTACT: 090 123 4567

EMAIL: anh@nguyenvananh.vn

WEBSITE: www.nguyenvananh.vn



1. MẶT BẰNG HỆ THỐNG BÁO CHÁY TỰ ĐỘNG NHÀ XƯỞNG

CÔNG AN THÀNH LẬP XÃ
 PHÒNG CẢNH SÁT PCCC & CNCH
 ĐÃ THẨM DUYỆT THIẾT KẾ
 VẼ PHÒNG CHÁY VÀ CHỮA CHÁY
 Sd: ... TD-PCCC ngày ... / ... / ...

(S)	SMOKE DETECTOR (ĐẦU BÁO KHÓI)	(M)	MANUAL CALL STATION (CÔNG TÁC OÁNH)
(H)	HEAT DETECTOR (ĐẦU BÁO NHIỆT)	(R)	FIRE ALARM BELL (CHUÔNG BÁO ĐỘNG)
(B)	BEAM DETECTOR (ĐẦU BÁO CHÁY)	(PC)	FIRE ALARM CENTER (TRUNG TÂM BÁO CHÁY)
(E1)	EMERGENCY LIGHTING WITH BATTERY BACKUP 2H (ĐÈN CHIẾU SÁNG HOẠT CẤP PHỤ HỒN 2 HỒN)	(S)	SẢN MỎ
(E2)	EXIT LIGHTING WITH BATTERY BACKUP 2H (ĐÈN CHIẾU SÁNG HOẠT HẸM PHỤ HỒN 2 HỒN)		

PHẦN MÔ TẢ VÀ CÁC THÔNG TIN KHÁC

1. THÔNG TIN CHUNG

1.1 Tên công trình: Nhà xưởng

1.2 Địa điểm: ...

1.3 Chủ đầu tư: ...

1.4 Đơn vị thiết kế: ...

1.5 Ngày ban hành: ...

2. NỘI DUNG THIẾT KẾ

2.1 Hệ thống báo cháy tự động

2.2 Hệ thống chữa cháy

2.3 Hệ thống thoát hiểm

2.4 Hệ thống chiếu sáng

2.5 Hệ thống điện

2.6 Hệ thống nước

2.7 Hệ thống thông gió

2.8 Hệ thống khác

3. CÁC THÔNG TIN KHÁC

3.1 Ghi chú: ...

3.2 Phụ lục: ...

3.3 Tài liệu tham khảo: ...

3.4 Các hình ảnh minh họa: ...

3.5 Các bảng tính toán: ...

3.6 Các bản vẽ chi tiết: ...

3.7 Các bản vẽ lắp: ...

3.8 Các bản vẽ thi công: ...

3.9 Các bản vẽ vận hành: ...

3.10 Các bản vẽ khác: ...

4. CÁC THÔNG TIN KHÁC

4.1 Các thông tin về an toàn: ...

4.2 Các thông tin về môi trường: ...

4.3 Các thông tin về xã hội: ...

4.4 Các thông tin về kinh tế: ...

4.5 Các thông tin về văn hóa: ...

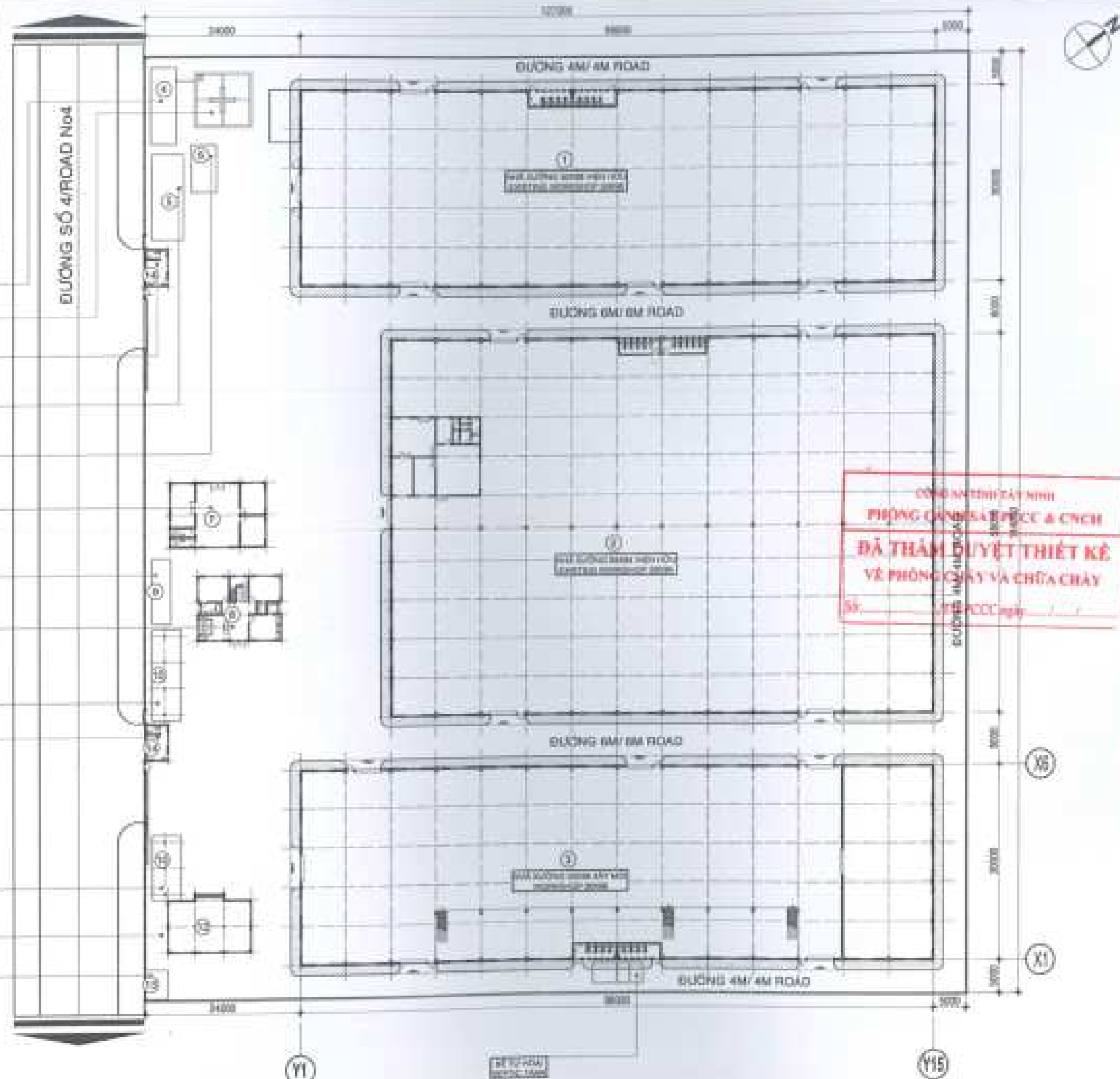
4.6 Các thông tin về giáo dục: ...

4.7 Các thông tin về y tế: ...

4.8 Các thông tin về thể thao: ...

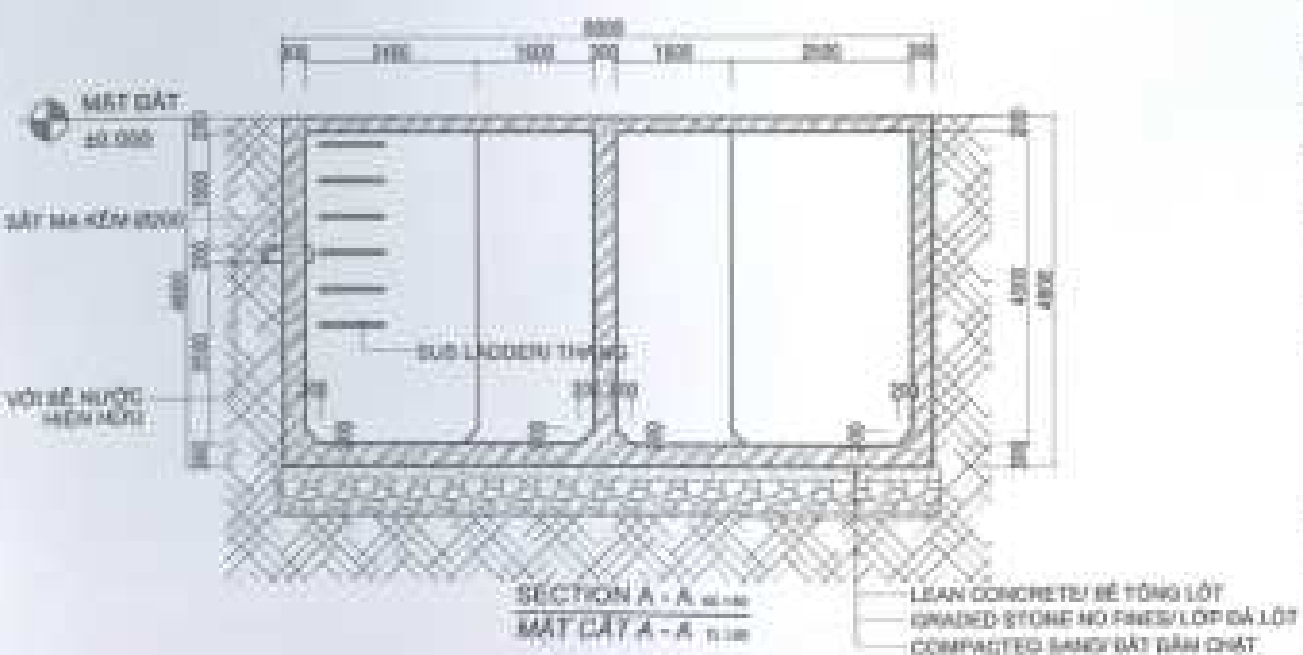
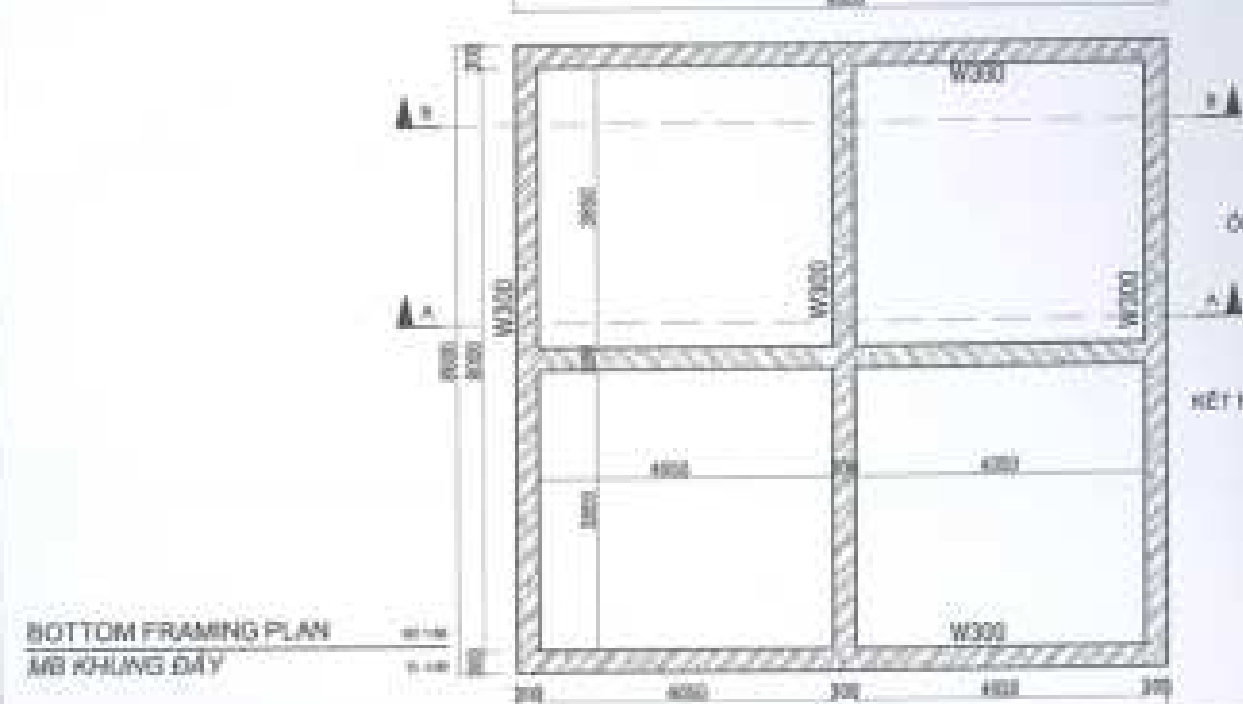
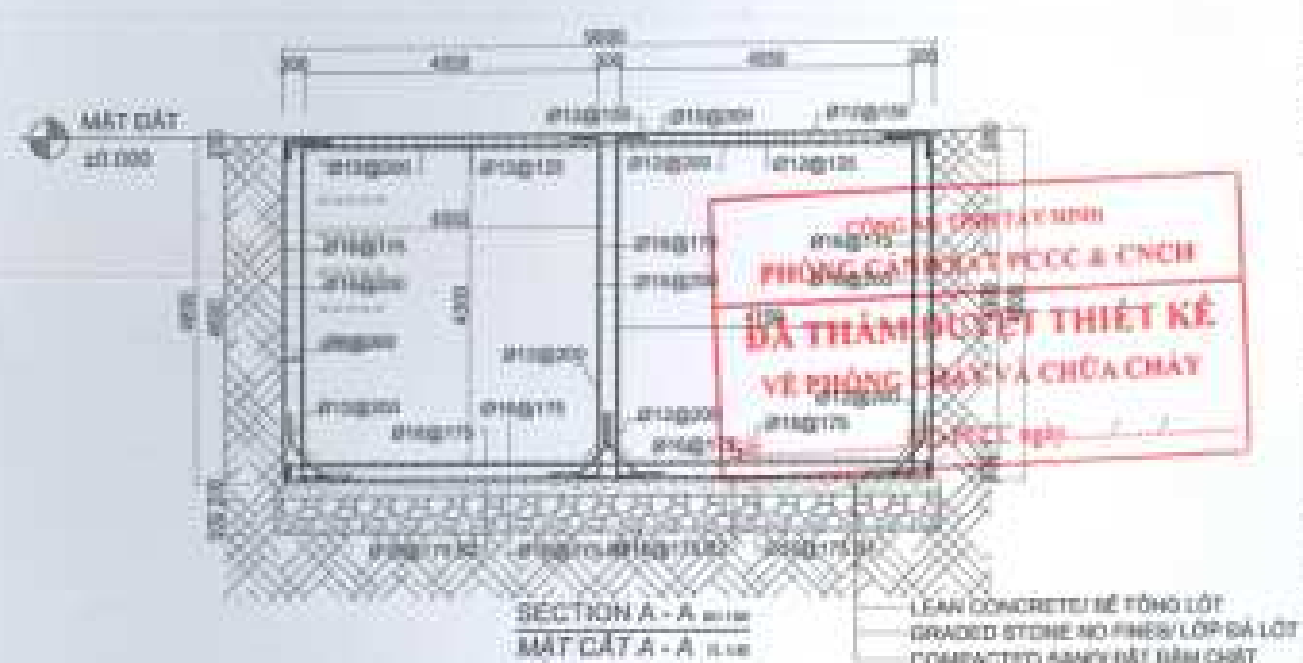
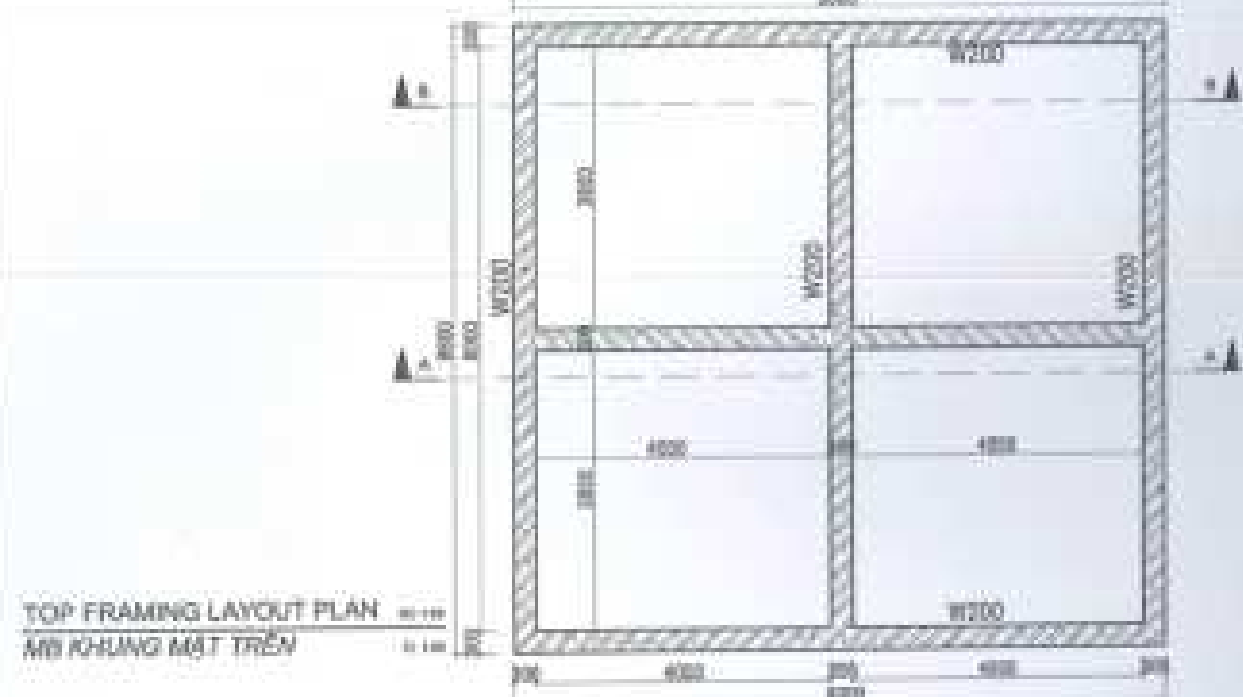
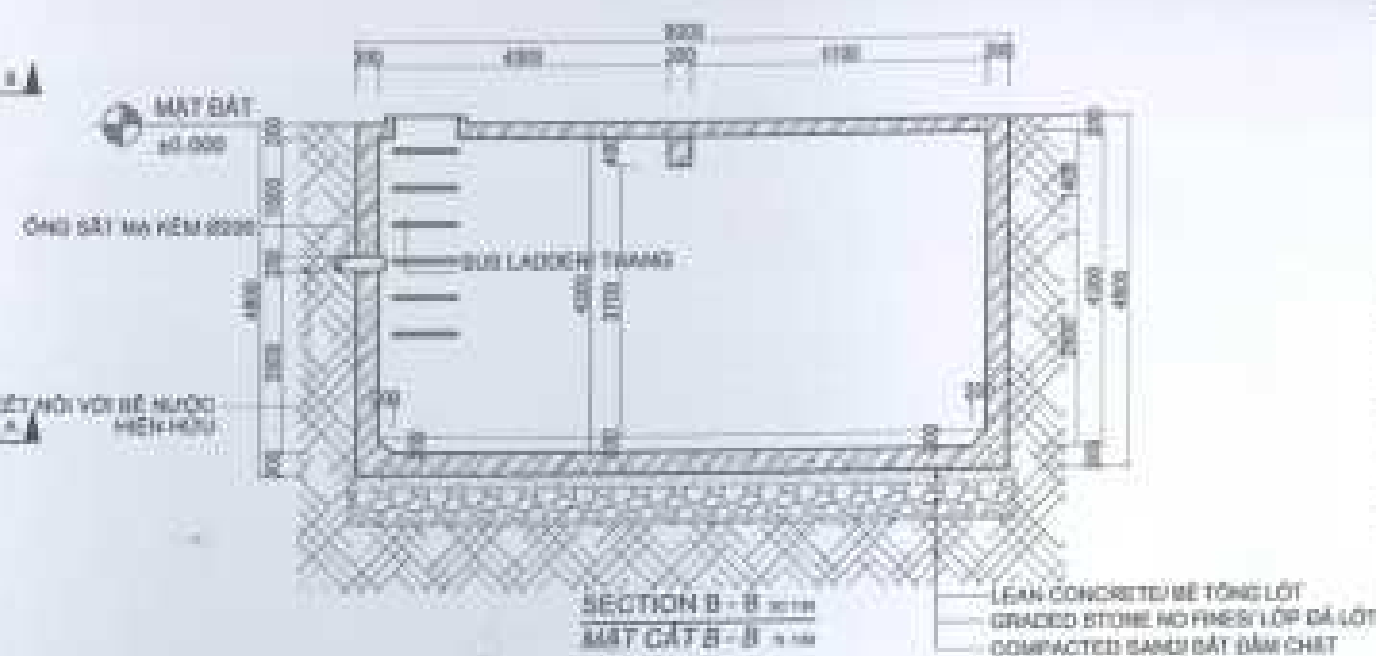
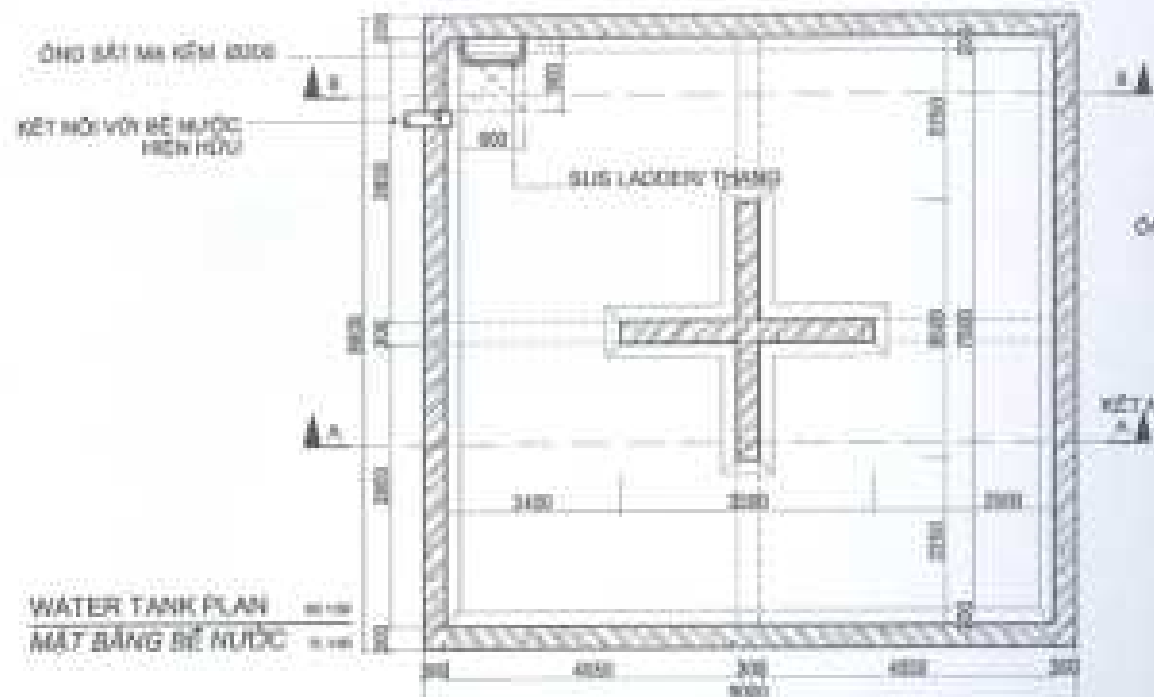
4.9 Các thông tin về nghệ thuật: ...

4.10 Các thông tin khác: ...

[illegible]

A MB TỔNG THỂ/ MASTER PLAN

[illegible]

[illegible]

GHI CHÚ

- 1- NHÀ XƯỞNG 30 x 95 M HIỆN HỮU
- 2- NHÀ XƯỞNG 58 x 84 M HIỆN HỮU
- 3- NHÀ XƯỞNG 30 x 95 M XÂY MỚI
- 4- HỒ NƯỚC 120 M3 HIỆN HỮU
- 5- NHÀ XE 75M2 HIỆN HỮU
- 6- NHÀ CHỨA GAS 54M2 HIỆN HỮU
- 7- VĂN PHÒNG 150M2 HIỆN HỮU
- 8- NHÀ KTX HIỆN HỮU
- 9- HỒ NƯỚC HIỆN HỮU
- 10- NHÀ XE HIỆN HỮU
- 11- NHÀ BẢO VỆ HIỆN HỮU
- 12- CANTEEN HIỆN HỮU
- 13- TRẠM ĐIỆN 400KVA HIỆN HỮU
- 14- NHÀ BẢO VỆ 20M2 HIỆN HỮU

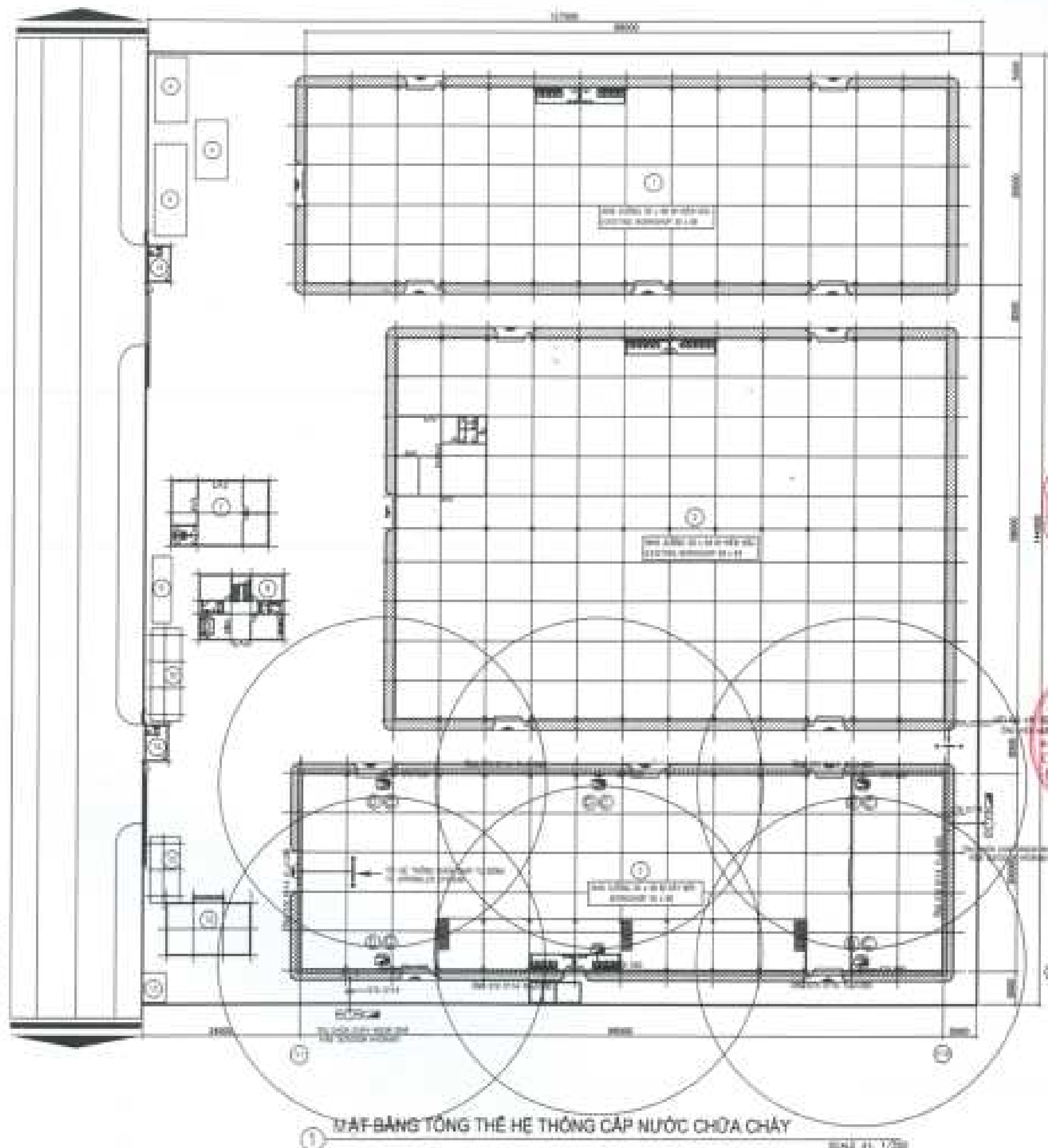
EQUIPMENT SCHEDULE (THÔNG KÊ THIẾT BỊ)

STT	THIẾT BỊ	THÔNG SỐ KỸ THUẬT	THIẾT BỊ	THÔNG SỐ KỸ THUẬT	
1	TRẠM ĐIỆN	400KVA	2	TRẠM ĐIỆN	400KVA
3	TRẠM ĐIỆN	400KVA	4	TRẠM ĐIỆN	400KVA
5	TRẠM ĐIỆN	400KVA	6	TRẠM ĐIỆN	400KVA
7	TRẠM ĐIỆN	400KVA	8	TRẠM ĐIỆN	400KVA
9	TRẠM ĐIỆN	400KVA	10	TRẠM ĐIỆN	400KVA
11	TRẠM ĐIỆN	400KVA	12	TRẠM ĐIỆN	400KVA
13	TRẠM ĐIỆN	400KVA	14	TRẠM ĐIỆN	400KVA

TRẠM ĐIỆN 400KVA	TRẠM ĐIỆN 400KVA
TRẠM ĐIỆN 400KVA	TRẠM ĐIỆN 400KVA
TRẠM ĐIỆN 400KVA	TRẠM ĐIỆN 400KVA
TRẠM ĐIỆN 400KVA	TRẠM ĐIỆN 400KVA
TRẠM ĐIỆN 400KVA	TRẠM ĐIỆN 400KVA

LEGEND/CHỮ GIẢI

STT	CHỮ GIẢI	CHỮ GIẢI	CHỮ GIẢI
1	TRẠM ĐIỆN	TRẠM ĐIỆN	TRẠM ĐIỆN
2	TRẠM ĐIỆN	TRẠM ĐIỆN	TRẠM ĐIỆN
3	TRẠM ĐIỆN	TRẠM ĐIỆN	TRẠM ĐIỆN
4	TRẠM ĐIỆN	TRẠM ĐIỆN	TRẠM ĐIỆN
5	TRẠM ĐIỆN	TRẠM ĐIỆN	TRẠM ĐIỆN
6	TRẠM ĐIỆN	TRẠM ĐIỆN	TRẠM ĐIỆN
7	TRẠM ĐIỆN	TRẠM ĐIỆN	TRẠM ĐIỆN
8	TRẠM ĐIỆN	TRẠM ĐIỆN	TRẠM ĐIỆN
9	TRẠM ĐIỆN	TRẠM ĐIỆN	TRẠM ĐIỆN
10	TRẠM ĐIỆN	TRẠM ĐIỆN	TRẠM ĐIỆN
11	TRẠM ĐIỆN	TRẠM ĐIỆN	TRẠM ĐIỆN
12	TRẠM ĐIỆN	TRẠM ĐIỆN	TRẠM ĐIỆN
13	TRẠM ĐIỆN	TRẠM ĐIỆN	TRẠM ĐIỆN
14	TRẠM ĐIỆN	TRẠM ĐIỆN	TRẠM ĐIỆN



1- BẢNG TỔNG THỂ HỆ THỐNG CẤP NƯỚC CHỮA CHÁY

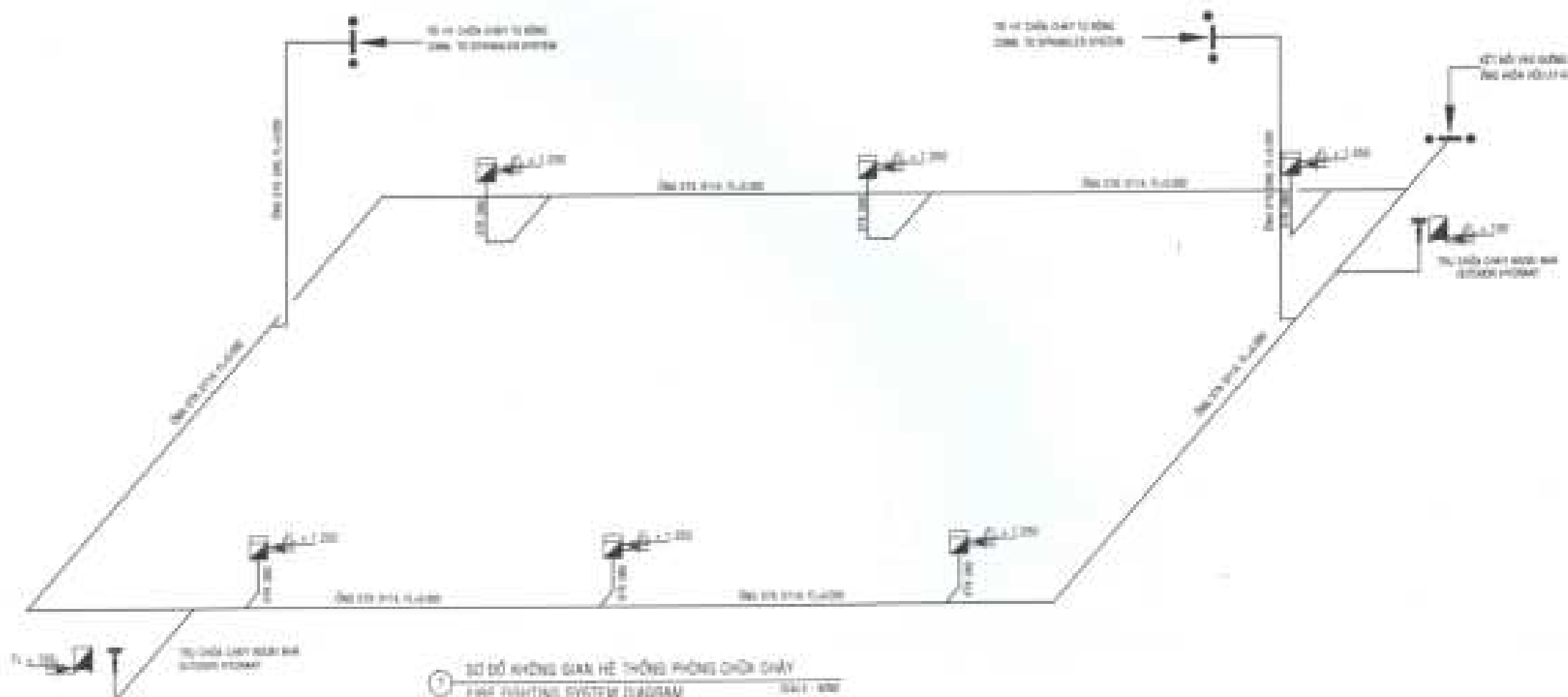
Scale: 1:100

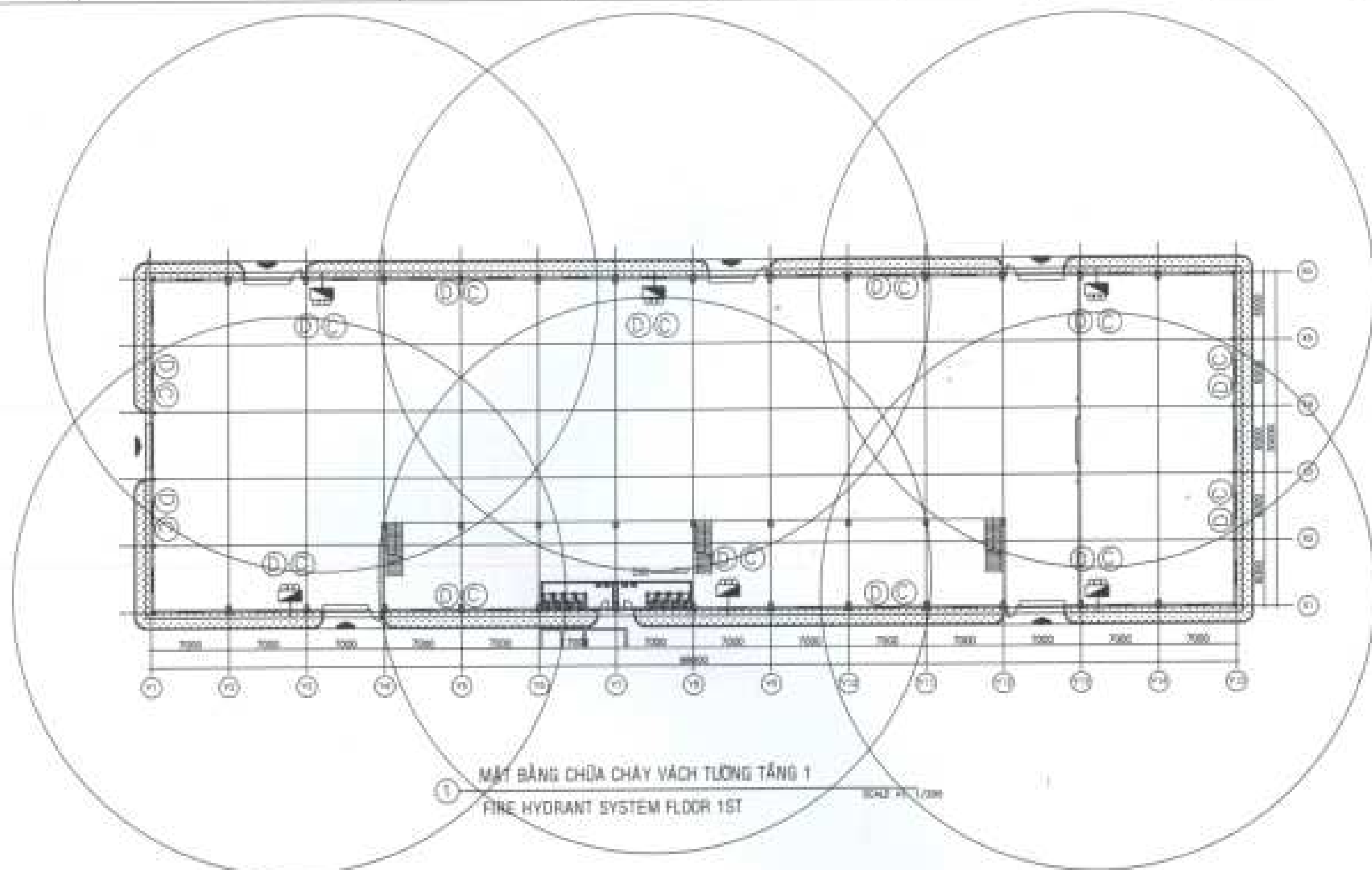
THÔNG TIN DỰ ÁN 1. Tên dự án: ... 2. Địa điểm: ... 3. Chủ đầu tư: ... 4. Đơn vị thiết kế: ...	
THÔNG TIN THIẾT KẾ 1. Tên thiết kế: ... 2. Ngày thiết kế: ... 3. Người thiết kế: ... 4. Người kiểm tra: ...	
THÔNG TIN CHẤM DẤU 1. Chấm dấu: ... 2. Ngày chấm dấu: ... 3. Người chấm dấu: ... 4. Người kiểm tra: ...	
THÔNG TIN KHÁC 1. Tên khác: ... 2. Ngày khác: ... 3. Người khác: ... 4. Người kiểm tra: ...	

[illegible]

- Các bài về: những cuộc khởi nghĩa chống lại triều đình và các nước láng giềng
 - Các cuộc khởi nghĩa chống lại triều đình: khởi nghĩa của Lý Thường Kiệt, khởi nghĩa của Trần Hưng Đạo, khởi nghĩa của Lê Lợi, khởi nghĩa của Nguyễn Huệ...
 - Các cuộc khởi nghĩa chống lại các nước láng giềng: khởi nghĩa của Lê Lợi chống lại quân Minh, khởi nghĩa của Nguyễn Huệ chống lại quân Tây Sơn...
- Các bài về: những cuộc khởi nghĩa chống lại triều đình và các nước láng giềng
 - Các cuộc khởi nghĩa chống lại triều đình: khởi nghĩa của Lý Thường Kiệt, khởi nghĩa của Trần Hưng Đạo, khởi nghĩa của Lê Lợi, khởi nghĩa của Nguyễn Huệ...
 - Các cuộc khởi nghĩa chống lại các nước láng giềng: khởi nghĩa của Lê Lợi chống lại quân Minh, khởi nghĩa của Nguyễn Huệ chống lại quân Tây Sơn...

STANDARD CODE	DESCRIPTION / EQUIPMENT	STANDARD CODE
100	STANDARD EQUIPMENT (EQUIP)	100-000-000-000-000
101	STANDARD EQUIPMENT (EQUIP)	101-000-000-000-000
102	STANDARD EQUIPMENT (EQUIP)	102-000-000-000-000
103	STANDARD EQUIPMENT (EQUIP)	103-000-000-000-000
104	STANDARD EQUIPMENT (EQUIP)	104-000-000-000-000
105	STANDARD EQUIPMENT (EQUIP)	105-000-000-000-000
106	STANDARD EQUIPMENT (EQUIP)	106-000-000-000-000
107	STANDARD EQUIPMENT (EQUIP)	107-000-000-000-000
108	STANDARD EQUIPMENT (EQUIP)	108-000-000-000-000
109	STANDARD EQUIPMENT (EQUIP)	109-000-000-000-000
110	STANDARD EQUIPMENT (EQUIP)	110-000-000-000-000

[illegible]



① MẶT BẰNG CHỮA CHÁY VÁCH TƯỜNG TẦNG 1
FIRE HYDRANT SYSTEM FLOOR 1ST

SCALE: 1/100

EQUIPMENT SCHEDULE (THỐNG KÊ THIẾT BỊ)

	INDOOR HOSE CABINET (TỦ CHỮA CHÁY TRONG NHÀ)
ANGLE: 90° : 050 x 1 EA HOSE : 50 x 20M x 1 EA NOZZLE : 50 x 13(mm)	

SYMBOL (KÝ HIỆU)	DESCRIPTION (DIỄN GIẢI)	STANDARD (QUY CHẠO)	QTY (SỐ LƯỢNG)
	ABC PORTABLE EXTINGUISHER (ABC MF2LB) BÌNH CHỮA CHÁY (ABC MF2LB)	8 KG	20
	CO2 PORTABLE EXTINGUISHER (MT3) BÌNH CHỮA CHÁY CO2 (MT3)	5KG	20
	INDOOR HOSE CABINET (TỦ CHỮA CHÁY TRONG NHÀ)		08

PHẦN 1: THÔNG TIN CHUNG

Project Name: **PHI QUANG FACTORY WORKSHOP**

Location: **PHU QUANG, PHU QUANG CO., LTD**

Scale: **1/100**

Sheet No: **01**

Revision: **01**

PHẦN 2: DỮ LIỆU THIẾT BỊ

STT	TÊN THIẾT BỊ	SỐ LƯỢNG	CHỖ VẼ
1	ABC Portable Extinguisher (8KG)	20	
2	CO2 Portable Extinguisher (5KG)	20	
3	Indoor Hose Cabinet	08	

PHẦN 3: CHỮ CHỮA CHÁY

1. MẶT BẰNG CHỮA CHÁY VÁCH TƯỜNG TẦNG 1
(FIRE HYDRANT SYSTEM FLOOR 1ST)

2. MẶT BẰNG CHỮA CHÁY VÁCH TƯỜNG TẦNG 2
(FIRE HYDRANT SYSTEM FLOOR 2ND)

3. MẶT BẰNG CHỮA CHÁY VÁCH TƯỜNG TẦNG 3
(FIRE HYDRANT SYSTEM FLOOR 3RD)

4. MẶT BẰNG CHỮA CHÁY VÁCH TƯỜNG TẦNG 4
(FIRE HYDRANT SYSTEM FLOOR 4TH)

5. MẶT BẰNG CHỮA CHÁY VÁCH TƯỜNG TẦNG 5
(FIRE HYDRANT SYSTEM FLOOR 5TH)

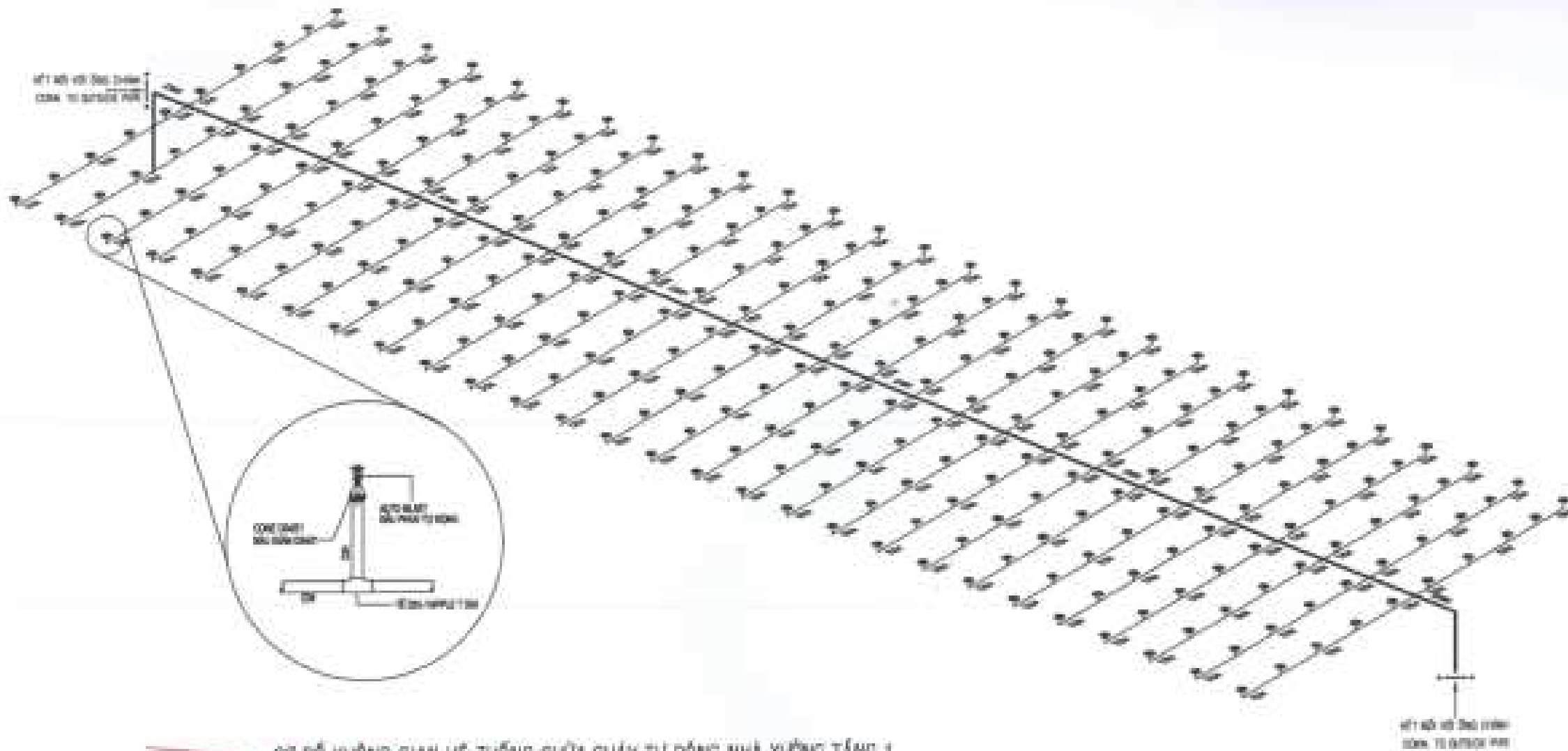
6. MẶT BẰNG CHỮA CHÁY VÁCH TƯỜNG TẦNG 6
(FIRE HYDRANT SYSTEM FLOOR 6TH)

7. MẶT BẰNG CHỮA CHÁY VÁCH TƯỜNG TẦNG 7
(FIRE HYDRANT SYSTEM FLOOR 7TH)

8. MẶT BẰNG CHỮA CHÁY VÁCH TƯỜNG TẦNG 8
(FIRE HYDRANT SYSTEM FLOOR 8TH)

9. MẶT BẰNG CHỮA CHÁY VÁCH TƯỜNG TẦNG 9
(FIRE HYDRANT SYSTEM FLOOR 9TH)

10. MẶT BẰNG CHỮA CHÁY VÁCH TƯỜNG TẦNG 10
(FIRE HYDRANT SYSTEM FLOOR 10TH)



SƠ ĐỒ KHÔNG GIAN HỆ THỐNG CHỮA CHÁY TỰ ĐỘNG NHÀ XƯỞNG TẦNG 1
 FACTORY GP - SPRINKLER SYSTEM ISOMETRIC
 SCALE: A1: NỒNG
 A2: NỒNG

PHÒNG CHÁY VÀ CHỮA CHÁY
 BÀ THAM DI VẾT THIẾT KẾ
 PHÒNG CẢNH SÁT PCCC & CHCH
 CÔNG AN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH
 PHÒNG CHÁY VÀ CHỮA CHÁY
 BÀ THAM DI VẾT THIẾT KẾ
 PHÒNG CẢNH SÁT PCCC & CHCH
 CÔNG AN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

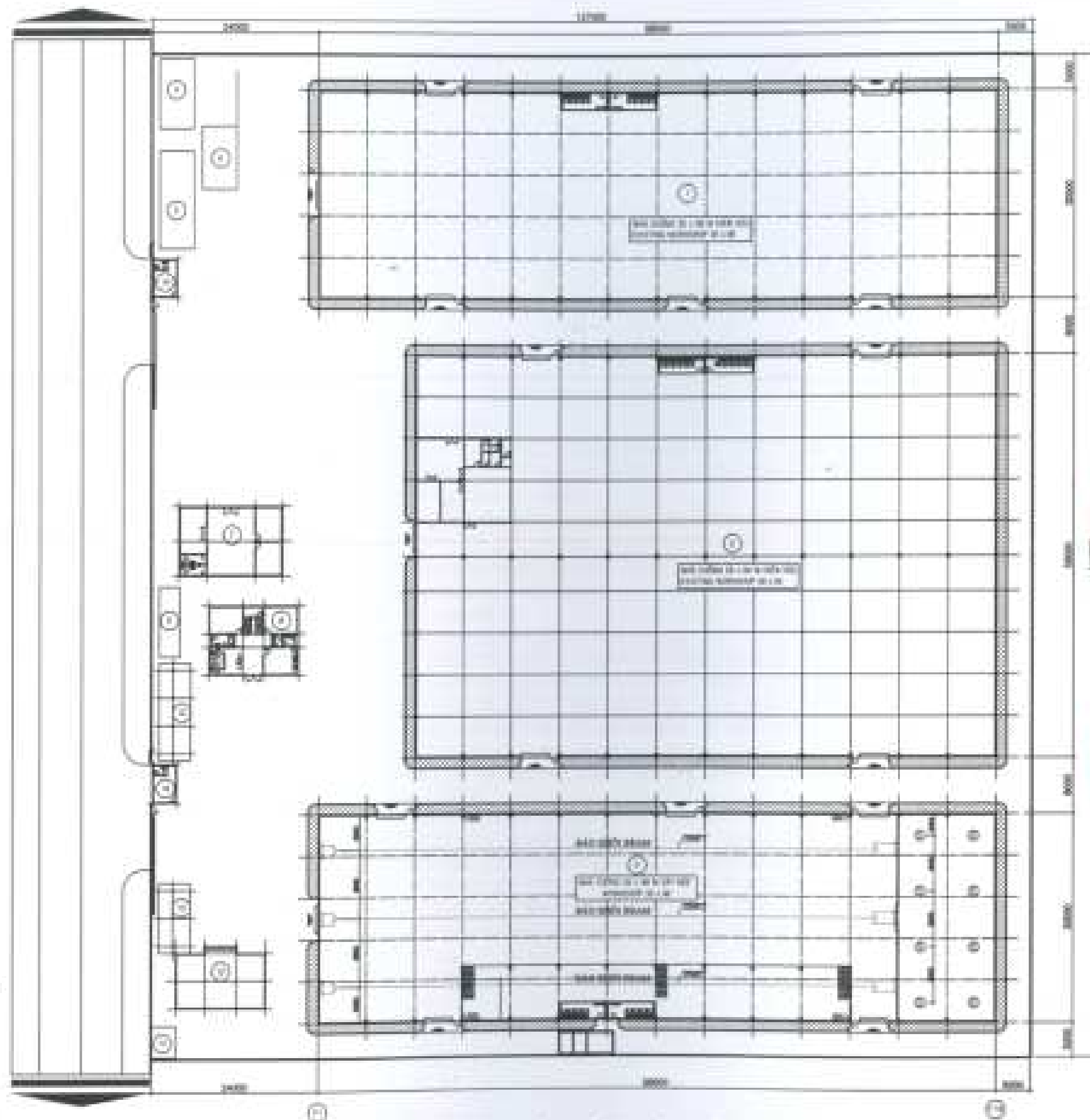
EQUIPMENT SCHEDULE (THỐNG KÊ THIẾT BỊ)

SYMBOL (KÝ HIỆU)	DESCRIPTION (MÔ TẢ THIẾT BỊ)	STANDARD (TÊN CHUẨN)	QTY (SỐ LƯỢNG)	REMARKS (GHI CHÚ)
☉	SPRINKLER HEAD (UP TYPE) (ĐẦU PHUN NƯỚC TỰ ĐỘNG - HƯỚNG LÊN)	HEAD 5% 57 INCLUDE	8800(A)	

A1
 1. TÊN DỰ ÁN: ...
 2. SỐ QUÂN: ...
 3. NGÀY: ...
 4. ĐƠN VỊ: ...
 5. CHỖ: ...
 6. NỘI DUNG: ...
 7. CHỮ CHỮA: ...
 8. CHỮ CHỮA: ...
 9. CHỮ CHỮA: ...
 10. CHỮ CHỮA: ...
 11. CHỮ CHỮA: ...
 12. CHỮ CHỮA: ...
 13. CHỮ CHỮA: ...
 14. CHỮ CHỮA: ...
 15. CHỮ CHỮA: ...
 16. CHỮ CHỮA: ...
 17. CHỮ CHỮA: ...
 18. CHỮ CHỮA: ...
 19. CHỮ CHỮA: ...
 20. CHỮ CHỮA: ...
 21. CHỮ CHỮA: ...
 22. CHỮ CHỮA: ...
 23. CHỮ CHỮA: ...
 24. CHỮ CHỮA: ...
 25. CHỮ CHỮA: ...
 26. CHỮ CHỮA: ...
 27. CHỮ CHỮA: ...
 28. CHỮ CHỮA: ...
 29. CHỮ CHỮA: ...
 30. CHỮ CHỮA: ...
 31. CHỮ CHỮA: ...
 32. CHỮ CHỮA: ...
 33. CHỮ CHỮA: ...
 34. CHỮ CHỮA: ...
 35. CHỮ CHỮA: ...
 36. CHỮ CHỮA: ...
 37. CHỮ CHỮA: ...
 38. CHỮ CHỮA: ...
 39. CHỮ CHỮA: ...
 40. CHỮ CHỮA: ...
 41. CHỮ CHỮA: ...
 42. CHỮ CHỮA: ...
 43. CHỮ CHỮA: ...
 44. CHỮ CHỮA: ...
 45. CHỮ CHỮA: ...
 46. CHỮ CHỮA: ...
 47. CHỮ CHỮA: ...
 48. CHỮ CHỮA: ...
 49. CHỮ CHỮA: ...
 50. CHỮ CHỮA: ...
 51. CHỮ CHỮA: ...
 52. CHỮ CHỮA: ...
 53. CHỮ CHỮA: ...
 54. CHỮ CHỮA: ...
 55. CHỮ CHỮA: ...
 56. CHỮ CHỮA: ...
 57. CHỮ CHỮA: ...
 58. CHỮ CHỮA: ...
 59. CHỮ CHỮA: ...
 60. CHỮ CHỮA: ...
 61. CHỮ CHỮA: ...
 62. CHỮ CHỮA: ...
 63. CHỮ CHỮA: ...
 64. CHỮ CHỮA: ...
 65. CHỮ CHỮA: ...
 66. CHỮ CHỮA: ...
 67. CHỮ CHỮA: ...
 68. CHỮ CHỮA: ...
 69. CHỮ CHỮA: ...
 70. CHỮ CHỮA: ...
 71. CHỮ CHỮA: ...
 72. CHỮ CHỮA: ...
 73. CHỮ CHỮA: ...
 74. CHỮ CHỮA: ...
 75. CHỮ CHỮA: ...
 76. CHỮ CHỮA: ...
 77. CHỮ CHỮA: ...
 78. CHỮ CHỮA: ...
 79. CHỮ CHỮA: ...
 80. CHỮ CHỮA: ...
 81. CHỮ CHỮA: ...
 82. CHỮ CHỮA: ...
 83. CHỮ CHỮA: ...
 84. CHỮ CHỮA: ...
 85. CHỮ CHỮA: ...
 86. CHỮ CHỮA: ...
 87. CHỮ CHỮA: ...
 88. CHỮ CHỮA: ...
 89. CHỮ CHỮA: ...
 90. CHỮ CHỮA: ...
 91. CHỮ CHỮA: ...
 92. CHỮ CHỮA: ...
 93. CHỮ CHỮA: ...
 94. CHỮ CHỮA: ...
 95. CHỮ CHỮA: ...
 96. CHỮ CHỮA: ...
 97. CHỮ CHỮA: ...
 98. CHỮ CHỮA: ...
 99. CHỮ CHỮA: ...
 100. CHỮ CHỮA: ...

GHI CHO

- 1- NHÀ XƯỞNG 30 x 58 M HIỆN HỮU
- 2- NHÀ XƯỞNG 58 x 84 M HIỆN HỮU
- 3- NHÀ XƯỞNG 30 x 58 M XÂY MỚI
- 4- HỒ NƯỚC 120 M3 HIỆN HỮU
- 5- NHÀ XE 75M2 HIỆN HỮU
- 6- NHÀ CHỨA GAS 54M2 HIỆN HỮU
- 7- VĂN PHÒNG 150M2 HIỆN HỮU
- 8- NHÀ KTX HIỆN HỮU
- 9- HỒ NƯỚC HIỆN HỮU
- 10- NHÀ XE HIỆN HỮU
- 11- NHÀ BẢO VỆ HIỆN HỮU
- 12- CANTEEN HIỆN HỮU
- 13- TRẠM ĐIỆN 400KVA HIỆN HỮU
- 14- NHÀ BẢO VỆ 20M2 HIỆN HỮU



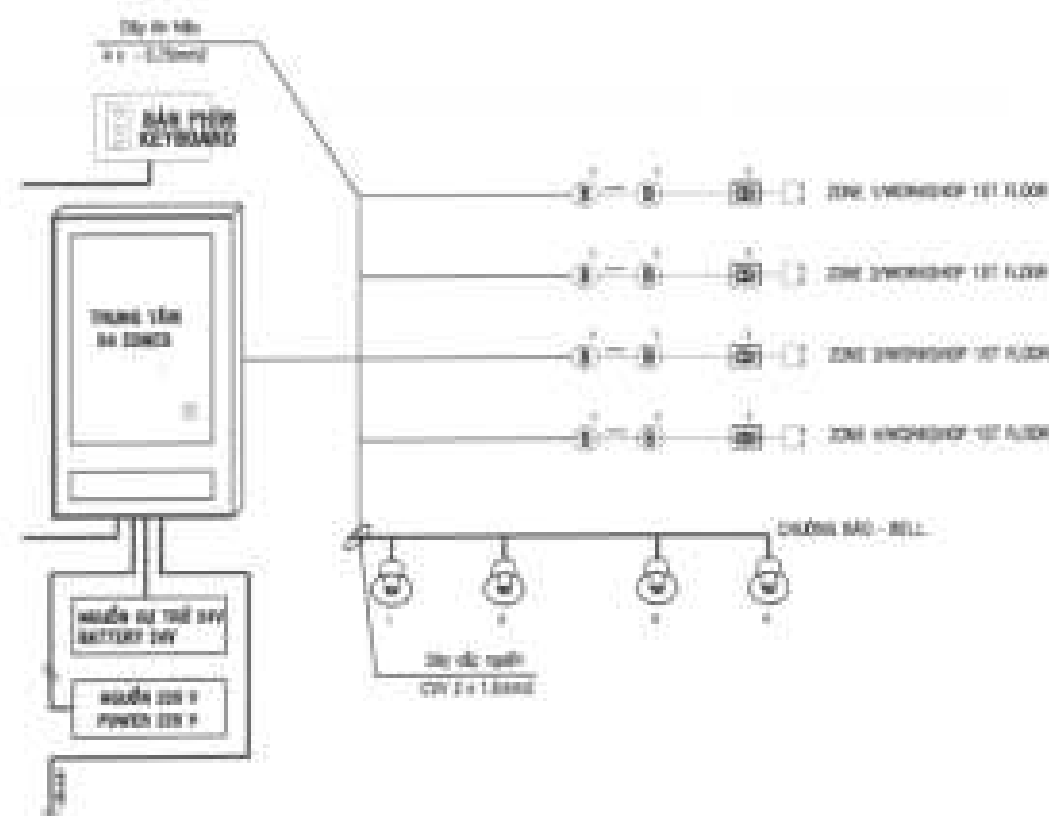
MẶT BẰNG TỔNG THỂ HỆ THỐNG BẢO CHÁY TỰ ĐỘNG

2002-2003

	POWER DETECTION TẮC BẮC ĐIỆN		POWER ALL SYSTEM CHẠM TẮC ĐIỆN
	POWER DETECTION DÂY BẮC ĐIỆN		POWER ALL CHẠM TẮC ĐIỆN
23-04-11	POWER DETECTION TẮC BẮC ĐIỆN		POWER ALL SYSTEM CHẠM TẮC ĐIỆN
	POWER DETECTION TẮC BẮC ĐIỆN		POWER ALL SYSTEM CHẠM TẮC ĐIỆN
	POWER DETECTION TẮC BẮC ĐIỆN		POWER ALL SYSTEM CHẠM TẮC ĐIỆN
	POWER DETECTION TẮC BẮC ĐIỆN		POWER ALL SYSTEM CHẠM TẮC ĐIỆN
	POWER DETECTION TẮC BẮC ĐIỆN		POWER ALL SYSTEM CHẠM TẮC ĐIỆN
	POWER DETECTION TẮC BẮC ĐIỆN		POWER ALL SYSTEM CHẠM TẮC ĐIỆN
	POWER DETECTION TẮC BẮC ĐIỆN		POWER ALL SYSTEM CHẠM TẮC ĐIỆN

1. Tên đơn vị: **TRƯỜNG ĐẠI HỌC SƯ PHẠM HÀ NỘI**
 2. Địa chỉ: **100 Đường Giải Phóng, Quận Hoàn Kiếm, TP. Hà Nội**
 3. Mã số thuế: **0012345678**
 4. Ngày lập: **15/05/2024**
 5. Ngày hết hạn: **15/05/2025**
 6. Nội dung: **ĐƠN TÌM KIẾM VIỆC LÀM**
 7. Họ tên người làm: **NGUYỄN VĂN A**
 8. Ngày sinh: **10/01/1990**
 9. Giới tính: **Nam**
 10. Địa chỉ hiện tại: **123 Đường Nguyễn Huệ, Quận Hoàn Kiếm, TP. Hà Nội**
 11. Điện thoại: **0912 345 678**
 12. Email: **nguyenvana@gmail.com**
 13. Trình độ: **Đại học**
 14. Chuyên ngành: **Giáo dục Tiểu học**
 15. Kinh nghiệm: **3 năm**
 16. Lý do tìm việc: **Đổi việc**
 17. Thời gian mong muốn: **Ngay**
 18. Địa điểm làm việc: **TP. Hà Nội**
 19. Thời gian phỏng vấn: **15/05/2024**
 20. Thời gian nhận việc: **15/05/2024**
 21. Thời gian làm việc: **8 giờ/ngày**
 22. Thời gian nghỉ: **1 ngày/tuần**
 23. Thời gian nghỉ lễ: **3 ngày/năm**
 24. Thời gian nghỉ phép: **15 ngày/năm**
 25. Thời gian nghỉ ốm: **3 ngày/năm**
 26. Thời gian nghỉ thai sản: **3 tháng**
 27. Thời gian nghỉ hưu: **60 tuổi**
 28. Thời gian nghỉ khác: **Không**
 29. Thời gian nghỉ: **Không**
 30. Thời gian nghỉ: **Không**
 31. Thời gian nghỉ: **Không**
 32. Thời gian nghỉ: **Không**
 33. Thời gian nghỉ: **Không**
 34. Thời gian nghỉ: **Không**
 35. Thời gian nghỉ: **Không**
 36. Thời gian nghỉ: **Không**
 37. Thời gian nghỉ: **Không**
 38. Thời gian nghỉ: **Không**
 39. Thời gian nghỉ: **Không**
 40. Thời gian nghỉ: **Không**
 41. Thời gian nghỉ: **Không**
 42. Thời gian nghỉ: **Không**
 43. Thời gian nghỉ: **Không**
 44. Thời gian nghỉ: **Không**
 45. Thời gian nghỉ: **Không**
 46. Thời gian nghỉ: **Không**
 47. Thời gian nghỉ: **Không**
 48. Thời gian nghỉ: **Không**
 49. Thời gian nghỉ: **Không**
 50. Thời gian nghỉ: **Không**
 51. Thời gian nghỉ: **Không**
 52. Thời gian nghỉ: **Không**
 53. Thời gian nghỉ: **Không**
 54. Thời gian nghỉ: **Không**
 55. Thời gian nghỉ: **Không**
 56. Thời gian nghỉ: **Không**
 57. Thời gian nghỉ: **Không**
 58. Thời gian nghỉ: **Không**
 59. Thời gian nghỉ: **Không**
 60. Thời gian nghỉ: **Không**
 61. Thời gian nghỉ: **Không**
 62. Thời gian nghỉ: **Không**
 63. Thời gian nghỉ: **Không**
 64. Thời gian nghỉ: **Không**
 65. Thời gian nghỉ: **Không**
 66. Thời gian nghỉ: **Không**
 67. Thời gian nghỉ: **Không**
 68. Thời gian nghỉ: **Không**
 69. Thời gian nghỉ: **Không**
 70. Thời gian nghỉ: **Không**
 71. Thời gian nghỉ: **Không**
 72. Thời gian nghỉ: **Không**
 73. Thời gian nghỉ: **Không**
 74. Thời gian nghỉ: **Không**
 75. Thời gian nghỉ: **Không**
 76. Thời gian nghỉ: **Không**
 77. Thời gian nghỉ: **Không**
 78. Thời gian nghỉ: **Không**
 79. Thời gian nghỉ: **Không**
 80. Thời gian nghỉ: **Không**
 81. Thời gian nghỉ: **Không**
 82. Thời gian nghỉ: **Không**
 83. Thời gian nghỉ: **Không**
 84. Thời gian nghỉ: **Không**
 85. Thời gian nghỉ: **Không**
 86. Thời gian nghỉ: **Không**
 87. Thời gian nghỉ: **Không**
 88. Thời gian nghỉ: **Không**
 89. Thời gian nghỉ: **Không**
 90. Thời gian nghỉ: **Không**
 91. Thời gian nghỉ: **Không**
 92. Thời gian nghỉ: **Không**
 93. Thời gian nghỉ: **Không**
 94. Thời gian nghỉ: **Không**
 95. Thời gian nghỉ: **Không**
 96. Thời gian nghỉ: **Không**
 97. Thời gian nghỉ: **Không**
 98. Thời gian nghỉ: **Không**
 99. Thời gian nghỉ: **Không**
 100. Thời gian nghỉ: **Không**

	SMOKE DETECTOR ĐẦU BÁO KHÍ		MANUAL CALL POINT CÓNG TẮC KHẨN
	HEAT DETECTOR ĐẦU BÁO NHIỆT		FIRE ALARM BELL CHUÔNG BÁO TỌNG
	BEAM DETECTOR ĐẦU BÁO KHỎI DẠNG TIA		FIRE ALARM CONTROL PANEL TRUNG TÂM BÁO CHÁY
	EMERGENCY POWER SOURCE WITH BATTERY BACKUP 24 NGUỒN ĐIỆN DỰ PHÒNG 24 GIỜ		CABLE
	EMERGENCY POWER SOURCE WITH BATTERY BACKUP 3 NGUỒN ĐIỆN DỰ PHÒNG 3 GIỜ		



① SƠ ĐỒ NGUYÊN LÝ HỆ THỐNG BÁO CHÁY TỰ ĐỘNG

THUYẾT MINH KỸ THUẬT

TECHNICAL CALCULATION

- HỆ THỐNG ĐƯỢC THIẾT KẾ THEO TIÊU CHUẨN TCVN: 5738 - 2000, TCVN: 3890 - 2009, QCVN 06 - 2010, NFPA, FM. THE FIRE ALARM SYSTEM IS DESIGNED BASE ON TCVN 5738-2000, 3890-2009, NFPA, FM STANDARDS.
- HỆ THỐNG GỒM : THE SYSTEM INCLUDED :
 - + TRUNG TÂM BÁO CHÁY THƯỜNG 04 ZONE (FIRE INDICATOR PANEL 04 ZONES)
 - + ĐẦU BÁO KHỎI DẠNG TIA (ĐẦU BEAM) (BEAM DETECTOR)
 - + ĐẦU BÁO KHÍ, ĐẦU BÁO NHIỆT (SMOKE DETECTOR, HEAT DETECTOR)
 - + NÚT NHẤN KHẨN (MANUAL CALL POINT)
 - + CHUÔNG BÁO (ALARM BELL)
- TRUNG TÂM BÁO CHÁY ĐƯỢC ĐẶT Ở PHÒNG BẢO VỆ. FIRE INDICATOR PANEL LOCATED AT GUARD HOUSE (GATE 3).
- NÚT NHẤN ĐƯỢC ĐẶT Ở NHỮNG CỬA RA VÀO VÀ LẮP Ở ĐỘ CAO 1.25m SO VỚI SÀN HOÀN THIÊN. MANUAL CALL POINT INSTALLED AT EXIT DOOR & 1.25m HEIGHT FROM FINISHED FLOOR.
- CHUÔNG BÁO CHÁY ĐƯỢC LẮP ĐẶT NHƯ TRÊN BẢN VẼ ĐỂ ĐẢM BẢO KHI CÓ SỰ CỐ XẢY RA THÌ TỪ MỌI VỊ TRÍ CỦA NHÀ XƯỞNG ĐỀU CÓ THỂ NGHE RÕ. CHUÔNG ĐƯỢC LẮP ĐẶT Ở ĐỘ CAO 2.35m SO VỚI SÀN HOÀN THIÊN. ALARM BELL INSTALLED TO ENSURE EVERYWHERE, EVERYBODY CAN HEAR WHEN URGENT & 2.35m HEIGHT FROM FINISHED FLOOR.
- ĐẦU BEAM ĐƯỢC LẮP ĐẶT CÓ PHẠM VI BẢO VỆ NGANG NHỎ HƠN 12m. BEAM DETECTOR INSTALLED HORIZONTAL PROTECT SMALL-SCALE <= 12m
- ĐẦU BÁO KHÍ ĐƯỢC LẮP ĐẶT CÓ PHẠM VI BẢO VỆ NHỎ HƠN 50m². SMOKE DETECTOR INSTALLED PROTECT SMALL-SCALE <= 50m²
- DÂY TÍN HIỆU 0.75mm² VÀ DÂY NGUỒN ĐƯỢC LUỘN TRONG ỐNG PVC BẢO VỆ
- NGUỒN DỰ PHÒNG ĐẢM BẢO CHO HỆ THỐNG HOẠT ĐỘNG TRONG 24 GIỜ Ở CHẾ ĐỘ GIÁM SÁT VÀ 3 GIỜ Ở CHẾ ĐỘ BÁO ĐỘNG. BACK-UP POWER SOURCE HAVE TO ENSURE WORKING ABOUT 24 HOURS AT SUPERVISOR & 3 HOURS AT ALARM

A1	
MỤC LỤC	
MỤC LỤC NỘI DUNG	
1	THIẾT KẾ (10 trang)
2	THI CÔNG (10 trang)
3	THI CÔNG (10 trang)
4	THI CÔNG (10 trang)
5	THI CÔNG (10 trang)
6	THI CÔNG (10 trang)
7	THI CÔNG (10 trang)
8	THI CÔNG (10 trang)
9	THI CÔNG (10 trang)
10	THI CÔNG (10 trang)
11	THI CÔNG (10 trang)
12	THI CÔNG (10 trang)
13	THI CÔNG (10 trang)
14	THI CÔNG (10 trang)
15	THI CÔNG (10 trang)
16	THI CÔNG (10 trang)
17	THI CÔNG (10 trang)
18	THI CÔNG (10 trang)
19	THI CÔNG (10 trang)
20	THI CÔNG (10 trang)
21	THI CÔNG (10 trang)
22	THI CÔNG (10 trang)
23	THI CÔNG (10 trang)
24	THI CÔNG (10 trang)
25	THI CÔNG (10 trang)
26	THI CÔNG (10 trang)
27	THI CÔNG (10 trang)
28	THI CÔNG (10 trang)
29	THI CÔNG (10 trang)
30	THI CÔNG (10 trang)
31	THI CÔNG (10 trang)
32	THI CÔNG (10 trang)
33	THI CÔNG (10 trang)
34	THI CÔNG (10 trang)
35	THI CÔNG (10 trang)
36	THI CÔNG (10 trang)
37	THI CÔNG (10 trang)
38	THI CÔNG (10 trang)
39	THI CÔNG (10 trang)
40	THI CÔNG (10 trang)
41	THI CÔNG (10 trang)
42	THI CÔNG (10 trang)
43	THI CÔNG (10 trang)
44	THI CÔNG (10 trang)
45	THI CÔNG (10 trang)
46	THI CÔNG (10 trang)
47	THI CÔNG (10 trang)
48	THI CÔNG (10 trang)
49	THI CÔNG (10 trang)
50	THI CÔNG (10 trang)
51	THI CÔNG (10 trang)
52	THI CÔNG (10 trang)
53	THI CÔNG (10 trang)
54	THI CÔNG (10 trang)
55	THI CÔNG (10 trang)
56	THI CÔNG (10 trang)
57	THI CÔNG (10 trang)
58	THI CÔNG (10 trang)
59	THI CÔNG (10 trang)
60	THI CÔNG (10 trang)
61	THI CÔNG (10 trang)
62	THI CÔNG (10 trang)
63	THI CÔNG (10 trang)
64	THI CÔNG (10 trang)
65	THI CÔNG (10 trang)
66	THI CÔNG (10 trang)
67	THI CÔNG (10 trang)
68	THI CÔNG (10 trang)
69	THI CÔNG (10 trang)
70	THI CÔNG (10 trang)
71	THI CÔNG (10 trang)
72	THI CÔNG (10 trang)
73	THI CÔNG (10 trang)
74	THI CÔNG (10 trang)
75	THI CÔNG (10 trang)
76	THI CÔNG (10 trang)
77	THI CÔNG (10 trang)
78	THI CÔNG (10 trang)
79	THI CÔNG (10 trang)
80	THI CÔNG (10 trang)
81	THI CÔNG (10 trang)
82	THI CÔNG (10 trang)
83	THI CÔNG (10 trang)
84	THI CÔNG (10 trang)
85	THI CÔNG (10 trang)
86	THI CÔNG (10 trang)
87	THI CÔNG (10 trang)
88	THI CÔNG (10 trang)
89	THI CÔNG (10 trang)
90	THI CÔNG (10 trang)
91	THI CÔNG (10 trang)
92	THI CÔNG (10 trang)
93	THI CÔNG (10 trang)
94	THI CÔNG (10 trang)
95	THI CÔNG (10 trang)
96	THI CÔNG (10 trang)
97	THI CÔNG (10 trang)
98	THI CÔNG (10 trang)
99	THI CÔNG (10 trang)
100	THI CÔNG (10 trang)

